ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Trần Xuân Bách – Hoàng Thế Hải (chủ biên)
Bùi Văn Vân - Vũ Minh Chiến - Lê Thị Hiền
Lê Thị Duyên - Lê Thị Phương Dung

GIÁO TRÌNH

GIÁO DỤC HỌC

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Trần Xuân Bách – Hoàng Thế Hải (chủ biên)
Bùi Văn Vân - Vũ Minh Chiến - Lê Thị Hiền
Lê Thị Duyên - Lê Thị Phương Dung

GIÁO TRÌNH

GIÁO DỤC HỌC

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC 1
1.1. Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người 1
1.1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1
1.1.2. Các tính chất của giáo dục 2
1.1.2. Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người 4
1.1.3. Những định hướng của Unesco về giáo dục trong xã hội hiện đại 14
1.1.4. Quan hệ giữa giáo dục học và các khoa học khác 15
1.2. Giáo dục với sự phát triển cá nhân và xã hội 16
1.3. Triết lý, mục tiêu, nguyên lý và con đường giáo dục 28
1.3.1. Triết lý giáo dục 28
1.3.3. Nguyên lý giáo dục 39
1.3.4. Con đường giáo dục 40
1.4. Hoạt động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường trung học 44
1.4.1. Nhà trường trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân 45
1.4.2. Vị trí, chức năng của người giáo viên 45
1.4.3. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên 47
1.4.4. Những yêu cầu đối với nhân cách của người giáo viên 49
1.4.5. Người giáo viên và việc không ngừng hoàn thiện nhân cách 51
CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC TRUNG HỌC 53
2.1. Khái quát về quá trình dạy học 53
2.1.1. Dạy học là gì? 53
2.1.2. Mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò 53
2.1.3. Các thành tố của quá trình dạy học 54
2.1.4. Ý nghĩa của quá trình dạy học 55
2.1.5. Nhiệm vụ dạy học 56
2.1.6. Bản chất của quá trình dạy học 56
2.1.7. Động lực và logic của quá trình dạy học 57
2.2. Nguyên tắc dạy học 60
2.2.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học 60
2.3. Nội dung dạy học 65
2.3.3. Nội dung dạy học ở trường trung học 66
2.3.4. Những công việc cụ thể của giáo viên khi lựa chọn nội dung cho một bài học 70
2.4. Phương pháp dạy học 71
2.5. Hình thức tổ chức dạy học 97

2.5.1. Khái niệm hình thức tổ chức dạy học 97
2.5.2. Các hình thức tổ chức dạy học 97
2.6. Đánh giá kết quả giáo dục ở trung học 105
2.6.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá trong giáo dục 106
2.6.2. Ý nghĩa của kiểm tra, đánh giá 106
2.6.3. Mục tiêu đánh giá 107
2.6.4. Căn cứ đánh giá 107
2.6.5. Hình thức và phương pháp đánh giá 107
2.6.5.1. Hình thức đánh giá 107
2.6.5.2. Phương pháp kiểm tra, đánh giá 107
2.6.6. Yêu cầu đối với đánh giá kết quả giáo dục của học sinh 110
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC TRUNG HỌC 115
3.1. Khái quát chung về quá trình giáo dục 115
3.1.1. Khái niệm, cấu trúc của quá trình giáo dục 115
3.1.2. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo học 116
3.1.3. Động lực và lôgic của quá trình giáo dục 117
3.1.4. Tự giáo dục và giáo dục lại 119
3.2. Nguyên tắc giáo dục 120
3.2.1. Khái niệm nguyên tắc giáo dục 120
3.2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục 120
3.3. Nội dung giáo dục 125
3.4. Phương pháp giáo dục 128
3.5. Công tác chủ nhiệm trong nhà trường trung học 139
3.5.1. Chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học 140
3.5.2. Nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp 143
3.5.3. Yêu cầu đối với người giáo viên chủ nhiệm 158
3.6. Hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông 158
3.6.1. Khái quát về hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông 158
3.6.2. Nội dung giáo dục 167
3.6.3. Phương thức tổ chức, loại hình hoạt động và đánh giá kết quả giáo dục 189

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục học là một khoa học nghiên cứu về quá trình giáo dục con người. Cụ thể là nghiên cứu bản chất và các quan hệ có tính quy luật của quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người, trên cơ sở đó thiết kế mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức quá trình giáo dục nhằm đạt tới những kết quả tối ưu trong các điều kiện lịch sử xã hội nhất định.

Ở các trường Sư phạm – nơi đào tạo giáo viên tương lai, môn Giáo dục học giúp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có được hệ thống kiến thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn để tiến hành hoạt động dạy học và giáo dục, đảm bảo cho quá trình hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh đạt được hiệu quả cao nhất.

Trong thời gian qua, các nhà Giáo dục học Việt Nam đã nghiên cứu và xuất bản nhiều giáo trình Giáo dục học có giá trị, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đào tạo giáo viên. Giáo trình này được biên soạn có sự kế thừa và phát huy những thành tựu của các công trình nghiên cứu trước. Đồng thời, cập nhật những biến đổi của thực tiễn xã hội, cập nhật những xu thế phát triển giáo dục của thế giới, đặc biệt là cập nhật một số vấn đề mới của Giáo dục học liên quan đến Chương trình giáo dục phổ thông mới… nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên nói riêng, yêu cầu giáo dục và đào tạo của nước ta nói chung trong giai đoạn hiện nay.

Giáo trình nhằm phục vụ chủ yếu cho quá trình giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên các trường đại học Sư phạm; đồng thời cũng được dùng làm tài liệu tham khảo cho học viên cao học Giáo dục học, Quản lý giáo dục…

Cấu trúc của giáo dục bao gồm 3 chương: Chương 1: Những vấn đề chung của giáo dục hoc. Chương 2: Một số vấn đề cơ bản của Lý luận dạy học. Chương 3: Một số vấn đề cơ bản của Lý luận giáo dục. Trong quá trình biên soạn giáo trình này, chúng tôi đã có sự trao đổi với các đồng nghiệp, các chuyên gia về lĩnh vực Giáo dục hoc. Song không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC

1.1. Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người

1.1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội

1.1.1.1. Sự nảy sinh và phát triển của giáo dục

Trong quá trình sống, con người đã không ngừng đấu tranh trong xã hội, đấu tranh với thiên nhiên, không ngừng lao động để tạo ra của cải vật chất và tinh thần. Trong quá trình đó con người đã tích lũy được những kinh nghiệm đấu tranh xã hội, kinh nghiệm đấu tranh với tự nhiên, kinh nghiệm lao động sản xuất. Để xã hội loài người có thể tồn tại và phát triển, người ta phải truyền thụ cho nhau những kinh nghiệm đó. Hiện tượng truyền thụ - lĩnh hội kinh nghiệm xã hội chính là hiện tượng giáo dục.

Giáo dục là hoạt động truyền thụ và lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử – xã hội từ thế hệ trước cho thế hệ sau nhằm chuẩn bị cho thế hệ sau tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội.

Giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội có đặc trưng cơ bản là:

Một là, thế hệ đi trước truyền thụ cho thế hệ đi sau những kinh nghiệm về lao động sản xuất và sinh hoạt cộng đồng…

Hai là, thế hệ đi sau lĩnh hội và phát triển những kinh nghiệm đó để tham gia đời sống xã hội, tham gia lao động sản xuất và các hoạt động xã hội khác.

Như vậy, giáo dục ra đời do nhu cầu của xã hội. Nhu cầu đó là chuẩn bị cho thế hệ trẻ tham gia vào các hoạt động khác nhau của đời sống xã hội.

Giáo dục có từ thời kỳ manh nha của xã hội loài người. Lúc đầu giáo dục mang tính tự phát trong quá trình hoạt động thực tiễn. Về sau để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, giáo dục mang tính tự giác, được thực hiện theo phương thức nhà trường (có mục đích, có nội dung ngày càng phong phú, có phương pháp và các hình thức tổ chức đa dạng phong phú, do các nhà chuyên môn đảm nhận...).

1.1.1.2. Ý nghĩa của giáo dục

Giáo dục vừa có ý nghĩa đối với cá nhân, vừa có ý nghĩa xã hội to lớn.

Đối với cá nhân: Giáo dục giúp hình thành và phát triển nhân cách cá nhân đáp ứng yêu cầu của xã hội. Giáo dục là phương thức để tái sản xuất sức lao động xã hội, tái sản xuất những nhân cách cần thiết, phù hợp với yêu cầu của xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Đối với xã hội: Giáo dục tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, thông qua đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Với ý nghĩa đó, giáo dục là điều kiện không thể thiếu được để duy trì và phát triển đời sống của con người, của xã hội loài người. Đó là một loại hoạt động có ý thức, có mục đích của con người, là chức năng đặc trưng của xã hội loài người. Chỉ có trong xã hội loài người

mới có giáo dục. Chỉ có con người thông qua đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh xã hội, lao động sản xuất mới tích lũy kinh nghiệm lịch sử xã hội, mới truền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm một cách có ý thức. Một số động vật có một số động tác gọi là dạy con bắt mồi, nhưng chỉ là động tác có tính bản năng hoặc bắt chước.

1.1.1.3. Giáo dục là hiện tượng đặc biệt của xã hội loài người

Giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt, sự đặc biệt so với các hiện tượng khác thể hiện:

Giáo dục là *một hiện tượng phổ biến* của xã hội loài người: Ở đâu có con người ở đó có giá dục; giáo dục diễn ra trong mọi không gian, mọi thời gian.

Giáo dục *tồn tại vĩnh hằng cùng với xã hội loài người:* Giáo dục ra đời, tồn tại và phát triển mãi mãi cùng với xã hội loài người.

Chính vì vậy giáo dục là một trong những hiện tượng xã hội, nhưng đó là hiện tượng xã hội đặc biệt.

1.1.2. Các tính chất của giáo dục

1.1.2.1. Tính lịch sử của giáo dục

Với tư cách là một hiện tượng xã hội, giáo dục chịu sự chi phối của các quá trình xã hội khác như: kinh tế, chính trị, xã hội... Giáo dục bao giờ cũng phát triển và biến đổi không ngừng, bao giờ cũng mang tính lịch sử cụ thể.

Tính lịch sử của giáo dục được biểu hiện: Ở mỗi nước trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, có một nền giáo dục riêng biệt, mà những đặc trưng của nó về tính chất, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện... đều do những điều kiện của giai đoạn đó qui định. Khi chế độ xã hội thay đổi thì kéo theo sự thay đổi của giáo dục và khi giáo dục phát triển thì thúc đẩy xã hội phát triển.

Ví dụ dưới đây thể hiện rõ tính lịch sử của giáo dục:

Giáo dục trong các phương thức sản xuất của xã hội: Trong buổi bình minh của loài người, khi mà kinh nghiệm sản xuất của loài người tích lũy chưa nhiều, việc giáo dục trong xã hội Công xã nguyên thủy được thực hiện ngay trong quá trình người lớn và trẻ em tham gia lao động chung (săn bắt, hái lượm) và giao lưu hàng ngày. Về sau kinh nghiệm sản xuất đã tích lũy được nhiều hơn, những người già cả có kinh nghiệm và có uy tín được bộ lạc giao nhiệm vụ huấn luyện, dạy bảo thanh thiếu niên sau thời gian lao động. Đến khi công cụ sản xuất, kỹ năng lao động và chuẩn mực giao lưu trở nên phức tạp, xã hội phải phân công một số thành viên có kinh nghiệm chuyên trách việc giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ đang lớn lên, tiến hành tập trung trong các trường học (nhà trường xuất hiện cách đây hơn 2500 năm) nhằm chuẩn bị cho họ tham gia lao động sản xuất và đời sống xã hội.

Giáo dục trong một xã hội: Giáo dục cũng phát triển khác nhau qua từng giai đoạn lịch sử, tương ứng với sự phát triển kinh tế trong các giai đoạn lịch sử đó. Chẳng hạn, ở Việt Nam, khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời vào tháng 9, năm 1945 thì Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cho giáo dục là đào tạo những con người tuyệt đối trung thành với Đảng, sẵn

sàng tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Đến 1975 đất nước giải phóng, đi lên Chủ nghĩa xã hội, tại Đại hội Đảng IV xác định: Đào tạo ra những con người yêu nước, có thái độ lao động mới, con người làm chủ tập thể, có sức khoẻ. Năm 1986, đất nước tiến hành công cuộc đổi mới đất nước và phát triển khoa học công nghệ do vậy giáo dục phải nhằm đào tạo ra những con người có tay nghề cao, có trình độ khoa học kỹ thuật.

Từ tính lịch sử của giáo dục, chúng ta cần lưu ý một số vấn đề sau trong việc xây dựng và phát triển giáo dục:

Một là, giáo dục là "không nhất thành bất biến", việc sao chép nguyên bản mô hình giáo dục của nước khác trong việc xây dựng nền giáo dục của nước mình là việc làm phản khoa học.

Hai là, giữ nguyên mô hình giáo dục đã được hình thành ở một giai đoạn trước đây, khi mà điều kiện của giai đoạn mới có sự thay đổi căn bản cũng là hành động trái qui luật.

Ba là, có thể và cần học tập kinh nghiệm của quá khứ, của các nước khác một cách có chọn lọc, phê phán và vận dụng chúng vào hiện tại, nước mình cho phù hợp.

Bốn là, khi nghiên cứu giáo dục, đánh giá giáo dục phải đặt giáo dục trong mối quan hệ với xã hội, đồng thời phải thấy được tác dụng của giáo dục đối với xã hội.

Năm là, những điều chỉnh, cải tiến, cải cách, đổi mới giáo dục trong từng thời kỳ phát triển là một tất yếu khách quan. Song những biến động đó cần được dự báo chính xác, chuẩn bị cẩn thận và tiến hành tốt.

1.1.2.1. Tính chất giai cấp của giáo dục

Trong xã hội có giai cấp, giáo dục bao giờ cũng mang tính giai cấp. Tính giai cấp của giáo dục là sự phản ánh lợi ích của giai cấp đó trong các hoạt động giáo dục. Trong xã hội có giai cấp, giáo dục là một phương thức đấu tranh giai cấp, nhà trường là công cụ đấu tranh giai cấp, hoạt động giáo dục cũng như môi trường nhà trường là một trận địa đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và giáo dục đào tạo con người mới, thế hệ mới, phục vụ tích cực cho công cuộc đấu tranh giai cấp, xây dựng xã hội mới theo đường lối của giai cấp nắm chính quyền.

Tính giai cấp của giáo dục quy định mục đích giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức giáo dục, chính sách giáo dục…

Ví dụ dưới đây thể hiện rõ tính giai cấp của giáo dục:

Giáo dục trong xã hội Công xã nguyên thủy: Xã hội không có sự phân chia giai cấp nên tất cả trẻ em đều được nuôi dạy và giáo dục như nhau. Về sau khi xã hội phát triển ngày càng cao, bắt đầu sự phân hóa giai tầng trong xã hội, công xã cũng tan rã, chế độ tư hữu tài sản bắt đầu dần dần xuất hiện và tập đoàn thống trị xã hội cũng hình thành… Tất cả những biến đổi đó đều ảnh hưởng đến giáo dục: Việc giáo dục tri thức dần dần tách ra khỏi lĩnh vực giáo dục lao động; con em của giai cấp và những người lao động dần dần được tổ chức giáo dục riêng.

Giáo dục trong xã hội Chiếm hữu nô lệ: Khi xã hội loài người chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ thì lần đầu tiên cùng với sự phân chia giai cấp trong xã hội đã thấy sự xuất hiện bất bình đẳng trong giáo dục. Giai cấp chủ nô thông qua hệ thống giáo dục để truyền bá hệ tư tưởng, nền văn hóa của giai cấp mình.

Giáo dục trong chế độ Phong kiến: Một trong những đặc điểm nổi bật của xã hội phong kiến là giữa người với người luôn luôn có sự phân biệt đẳng cấp một cách khắc nghiệt. Đặc điểm đó phản ánh rõ nét trong chế độ giáo dục: Mục đích của nền giáo dục: củng cố trật tự xã hội, duy trì đẳng cấp… ; Nội dung giáo dục: là những giáo điều của đạo đức phong kiến như quan hệ vua – tôi, cha – con, vợ - chồng; Phương pháp giáo dục: giáo dục không chú ý đến nội dung mà chỉ cóp nhặt những câu sáo rỗng nhằm tạo nên những con người dễ phục tùng, dễ sai khiến; Chế độ khoa cử có tính chất mị dân tạo nên tâm lý thoát ly lao động, coi thường lao động chân tay với quan điểm muôn việc đều thấp hèn, chỉ có đọc sách là cao thượng.

Nền giáo dục phong kiến, đặc biệt là ở Á đông, ở Việt Nam thông qua quá trình giáo dục đào tạo nên những tầng lớp nho sĩ trung thành với chế độ phong kiến, mang ý thức hệ phong kiến

Tính giai cấp của giáo dục yêu cầu người làm công tác giáo dục phải nắm vững quan điểm và đường lối của Đảng, chính sách. Pháp luật của nhà nước. Đồng thời, đòi hỏi cả người làm công tác giáo dục và người học phải ý thức rõ giáo dục đang phục vụ cho giai cấp nào. Từ đó biến ý thức thành những hành động cụ thể trong việc phục vụ lợi ích của giai cấp cầm quyền.

1.1.2.3. Tính chất kế thừa của giáo dục

Giáo dục vừa mang tính chất lịch sử, vừa mang tính chất giai cấp, vừa mang tính chất kế thừa vì đó là những kinh nghiệm, những thành tựu của nhân loại được đúc kết qua quá trình xây dựng và phát triển giáo dục theo lịch sử phát triển của xã hội.

Tính kế thừa của giáo dục đòi hỏi: một mặt phải nghiên cứu, tiếp thu phát triển những yếu tố tiến bộ, những kinh nghiệm quý báu trong các nền giáo dục trước, các nền giáo dục thuộc các nước, các chế độ chính trị khác nhau. Mặt khác, phải phê phán loại bỏ những yếu tố lạc hậu, không phù hợp với sự phát triển mới của nền giáo dục, của xã hội.

1.1.2. Giáo dục học là một khoa học về giáo dục con người

1.1.2.1. Sự ra đời của giáo dục học như là một khoa học độc lập

Giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người. Giáo dục học với tư cách là một khoa học về giáo dục con người lại được hình thành muộn hơn nhiều. Những công trình nghiên cứu cho thấy Giáo dục học ra đời khi giáo dục đóng một vai trò rõ rệt trong cuộc sống xã hội và xã hội có nhu cầu tổng kết những kinh nghiệm giáo dục, đặc biệt là nhu cầu xây dựng những cơ quan chuyên biệt phụ trách việc chuẩn bị một cách có kế hoạch cho thế hệ trẻ đi vào cuộc sống. Điều này đã được chứng minh trong lịch sử phát triển của Giáo dục học:

Thực tiễn tổ chức và tiến hành quá trình giáo dục đã làm nảy sinh những kinh nghiệm giáo dục. Những kinh nghiệm giáo dục (đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục đạo đức, lao động, thẩm mỹ và giáo dục gia đình) đã được ghi lại trong kho tàng văn hóa dân gian: ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, truyện kể…

Từ thời kỳ cổ đại, những kinh nghiệm giáo dục đã bắt đầu được tổng kết, song dưới dạng những tư tưởng giáo dục. Những tư tưởng giáo dục này được hình thành với những tư tưởng triết học và được trình bày trong những hệ thống triết học của Xôcrát (469 – 399 TCN), Đêmôcrít (460 – 370 TCN), Aristốt (384 – 322 TCN), Khổng tử (551 – 479 TCN) v.v…

Đến cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV, khi mầm mống của Chủ nghĩa tư bản xuất hiện, nhân loại bước vào thời kỳ Phục Hưng. Theo các nhà nghiên cứu thì chính bước quá độ từ chế độ Phong kiến qua Chủ nghĩa tư bản đã làm xuất hiện những hệ thống tri thức mới, trong đó có nhiều khoa học tách ra khỏi Triết học, trong đó có Giáo dục học… Đầu thế kỷ thứ XVII, Giáo dục học với tư cách là một khoa học được tách ra từ Triết học và trở thành một khoa học độc lập gắn liền với tên tuổi của J. A. Cômenxki (1592–1670) – nhà giáo dục người Sec vĩ đại với tác phẩm lớn nhất của ông: "*Phép giảng dạy vĩ đại"*.

Tiếp đó, nhiều nhà lịch sử tư tưởng giáo dục tiếp tục góp phần phát triển Giáo dục học như là một khoa học độc lập: J. Lôccơ (1632 – 1701) – nhà triết học Anh; các nhà giáo dục Pháp như: J.J.Rút xô (1712 – 1778), Đ.Điđorô (1713-1784), nhà giáo dục Thụy sĩ J.G.Pextalôgi (1746-1827), nhà giáo dục Đức F. Đixtervec (1790-1866), nhà giáo dục Nga K.D. Usinxki (1824-1870)… Đến giữa thế kỷ XIX với sự xuất hiện của học thuyết Mac – Lênin về giáo dục thì Giáo dục học đã thực sự trở thành một khoa học về giáo dục con người, có cơ sở phương pháp luận đúng đắn và vững chắc.

Như vậy, Giáo dục học đã được hình thành và phát triển qua một quá trình lịch sử lâu dài: từ chỗ là một bộ phận của Triết học đến chỗ trở thành một khoa học độc lập; từ chỗ dựa trên những tư tưởng giáo dục đến chỗ xây dựng được hệ thống lý luận ngày càng phong phú, đa dạng; từ chỗ chưa có đầy đủ cơ sở khoa học đến chỗ thực sự là một khoa học dựa trên phương pháp luận Mác xít. Giáo dục học là một khoa học với đầy đủ 4 tiêu chí: Đối tượng nghiên cứu; nhiệm vụ nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; hệ thống khái niệm, phạm trù, lý thuyết, giả thuyết khoa học…

1.1.2.2. Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học

a. Quá trình sư phạm tổng thể là "Đối tượng nghiên cứu của Giáo dục học"

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách của con người diễn ra ở gia đình, nhà trường và xã hội. Trong đó, quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người diễn ra trong nhà trường là một quá trình có tổ chức, có hệ thống, có kế hoạch, có phương pháp, do các nhà chuyên môn đảm nhận nhằm hình thành và phát triển nhân cách toàn diện của người học. Quá trình đó được gọi là quá trình sư phạm tổng thể.

Các đặc trưng cơ bản của quá trình sư phạm tổng thể:

Quá trình giáo dục là một hệ thống những tác động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch nhằm truyền đạt, lĩnh hội và phát triển những kinh nghiệm xã hội để xây dựng và phát triển những nhân cách đáp ứng những yêu cầu của giai đoạn lịch sử xã hội mới.

Quá trình giáo dục là một quá trình tác động lẫn nhau giữa người giáo dục và người được giáo dục, giữa cá nhân và tập thể tạo thành những quan hệ đặc biệt, gọi là quan hệ sư phạm.

Quá trình giáo dục là quá trình người giáo dục tổ chức hướng dẫn các loại hình hoạt động và giao lưu và người được giáo dục thì tích cực, tự giác tham gia vào các loại hình hoạt động, giao lưu đó để chiếm lĩnh và biến những kinh nghiệm xã hội, những giá trị văn hóa xã hội thành vốn sống của mình.

Quá trình giáo dục là một bộ phận chủ yếu của hoạt động sống của con người được giáo dục, cho nên hoạt động sống càng phong phú đa dạng càng có ý nghĩa giáo dục.

Từ những đặc trưng trên, chúng ta có thể rút ra định nghĩa: *Quá trình sư phạm tổng thể là một quá trình có tính chất xã hội hình thành con người được tổ chức có mục đích, có kế hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu lịch sử xã hội, được thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục, học tập và các hoạt động đa dạng khác của cuộc sống được tiến hành trong các mối quan hệ xã hội giữa người được giáo dục và người được giáo dục nhằm làm cho người được giáo dục chiếm lĩnh, phát triển kinh nghiệm xã hội loài người và phát triển toàn diện nhân cách của mình.*

b. Cấu trúc của quá trình sư phạm tổng thể

Quá trình sư phạm tổng thể là sự thống nhất của hai quá trình bộ phận: quá trình dạy học và quá trình giáo dục. Cả hai quá trình đó đều thực hiện chức năng chung của quá trình sư phạm tổng thể trong việc hình thành nhân cách toàn diện. Song mỗi quá trình bộ phận đều có chức năng trội của mình và dựa vào chức năng đó để thực hiện chức năng khác.

Chức năng trội của quá trình dạy học là trau dồi học vấn, là chuyển giao và lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, những kỹ năng, kỹ xảo nhận thức và hoạt động.

Chức năng trội của quá trình giáo dục là xây dựng hệ thống niềm tin, lý tưởng, động cơ, thái độ, tính cách, thói quen; là hình thành và phát triển những phẩm chất về thế giới quan khoa học, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ ... của cá nhân người học.

Nhờ đó, mỗi quá trình có những đặc điểm riêng mà giáo viên phải quan tâm để tổ chức từng quá trình giáo dục bộ phận đạt chất lượng và kết quả.

Quá trình dạy học	**Quá trình giáo dục**
Hình thành khái niệm khoa học - Hình thành hiểu biết về thế giới quan - Tác động chủ yếu đến trí tuệ - Diễn ra chủ yếu trong nhà trường, trên lớp	*Hình thành hệ thống giá trị* - Hình thành thái độ đối với hiện thực khách quan - Tác động chủ yếu đến tình cảm, ý chí

- Lực lượng tác động chủ yếu là giáo viên - Đo lường tương đối dễ dàng	- Diễn ra trên và ngoài lớp, trong và ngoài trường - Lực lượng tác động phong phú, phức tạp - Khó đo lường

Quá trình giáo dục tổng thể cũng như quá trình giáo dục bộ phận đều được tạo thành bởi nhiều yếu tố:

Mục đích giáo dục: Là đơn đặt hàng của xã hội về mẫu nhân cách mà giáo dục cần thực hiện cho được. Mục đích giáo dục được thể hiện thành hệ thống các mục tiêu giáo dục và nhiệm vụ giáo dục. Mục đích giáo dục chi phối nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức và cả đán giá hoạt động giáo dục.

Nội dung giáo dục: Là hệ thống giá trị (kiến thức, kỹ năng, giá trị đạo đức, khuôn mẫu hành vi ứng xử…) được lựa chọn của kinh nghiệm xã hội và của nền văn hóa của loài người cần hình thành ở người học. Nội dung giáo dục phản ánh trong chương trình, sách giáo khoa, nó tạo nên nội dung hoạt động cho nhà giáo dục và người được giáo dục, chi phối phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức giáo dục nhằm đạt được mục đích giáo dục đã định.

Phương pháp giáo dục: Là các con đường, các cách thức, các biện pháp hoạt động gắn bó lẫn nhau giữa thầy và trò để truyền đạt và chiếm lĩnh nội dung giáo dục, đạt tới mục đích giáo dục.

Phương tiện giáo dục: Là những vật mang nội dung và phương pháp giáo dục, là những phương tiện hoạt động giáo dục của thầy và hoạt động học tập của trò.

Hình thức tổ chức giáo dục: Là biểu hiện bên ngoài, là các hình thức tổ chức hoạt động giữa thầy và trò.

Nhà giáo dục: Là thầy giáo và những người làm công tác giáo dục học sinh – là chủ thể tác động giáo dục, giữ vai trò chủ đạo, định hướng, tổ chức, điều khiển, điều chỉnh hoạt động giáo dục và tự giáo dục.

Người được giáo dục: Là cá nhân học sinh và tập thể học sinh – Là đối tượng nhận sự tác động của nhà giáo dục, đồng thời là chủ thể tự giáo dục.

Kết quả giáo dục: Là trình độ phát triển nhân cách theo phương hướng mục đích giáo dục, là tác nhân kích thích và điều chỉnh quá trình giáo dục.

Môi trường giáo dục: Tham gia quá trình giáo dục còn có các điều kiện giáo dục bên trong và bên ngoài. Đó là không khí tâm lý chung của nhà trường, điều kiện cơ sở vật chất, điều kiện kinh tế - chính trị xã hội.

Mối quan hệ giữa các yếu tố: Toàn bộ các yếu tố trên vận động, phát triển và quan hệ biện chứng với nhau, thúc đẩy lẫn nhau trong cùng một hệ thống.

Nhà giáo dục tác động đến người được giáo dục thông qua nội dung, phương pháp, phương tiện trong môi trường nhất định nhằm thực hiện mục đích giáo dục đặt ra đáp ứng yêu cầu của xã hội trong một giai đoạn nhất định.

Cả quá trình giáo dục tổng thể lẫn các quá trình giáo dục bộ phận và từng yếu tố của nó đều là đối tượng nghiên cứu của giáo dục học.

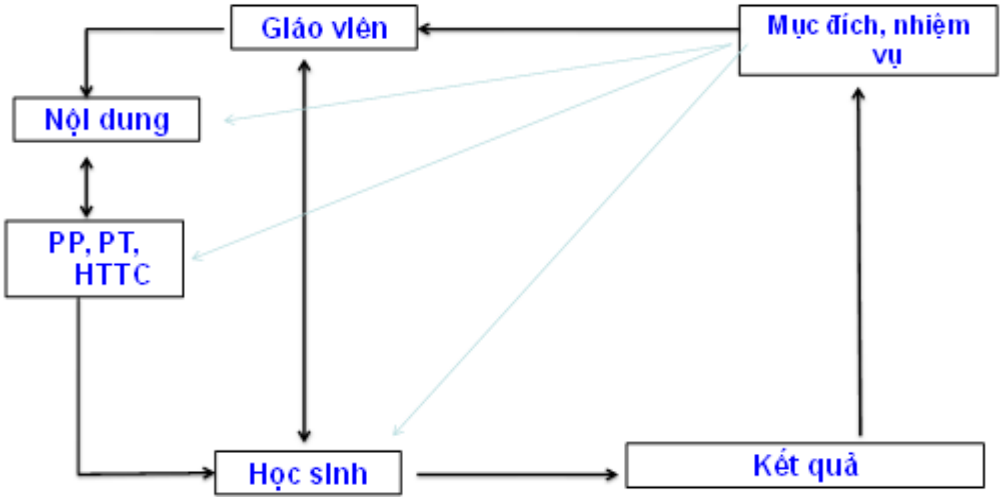

Sơ đồ về cấu trúc thành tố quá trình sư phạm tổng thể

1.1.2.3. Các nhiệm vụ của giáo dục học

Giáo dục học là một lý thuyết khoa học, bao gồm một hệ thống luận điểm về quá trình giáo dục, nó có các nhiệm vụ sau đây:

1. Giải thích nguồn gốc phát sinh và bản chất của hiện tượng giáo dục. Tìm ra các quy luật chi phối quá trình giáo dục, chi phối sự phát triển của hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm tổ chức chúng đạt hiệu quả cao nhất.

2. Xây dựng chương trình giáo dục và đào tạo dựa trên cơ sở dự đoán xu hướng phát triển của xã hội hiện đại, khả năng phát triển của khoa học và công nghệ trong tương lai.

3. Nghiên cứu, tìm tòi các phương pháp và phương tiện giáo dục mới trên cơ sở các thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

4. Nghiên cứu xây dựng các lý thuyết giáo dục mới có khả năng ứng dụng của các lý thuyết ấy vào thực tiễn giáo dục.

Tóm lại, nhiệm vụ của giáo dục là nghiên cứu bản chất và các quy luật của quá trình giáo dục để xây dựng các lý thuyết khoa học giáo dục và chỉ ra cho con đường ứng dụng chúng vào thực tiễn.

1.1.2.4. Các phương pháp nghiên cứu của giáo dục học

a. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Đây là nhóm phương pháp nhận thức khoa học giáo dục bằng con đường suy luận dựa trên các tài liệu lý thuyết đã được thu thập từ các nguồn khác nhau như sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, văn bản, nghị quyết, công trình nghiên cứu của người khác v.v… Các tài liệu

được phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa để tạo thành những tri thức, lý thuyết giáo dục mới làm cơ sở khoa học cho vấn đề nghiên cứu.

b. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Đây là các phương pháp xem xét, phân tích đối tượng khoa học một cách trực tiếp trong thực tiễn.

Một là, phương pháp quan sát sư phạm:

Quan sát sư phạm là phương pháp thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu bằng cách tri giác có chủ định đối tượng và các yếu tố liên quan đến đối tượng. Quan sát với tư cách là phương pháp nghiên cứu khoa học là một hoạt động có mục đích, có kế hoạch và hệ thống của nhà nghiên cứu nhằm thu thập những tài liệu về thực tiễn giáo dục làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tương ứng hoặc kiểm chứng cho lý thuyết, giả thuyết…

Theo mối quan hệ giữa đối tượng quan sát và chủ thể quan sát thì có các dạng quan sát trực tiếp, quan sát gián tiếp, quan sát công khai, kín đáo. Theo dấu hiệu về thời gian thì có quan sát lâu dài, quan sát thời gian ngắn. Theo nhiệm vụ thì có quan sát phát hiện, quan sát kiểm nghiệm…

Những yêu cầu của phương pháp quan sát:

- Xác định rõ ràng mục đích, nhiệm vụ và đối tượng quan sát
- Xây dựng kế hoạch, tiến trình quan sát
- Chuẩn bị chu đáo về mọi mặt: lý luận, thực tiễn, phương pháp, phương tiện quan sát…
- Tiến hành quan sát cẩn thận và có hệ thống theo kế hoạch
- Ghi chép kết quả quan sát khách quan, chính xác
- Kiểm tra lại kết quả quan sát.

Hai là, phương pháp điều tra giáo dục:

Thứ nhất, điều tra bằng trò chuyện (phỏng vấn)

Điều tra bằng trò chuyên là phương pháp thu thập thông tin về đối tượng nghiên cứu qua trao đổi ý kiến trực tiếp với những người được nghiên cứu.

Các loại trò chuyện: trò chuyên trực tiếp; trò chuyện gián tiếp; trò chuyện thẳng; trò chuyện đường vòng; trò chuyện bổ sung; trò chuyện đi sâu; trò chuyện phát hiện; trò chuyện kiểm nghiệm.

Muốn trò chuyện có kết quả cần đảm bảo các yêu cầu:

- Xác định rõ ràng mục đích, yêu cầu cuộc trò chuyện
- Thiết kế hệ thống câu hỏi cơ bản phù hợp với mục đích trò chuyện
- Tìm hiểu người đối thoại để lựa chọn cách trò chuyện phù hợp
- Biết cách điều khiển câu chuyện và đúng mục đích.

- Tạo không khí tự nhiên, thân mật, cởi mở trong khi trò chuyện.

Thứ hai, điều tra bằng phiếu hỏi (ankét):

Điều tra bằng phiếu hỏi (ankét) *là phương pháp* sử dụng một hệ thống câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lượng lớn đối tượng được nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến của họ về vấn đề nghiên cứu dưới hình thức viết. Căn cứ vào mục đích, tính chất của việc điều tra, người ta có thể sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau:

Câu hỏi "*đóng*" là những câu hỏi có kèm theo phương án trả lời. Người được trưng cầu ý kiến có thể lựa chọn một số phương án phù hợp với nhận thức của mình.

Câu hỏi *"mở"* là nhũng câu hỏi không có sẵn phương án trả lời và người được trưng cầu ý kiến tự trả lời theo yêu cầu của người hỏi.

Điều tra bằng ankét có thể *phân loại* như sau:

- Điều tra thăm dò (câu hỏi rộng và nông) nhằm thu nhập tài liệu ở mức sơ bộ về đôi tượng.

- Điều tra sâu (câu hỏi hẹp và đi sâu) nhằm khai thác sâu sắc một vài khía cạnh nào đó của đối tượng nghiên cứu.

- Điều tra bổ sung nhằm thu nhập tài liệu bổ sung cho các phương pháp khác.

Những yêu cầu của phương pháp điều tra bằng ankét:

- Xác định rõ mục đích và nội dung điều tra

- Xây dựng hệ thống câu hỏi rõ ràng, chính xác, đảm bảo cho mọi người hiểu dễ dàng và như nhau, có nhiều loại câu hỏi có thể bổ sung và kiểm tra lẫn nhau.

- Hướng dẫn trả lời rõ ràng

- Phải điều tra nhiều lần và đảm bảo số lượng người được hỏi đủ lớn.

- Sau khi thu thập thông tin phải xử lý thông tin chính xác, khách quan.

Ba là, phương pháp tổng kết kinh nghiệm:

Phương pháp tổng kết kinh nghiệm là phương pháp phân tích, đánh giá, khái quát hóa và hệ thống hóa những kinh nghiệm trong thực tiễn giáo dục nhằm rút ra những những bài học bổ ích, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

+ Tiêu chuẩn lựa chọn kinh nghiệm giáo dục:

- Kinh nghiệm phải mới

- Kinh nghiệm có chất lượng và hiệu quả giáo dục cao

- Phù hợp với những thành tựu khoa học giáo dục tiên tiến

- Có tính ổn định

- Có khả năng ứng dụng được

+ Các bước tổng kết kinh nghiệm:

- Chọn điển hình (phát hiện, xác định đúng đối tượng nghiên cứu)

- Mô tả lại sự kiện một cách khách quan dựa trên nhiều phương pháp khác nhau như: quan sát, trò chuyện, điều tra…

- Khôi phục lại sự kiện đã xảy ra bằng mô hình lý thuyết: phân tích sự kiện, hệ thống hoá các sự kiện, rút ra các khái quát lý luận.

- Những lý luận tổng kết từ kinh nghiệm cần được phổ biến rộng rãi và ứng dụng vào thực tế.

Bốn là, phương pháp thực nghiệm sư phạm:

Thực nghiệm sư phạm là phương pháp nghiên cứu một cách chủ động, có hệ thống một hiện tượng giáo dục nhằm xác định mối quan hệ giữa tác động giáo dục với hiện tượng giáo dục được nghiên cứu trong những điều kiện đã được khống chế.

Nét đặc trưng của phương pháp này là nhà nghiên cứu chủ động tạo ra điều kiện nghiên cứu và khi cần thiết có thể lặp lại nhiều lần điều kiện đó.

Có 2 loại thực nghiệm: thực nghiệm tự nhiên và thực nghiệm trong phòng thí nghiệm.

Các bước tiến hành thực nghiệm:

- Xác định vấn đề thực nghiệm với mục đích rõ ràng

- Nêu giả thuyết và xây dựng đề cương thực nghiệm

- Tổ chức thực nghiệm: chọn mẫu thực nghiệm; bồi dưỡng cộng tác viên; theo dõi thực nghiệm: quan sát, ghi chép, đo đạc…

- Xử lý kết quả thực nghiệm, rút ra kết luận khoa học.

Khi tiến hành thực nghiệm sư phạm không được làm đảo lộn hoạt động bình thường của quá trình sư phạm và chỉ được tiến hành trong những điều kiện và tiêu chuẩn nghiêm ngặt với luận cứ khoa học; Tiến hành thực nghiệm ở nhiều địa bàn, trên các đối tượng khác nhau và thực nghiệm nhiều lần trên một đối tượng; Sử dụng các phương pháp hỗ trợ: quan sát, điều tra, thống kê toán học…

Năm là, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động:

Đây là phương pháp phân tích các sản phẩm hoạt động của đối tượng nghiên cứu (giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý…) nhằm thu thập những thông tin cần thiết về cá nhân hay tập thể.

Những yêu cầu khi sử dụng phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động:

- Thu thập nhiều tài liệu khác nhau, phân loại, hệ thống hóa tài liệu với những dấu hiệu cơ bản, đặc thù…

- Kết hợp với những tài liệu lưu trữ…

- Dựng lại quá trình hoạt động đưa đến sản phẩm.(làm như thế nào?)

- Tìm hiểu đầy đủ các mặt khác của người tạo ra sản phẩm.

Sáu là, phương pháp lấy ý kiến chuyên gia:

Đây là phương pháp thu thập thông tin khoa học, nhận xét đánh giá một sản phẩm khoa học bằng cách sử dụng trí tuệ một đội ngũ chuyên gia có trình độ cao về lĩnh vực nghiên cứu.

Tiến hành lấy ý kiến chuyên gia bằng cách: trực tiếp phỏng vấn xin ý kiến; Thông qua thư từ; Thông qua hội thảo, tranh luận, đánh giá, nghiệm thu công trình khoa học…

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp lấy ý kiến chuyên gia:

- Chọn đúng chuyên gia có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực đang nghiên cứu, có phẩm chất trung thực trong khoa học.

- Xây dựng hệ thống các chuẩn đánh giá, các tieu chí cụ thể, dễ hiểu, tường minh để nhận xét, đánh giá theo các chuẩn ấy.

- Hạn chế thấp nhất ảnh hưởng qua lại của các chuyên gia về ý kiến, quan điểm…

c. Nhóm phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

Sử dụng các lý thuyết Toán học, các phương pháp lôgic Tóan học để xây dựng các lý thuyết giáo dục hoặc để xác định thông số liên quan tới đối tượng nghiên cứu của một đề tài nhằm tìm ra qui luật vận động của đối tượng.

Sử dụng Toán thống kê để xử lý các số liệu thu thập từ các phương pháp khác nhau.

1.1.2.5. Các phạm trù cơ bản của Giáo dục học

Trong giáo dục học cũng giống như trong các khoa học khác, để có thể bắt đầu tư duy và hoạt động khoa học, nhà khoa học cần nắm vững hệ thống các khái niệm và phạm trù khoa học, xem như là "*bộ máy công cụ*" để giúp hoạt động khoa học có hiệu quả, đạt tới sự sáng tạo. Dưới đây ta sẽ nghiên cứu:

a. Giáo dục (nghĩa rộng)

Giáo dục (theo nghĩa rộng) là hoạt động giáo dục tổng thể hình thành và phát triển nhân cách được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch nhằm phát triển tối đa những tiềm năng (sức mạnh thể chất và tinh thần) của con người.

Như vậy, giáo dục là sự hình thành có mục đích và có tổ chức những sức mạnh thể chất và tinh thần của con người, hình thành thế giới quan, bộ mặt đạo đức và thị hiếu thẩm mỹ cho con người; với hàm nghĩa rộng nhất, khái niệm này bao hàm cả giáo dưỡng, dạy học và tất cả những yếu tố tạo nên những nét tính cách và phẩm hạnh của con người, đáp ứng các yêu cầu của kinh tế xã hội.

b. Giáo dục (nghĩa hẹp)

Giáo dục (nghĩa hẹp) là một bộ phận của hoạt động giáo dục (nghĩa rộng), là hoạt động giáo dục nhằm hình thành thế giới quan khoa học, tư tưởng chính trị, đạo đức, thẩm mỹ, lao động, phát triển thể lực, những hành vi và thói quen ứng xử đúng đắn của cá nhân trong các mối quan hệ xã hội. Theo nghĩa này giáo dục (nghĩa hẹp) bao gồm các bộ phận: đức dục, mỹ dục, thể dục, giáo dục lao động.

c. Dạy học

Dạy học là một bộ phận của giáo dục (nghĩa rộng), là quá trình tác động qua lại giữa giáo viên và học sinh nhằm truyền thụ và lĩnh hội những kinh nghiệm lịch sử xã hội loài người (kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo…) để phát triển những năng lực và phẩm chất cuả người học theo mục đích giáo dục.

Quá trình này là một bộ phận hữu cơ của quá trình giáo dục tổng thể, trong đó:

- Vai trò của nhà sư phạm là định hướng tổ chức, thực hiện việc truyền thụ tri thức, kỹ năng và kỹ xảo đến người học một cách hợp lý, khoa học, do đó luôn luôn có vai trò và tác dụng chủ đạo.

- Người học tiếp thu một cách có ý thức độc lập và sáng tạo hệ thống kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo, hình thành năng lực và thái độ đúng đắn. Người học là chủ thể sáng tạo của việc học, của việc hình thành nhân cách của bản thân.

Theo quan điểm tiếp cận hệ thống, thì vai trò chủ đạo của giáo viên luôn uôn có ý nghĩa đặc biệt đối với việc bảo đảm chất lượng của học sinh trong học tập.

Vai trò chủ động, tích cực, năng động của học sinh trong quá trình học tập có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển trí tuệ, lĩnh hội kiến thức và hoàn thiện nhân cách của bản thân – với ý nghĩa là chủ thể sáng tạo không thể thay thế. Vì thế, giảng dạy và học tập nếu hiểu cho đúng là hai mặt của một quá trình bổ sung cho nhau, cái này chế ước và là tác động quan trọng của cái kia, kích thích động lực bên trong của mỗi chủ thể phát triển.

Thế mạnh của dạy học là hình thành *hệ thống tri thức* (cao gồm các khái niệm, phạm trù, quy luật, phương pháp nhận thức…), hình thành các *kỹ năng và các kỹ xảo chung và riêng,* làm cơ sở cho việc hình thành *năng lực chung, năng lực chuyên biệt và phẩm chất của người học.*

d. Giáo dưỡng

Giáo dưỡng được hiểu là *quá trình người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng, hình thành phương pháp nhận thức và thực hành sáng tạo*. Nói cách khác, giáo dưỡng chính là quá trình *bồi dưỡng học vấn* cho người học (học vấn là kết quả của việc nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng…).

- Giáo dưỡng có thể được thực hiện thông qua con đường *dạy học* trong nhà trường hoặc có thể thông qua con đường *tự học, tự bồi dưỡng* của cá nhân hoặc kết hợp cả hai con đường.

e. Giáo dục hướng nghiệp

Giáo dục hướng nghiệp là một hệ thống biện pháp tác động của gia đình, nhà trường, xã hội, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo nhằm giáo dục học sinh trong việc chọn nghề, giúp học sinh tự quyết định nghề nghiệp tương lai trên cơ sở phân tích khoa học về năng lực, hứng thú của bản thân và nhu cầu nhân lực của các ngành sản xuất trong xã hội. Mục tiêu chung của giáo dục hướng nghiệp nhằm phát triển và bồi dưỡng phẩm chất nhân cách nghề nhiệp; giúp học sinh hiểu mình, hiểu yêu cầu của nghề; định hướng cho học sinh đi vào

những lĩnh vực mà xã hội có yêu cầu. Nhiệm vụ của giáo dục hướng nghiệp bao gồm định hướng nghề, tư vấn nghề và tuyển chọn nghề.

f. Giáo dục cộng đồng

Theo UNESCO thì giáo dục cộng đồng được xem như là một tư tưởng, một cách làm mới mẻ nhằm xây dựng mối quan hệ bền vững, gắn bó giữa giáo dục với các quá trình xã hội, với đời sống và lợi ích của cộng đồng. Đó là cách thức tốt và có hiệu quả nhằm tạo ra những điều kiện, cơ hội để thực hiện sự công bằng xã hội, tạo lập nền tảng cho sự phát triển và sự ổn định của xã hội. Giáo dục cộng đồng được hiểu là giáo dục cho tất cả mọi người, là áp dụng cho mọi người trong xã hội. Nói một cách cụ thể hơn giáo dục cộng đồng là quá trình biến đổi các loại trường học thành các trung tâm giáo dục và câu lạc bộ văn hóa cho mọi lứa tuổi. Nếu thực hiện thành công đường lối giáo dục cộng đồng, xã hội sẽ là một trường học khổng lồ, trong đó giáo dục trở thành một động lực phát triển trực tiếp và quan trọng nhất của toàn xã hội.

g. Giáo dục thường xuyên

Giáo dục thường xuyên được hiểu là một hệ thống giáo dục nhằm mục đích tạo cơ hội giáo dục liên tục, thường xuyên, thoả mãn nhu cầu học tập suốt đời của mọi thành viên trong xã hội, giúp họ thích ứng với sự tiến bộ nhanh chóng về khoa học - kỹ thuật, tham gia tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

h. Công nghệ giáo dục

Sự tác động mạnh mẽ, sâu sắc và thường xuyên của khoa học kỹ thuật vào nền sản xuất đại công nghiệp làm nảy sinh một khái niệm khoa học chuyên biệt: *công nghệ*. Đối với nền sản xuất ra của cải vật chất *công nghệ* là một khoa học chuyên nghiên cứu cách thức xử lý, chế tác, biến đổi trạng thái, tính chất, hình dáng của nguyên vật liệu (hay bán thành phẩm) thành sản phẩm. Nó phát hiện ra các qui luật cơ, lý, hóa có thể vận dụng vào các quá trình sản xuất ra của cải vật chất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất.

Một trong những xu thế của thời đại mới là đầu tư công nghệ phát triển. Khi đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nói chung và dạy học nói riêng, xu thế chung là đầu tư theo chiều sâu. Việc đầu tư dạy học theo chiều sâu thực chất là đầu tư công nghệ dạy học. Theo nghĩa hẹp, công nghệ dạy học là việc sử dụng những phát minh, những sản phẩm công nghiệp hiện đại về thông tin và các phương tiện kỹ thuật vào dạy học. Theo nghĩa rộng, công nghệ giáo dục là khoa học về giáo dục, nó xác lập các nguyên tắc hợp lý của công tác dạy học và những điều kiện thuận lợi nhất để tiến hành quá trình đào tạo cũng như xác lập các phương pháp và phương tiện có kết quả nhất để đạt mục đích đào tạo đề ra đồng thời tiết kiệm được sức lực của thầy và trò (*UNESCO)*.

1.1.3. Những định hướng của Unesco về giáo dục trong xã hội hiện đại

Để chuẩn bị bước vào Thế kỷ XXI, vào năm 1996, Ủy ban Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên Hiệp Quốc, UNESCO đã xuất bản báo cáo nghiên cứu về vấn đề giáo dục, trong

đó đề cập đến 4 trụ cột của giáo dục Thế kỷ XXI[①]. Đây có thể coi là những nguyên tắc cơ bản để định hình lại giáo dục cho phù hợp với xu thế phát triển toàn cầu. Bốn trụ cột (4 pillars of education) đó là:

- **Học để biết** (Learning to know): nghĩa là cung cấp cho người học các công cụ nhận thức để có thể hiểu biết thế giới phức tạp và trang bị nền tảng kiến thức phù hợp để người học tiếp tục học tập, khám phá tri thức trong suốt cuộc đời của họ.

- **Học để làm** việc (Learning to do): trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và thái độ để mỗi cá nhân có thể thực hành nghề nghiệp thành công và tham gia hiệu quả vào nền kinh tế-xã hội trong bối cảnh toàn cầu.

- **Học để chung sống** (Learning to live together): là để mỗi cá nhân thấu hiểu những giá trị hàm chứa trong khuôn khổ quyền con người, những nguyên tắc dân chủ, sự hiểu biết giá trị văn hóa nhân loại, sự tôn trọng, hòa bình, quan hệ trong xã hội loài người. Từ đó, mỗi cá nhân có thể chung sống hài hòa giữa các mối quan hệ.

- **Học để khẳng định bản thân** (Learning to be): là cung cấp cho mỗi cá nhân tư duy phân tích, kỹ năng xã hội để họ có thể phát huy tốt nhất những phẩm chất tâm lý-xã hội cũng như sức khỏe thể chất và trở thành những con người hoàn thiện.

Bốn trụ cột theo quan điểm của UNESCO có thể nhóm vào hai phẩm chất tiêu biểu mà mỗi con người trưởng thành cần hướng tới để thành công, đó là Kiến thức (Knowledge) và Kỹ năng (Skills).

Như vậy, có thể hiểu Kiến thức là những hiểu biết về các môn khoa học, các định luật, định lý được viết trong sách vở. Kiến thức mang đặc tính lý thuyết và chỉ giúp cho người ta hiểu biết. Còn kỹ năng là khả năng vận dụng kiến thức để thực hành có hiệu quả một hoạt động nào đó mang tính chất hành động. Kỹ năng được hình thành dựa trên kiến thức cộng với sự tập luyện cho đến khi thuần thục. Ví dụ như kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng tổ chức/giải quyết công việc, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng từ chối, kỹ năng thuyết phục, v.v. Và cuối cùng là kỹ năng giúp người ta thành công trong cuộc sống và kiếm được tiền.

1.1.4. Quan hệ giữa giáo dục học và các khoa học khác

Với tư cách là một khoa học trong nhóm các khoa học xã hội, giáo dục học nghiên cứu một trong những chức năng quan trọng nhất của xã hội - vấn đề giáo dục . Do vậy giáo dục học trong thực tế liên quan mật thiết với nhiều ngành khoa học xã hội khác nhau như Đạo đức học, Mỹ học, Kinh tế học, Văn học, ... Điều đó cũng phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa giáo dục học với các lĩnh vực khác trong xã hội .

[①] Delors J. 1996: Jacques Delors et all. L'Education: Un Trésor est caché Dedans (Rapport à l'UNESCO de la Commission internationale sur l'éducation pour le vingt et unième siècle). – Paris: UNESCO, p 287.

***Triết học**:* Là khoa học về các qui luật chung nhất của sự phát triển tự nhiên, xã hội và tư duy con người, là nền tảng cho sự phát triển Giáo dục học. Triết học cung cấp các quan điểm phương pháp luận và các qui luật cho việc nghiên cứu sự vận động và phát triển của giáo dục.

***Xã hội học**:* Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với con người và quan hệ con người, vạch ra những đặc điểm phát triển kinh tế- văn hóa, xã hội và ảnh hưởng của chúng đến sự hình thành nhân cách con người. Từ đó giúp Giáo dục học giải quyết những vấn đề về mục đích, nội dung giáo dục.

***Sinh lý học thần kinh**:* Muốn nghiên cứu về sự phát triển của con người, Giáo dục học phải dựa vào các phát hiện, các kiến thức của sinh lý học thần kinh như: sự phát triển của hệ thống thần kinh, các đặc điểm của hệ thần kinh…

Tâm lý học lứa tuổi, Tâm lý học sư phạm, Tâm lý học xã hội có vai trò rất quan trọng đối với việc nghiên cứu và phát triển của Giáo dục học.

Lý thuyết thông tin, điều khiển học, tin học ngày càng được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi trong Giáo dục học.

1.2. Giáo dục với sự phát triển cá nhân và xã hội

Giáo dục tác động đến sự phát triển cá nhân thông qua vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Đồng thời, giáo dục còn tác động đến sự phát triển của xã hội thể hiện qua chức năng của giáo dục. Vì vậy, để sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân và thúc đẩy của xã hội, các quốc gia cần quan tâm đầu tư phát triển giáo dục.

1.2.1. Giáo dục với sự phát triển cá nhân

1.2.1.1. Một số khái niệm liện quan

a. Khái niệm nhân cách

Trong mỗi con người đã tồn tại rất nhiều mối quan hệ. Tùy thuộc vào các mối quan hệ ấy mà con người cụ thể có khi được nhìn nhận như một chủ thể và có khi được xem xét là một nhân cách.

Khi chúng ta nhìn nhận con người như một đại diện của loài, thì đó là cá nhân. Ví dụ: mỗi học sinh, mỗi cán bộ công nhân viên.

Khi cá nhân tiến hành các hoạt động một cách có mục đích, có ý thức thì cá nhân đó được xem như là một chủ thể.

Khi xem xét, nhìn nhận con người với tư cách là một thành viên của xã hội, một chủ thể của các mối quan hệ và hoạt động thì ta nói đến nhân cách của họ.

Dưới góc độ của giáo dục học: Khái niệm nhân cách bao gồm tất cả các nét, các mặt, các phẩm chất có ý nghĩa xã hội trong một con người. Những thuộc tính này được hình thành trong quá trình tác động qua lại giữa người đó và những người khác trong xã hội. Nhân cách

được hình thành và phát triển là nhờ những quan hệ xã hội mà trong đó cá nhân đang lớn lên và đang biến đổi ấy bắt đầu quá trình hoạt động sống của mình.

Theo quan niệm truyền thống nhân cách là sự thống nhất giữa phẩm chất và năng lực của cá nhân bao gồm các phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong và các năng lực, sở trường, năng khiếu. Người có nhân cách phải là người thống nhất được hai mặt phẩm chất và năng lực, tức là thống nhất giữa mặt đức và tài.

Theo cách tiếp cận giá trị thì cốt lõi của nhân cách là hệ thống định hướng giá trị mà mỗi cá nhân lựa chọn cho mình, bao gồm:

- Các giá trị tư tưởng: lý tưởng, niềm tin…

- Các giá trị đạo đức: lương tâm, trách nhiệm, lòng nhân ái, lòng trung thực …

- Các giá trị nhân văn: học vấn, nghề nghiệp, tình yêu, thời trang, tài năng…

Như chúng ta biết, giá trị là tất cả những gì có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể và cá nhân, phản ánh những mối quan hệ chủ thể – khách thể, được đánh giá xuất phát từ những điều kiện xã hội – lịch sử cụ thể và phụ thuộc vào trình độ phát triển của nhân cách. Khi đã được nhận thức, đánh giá và chọn lựa, giá trị trở thành một trong những động lực thúc đẩy con người đi theo một xu hướng nhất định. Trong thực tế, định hướng giá trị phản ánh nhu cầu, nguyện vọng của con người, phản ánh cái mà họ yêu thích và cho là quý giá. Định hướng giá trị chỉ đạo hoạt động của con người, nó có ý nghĩa rất quan trọng, biết được định hướng giá trị của con người thì biết được thái độ, hành vi của họ. Nắm được định hướng giá trị, con người sẽ dễ dàng hơn trong việc đối nhân xử thế và tổ chức, điều khiển hoạt động cộng đồng. Định hướng giá trị được hình thành và củng cố bởi năng lực, nhận thức, kinh nghiệm sống của từng cá nhân. Quá trình hình thành định hướng giá trị rất phức tạp, gắn liền với việc giải quyết các mâu thuẫn như mâu thuẫn giữa các động cơ khác nhau, mâu thuẫn giữa ý thức nghĩa vụ và lòng ham muốn, mâu thuẫn giữa kích thích thực dụng với hành vi đạo đức.

b. Khái niệm về sự hình thành và phát triển nhân cách

Con người khi mới sinh ra chưa có nhân cách. Nhân cách chỉ hình thành và phát triển trong quá trình con người sống, hoạt động và giao lưu trong đời sống xã hội.

Sự phát triển nhân cách là quá trình cải biến một cách sâu sắc và toàn diện những sức mạnh thể chất và tinh thần của con người diễn ra theo quy luật tích lũy về lượng, biến đổi về chất nhằm chuyển hóa cá thể người thành một chủ thể có ý thức trong xã hội.

Sự phát triển nhân cách thường thể hiện ở những mặt sau:

- Sự phát triển về mặt thể chất: Biểu hiện ở sự tăng trưởng về chiều cao, cơ bắp và sự hoàn thiện của các giác quan.

- Sự phát triển về mặt tâm lí: Biểu hiện ở những biến đổi cơ bản trong các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí, nhu cầu, nếp sống, thói quen... nhất là ở sự hình thành các thuộc tính tâm lí mới của nhân cách.

- Sự phát triển về mặt xã hội: Thể hiện ở những biến đổi trong thái độ cư xử với người xung quanh, ở sự tham gia tích cực vào các quan hệ và hoạt động xã hội

- Sự hình thành và phát triển nhân cách chịu sự tác động của nhiều nhân tố trong đó có nhân tố như bẩm sinh – di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân.

Các nhân tố này tác động đến con người không phải song song với nhau, có giá trị như nhau và độc lập với nhau. Cần phải xem xét một cách đúng đắn, khách quan và khoa học các tác động của di truyền và của môi trường trong công tác giáo dục.

1.2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách

a. Vai trò của di truyền đối với sự phát triển nhân cách

❖ **Khái niệm di truyền**

Di truyền là sự truyền lại từ cha mẹ đến con cái những thuộc tính sinh học đã được ghi lại trong hệ thống gen... Các thuộc tính sinh học được di truyền bao gồm cấu tạo giải phẫu, sinh lý cơ thể, những đặc điểm như màu mắt, màu tóc, vóc dáng, thể tạng, các giác quan, tư chất, một số đặc điểm của hệ thần kinh…

Một số thuộc tính sinh học có ngay từ khi đứa trẻ mới sinh gọi là những thuộc tính bẩm sinh.

❖ **Vai trò của di truyền trong sự phát triển nhân cách**

Đối với sự phát triển nhân cách, di truyền giữ vai trò tạo tiền đề vật chất cho sự phát triển nhân cách. Điều đó có nghĩa là nếu cá thể không tiếp nhận được vật chất di truyền của *người* thì sẽ không có được tiền đề vật chất cho sự phát triển nhân cách. Một cơ thể lành mạnh, các giác quan đầy đủ, hệ thần kinh bình thường sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển nhân cách. Di truyền tạo ra sức sống trong bản chất tự nhiên của con người, tạo khả năng cho người đó hoạt động có kết quả trong một số lĩnh vực nhất định.

Ví dụ: Có nhiều người tự nhiên đã có thính giác về âm nhạc, giọng hát và giọng nói tốt, trí nhớ lạ thường, óc sáng tạo thơ ca, óc toán học... Chính những tư chất này giúp cho con người phát triển mạnh mẽ trong những dạng hoạt động tương ứng về nghệ thuật, khoa học và lao động, và từ đó, ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách của họ.

Tuy nhiên, di truyền không thể quyết định những giới hạn tiến bộ của con người. Những đặc điểm sinh học dù có ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành tài năng, xúc cảm, sức khỏe, thể chất của con người nhưng nó chỉ tạo nên tiền đề vật chất cho hoạt động trong mối liên hệ mật thiết với tất cả những đặc điểm tâm lý, sinh lý của cá nhân, tạo thành một hiệu quả hoạt động cao hơn những đứa trẻ khác trong cùng lứa tuổi, cùng hoạt động, khiến ta có thể nhận thấy sự nổi bật của em ấy so với bạn bè, trong trường hợp ấy ta nói rằng em ấy có năng khiếu về lĩnh vực hoạt động ấy .

Như vậy, không phải chỉ cần có tư chất thì tự khắc có năng khiếu, năng lực, tài năng. Cái quyết định trong vấn đề hình thành và phát triển năng khiếu, năng lực chính là điều kiện hoạt động và bản thân sự hoạt động ấy, bởi vì những cái đó đòi hỏi đứa trẻ phải bộc lộ những

phẩm chất nhân cách nhất định. Chính vì vậy mà không chỉ những đứa trẻ có sẵn những tư chất nào đó, mà ngay cả với trẻ em bình thường, khi được hoạt động dưới sự lãnh đạo, tổ chức đúng đắn về giáo dục thì kết quả hoạt động của các em cũng rất cao .

Ngay cả đối với những em mà năng khiếu đã được biểu hiện ra, nếu điều kiện hoạt động thuận lợi vì một lý do nào đó bị mất đi, các em không còn được hoạt động trong điều kiện như trước nữa thì năng khiếu dần dần cũng bị mai một đi.

❖ **Những kết luận cần lưu ý từ vai trò của yếu tố di truyền trong việc phát triển nhân cách**

Quan tâm phát hiện sớm năng khiếu và bồi dưỡng kịp thời những năng khếu đó.

Cần cá biệt hóa việc dạy học và giáo dục để phù hợp với từng đối tượng

Không được xem nhẹ cũng như tuyệt đối hóa vai trò của di truyền đối với sự hình thành và phát triển nhân cách.

Tóm lại: cần chú ý đúng mức đến vai trò của di truyền trong sự hình thành và phát triển nhân cách, nếu xem nhẹ vai trò của di truyền thì vô hình chung chúng ta đã bỏ qua yếu tố tư chất, tiền đề thuận lợi cho sự phát triển. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa hoặc đánh giá quá cao ảnh hưởng của nhân tố này sẽ dẫn đến sai lầm về nhận thức luận dẫn đến khả năng phủ nhận sự biến đổi bản chất của con người và hạ thấp vai trò của giáo dục và tự giáo dục.

b. Vai trò của môi trường trong sự phát triển nhân cách

❖ **Khái niệm môi trường**

Môi trường là hệ thống các hoàn cảnh bên ngoài, các điều kiện tự nhiên và xã hội xung quanh cần thiết cho hoạt động sống và phát triển của con người.

Các loại môi trường:

- Môi trường tự nhiên

- Môi trường xã hội

❖ **Vai trò của môi trường trong sự phát triển nhân cách**

Khác với ảnh hưởng của yếu tố bẩm sinh - di truyền là ảnh hưởng từ bên trong con người, ảnh hưởng của môi trường là loại ảnh hưởng từ bên ngoài thông qua các hoạt động của con người .

Thứ nhất, vai trò của môi trường tự nhiên:

Môi trường tự nhiên ảnh hưởng rất rõ rệt đến sự phát triển cá nhân. Chẳng hạn: Những đặc điểm về địa hình, thời tiết, khí hậu tạo điều kiện rèn luyện hình thành những phẩm chất nhân cách của cá nhân. Điều kiện địa lý ảnh hưởng đến cách sống, cách làm ăn của con người ở địa phương ấy, do đó ảnh hưởng đến nhân cách con người.

Tuy nhiên môi trường tự nhiên không ảnh hưởng trực tiếp hay có ý nghĩa quyết định mà chỉ có ảnh hưởng gián tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Môi trường tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách nhưng không mạnh mẽ và quan trọng bằng ảnh hưởng của môi trường xã hội.

Thứ hai, vai trò của môi trường xã hội:

Môi trường xã hội là ảnh hưởng quan trọng nhất đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Không có môi trường xã hội, không có giao tiếp với người khác thì nhân cách không thể nào hình thành được, bởi vì bản chất con người là tổng hòa của tất cả các quan hệ xã hội .

Điều đó được chứng minh qua những trường hợp trẻ em bị lưu lạc trong rừng tuy được thú vật nuôi dưỡng nhưng chỉ có thể sống theo kiểu động vật chứ không thể phát triển nhân cách cho dù sau đó đã được con người đưa về nuôi dạy trong môi trường xã hội.

Sự hình thành và phát triển nhân cách chỉ có thể thực hiện trong một môi trường nhất định. Môi trường góp phần tạo nên động cơ, mục đích, phương tiện và điều kiện cho hoạt động giao lưu của cá nhân mà nhờ đó cá nhân chiếm lĩnh được các kinh nghiệm xã hội loài người để hình thành và hoàn thiện nhân cách của mình.

Tuy nhiên, tính chất và mức độ ảnh hưởng của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách tùy thuộc vào lập trường, quan điểm, thái độ của cá nhân đối với các ảnh hưởng đó, tùy thuộc vào xu hướng, năng lực và mức độ của cá nhân tham gia cải biến môi trường.

Marx: *"Hoàn cảnh sáng tạo ra con người trong chừng mực con người sáng tạo ra hoàn cảnh"*.

Như vậy, cần chú ý đến hai mặt trong tác động qua lại giữa nhân cách và môi trường.

- Tính chất tác động của hoàn cảnh đã phản ảnh vào nhân cách. Theo cách nói của dân gian "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng", "Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài"…

- Sự tham gia của nhân cách tác động đến hoàn cảnh nhằm làm cho hoàn cảnh đó phục vụ lợi ích của mình. Nói một cách hình ảnh, đó là những con người "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

❖ **Những kết luận cần lưu ý từ vai trò của yếu tố môi trường trong việc phát triển nhân cách**

Xây dựng môi trường tích cực có tác dụng giáo dục cao.

Tổ chức cho học sinh tham gia vào các hoạt động xã hội xây dựng môi trường.

Quan tâm giáo dục định hướng giá trị cho học sinh.

Tự giáo dục, rèn luyện bản lĩnh để đối phó với những tiêu cực trong môi trường sống.

Đánh giá đúng vai trò của môi trường, không nên tuyệt đối hóa hay hạ thấp vai trò của môi trường trong sự hình thành và phát triển nhân cách.

c. Vai trò của giáo dục trong sự phát triển nhân cách

❖ **Khái niệm giáo dục**

Giáo dục là quá trình có mục đích được tổ chức một cách có kế hoạch, có phương pháp nhằm hình thành và phát triển nhân cách con người phù hợp với những yêu cầu của xã hội. Như vậy, có thể nói rằng, những tác động của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách không phải là mang tính tự phát, trái lại, mang tính tự giác rõ rệt.

❖ **Vai trò của giáo dục trong sự phát triển nhân cách**

Chúng ta thấy rằng hoàn cảnh bên ngoài tác động vào cá nhân rất khác nhau, cùng với những sự tác động có mục đích, có tổ chức thì cũng có không ít những tác động tự phát, ngẫu nhiên của hoàn cảnh xã hội. Trong những tác động đó thì giáo dục là sự tác động có mục đích, có tổ chức nên nó là nhân tố chủ đạo trong sự phát triển nhân cách. Vai trò chủ đạo của giáo dục được thể hiện tập trung ở các nội dung sau:

- *Giáo dục định hướng cho sự hình thành và phát triển nhân cách.* Giáo dục là tác động có mục đích, có chương trình, có kế hoạch nhằm thực hiện có hiệu quả các mục đích đã đề ra.

- *Giáo dục tổ chức, hướng dẫn sự hình thành và phát triển nhân cách theo mô hình đã được định hướng.*

Điều này được thể hiện bằng việc xây dựng nội dung, phương pháp, phương tiện giáo dục nhằm đạt đến mục tiêu đã đề ra.

Giáo dục lại còn tổ chức các hoạt động như dạy học, lao động, hoạt động xã hội, hoạt động tập thể, vui chơi, giải trí..., trong đó, dưới sự tổ chức, điều khiển của nhà giáo dục, người được giáo dục tích cực tham gia và qua đó, nhân cách được hình thành và phát triển theo định hướng xác định.

Trong quá trình hoạt động, diễn ra sự điều chỉnh của nhà giáo dục và sự tự điều chỉnh của người được giáo dục nhằm giúp cho quá trình hình thành và phát triển nhân cách của người được giáo dục không bị chệch hướng. Kết quả của quá trình này, cuối cùng sẽ nhận được nhờ giáo dục đánh giá và người được giáo dục đánh giá.

- *Giáo dục có thể mang lại những tiến bộ mà các yếu tố khác như di truyền, môi trường không thể có được.*

Một em bé sinh ra không bị khuyết tật gì thì cùng với sự tăng trưởng và phát triển của cơ thể, vài ba năm sau, chắc chắn em bé đó sẽ biết nói. Nhưng nếu muốn biết đọc, biết viết thì nhất thiết phải được học tập, được giáo dục.

- *Giáo dục phát hiện, khai thác và tận dụng được những yếu tố thuận lợi, đồng thời phát hiện, hạn chế và góp phần khắc phục những yếu tố không thuận lợi của di truyền, môi trường,* nhằm phục vụ cho sự hình thành và phát triển nhân cách của người được giáo dục.

Đối với di truyền:

Thật vậy, di truyền không những tạo ra những tiến bộ sinh học thuận lợi mà đôi khi còn mang lại những yếu tố không thuận lợi. Do đó, giáo dục cần và có thể:

Phát hiện, tạo điều kiện, và khai thác những tiền đề sinh học thuận lợi, không để chúng bị lãng quên, bị thui chột.

Ví dụ: Những đứa trẻ có năng khiếu, tư chất phần lớn do giáo dục phát hiện ra, khi giáo dục phát hiện ra những tư chất ấy thì giáo dục tạo điều kiện cho các tư chất ấy phát triển. Như mở các trường năng khiếu, các trường chuyên, lớp chọn, nhằm bồi dưỡng, phát triển những

năng khiếu, tư chất đó. Cụ thể như là các lớp dạy năng khiếu về Toán, lý, hoá, âm nhạc, thể dục, nghệ thuật…

Đồng thời, giáo dục có thể khắc phục, cải tại được những nhược điểm, những yếu tố không thuận lợi do bẩm sinh–di truyền, có thể bù đắp những thiếu hụt do bệnh tật gây ra cho con người.

Ví dụ: Giáo dục phát hiện được những em điếc, câm, những em thiếu khả năng trí tuệ do những nguyên nhân sinh học gây ra. Từ đó, giáo dục đã có những phương pháp hữu hiệu để giúp các em hạn chế được những nhược điểm đó. Điển hình là thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký bị liệt 2 tay, nhạc sỹ chơi ghita nổi tiếng Văn Vượng bị mù....

Đối với môi trường:

Tương tự như vậy, môi trường không những tạo ra những yếu tố thuận lợi mà còn mang lại những yếu tố không thuận lợi cho sự hình thành và phát triển nhân cách con người được giáo dục. Do đó, giáo dục cần và có thể:

Phát hiện những yếu tố thuận lợi của môi trường, không để chúng bị lãng quên, sử dụng chúng phục vụ cho mục đích giáo dục con người.

Ví dụ: Giáo dục biết ở môi trường nào tốt, phù hợp. Học sinh có năng khiếu diễn xuất thì vào trường điện ảnh; có năng khiếu thể thao thì vào trường thể thao.

Khai thác môi trường: Bản thân môi trường luôn luôn tồn tại những tác động tích cực lẫn những tác động tiêu cực đến sự phát triển nhân cách con người. Giáo dục có thể chọn lọc, khai thác những ảnh hưởng tích cực của môi trường để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhân cách.

Ví dụ: Ở bên ngoài có nhiều thứ để học, giáo dục có thể chọn lọc, chỉ ra cho cá nhân những cái cần thiết nhất, phù hợp nhất.

Cải tạo và xây dựng môi trường: Giáo dục có thể hạn chế, ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường, biến đổi, cải tạo chúng thành yếu tốt tích cực cho sự phát triển của nhân cách. Bên cạnh việc khai thác môi trường sẵn có, giáo dục còn có thể tạo ra môi trường có tác dụng giáo dục.

Thực tiễn giáo dục sinh động đã chứng tỏ rằng giáo dục đã phát hiện và sử dụng được những yếu tố thuận lợi của môi trường nhà trường, môi trường gia đình, môi trường xã hội để tạo ra được sức mạnh tổng hợp trong quá trình giáo dục nhân cách thế hệ trẻ.

Hiện nay, khi mà trong xã hội tồn tại nhiều hiện tượng tiêu cực với nhiều tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu chè, nghiện ma túy...) với nạn lan tràn văn hóa phẩm đồi trụy, bạo lực... một mặt giáo dục còn giúp cho người được giáo dục, trước hết là thế hệ trẻ có sức đề kháng để tự bảo vệ chống lại ảnh hưởng xấu xa đó. Song mặt khác, giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình, giáo dục xã hội phối hợp với nhau thực hiện cuộc vận động nhằm ngăn chặn, hạn chế và khắc phục những tình trạng làm mất vệ sinh, vi phạm luật lệ giao thông...

Kinh nghiệm thực tiễn cũng cho thấy, bằng những biện pháp thích hợp, nhiều nhà trường đã đẩy công cuộc xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh. Trong đó, các mối quan hệ thầy - thầy, thầy - trò, trò - trò là những mối quan hệ tốt đẹp; các hoạt động có nề nếp, kỷ cương; môi tường tự nhiên đã được thầy trò cải tạo sạch và đẹp... Chính môi trường sư phạm lành mạnh được giáo dục tạo ra cũng chính nó đã hỗ trợ trở lại giáo dục, góp phần quan trọng vào quá trình hình thành và phát triển nhân cách thế hệ trẻ theo định hướng đã xác định.

- Điều kiện để giáo dục phát huy được đầy đủ vai trò chủ đạo đối với sự phát triển nhân cách:

Một là, giáo dục phải diễn ra theo một qui trình, trong đó có sự vận động và phát triển đồng bộ của các thành tố của nó (mục đích và nhiệm vụ giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp và phương tiện giáo dục, nhà giáo dục, người được giáo dục, kết quả giáo dục).

Hai là, giáo dục phải đi trước sự phát triển và kéo theo sự phát triển của người được giáo dục, nghĩa là giáo dục phải đưa ra được các yêu cầu cao, vừa sức đối với người được giáo dục mà họ có thể hoàn thành được với sự nỗ lực cao nhất.

Ba là, giáo dục và sự phát triển nhân cách có sự tác động qua lại mật thiết với nhau: giáo dục định hướng và kích thích sự phát triển nhân cách; kết quả phát triển nhân cách lại tạo tiền đề và điều kiện cho giáo dục được tiến hành ở trình độ cao hơn.

Bốn là, giáo dục một mặt quan tâm đến trình độ, đặc điểm tâm lý của người được giáo dục, một mặt khác, cũng phải quan tâm đúng đến trình độ đặc điểm tâm sinh lý của từng cá nhân người được giáo dục.

❖ **Những kết luận cần lưu ý từ vai trò của yếu tố giáo dục trong việc phát triển nhân cách:**

Cả thầy và trò lấy mục đích giáo dục làm đích cho mọi hoạt động của mình, lấy đó làm kim chỉ nam, làm chuẩn để đánh giá.

Giáo viên phải hiểu rõ đặc điểm tâm sinh lý học sinh.

Kết hợp chặt chẽ các lực lượng giáo dục.

Phát huy nhân tố bên trong và bên ngoài của học sinh.

Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục và tự giáo dục, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

Chú ý kích thích hoạt động học tập của học sinh, tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng để học sinh tham gia.

d. Vai trò của hoạt động cá nhân trong sự phát triển nhân cách

❖ **Khái niệm hoạt động cá nhân:**

Hoạt động là quá trình con người tác động vào đối tượng để vừa tạo ra sản phẩm vật chất đáp ứng nhu cầu của con người, vừa tạo ra được sản phẩm tinh thần (kinh nghiệm xã hội), làm giàu thêm vốn hiểu biết của bản thân thông qua các hoạt động và giao lưu.

❖ **Vai trò của hoạt động cá nhân trong sự phát triển nhân cách:**

Hoạt động của cá nhân là nhân tố quyết định trực tiếp đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Thể hiện:

Thông qua hoạt động cá nhân được gia nhập vào các mối quan hệ xã hội, lĩnh hội kinh nghiệm xã hội, nền văn hóa xã hội. Đồng thời, thông qua hoạt động cá nhân được nhìn nhận, được đánh giá, từ đó có thể tự hoàn thiện bản thân mình.

Những tác động tích cực từ môi trường, từ giáo dục có phát huy được tác dụng hay không, điều đó phụ thuộc vào mức độ tiếp nhận của cá nhân. Cá nhân hờ hững, không chấp nhận, và phản ứng chống lại hay tiếp nhận tự giác?

Cá nhân có "sức đề kháng" chống lại những tác động tiêu cực từ bên ngoài hay không.

Đến đây, chúng ta có thể rút ra một điều rất quan trọng là, hoạt động cá nhân được coi là nhân tố quyết định trực tiếp sự hình thành phát triển nhân cách. Tuy nhiên, kết quả hình thành và phát triển nhân cách đạt được trong phạm vi nào, ở mức độ nào, điều này còn phụ thuộc vào đặc điểm riêng của từng cá nhân, nghĩa là tuỳ thuộc vào những đặc điểm cấu tạo sinh lý cơ thể, vào những đặc điểm tâm lý, vào vốn sống cũng như hoàn cảnh sống của cá nhân đó.

- **Những kết luận cần lưu ý từ vai trò của yếu tố hoạt động cá nhân trong việc phát triển nhân cách:**

Để sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh được tốt cần phải tổ chức các loại hình hoạt động đa dạng, phong phú, hấp dẫn lôi cuốn các em tham gia; phát huy cao độ tính tích cực, tự giác, chủ động của các em khi tham gia các hoạt động (như biết đề ra kế hoạch, phân công và hợp tác thực hiện kế hoạch, tự kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch).

Từ những điều trình bày trên chúng ta có thể nói rằng, hoạt động cá nhân với tư cách là một nhân tố ảnh hưởng đế sự hình thành và phát triển nhân cách có liên quan mật thiết với các nhân tố khác: di truyền, môi trường và giáo dục

Toàn bộ các nhân tố này hợp thành một chỉnh thể và tác động đồng bộ đến sự hình thành và phát triển nhân cách trong đó nhân tố di truyền đóng vai trò tiền đề, nhân tố môi trường đóng vai trò điều kiện, nhân tố giáo dục đóng vai trò chủ đạo còn hoạt động cá nhân đóng vai trò quyết định trực tiếp

1.2.2. Giáo dục và sự phát triển xã hội

Do giáo dục tác động đến con người cho nên nó cũng có khả năng tác động đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, đến các quá trình xã hội mà con người là chủ thể. Những tác dụng của giáo dục đối với các quá trình xã hội xét về mặt xã hội học được gọi là những chức năng xã hội của giáo dục. Có 3 loại chức năng xã hội của giáo dục:

- Chức năng kinh tế - sản xuất.

- Chức năng chính trị - xã hội.

- Chức năng tư tưởng - văn hoá.

Những chức năng này thể hiện vai trò của giáo dục đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội về tất cả các mặt.

1.2.2.1. Chức năng kinh tế - sản xuất

Lao động dù đơn giản đến đâu cũng cần có sự huấn luyện để con người biết lao động, có kinh nghiệm lao động. Lao động càng phức tạp, càng hiện đại càng đòi hỏi sự đầu tư vào huấn luyện nhiều hơn.

Bất kỳ một nước nào, muốn phát triển kinh tế, sản xuất ngày càng mạnh mẽ với năng suất ngày càng cao thì phải có đủ nhân lực và nhân lực phải có chất lượng cao. Đó là đội ngũ đông đảo những người lao động không chỉ có những phẩm chất cao quý, mà còn phải có những trình độ nghề nghiệp cần thiết, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Muốn có nguồn nhân lực như vậy, xã hội phải dựa vào giáo dục, mà chỉ có giáo dục mới có thể đáp ứng được yêu cầu đó.

- Giáo dục góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển thông qua đào tạo nguồn nhân lực :

Giáo dục *tạo ra sức lao động mới* một cách khéo léo, tinh xảo, hiệu quả để vừa thay thế sức lao động cũ bị mất đi, vừa tạo ra sức lao động mới cao hơn, góp phần tăng năng suất lao động, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế – xã hội. Chính giáo dục đã *tái sản xuất sức lao động* xã hội, tạo ra lực lượng trực tiếp sản xuất và quản lý xã hội với trình độ, năng lực cao.

Giáo dục đào tạo lại nguồn nhân lực đã bị lỗi thời, tạo nên sức lao động mới, đáp ứng kịp thời nguồn nhân lực thiếu hụt do nhiều nguyên nhân. Bằng con đường truyền thông, giáo dục phát triển ở con người những năng lực chung và năng lực riêng biệt, giúp con người nâng cao năng lực làm việc, thay đổi nghề nghiệp, thay đổi việc làm, góp phần phát triển kinh tế sản xuất.

Giáo dục *trực tiếp và thường xuyên* bồi dưỡng, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kĩ thuật, kĩ năng lao động cho nhân dân lao động. Đó là yếu tố cơ bản để phát triển kinh tế - sản xuất của xã hội.

- Giáo dục góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao đời sống cộng đồng.

- Giáo dục tham gia vào chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn. Bằng con đường truyền thông, giáo dục giúp mọi người nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, tăng năng suất lao động, phát triển kinh tế gia đình, góp phần xóa đói giảm nghèo. Như vậy, giáo dục góp phần phát triển kinh tế sản xuất.

- Giáo dục thông qua con đường truyền thông, tham gia vào chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình. Giáo dục giúp cho mọi người nhận thức đúng đắn về dân số, sức khỏe sinh sản, giảm tỷ lệ tăng dân số, nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng giống nòi, góp phần phát triển sản xuất.

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, chất lượng giáo dục gắn liền với chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Muốn nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa thì giáo dục phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong thời đại phát triển như bão táp của khoa học và công nghệ,

nhân loại đang chuyển sang nền văn minh tin học, điện tử, sinh học. Khoa học-công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Sự phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với sản xuất hàng hóa và thị trường, gắn liền với sự phân công lao động và hợp tác quốc tế. Giáo dục không phải là yếu tố phi sản xuất, giáo dục là yếu tố bên trong, yếu tố cấu thành của sản xuất xã hội. Không thể phát triển lực lượng sản xuất nếu như không đầu tư thỏa đáng cho nhân tố con người, nhân tố hàng đầu của lực lượng sản xuất. Không thể xây dựng được quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa nếu như không nâng cao trình độ dân trí, trình độ tổ chức và quản lý của cán bộ và nhân dân. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, không một quốc gia nào muốn phát triển lại đầu tư ít cho giáo dục. Cuộc chạy đua phát triển kinh tế hiện nay là cuộc chạy đua về khoa học công nghệ, chạy đua về giáo dục đào tạo, chạy đua về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hội nghị lần thứ hai ban chấp hành trung ương khóa 8 đã nhấn mạnh: "Thực sự coi giáo dục đào tạo là quốc sách, nhận thức sâu sắc giáo dục - đào tạo cùng khoa học công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển". Để làm tốt chức năng này giáo dục đào tạo phải xây dựng được một xã hội học tập tạo điều kiện cho mọi người có thể học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Chính vì vậy, giáo dục phải thực sự đi trước đón đầu thúc đẩy phát triển kinh tế sản xuất.

Như vậy, với chức năng kinh tế - sản xuất giáo dục là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế phát triển và giáo dục phải đi trước sự phát triển kinh tế - xã hội. Khi nền khoa học và công nghệ đạt đến trình độ phát triển cao, nhu cầu xã hội đa dạng, người lao động phải là những người có trình độ học vấn cao, có kiến thức rộng, có tay nghề vững, có tính năng động, sáng tạo… thì giáo dục phải đào tạo nhân lực một cách có hệ thống, chính qui ở trình độ cao.

Để thực hiện tốt chức năng kinh tế -sản xuất, giáo dục phải thỏa mãn một số yêu cầu sau đây:

1. Giáo dục gắn bó với sự phát triển kinh tế - sản xuất, thỏa mãn các yêu cầu kinh tế - sản xuất trong từng giai đoạn cụ thể (hiện nay là phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước).

2. Xây dựng một hệ thống ngành nghề cân đối, đa dạng phù hợp với sự phát triển kinh tế - sản xuất của đất nước.

3. Các loại hình cán bộ kỹ thuật và công nhân phải đảm bảo tính cân đối, tránh tình trạng thừa thầy thiếu thợ (chiến lược ngược) như hiện nay.

4. Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất cao, thỏa mãn các yêu cầu sản xuất hiện đại.

1.2.2.2. Chức năng chính trị - xã hội

- Giáo dục góp phần quan trọng trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức công dân, pháp luật. Giáo dục không đứng ngoài chính trị mà nó là phương thức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách… của một chế độ chính trị, giai cấp hay chính đảng cầm quyền. Giáo dục trực tiếp truyền bá hệ tư tưởng chính trị, đường lối chính sách của giai cấp

nắm quyền và trực tiếp đào tạo chuẩn bị cho thế hệ trẻ tham gia vào cuộc sống, bảo vệ chế độ chính trị, xã hội đương thời.

- Thông qua việc nâng cao dân trí, giáo dục nâng cao nhận thức của công dân, tạo điều kiện để họ có hành vi đúng trong quan hệ ứng xử, nhờ đó mà quan hệ giữa con người với con người ngày càng trở nên thuần khiết hơn, mọi người yêu thương nhau, xích lại gần nhau

- Thông qua việc nâng cao trình độ học vấn cho cá nhân, giáo dục đã tạo điều kiện cho mỗi người có thể chuyển đổi giai cấp. Chính điều đó đã tác động đến cơ cấu giai cấp và nhóm xã hội sẽ thay đổi.

- Thông qua chức năng kinh tế đảm bảo việc làm, có thu nhập, từ đó mang lại công bằng, bình đẳng cho người dân

Hiện nay ở nước ta chức năng chính trị - xã hội của giáo dục bao gồm những nội dung cụ thể sau đây:

Trang bị cho các thế hệ đang lớn lên cũng như toàn thể xã hội lý tưởng phấn đấu vì một nước Việt Nam "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Thông qua việc nâng cao dân trí, nâng cao trình độ văn hóa cho toàn dân, thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực góp phần xóa đói, giảm nghèo, góp phần chuyển đổi cơ cấu sản xuất, thay đổi cấu trúc lao động xã hội và tạo sự bình đẳng trong các tầng lớp dân cư.

Góp phần đào tạo cán bộ quản lý theo tinh thần "Do dân và vì dân".

Để thực hiện tốt chức năng này, giáo dục phải tập trung thực hiện những yêu cầu cơ bản sau:

1. Giáo dục phải bám sát yêu cầu chính trị - xã hội để đáp ứng đầy đủ và kịp thời.

2. Đồng thời giáo dục phải được phát triển mạnh mẽ để tạo tiền đề cho sự phát triển mới về chính trị - xã hội

1.2.2.3. Chức năng tư tưởng - văn hóa

- Giáo dục là phương thức cơ bản truyền bá và xây dựng hệ tư tưởng chung định hướng cho mọi thái độ và hành vi của toàn xã hội.

- Giáo dục góp phần nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật cho toàn xã hội, xây dựng lối sống, nếp sống có văn hóa.

- Giáo dục góp phần bảo tồn, phát triển những giá trị tư tưởng – văn hóa của nhân loại và của dân tộc thông qua việc dạy học và giáo dục.

Để thực hiện tốt chức năng này, giáo dục phải tập trung thực hiện những yêu cầu cơ bản sau:

1. Giáo dục phải bám sát yêu cầu phát triển tư tưởng - văn hóa để đáp ứng đầy đủ và kịp thời.

2. Đồng thời giáo dục phải được phát triển mạnh mẽ để tạo tiền đề cho sự phát triển mới về văn hóa, tư tưởng.

Tóm lại, với những chức năng này, giáo dục có khả năng tác động đến toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của xã hội *thông qua những con người được giáo dục*.

1.3. Triết lý, mục tiêu, nguyên lý và con đường giáo dục

1.3.1. Triết lý giáo dục

1.3.1.1. Khái niệm triết lý và giáo dục, triết lý giáo dục

Triết lý là những nguyên tắc hướng dẫn hành động.

Giáo dục là sự truyền đạt kiến thức từ người thầy sang người trò.

Triết lý giáo dục là những nguyên tắc hướng dẫn công tác giáo dục.

"Triết lý giáo dục là những niềm tin (beliefs) về vấn đề dạy ai, dạy cái gì và dạy thế nào".

Như vậy, chúng ta hiểu rằng phải xây dựng triết lý giáo dục trước để làm định hướng, nền tảng, dựa trên đó mới xây dựng mục tiêu của giáo dục, nội dung chương trình, và phương pháp giáo dục, mà ngày nay người ta gọi là các "trụ cột" của giáo dục.

Triết lý giáo dục của mỗi quốc gia được xây dựng dựa trên nhiều yếu tố cá biệt như văn hóa, trình độ kinh tế, kỹ thuật nhưng cũng dựa vào những trường phái triết lý giáo dục đã phát triển của nhân loại (philosophical approaches). Học hỏi, tìm hiểu những lý thuyết và triết lý giáo dục khác nhau sẽ giúp chúng ta hình thành một triết lý giáo dục cho Việt Nam

1.3.1.2. Triết lý giáo dục của một số nước trên thế giới [①]

a. Giáo dục Pháp: Sau phổ thông, đủ đi làm

Người Pháp coi mục đích của giáo dục là đào tạo ra các công dân tốt và hữu ích cho quốc gia nhưng rất bình đẳng, tự chủ, phi tôn giáo và chính trị.

Giáo dục Pháp theo xu thế rất thực tiễn là đào tạo người để đi làm, mỗi học viên ứng với một vị trí trong xã hội. Theo đó, trẻ em từ 6 đến 16 tuổi phải đến trường, được học những gì và biết mình có thể làm việc gì sau khi tốt nghiệp. Ở bậc tiểu học (école élémentaire hay école primaire) và trung học cơ sở (collège), học sinh được dạy bao quát; lên bậc trung học phổ thông (lycée), do được phân ngành nên học sinh chỉ học những môn chuyên ngành là chính. Chương trình chỉ tập trung kiến thức riêng cho mỗi chuyên ngành; học sinh được học theo khả năng, sở thích và định hướng của mình. Bằng tốt nghiệp phổ thông (baccalauréat BAC) ở Pháp có nhiều loại: Bằng tốt nghiệp loại BAC Général thuộc hệ dành cho những học sinh có học lực khá giỏi hoặc trong tương lai là học đại học. Học sinh có thể chọn học theo khối ngành tự nhiên (BAC Science), khối ngành kinh tế xã hội (BAC Economie Social) hoặc khối ngành văn học (BAC Littérature). Bằng tốt nghiệp BAC Tech dành cho các em có học lực yếu hơn nhưng vẫn mong muốn và có thể tiếp tục theo học các trường cao đẳng, trở thành những kỹ thuật viên, chuyên viên cao cấp. Bằng tốt nghiệp BAC Pro dành cho những học sinh không có sở thích, nguyện vọng hay do hoàn cảnh gia đình mà không tiếp tục học. Học sinh sẽ được chọn lựa và học các nghề cụ thể và có thể đi làm ngay khi vừa tốt nghiệp. Ngoài

[①] Nguyễn Văn Khôi (2014). Tìm hiểu triết lý giáo dục của một số nước trên thế giới. *Tạp chí Khoa học cảnh sát nhân dân*, số 6.

ra còn có bằng CAPA dành cho học sinh muốn học ngành nông nghiệp để trở thành những nông dân tương lai.

Nền giáo dục Pháp được phân cấp tốt, đặc biệt là hệ thống quản lý và giám sát rất chặt chẽ. Theo đó, người Pháp xây dựng một hệ thống nhà trường tập trung và thống nhất, triệt để giữ gìn các giá trị tốt đẹp của quốc gia, dân tộc. Trong hệ thống trường học, trường công lập chiếm số lượng lớn, các trường tư thục được tự do hoạt động trong khuôn khổ của nhà nước.

Trong giáo dục ở Pháp, nguyên tắc bình đẳng với mọi người học, không phân biệt chủng tộc, giới tính, tín ngưỡng được tuyệt đối tôn trọng. Để tạo ra một môi trường học thuật dựa trên khoa học hơn là niềm tin riêng của cá nhân, giúp học sinh thấy được sự bình đẳng, tự chủ, chất khoa học của nền giáo dục và thúc đẩy tôn trọng tự do tín ngưỡng, giáo dục Pháp tách tôn giáo ra khỏi nhà trường, thoát khỏi sự áp đặt của các quan điểm tôn giáo. Và nhằm kích thích tư duy phản biện và khả năng sáng tạo, tìm tòi cái mới theo hướng tự do và tự chủ, ở Pháp dạy môn triết học cho học sinh cuối bậc phổ thông.

b. Giáo dục Mỹ: Sống nhờ triết lý "tự do"

"Trẻ em nên được giáo dục dựa theo nguyên tắc tự do". Lịch sử hơn 200 năm nền giáo dục Mỹ vẫn trung thành với triết lý như Tổng thống thứ hai của Mỹ John Adams đã từng đưa ra. Theo đó, giáo dục Mỹ đào tạo ra những con người tự do, dễ dàng thích nghi và có khả năng sống trong một thế giới hội nhập, đa dạng. "Tự do" ở đây là tự do về tư tưởng - quyền được giữ, được khuyến khích nói lên quan điểm của bản thân và tôn trọng tự do tư tưởng của người khác. Trong trường học ở Mỹ, học sinh thường được dạy rằng: Bất kỳ ai trong các em cũng có quyền loại bỏ, thậm chí là tẩy chay một nhãn hiệu mà mình không thích. Nhưng không được quyền ép người khác đứng về phe mình, vì như thế là thiếu tôn trọng quyền tự do của người khác. Việc thẳng thắn nhận "tôi sai" hoặc "tôi không biết" là hết sức bình thường trong trường học ở Mỹ.

Với triết lý giáo dục đó, giáo dục Mỹ rất chú trọng việc rèn luyện tư duy độc lập cho học sinh; cân bằng giữa chủ quan và khách quan, vừa biết cách bảo vệ quan điểm của mình vừa biết tôn trọng ý kiến người khác. Từ việc giúp học sinh mở rộng tầm hiểu biết để thấy được một thế giới đa chiều; biết cách quan sát, nhận xét, đánh giá sự việc theo từng góc nhìn, từng mối quan hệ cụ thể và cuối cùng, quan trọng là việc giúp học sinh có tư duy độc lập, có tính phản biện. Qua cách giáo dục trên, học sinh hiểu được rằng việc "chọn cái gì" không quan trọng mà cơ bản và quyết định là "giải thích/chứng minh đó là lựa chọn tối ưu".

Cùng với "tự do" là "trách nhiệm"- trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng; cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ. Học sinh trong trường học ở Mỹ được dạy rằng: công dân Mỹ dù có đồng tình với những chủ trương, chính sách của chính phủ hay không thì cũng phải đi bỏ phiếu để đóng góp tiếng nói của mình.

Ở Mỹ các trường học có quyền tự chủ rất cao, trong đó các trường dân lập tư thục có quyền tự chủ cao hơn trường công lập. Hiến pháp Mỹ tách bạch nhà nước, nhà thờ với nhà trường và giao trách nhiệm giáo dục cho chính quyền từng bang và địa phương.

c. Giáo dục Nhật Bản: "Giáo dục đạo đức" là cốt lõi

Giáo dục Nhật Bản đạt thành tựu như hiện nay vốn được xây dựng trên triết lý "con người = đạo đức", đề cao tuyệt đối tính kỷ luật và tinh thần tự lập.

Sau Thế chiến thứ II, "triết lý giáo dục" được hình thành ở Nhật. Tuy nhiên từ năm 1879 giáo dục Nhật Bản đã thực hiện theo "thánh chỉ" của Thiên hoàng Minh Trị: "mỗi người học sẽ trở thành một cá nhân hoàn thiện đạo đức".

Giáo dục Nhật Bản từ đó đến nay, luôn vận hành theo triết lý "đạo đức" - "đạo đức làm nền tảng trong giáo dục". Tuy nhiên, triết lý giáo dục "đạo đức" ngày nay với mục tiêu không phải là đào tạo nên những "thần dân trung quân ái quốc" mà là người công dân có đủ tri thức, phẩm chất, năng lực phù hợp với xã hội hòa bình, dân chủ và tôn trọng nhân quyền; là công dân có tính kỷ luật trong đời sống, sinh hoạt và làm việc; những con người biết cống hiến cho đất nước trên nền tảng "kỷ luật thép" và sự chia sẻ gánh nặng với người xung quanh.

Để tạo ra một thế hệ nhân tài phục vụ đất nước trong tương lai có "kỷ luật thép", người Nhật đã giáo dục tính kỷ luật cho thế hệ trẻ em hôm nay một cách toàn diện và rất bài bản.

Trong giáo dục Nhật Bản, điểm số không phản ánh được khả năng thực sự của học sinh, kỳ thi chính thức chỉ được tổ chức để tuyển sinh vào trường trung học và đại học. Thời gian gần đây Nhật Bản mới thí điểm kỳ thi lớp 6 và lớp 9 nhưng cũng không phải nhằm đánh giá năng lực học sinh mà là để giám sát hiệu suất của hệ thống giáo dục. Cho nên, gánh nặng thi cử không phải ở học sinh mà là của nhà trường (mà trực tiếp là thầy cô), cha mẹ và bạn bè cùng lớp.

Nhà trường Nhật đề cao trách nhiệm của giáo viên với học sinh. Với mục đích giúp học sinh phát triển toàn diện, thầy cô giáo phải có trách nhiệm giúp học sinh trải nghiệm trong thực tiễn cuộc sống; xây dựng mối quan hệ thầy cô với học sinh và với phụ huynh. Kết quả từ phía học sinh không phải bằng điểm số mà là những sáng kiến, khả năng đóng góp cho xã hội… là chỉ số để đánh giá năng lực giáo viên giảng dạy.

Nhật Bản giáo dục tư duy "tự lập"; học sinh Nhật được dạy rằng "đạo đức" cũng có nghĩa là phải "tự lực cánh sinh"; phải luôn cố gắng và tự chủ, không ỷ lại… Vì vậy, nhà trường chú trọng các hoạt động trải nghiệm từ thực tiễn, hạn chế nhồi nhét kiến thức sách vở; tăng cường khả năng phản biện; kích thích và phát huy sức sáng tạo của học sinh - lý do chính giúp Nhật Bản là một trong những nước có lượng bằng sáng chế nhiều nhất thế giới.

d. Giáo dục Đức: Nhân bản, thực tiễn

Triết lý giáo dục Đức hướng đến ba mục tiêu: 1. Giáo dục toàn diện cho trẻ, cả về trí tuệ, đạo đức và thể chất (sức khỏe và kỹ năng); 2. Tạo môi trường phát triển lành mạnh (thể chất lẫn tinh thần); 3. Đào tạo những con người có trách nhiệm, đóng góp cho xã hội. Với mục đích cân bằng và phát triển được ba yếu tố: Tính cách cá nhân; tính chuyên nghiệp và tính thực tiễn của tuổi trẻ để bước vào tương lai, giáo dục Đức quan niệm "lấy người học làm trung tâm".

Người Đức rất quan tâm đến việc giáo dục và hình thành nhân cách cho học sinh ngay từ nhỏ và là quốc gia được xem là nơi khai sinh ra trường mẫu giáo cũng như thực hiện chương trình mẫu giáo đầu tiên với mục tiêu dạy trẻ từ thuở còn thơ.

Giáo dục mầm non, tiểu học và trung học, học sinh được dạy từ cách yêu thương, chăm sóc, bảo vệ những con vật nhỏ và dần được phát triển thành tình yêu thương bạn bè, người thân và thậm chí là cả những người xa lạ.

Trong lớp học ở Đức, học sinh đều bình đẳng về quan hệ; các hành vi bạo lực, phi giáo dục… được giáo viên giám sát chặt chẽ. Ở đó, học sinh còn được dạy rằng gia đình là nền tảng. Trẻ em được dành nhiều thời gian hơn với gia đình của mình để có thể rèn luyện những bài học đầu đời.

Triết lý giáo dục của Đức đậm chất thực tế, họ nhìn nhận trẻ em đơn giản là đối tượng cần phải giáo dục để chúng tự khám phá các tiềm năng của bản thân. Với phương châm của nền giáo dục Đức là học bằng thực hành. Theo đó, trong các trường học, các hoạt động xã hội, các môn học xã hội được quan tâm và học tập theo trực quan, học sinh được đến tận hiện trường để tận mắt, tận tay khảo sát, so sánh giữa bài học trong sách và ngoài thực tế, được khuyến khích đặt các câu hỏi để học sinh khác cùng thảo luận. Bên cạnh đó, trẻ em cũng được cha mẹ dạy rất kỹ về giá trị của sự trải nghiệm; hướng dẫn, chia sẻ công việc trẻ muốn được tham gia, để trẻ thể hiện vai trò của mình.

Với cách nhìn nhận giáo dục một cách thực tế và cụ thể người Đức cho rằng: Học tập là để có một công việc phù hợp; học để trở thành người làm việc chuyên nghiệp; ở Đức, nhiều học sinh chọn việc học nghề thay vì vào các trường đại học. Theo đó, Đức đã xây dựng một chương trình giáo dục và đào tạo nghề nghiệp toàn quốc, phối hợp giữa chính phủ với giới doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề. Chính phủ (chính quyền bang và liên bang) hỗ trợ địa điểm giảng dạy, cung cấp hệ thống lý thuyết nghề; giới doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề tổ chức các khóa học. Riêng việc thi, kiểm tra do các phòng thương mại và công nghiệp thực hiện. Theo chương trình này, học sinh được học cả lý thuyết, thực tiễn nghề nghiệp và hoàn thành chương trình học việc trong ngành nghề mà họ đã lựa chọn. Kết quả là, các doanh nghiệp sẽ có được nhân viên lành nghề, còn những người trẻ sẽ tìm thấy được các cơ hội việc làm.

e. Giáo dục Singapore: “Nhà trường tư duy, quốc gia học tập”

“Nhà trường tư duy” là mô hình trường học mà ở đó ngay từ lúc bắt đầu tiếp xúc với trường học học sinh, sinh viên đã có niềm say mê, hứng thú với học tập, được tự do tư duy và sáng tạo. “Quốc gia học tập” thể hiện việc học tập chính là văn hóa quốc gia, mọi tầng lớp xã hội đều học tập, sáng tạo.

Với Singapore, “Giáo dục là quốc sách hàng đầu” không chỉ là khẩu hiệu, mà ở đó mọi chính sách ưu tiên cho ngành giáo dục được thực hiện một cách nghiêm túc. Là đất nước nhỏ bé nhưng người dân Singapore chấp nhận ở chung cư cao tầng để đất đai xây dựng trường

học. Vì thế, các trường học tại Singapore khá rộng rãi, trang thiết bị hiện đại, không gian vui chơi thoáng mát.

Phương châm: "dạy ít, học nhiều" được thấm nhuần tới học sinh, sinh viên, giáo viên và cán bộ quản lí. Một mặt giúp học sinh, sinh viên tự giác trong học tập và bám sát thực tiễn. Mặt khác, giáo viên và cán bộ quản lí phải cải tiến phương pháp giảng dạy, giúp học sinh tự làm chủ trong tiếp thu kiến thức.

Giáo dục Singapore với mục tiêu là phát triển tài năng của từng cá nhân để mỗi người có thể đóng góp cho đất nước. Giáo dục Singapore đã kết hợp hài hòa giá trị truyền thống giáo dục phương Đông và văn minh phương Tây và đã tạo nên một nền giáo dục mà không ít các quốc gia mơ ước đạt được.

f. Giáo dục Phần Lan: Lòng tin - Bình đẳng - Hợp tác

Triết lý cơ bản của giáo dục Phần Lan là niềm tin vào khả năng của con người - yếu tố tạo ra chính sách, phương pháp dạy học rất đặc trưng. Giáo dục Phần Lan tin rằng bất kỳ ai cũng mang trong mình những giá trị có thể đóng góp cho xã hội. Mục đích của giáo dục không phải là đưa con người vào một khuôn khổ, mà là giúp họ phát hiện và phát huy tố chất vốn có của bản thân. Do đó trường học là nơi mà mọi học sinh đều hưởng những cơ hội ngang nhau, để trẻ tự do phát triển cá tính, nguyện vọng và tài năng.

Tại nhiều nước (trong đó có Việt Nam), thi cử - công cụ được dùng để đánh giá quá trình giảng dạy của giáo viên và kiểm tra kết quả học tập của học sinh. Nhưng Phần Lan là trường hợp cá biệt, với họ, dạy để học chứ không đề cao thi cử, bài thi đã không còn quan trọng. Luật pháp quy định không xếp hạng hoặc cho điểm để đánh giá học sinh trước lớp 6; không phải thi cử nặng nề trước năm 18 tuổi; 12 năm học đầu tiên trong đời học sinh chỉ có một kỳ thi duy nhất là khi vào đại học lúc các em đã 18-19 tuổi. Với quan niệm nhà trường là nơi đào tạo ra các công dân tốt cho một xã hội dân chủ, cho nên, dù được hướng nghiệp rất tốt nhưng học sinh đến trường với tâm thế không phải cạnh tranh để có việc sau khi ra trường. Không phải chịu áp lực điểm số, xếp hạng và cạnh tranh, học sinh Phần Lan được hưởng nền giáo dục thoải mái hàng đầu thế giới.

Bên cạnh đó, ở Phần Lan tin rằng mỗi nhà trường, mỗi giáo viên đều có phương pháp riêng để dạy học trò một cách tốt nhất. Vì vậy, ở Phần Lan, không có quy định khắt khe về nội dung, phương pháp dạy học đối với nhà trường và giáo viên. Vai trò của nhà nước đối với ngành giáo dục là hướng dẫn và hỗ trợ.

Cho rằng, mỗi học sinh bị rơi rụng trong quá trình học sẽ là tổn thất với xã hội, nên giáo dục Phần Lan có một nguyên tắc: "không ai bị bỏ lại phía sau" nhưng cũng không được để bị ngồi nhầm lớp. Bí quyết để khắc phục vấn đề này là phát hiện và giải quyết vấn đề khó khăn của học sinh từ sớm. Nền giáo dục Phần Lan nhìn có vẻ đang đi ngược xu thế chung - phá cách nhưng rất hiệu quả.

1.3.2. Mục tiêu giáo dục

1.3.2.1. Khái quát về mục tiêu giáo dục

a. Khái niệm về mục tiêu giáo dục

Trước khi tiến hành một hoạt động nhất định, con người có khả năng ý thức trước sự cần thiết của hoạt động, dự kiến trước kết quả của hoạt động. Khái niệm mục đích, mục tiêu xuất hiện đầu tiên trong lịch sử là từ hoạt động của người lính, ví dụ như khi tập bắn thì đích mà người tập ngắm để bắn trúng có thể là cái bia... Người tập bắn nhìn thấy đối tượng cần bắn trúng (cái bia). Cho nên mục đích ở đây là nhìn thấy cái đích cần bắn trúng là cái bia. Từ đó các khái niệm này được sử dụng trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống như: trước khi làm ngôi nhà … người ta thường hình dung (dự kiến) trước ngôi nhà sẽ làm… Như vậy, trước khi thực hiện hoạt động nào đó, con người đã xác định được đích đến của hoạt động, hoạt động để làm gì?

Mục tiêu giáo dục là phạm trù cơ bản của giáo dục học, đó là sự dự kiến trước phản ánh trước kết quả mong muốn của hoạt động giáo dục. Kết quả của hoạt động giáo dục chính là nhân cách của người được giáo dục. Vì vậy, có thể hiểu *mục tiêu giáo dục là mô hình (kiểu) nhân cách của con người (người học) mà giáo dục cần đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội trong một giai đoạn lịch sử cụ thể.*

b. Tính chất của mục tiêu giáo dục

Tính khách quan và tính chủ quan: Mục tiêu giáo dục được xây dựng phải xuất phát từ yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu nhân lực của giai đoạn phát triển đất nước.

Tính lịch sử và giai cấp: Mục tiêu giáo dục biến đổi cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội. Mỗi giai đoạn phát triển kinh tế xã hội đòi hỏi nguồn nhân lực phù hợp. Trong xã hội có giai cấp, giáo dục trở thành công cụ phục vụ cho mục tiêu chính trị của giai cấp cầm quyền. Còn người được đào tạo phải có nhân cách phù hợp với mô hình mà giai cấp cầm quyền quyết định.

Tính thống nhất giữa lý tưởng – hiện thực, xa – gần, xã hội – cá nhân, chung – riêng.

c. Ý nghĩa của việc xác định mục tiêu giáo dục

Mục tiêu nếu được xác định đúng đắn thì sẽ có ý ngĩa to lớn:

Một là, nó *định hướng* là "kim chỉ nam" cho sự vận động và phát triển của toàn bộ quá trình giáo dục, sao cho đầu ra của quá trình là những con người có nhân cách mà xã hội mong muốn.

Hai là, nó giúp cho quá trình giáo dục vận hành có chất lượng và hiệu quả; không đi chệch hướng, mà nếu có lúc nào đó, quá trình giáo dục đi chệch hướng nó sẽ giúp cho quá trình giáo dục này tự điều chỉnh hướng vận động và phát triển cho đúng đắn.

Ba là, nó là *cái chuẩn* để đánh giá sản phẩm con người mà quá trình giáo dục mang lại, xem sản phẩm này đạt được ở mức độ nào.

1.3.2.2. Mục tiêu của giáo dục Việt Nam

a. Cơ sở khoa học để xác định mục tiêu giáo dục

Một là, quan điểm về con người phát triển toàn diện:

Con người phát triển toàn diện là yêu cầu tất yếu, khách quan của xã hội công nghiệp hiện đại (với những đặc điểm cơ bản như : thay đổi nhanh và tính đa dạng, phong phú ngày càng cao); nhưng để phát triển toàn diện nhân cách cần có những điều kiện nhất định tùy theo khả năng, mong muốn cùng với sự nỗ lực cố gắng của mỗi người và cộng đồng.

Từ những cơ sở khoa học, Mác – Ăng ghen đã chỉ ra mô hình về con người phát triển toàn diện của xã hội tương lai: *là con người phát triển về cả trí tuệ, đạo đức, sức khỏe, lao động và thẩm mỹ; hài hòa về thể chất và tâm hồn, hài hòa giữa cuộc sống cá nhân và xã hội, giữa cái chung và cái riêng. Phát triển toàn diện nhân cách là phát triển hết khả năng, đặc tính vốn có của từng cá nhân; chứ không phải là làm cho tất cả mọi người đều hoàn toàn giống nhau, đều làm giỏi tất cả mọi việc như nhau.*

Con người phát triển toàn diện là ước mơ từ ngàn xưa của loài người và là yêu cầu khách quan phù hợp với ước mơ chủ quan của mỗi người trong xã hội hiện đại. Và chỉ có trong xã hội hiện đại, tiến bộ với có đủ điều kiện để phát triển con người toàn diện.

Trong lịch sử cũng như trong xã hội hiện đại, việc phát triển toàn diện cho thế hệ đang lớn lên với những đặc trưng bản chất trên vẫn là mục đích lý tưởng của nền giáo dục các nước.

Hai là, truyền thống dân tộc Việt Nam:

Dân tộc Việt Nam có trên 4000 năm lịch sử, hoàn cảnh thiên nhiên - xã hội đã tạo cho dân tộc Việt Nam một truyền thống vô cùng quý giá, nếu biết khai thác triệt để và phát huy tốt, chúng ta sẽ có lợi thế trong cạnh tranh quốc tế.

- Trước hết đó là tinh thần tự tôn dân tộc, ý thức độc lập tự cường rất cao. Vấn đề đang đặt ra hiện nay cho Việt Nam là làm thế nào để động viên được tới mức cao nhất sức mạnh này trong công cuộc xây dựng đất nước và cạnh tranh quốc tế

- Tính cách mềm dẻo, cởi mở và dễ hòa nhập là một truyền thống hết sức thuận lợi trong hoàn cảnh ngày nay, khi mà thế giới ngày càng phát triển theo xu thế hội nhập và chu kỳ thay đổi công nghệ ngày càng có xu hướng rút ngắn.

- Truyền thống hiếu học và khả năng trí tuệ của người Việt Nam đã và đang trở thành một nhân tố bảo đảm cho sự phát triển với tốc độ cao của đất nước và trở thành một thế mạnh trong cạnh tranh quốc tế trong tương lai .v.v...

Giáo dục phải đào tạo con người mới mang trong mình truyền thống tốt đẹp đó của dân tộc và phát huy truyền thống đó trong hoàn cảnh mới của Tổ quốc Việt Nam.

Bên cạnh những giá trị cao đẹp của truyền thống như đã nói ở trên, mà giáo dục cần phải phát huy mạnh mẽ hơn nữa, cũng có không ít vấn đề đặt ra từ di sản truyền thống.

- Trước hết đó là những thói quen, những tập tính và những hạn chế của một cư dân nông nghiệp khi bước vào thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa như: không có tâm lý nhìn xa, trông rộng, tâm lý "ăn xổi", cục bộ địa phương…

- Thiếu khả năng hạch toán kinh tế.

- Lối sống tự do, tùy tiện, thiếu kỷ luật chặt chẽ và thói quen trọng tục lệ hơn luật pháp cần phải được khắc phục bằng những biện pháp cương quyết .v.v...

Tóm lại: Cần phải nhận thức rõ những truyền thống tốt đẹp cùng những tàn dư của nền sản xuất nông nghiệp còn đang để lại dấu ấn trong cách nghĩ, trong tác phong của người Việt Nam, để từ đó có cơ sở xây dựng một mục đích, mục tiêu giáo dục đúng đắn nhằm hình thành cho thế hệ trẻ những phẩm chất cần thiết cho xã hội hiện nay.

Ba là, những đặc điểm và xu thế phát triển của thời đại:

- Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như "vũ bão" đã thể hiện rõ nét ở các yếu tố sau:

+ "Bùng nổ" thông tin và sự lạc hậu nhanh chóng của thông tin.

+ Sự ra đời và phổ cập của nhiều thế hệ máy tính điện tử đã làm thay đổi quy mô và tính chất của lao động (nền kinh tế đa quốc gia với quy mô vừa và nhỏ), thay đổi các nhóm ngành nghề (cả lao động chân tay và trí óc).

+ Việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học – công nghệ vào sản xuất và đời sống đang là cơ hội và thách thức đối với các quốc gia đang phát triển và chính những con người của các quốc gia ấy.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ với những đặc điểm nói trên đòi hỏi con người phải có khả năng cập nhập và ứng dụng thông tin - công nghệ tiên tiến, sử dụng được phương tiện hiện đại. Khả năng tự học để học suốt đời là yêu cầu tất yếu đối với con người trong thời đại ngày nay.

- Xu thế phát triển của xã hội ngày nay cũng đang đặt ra những yêu cầu mới đối với con người, đó là:

+ Sự hình thành nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin.

+ Xu thế toàn cầu hóa, xu thế hội nhập, giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng và thân thiện.

+ Ước muốn về chung sống hòa bình, dân chủ, bình đẳng, công bằng và khả năng gìn giữ hòa bình đang được củng cố.

+ Các vấn đề có tính toàn cầu như xung đột về sắc tộc, dân tộc, tôn giáo; dân số và sự di cư tìm kiếm việc làm, suy giảm môi trường và sinh thái, phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, nạn thất nghiệp... đòi hỏi các quốc gia phải quan tâm giải quyết.

+ Tệ nạn xã hội và bạo hành đang có xu hướng gia tăng trong các nhà trường.

Tất cả các vấn đề trên cần được đặt ra, xem xét và giải quyết bắt đầu từ giáo dục, bằng giáo dục.

Bốn là, chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam[①] :

[①] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020

Các chiến lược đột phá phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 là: *Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau*. Từ đó Đảng và Nhà nước Việt Nam đã xác định Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo (2011-2020) với những quan điểm chủ yếu là:

- Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu.

- Mở rộng giáo dục mầm non, hoàn thành phổ cập mầm non 5 tuổi. Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở với chất lượng ngày càng cao. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng dạy nghề và giáo dục chuyên nghiệp. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng và dạy nghề trong cả nước.

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp, bậc học.

Năm là, một số yêu cầu về phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay[①]

Thứ nhất, con người Việt Nam phải có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thứ hai, con người Việt Nam phải có trình độ chuyên môn cao, khả năng thích nghi nhanh và kỹ năng lao động giỏi.

Thứ ba, con người Việt Nam phải có đạo đức mới.

[①] Trần Thị Minh Ngọc (2016), Quan điểm về phát triển con người toàn diện ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5(102), 102-107.

Nói đến đạo đức mới là nói đến hệ thống các quy tắc, chuẩn mực quan hệ đạo đức, tương ứng với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế để phân biệt với hệ thống các quy tắc, chuẩn mực đạo đức đã từng tồn tại trong các thời kỳ trước đây.

Thứ tư, con người Việt Nam phải có thể lực tốt.

1.3.2.2. Mục tiêu của giáo dục Việt Nam

a. Mục tiêu giáo dục tổng quát

"Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế". (Luật giáo dục 2019)[①]

Thứ nhất, vấn đề nâng cao dân trí:

- Dân trí được hiểu là trình độ hiểu biết, trình độ văn hóa của người dân trong từng thời kỳ lịch sử nhất định. Dân trí biểu hiện trữ lượng hiểu biết văn hoá của một dân tộc. Mặt bằng dân trí được thể hiện bằng số năm học trung bình của người dân một nước vào một thời điểm nhất định.

- Nâng cao dân trí là kết quả tổng hợp của nhiều lĩnh vực giáo dục như giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội, giáo dục gia đình, trong đó giáo dục nhà trường giữ vai trò nòng cốt.

- Ý nghĩa của của việc nâng cao dân trí:

Đối với cá nhân: Làm cho người dân sống hạnh phúc

Đối với xã hội: Làm cho xã hội văn minh, tiến bộ, công bằng; là tiêu chuẩn để đánh giá trình độ phát triển của một quốc gia.

Tham gia giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu như: dân số, môi trường, bệnh tật...

- Các giải pháp cơ bản để nâng cao trình độ dân trí:

Con đường cơ bản để nâng cao dân trí là thực hiện phổ cập giáo dục.

Liên tục đổi mới, phát triển phù hợp và đáp ứng được các quá trình phát triển chung theo hướng nhân văn hóa, xã hội hóa, đa dạng hóa với những phương thức thích hợp.

Huy động mọi lực lượng, mọi tiềm năng của xã hội làm giáo dục, trong đó giáo dục nhà trường đóng vai trò nòng cốt.

Thứ hai, vấn đề đào tạo nhân lực:

Nhân lực là lực lượng lao động. Nói đến nguồn nhân lực là nói đến sức mạnh trí tuệ, tay nghề, năng lực, phẩm chất, sức khỏe của nhân lực.

[①] Luật giáo dục 2019, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật

Chất lượng và hiệu quả lao động trong thời đại cách mạng khoa học – công nghệ phụ thuộc vào trình độ đào tạo nhân lực.

Việc đào tạo nhân lực là trách nhiệm chính của hệ thống giáo dục quốc dân mà trực tiếp là ở hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục đại học.

Trong thực tế, nước ta dồi dào về nhân lực (khoảng trên 44 triệu người) nhưng chất lượng thấp, chưa đáp ứng với những yêu cầu của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

Theo tổng cục thống kê 2017, thị trường lao động Việt Nam khoảng 23% chưa qua đào tạo, 15% được đào tạo dưới 3 tháng, 10% đào tạo sơ cấp, 14% đào tạo trung cấp, 9% đào tạo cao đẳng, 24% đào tạo trình độ đại học, 2% đào tạo sau đại học, còn lại là các trình độ khác.

Cần phải nâng cao tỉ lệ người lao động được đào tạo nghề và đại học lên 70% vào 2020, đào tạo nghề theo hướng khoa học kỹ thuật cao; gắn đào tạo với việc phân phối, sử dụng lao động trong thị trường sức lao động phù hợp với luật pháp và quy luật phát triển của kinh tế xã hội.

Thứ ba, về bồi dưỡng nhân tài:

Nhân tài là những người có tài năng, nghĩa là người thông minh, trí tuệ phát triển, có năng lực làm việc giỏi, có một số phẩm chất nổi bật, giàu tính sáng tạo. Tài có cấu trúc gồm 4 tầng: khiếu (còn gọi là năng khiếu) – năng lực – tài năng – thiên tài. Cấu trúc này được hình thành trên nền tảng những tác động phức tạp qua lại giữa một bên là hoạt động của con người (chủ thể) và một bên là sự phát triển của các yếu tố di truyền được khơi dậy nhờ hoạt động có định hướng của chủ thể.

Nhân tài có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển xã hội. Họ là những người mở ra những mũi đột phá trong văn hóa, khoa học – công nghệ, tạo nên đà phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội và khoa học – kỹ thuật ở một nước. Vì vậy, ở thời đại nào, ở quốc gia nào người tài cũng được coi trọng.

Bồi dưỡng nhân tài trước hết phải phát hiện ra các tư chất (khiếu) ở trẻ, sau đó phát huy trong những điều kiện thuận lợi nhất thì khiếu đó sẽ bộc lộ và trở thành năng lực, có tài năng.

Việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tài là trách nhiệm của cả ba môi trường giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội), trong đó, gia đình giữ vai trò quan trọng.

Bồi dưỡng nhân tài phải đi đôi với thu hút và sử dụng nhân tài hợp lý, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức, các nhà khoa học có điều kiện tiếp cận và phát huy tiềm năng của họ.

Tóm lại, ba mục tiêu giáo dục trên có một mối quan hệ thống nhất biện chứng, tác động qua lại với nhau. Vì vậy, để thực hiện thành công sự nghiệp CNH - HĐH đất nước phải tiến hành thực hiện đồng thời 3 mục tiêu: *"nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"*.

b. Mục tiêu giáo dục nhà trường

Mục tiêu giáo dục mầm non: Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

Mục tiêu giáo dục tiểu học: Giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

Mục tiêu giáo dục trung học cơ sở: Giáo dục trung học cơ sở nhằm củng cố và phát triển kết quả của giáo dục tiểu học; bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục trung học phổ thông: Giáo dục trung học phổ thông nhằm trang bị kiến thức công dân; bảo đảm cho học sinh củng cố, phát triển kết quả của giáo dục trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và có hiểu biết thông thường về kỹ thuật, hướng nghiệp; có điều kiện phát huy năng lực cá nhân để lựa chọn hướng phát triển, tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu giáo dục nghề nghiệp: Giáo dục nghề nghiệp nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học trình độ cao hơn.

Mục tiêu giáo dục đại học: Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân.

1.3.3. Nguyên lý giáo dục

1.3.3.1. Khái niệm về nguyên lý giáo dục

Phương pháp giáo dục (theo nghĩa rộng) của nhà trường xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Đó là các nguyên tắc: giáo dục gắn chặt với đời sống, với thực tiễn xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc Chủ nghĩa xã hội; giáo dục phục vụ đường lối và nhiệm vụ cách mạng của Đảng cộng sản; giáo dục quán triệt mục đích đào tạo những người lao động mới, có nhân cách phát triển toàn diện và hài hòa; nội dung học vấn bao gồm những tinh hoa văn hóa của loài người và của dân tộc, mang tính khoa học hiện đại, thấm nhuần thế giới quan Mác – Lênin; lí luận đi đôi với thực hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất; giáo dục học sinh trong tập thể và thông qua tập thể; thống nhất quá trình dạy học và quá trình giáo dục và phát triển nhân

cách; kết hợp giáo dục của nhà trường với giáo dục của gia đình và của xã hội… Những nguyên tắc nói trên chỉ đạo việc tổ chức quá trình giáo dục, sẽ được nghiên cứu trong chương sau.

Trong các nguyên tắc nói trên, nguyên tắc cơ bản nhất chi phối phương pháp giáo dục (theo nghĩa rộng), tạo nên cái cốt lõi của phương pháp giáo dục mới, cái tinh thần mới của phương pháp đào tạo nhân cách xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Nguyên tắc cơ bản đó còn gọi là nguyên lí giáo dục. Nguyên lí giáo dục chỉ đạo việc xác định những nhiệm vụ giáo dục cụ thể, việc lựa chọn nội dung giáo dục, việc lựa chọn và sử dụng các hình thức tổ chức và các phương pháp dạy học và giáo dục.

1.3.3.2. Nội dung nguyên lý giáo dục

Khoản 2 điều 3 luật giáo dục 2019: "Hoạt động giáo dục phải thực hiện theo nguyên lý: học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội". (Luật giáo dục, 2019).[①]

Trong toàn bộ mệnh đề, điểm then chốt là giáo dục kết hợp với lao động sản xuất. Thực hiện đúng đắn và triệt để giáo dục kết hợp với lao động sản xuất sẽ tạo tiền đề cho việc học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với đời sống. Do vậy, những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, C.Mác và Ph.Ăngghen, đã coi việc "kết hợp giáo dục với lao động trong công xưởng" (những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản), "kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất" (tuyên ngôn của Đảng cộng sản) là yêu cầu có tính chất cương lĩnh của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và xây dựng thắng lợi xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Nguyên lý giáo dục, với tư cách là cái cốt lõi, cái cơ bản nhất của phương pháp giáo dục (hoặc phương thức đào tạo), cùng với mục đích giáo dục (hoặc mục tiêu đào tạo) là một cặp phạm trù cơ bản của giáo dục học. Mục đích giáo dục quy định phương pháp giáo dục, mà nguyên lí giáo dục là nội dung cơ bản. Phương pháo giáo dục, mà cốt lõi là nguyên lí giáo dục, bảo đảm việc thực hiện mục đích giáo dục. Thừa nhận mục đích giáo dục tất yếu phải thừa nhận nguyên lí giáo dục. Mục đích giáo dục cũng như nguyên lí giáo dục là những vấn đề thuộc quan điểm và lập trường giai cấp trong giáo dục, biểu hiện tập trung lợi ích giai cấp và cuộc đấu tranh giai cấp trong giáo dục.

1.3.4. Con đường giáo dục

1.3.4.1. Khái niệm con đường giáo dục

Những con đường giáo dục, về thực chất là những hoạt động cơ bản được tổ chức với sự tham gia tự giác, tích cực và sáng tạo của người được giáo dục, dưới tác dụng chủ đạo của nhà giáo dục, nhằm hình thành và phát triển nhân cách của người được giáo dục theo định hướng của mục đích, mục tiêu mà các nhiệm vụ giáo dục đã quy định.

① Luật giáo dục 2019, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật

Một số đặc điểm của các con đường giáo dục:

Một là, những con đường giáo dục có tính đa dạng có liên quan đến những hoạt động cơ bản.

Hai là, những con đường giáo dục đều mang một mục đích chung là giúp đỡ cho người được giáo dục hình thành và phát triển được nhân cách, song mỗi con đường với thế mạnh riêng của mình, góp phần hình thành và phát triển nhân cách mạnh mẽ ở những khía cạnh nhất định.

Ba là, mỗi con đường đều có sự thống nhất giữa các mục đích, nội dung, phương pháp và những phương tiện giáo dục nhất định nhằm tác động đến sự hình thành và phát triển nhân cách của người được giáo dục.

Bốn là, trong quá trình thực hiện những con đường giáo dục, người được giáo dục tham gia một cách tự giác, tích cực, độc lập với tư cách là chủ thể của hoạt động nhất định dưới sự chủ đạo của nhà giáo dục.

Năm là, những con đường giáo dục cần được vận dụng phối hợp, hợp lý với nhau vì không có con đường nào là vạn năng.

Sáu là, con đường giáo dục, khi được vận dụng phải phù hợp với đặc điểm sinh lý, đặc điểm lứa tuổi của người được giáo dục.

Bảy là, những con đường giáo dục không phải là nhất thành bất biến mà luôn luôn vận động và phát triển theo sự vận động và phát triển của kinh tế - xã hội, của khoa học công nghệ, của quá trình giáo dục cũng như của yêu cầu đối với nhân cách con người.

1.3.4.2. Các con đường giáo dục

Thứ nhất, con đường dạy học:

Ý nghĩa: Một trong những con đường quan trọng nhất để giáo dục thế hệ trẻ là đưa học sinh vào học tập trong nhà trường. Nhà trường là một tổ chức giáo dục chuyên nghiệp, có nội dung chương trình, có phương tiện và phương pháp hiện đại, do một đội ngũ các nhà sư phạm đã được đào tạo chu đáo thực hiện. Nhà trường là môi trường giáo dục thuận lợi, có một tập thể học sinh cùng nhau học tập, rèn luyện và tu dưỡng.

Dạy học là con đường cơ bản nhất trong tất cả các con đường giáo dục. Bởi vì:

- Trong nhà trường học sinh được trang bị một khối lượng lớn tri thức khoa học, được tiếp thu những khái niệm đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ, những quy tắc, những chuẩn mực xã hội qua các môn học.

- Nhờ học tập và thực hành theo các chương trình nội, ngoại khóa mà kỹ năng lao động trí óc và chân tay được hình thành, trí tuệ được mở mang, nhân cách được hoàn thiện.

- Dạy học là con đường giáo dục tích cực, chủ động ngắn nhất và có hiệu quả nhất giúp thế hệ trẻ tránh được những mò mẫm không cần thiết. (Con người được đào tạo chính quy bao giờ cũng thành đạt hơn những người không được học tập chu đáo).

Những *điều kiện* để phát huy tính giáo dục của con đường dạy học:

- Dạy học phải hướng vào học sinh, phải lấy học sinh làm trung tâm: tạo mục đích, động cơ, nhu cầu, hứng thú học tập đúng đắn, kích thích được tính tự giác, tích cực độc lập, sáng tạo của học sinh trên cơ sở định hướng, tổ chức, điều khiển của giáo viê.

- Hoạt động dạy học phải có trọng tâm, phải ưu tiên cho chất lượng. Muốn vậy phải không ngừng cải tiến và đổi mới phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học…

- Xã hội cần tạo mọi điều kiện bảo đảm cho người học nhận được sự nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe, sự hỗ trợ chung về thể chất và tình cảm…

Thứ hai, con đường hoạt động lao động:

Lao động là hình thức hoạt động đặc biệt của con người, lao động tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần nhằm thoả mãn nhu cầu cuộc sống của con người và chính trong lao động con người cũng cải tạo cơ bản bản thân mình… Hoạt động lao động được đưa vào nhà trường với tư cách là một con đường giáo dục có *ý nghĩa* vô cùng quan trọng:

- Lao động là phương tiện hữu hiệu để phát triển các mặt giáo dục toàn diện của nhân cách như trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, thể chất…

- Hoạt động lao động được tổ chức một cách đúng đắn trong nhà trường không những giúp cho học sinh biết làm một số công việc lao động trước mắt mà còn chuẩn bị thiết thực cho học sinh về mặt tâm lý cũng như các phẩm chất và năng lực cần thiết khác để tham gia lao động trong tương lai.

Những dạng hoạt động lao động cơ bản của học sinh như lao động tự phục vụ; Lao động sản xuất; Lao động công ích …

Một số *yêu cầu* cơ bản khi tổ chức hoạt động lao động cho học sinh:

- Lao động phải mang ý nghĩa giáo dục…

- Đảm bảo tính tập thể, tính vừa sức, tính sáng tạo của hoạt động lao động.

- Đảm bảo tính thường xuyên liên tục của các hoạt động lao động, tăng dần tính phức tạp của hoạt động lao động theo lứa tuổi.

- Tổ chức cho học sinh tự giác, tích cực tham gia vào nhiều hình thức lao động khác nhau, kích thích tính sáng tạo của học sinh trong lao động…

Thứ ba, con đường hoạt động xã hội – chính trị:

Hoạt động xã hội- chính trị là hình thức hoạt động của cá nhân với các mối quan hệ giao tiếp đa dạng trong cộng đồng, trong một môi trường xã hội nhất định. Tham gia vào các hoạt động xã hội, con người được giao lưu với nhiều cá nhân và tập thể khác nhau, nhờ đó các phẩm chất nhân cách của mỗi cá nhân càng phát triển, đồng thời cá nhân cũng góp phần tham gia phát triển xã hội. Ý nghĩa của hoạt động xã hội thể hiện:

- Hoạt động xã hội tạo cơ hội và điều kiện cho học sinh thâm nhập vào cuộc sống, gắn bó với cuộc sống, có ý thức ngày càng đầy đủ và sâu sắc mình là một thành viên của xã hội.

Trong quá trình tham gia vào cuộc sống xã hội học sinh nhận thức và chấp nhận những khuôn mẫu và chuẩn mực xã hội, thích nghi với các chuẩn mực ấy và chuyển chúng thành những giá trị của bản thân.

- Thông qua các hoạt động xã hộ, kiến thức của học sinh về con người, về xã hội càng thêm phong phú và mở rộng, kỹ năng giao tiếp, ứng xử có văn hóa với mọi người sẽ đa dạng, sâu sắc và nhuần nhuyễn hơn; trình độ văn hóa và phẩm chất đạo đức của học sinh được nâng cao hơn.

- Các hoạt động xã hội không chỉ đem lại hệ thống giá trị cho cá nhân, tạo điều kiện cho cá nhân thích ứng với nếp sống và các định chế của xã hội, mà còn *tạo điều kiện và cơ hội cho cá nhân đóng góp* sức lực, trí tuệ của mình vào sự phát triển xã hội, phát triển tính tích cực của cá nhân trong việc sáng tạo thêm và làm phong phú kho tàng văn hóa của xã hội.

Nội dung và hình thức hoạt động xã hội rất phong phú và đa dạng. Tuỳ lứa tuổi học sinh mà chọn những hình thức phù hợp. Đó là những hoạt động có liên quan đến những dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, xã hội trong nước và quốc tế, các hoạt động tìm hiểu truyền thống tốt đẹp của nhà trường, địa phương, dân tộc; các hoạt động nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện…

Một số yêu cầu khi tổ chức các hoạt động xã hội:

- Nhà trường cần tổ chức nhiều dạng hoạt động xã hội phong phú, đa dạng, có liên quan đến nhiều lĩnh vực phù hợp với những đặc điểm tâm sinh lý học sinh.

- Những hoạt động xã hội cần gắn với cộng đồng, trước hết là với cộng đồng địa phương, tạo nên sự gắn bó giữa học sinh và cộng đồng.

- Cần phát huy tinh thần tự giác, tích cực và sáng tạo, tinh thần tự quản của học sinh. Giáo viên đóng vai trò cố vấn, định hướng, hướng dẫn cho học sinh hoạt động.

- Trong qúa trình tổ chức các hoạt động xã hộ, cần phối hợp với các tổ chức Đoàn. Đội, Hội cha mẹ học sinh…

Thứ tư, con đường hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao:

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật có tác dụng giáo dục rất tích cực đối với học sinh. Đây được xem là "món ăn tinh thần" không thể thiếu được trong đời sống tập thể hàng ngày:

- Hoạt động văn hóa, nghệ thuật giúp tinh thần học sinh sảng khoái hơn, bớt được những căng thẳng trong việc học tập.

- Hoạt động này giáo dục học sinh biết cách cảm thụ nghệ thuật, cảm thụ cái hay, cái đẹp của con người, của cuộc sống…tạo nên ở học sinh những xúc cảm thẩm mỹ, những tình cảm đẹp đẽ, phát triển tâm hồn tự nhiên, trong sáng.

- Hoạt động này giáo dục cho học sinh những phẩm chất đạo đức như tình yêu quê hương, đất nước, yêu con người.

Nội dung và hình thức hoạt động văn hoá nghệ thuật trong nhà trường rất đa dạng như hát, múa, kể chuyện, ngâm thơ, tấu hài, vẽ, kịch, tạo hình, biểu diễn thời trang…

Những yêu cầu khi tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao:

- Các hoạt động phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, hứng thú, sở thích học sinh.

- Đảm bảo phát huy, phát triển được tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học sinh, rèn luyện kỹ năng tự quản.

- Đa dạng hóa các hình thức hoạt động văn hoá nghệ thuật, có sự thay đổi liên tục nhằm kích thích, thu hút và phát triển tiềm năng của học sinh.

Thứ năm, con đường hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch:

Vui chơi là một dạng hoạt động có ý nghĩa giáo dục quan trọng:

- Giúp học sinh phát triển nhiều phẩm chất đạo đức như tình thân ái, đoàn kết, lòng trung thức, tinh thần cộng đồng trách nhiệm, khắc phục những nét xấu như tính ích kỷ, chơi trội, giả dối…

- Giúp học sinh có cơ hội nâng cao hiểu biết về tự nhiên, xã hội, phát triển trí thông minh, sáng tạo, phát triển năng khiếu...

- Giúp học sinh phát triển óc thẩm mỹ, cảm thụ cái đẹp, sáng tạo cái đẹp trong cuộc sống

- Giúp học sinh thoải mái dễ chịu, phục hồi sức khoẻ sau những giờ học tập, lao động, phát triển những phẩm chất vận động qua những trò chơi vận động, qua các hoạt động dã ngoại, du lịch...

- Giúp học sinh hình thành và phát triển các kỹ năng hoạt động: tổ chức, điều khiển, thích ứng, giao tiếp, hợp tác, kiểm tra, đánh giá…

Những yêu cầu để hoạt động vui chơi phát huy tốt tác dụng:

- Hoạt động vui chơi phải có nội dung phong phú, hình thức đa dạng, hấp dẫn, các hoạt động vui chơi phải liên quan đến nhiều lĩnh vực như khoa học – kỹ thuật (trò chơi điện tử, đố vui…), văn học – nghệ thuật (diễn kịch, hài…), văn hoá, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giải trí thư giãn…

- Kích thích hứng thú và tính tự nguyện tự giác của học sinh trong hoạt động vui chơi dưới sự quản lý của giáo viên.

- Tổ chức các hoạt động vui chơi một cách có kế hoạch với những điều kiện cần thiết (sân bãi, đồ chơi, dụng cụ…).

- Thu hút các lực lượng xã hội và tận dụng các điều kiện có sẵn hợp lý.

Tóm lại, các con đường giáo dục có mối quan hệ biện chứng đan kết, xâm nhập và hỗ trợ nhau. Trong qúa trình giáo dục cần tổ chức tốt từng con đường đồng thời phối hợp đồng bộ hài hoà các con đường giáo dục.

1.4. Hoạt động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường trung học

1.4.1. Nhà trường trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân[①]

1.4.1.1. Vị trí của trường trung học trong hệ thống giáo dục quốc dân

Điều 2 Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học quy định:

Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

1.4.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học

Điều 3 Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học quy định Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học.

Trường trung học có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông dành cho cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

2. Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

6. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

7. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.

8. Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

1.4.2. Vị trí, chức năng của người giáo viên

1.4.2.1. Người giáo viên trong các chế độ xã hội trước đây

Chức năng giáo dục là chức năng đặc trưng của xã hội loài người. Chức năng này dần dần được trao cho người giáo viên (những người được giao nhiệm vụ giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ). Vì vậy, ngay từ khi mới ra đời nghề dạy học đã mang ý nghĩa xã hội to lớn.

Trong xã hội có sự phân chia giai cấp, người giáo viên dù muốn hay không đều phải thực hiện những ý đồ chính trị, tư tưởng và đạo đức của giai cấp thống trị. Để bảo vệ và củng cố chế độ xã hội đương thời, giai cấp thống trị luôn tìm cách nắm giữ đội ngũ giáo viên. Tuy nhiên chỉ có một bộ phận giáo viên làm việc trong các nhà trường dành cho con em giai cấp

[①] Bộ giáo dục và Đào tạo (2011), Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

thống trị là có điều kiện sinh hoạt thuận lợi, còn vị trí của đại bộ phận giáo viên không tương xứng với ý nghĩa xã hội to lớn của nghề dạy học.

Người giáo viên, nhất là những giáo viên tiểu học ở nông thôn có đời sống vật chất cực kì khó khăn, không được tôn trọng về mặt pháp lí, bị coi thường, luôn phải chịu những sự bất công. Điều đó đã làm mòn mỏi tư duy sinh động, tính độc lập sáng tạo của người giáo viên.

Người giáo viên Việt Nam trong thời kì đất nước chịu sự thống trị của ngoại xâm, không thoát khỏi tình trạng trên. Tuy nhiên phải thừa nhận một bộ phận giáo viên nước ta đã là tấm gương của ý chí tự lập tự cường, tinh thần độc lập tự do, tấm lòng yêu nước, thương nòi, yêu trẻ lòng ham học, nếp sống thanh bạch và cao thượng. Một số nhà giáo đã sớm hòa mình cùng nhân dân lao động đấu tranh chống cường quyền và bóc lột trở thành những chiến sĩ đấu tranh cho dân tộc và bình đẳng xã hội.

Ngay từ thời trước đã có một số nhà giáo dục tiến bộ đã ca ngợi ý nghĩa cao cả của nghề dạy học, vai trò cao quí của người giáo viên:

A.A Comenxki (Tiệp Khắc) (1592 - 1670) đã coi chức vụ mà xã hội trao cho người giáo viên là "chức vụ vinh quang mà dưới ánh mặt trời này không có chức vụ nào cao quí hơn"

Dixtecvec (Đức) cho rằng: Vai trò của người giáo viên là vô cùng vì "Đối tượng của sự chăm sóc của giáo viên không phải là hòn đất mà là con người", "Không có người giáo viên thì thế giới sẽ trở về thời đại dã man"

KĐ Usinxki cũng đánh giá rất cao vai trò của người giáo viên. Ông nhấn mạnh rằng sự nghiệp dạy học trông bề ngoài thì rất bình thường nhưng đó là sự nghiệp vĩ đại nhất của lịch sử loài người.

Ở nước ta từ xưa người thầy giáo đã được nhân dân yêu mến ca ngợi: "Không thầy đố mày làm nên", "Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con yêu chữ thì yêu lấy thầy".

1.4.2.2. Người giáo viên trong xã hội mới

Dưới chế độ mới, trong điều kiện tiến bộ về kinh tế - xã hội, trong điều kiện đất nước độc lập tự chủ nhất là trong điều kiện xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, người giáo viên mới thực sự được đưa lên vị trí xã hội xứng đáng, được coi trọng, có những điều kiện để phát huy hết tài năng sáng tạo.

Đảng Cộng sản Việt Nam và chính quyền nhân dân ở nước ta đã:

- Coi đội ngũ giáo viên là lực lượng cốt cán của sự nghiệp giáo dục, thường xuyên chăm lo nâng cao uy tín của người giáo viên, cải thiện điều kiện lao động của họ.

- Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII khi xác định giáo dục là quốc sách hàng đầu cũng đã khẳng định vai trò có tính chất quyết định của đội ngũ giáo viên đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Giáo dục phổ thông nói chung, giáo dục trung học nói riêng là "nền tảng văn hóa của một nước, là sức mạnh tương lai của một dân tộc".

Trong điều kiện phát triển đi lên của đất nước, vai trò của người giáo viên đối với sự tiến bộ xã hội không ngừng gia tăng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Có gì vẻ vang hơn là đào tạo thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Người thầy giáo tốt - xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh".

1.4.2.3. Người giáo viên trong thời kì đổi mới

- Xuất phát từ tình hình thực tiễn có những biến đổi to lớn không ngừng xảy ra trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật làm cho vai trò và chức năng của người giáo viên ngày càng nặng nề thêm.

- Giáo dục ngày nay đang thay đổi theo hướng:

+ Đảm bảo cho mọi người đều được học để phát triển trên nhiều mặt.

+ Nội dung giáo dục phải phù hợp với yêu cầu cá nhân và xã hội.

+ Phương pháp giáo dục phải hướng mạnh mẽ vào việc phát huy vai trò chủ động và tích cực của người học.

- Vai trò và chức năng của người giáo viên:

+ Sự chuyển đổi từ chức năng truyền đạt thông tin đến việc định hướng, tổ chức, hướng dẫn học sinh lựa chọn và xử lí thông tin cần thiết.

+ Chức năng truyền đạt thông tin không mất đi, nhưng tính chất của nó đã thay đổi:

Trước đây nguồn thông tin chủ yếu do thầy truyền đạt; ngày nay các phương tiện thông tin đại chúng phát triển, phong phú, gắn với cuộc sống và cập nhật hơn so với sách giáo khoa. Điều đó làm cho học sinh tiếp nhận được rất nhiều thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Vì vậy cần có sự định hướng, hướng dẫn của giáo viên, để học sinh chọn lựa những thông tin thích hợp.

- Phương pháp dạy học của người giáo viên cũng thay đổi

Để đào tạo những con người "năng động, sáng tạo, có khả năng thích ứng cao, có năng lực giải quyết vấn đề đặt ra đối với cuộc sống, với cộng đồng" mà NQ4 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII đã đề ra, thì phương pháp dạy học phải được thay đổi theo hướng vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại, áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào quá trình dạy học, người giáo viên trở thành người tổ chức, hướng dẫn quá trình nhận thức, quá trình hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết cho lao động, sinh hoạt trong một xã hội đang biến đổi không ngừng.

1.4.3. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên

Đặc điểm lao động của người giáo viên là một dạng lao động đặc thù do mục đích, đối tượng, công cụ của lao động sư phạm qui định.

1.4.3.1. Về mục đích của lao động sư phạm

Hoạt động lao động nào cũng nhằm đạt được mục đích là tạo ra sản phẩm. Sản phẩm ấy có thể là vật chất, có thể là những sản phẩm tinh thần.

Mục đích của lao động sư phạm nhằm giáo dục – đào tạo thế hệ trẻ, hình thành ở họ những phẩm chất, năng lực mà xã hội yêu cầu.

Nói cách khác lao động sư phạm góp phần sáng tạo ra con người, ra nhân cách mới, nghề dạy học là "trồng người". Vì vậy, nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý.

Đặc điểm nói trên phải được các thầy cô giáo ý thức một cách sâu sắc, đầy đủ, phải biến nó hành động. Có như vậy hoạt động cụ thể của họ mới được tiến hành một cách sáng tạo. Ngược lại mù quáng sẽ dẫn đến những hậu quả xấu, có tác hại lâu dài, nghiêm trọng không lường hết được kết quả.

1.4.3.2. Về đối tượng của lao động sư phạm

Đối tượng của lao động sư phạm là trẻ em, học sinh. Học sinh có những đặc điểm cụ thể sau:

- Là lứa tuổi nhân cách đang hình thành và phát triển.

- Học sinh không chỉ chịu ảnh hưởng của người giáo viên mà còn chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác như gia đình, bạn bè, môi trường tự nhiên và xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng... Những nhân tố này có thể tác động thống nhất theo hướng tích cực nhưng cũng có khi không thống nhất với nhau.

Vì vậy, chủ thể lao động sư phạm cần có khả năng phối hợp, thống nhất các ảnh hưởng và tác động theo hướng tích cực nhằm đạt hiệu quả tối ưu.

- Học sinh có đặc điểm tâm lý chung nhưng khác nhau ở những đặc điểm cá tính riêng của mỗi cá nhân.

Cùng một tác động sư phạm, đối với những học sinh khác nhau sẽ có hiệu quả khác nhau, hiệu quả đó có thể là tích cực hoặc tiêu cực.

- Học sinh không chỉ là đối tượng tác động của giáo viên mà còn là chủ thể của các hoạt động sư phạm.

Vì vậy, quá trình sư phạm chỉ đem lại hiệu quả cao và vững chắc khi phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học sinh…

1.4.3.3. Về công cụ của lao động sư phạm

Công cụ của lao động sư phạm là công cụ đặc biệt. Công cụ của lao động sư phạm chủ yếu của người giáo viên là:

- Hệ thống tri thức và kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên.

- Những dạng hoạt động mà giáo viên thu hút học sinh tham gia.

- Phẩm chất đạo đức và nhân cách của giáo viên.

Đặc điểm này đòi hỏi người giáo viên phải thường xuyên rèn luyện bản thân, nâng cao trình độ về mọi mặt của mình. Coi đó là biện pháp chủ yếu, quan trọng hàng đầu để nâng cao hiệu quả hoạt động sư phạm.

1.4.3.4. Sản phẩm của lao động sư phạm

Sản phẩm của lao động sư phạm là con người. Trải qua quá trình giáo dục, đào tạo những người đó đã thay đổi về chất. Họ đã chuẩn bị về mọi mặt để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống. Họ sẽ là một bộ phận của lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội, góp phần làm ra các sản phẩm vật chất và tinh thần, tương lai đất nước phần lớn phụ thuộc vào họ.

Đặc điểm này đòi hỏi người giáo viên trong lao động phải hết sức thận trọng, nhẫn nại trong công việc, phải thường xuyên kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục một cách khoa học, tuyệt đối không cho ra đời những sản phẩm loại 2, những thứ phẩm.

1.4.3.5. Điều kiện của lao động sư phạm

- Thời gian thực hiện lao động sư phạm: được chia làm 2 bộ phận chính là thời gian làm việc theo qui chế và thời gian làm việc ngoài qui chế.

Bộ phận theo qui chế gắn liền với thời gian dạy trên lớp theo thời khóa biểu và tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học ngoài lớp học căn cứ vào chương trình, thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn, hành chính, thực hiện các hoạt động của nhà trường.

Bộ phận thời gian ngoài qui chế gắn liền với thời gian làm việc để soạn bài, chấm bài, nghiên cứu khoa học.

Hai bộ phận thời gian này đều quan trọng, liên quan mật thiết với nhau và thống nhất với nhau nhằm thực hiện mục đích của hoạt động sư phạm.

- Không gian của lao động sư phạm: được tiến hành trong 2 phạm vi không gian: Ở trường và ở nhà tương ứng với 2 bộ phận thời gian.

Như vậy, lao động sư phạm là một dạng lao động sản xuất đặc thù, trong đó đối tượng, công cụ lao động chủ yếu, sản phẩm của lao động sư phạm đều là con người. Lao động sư phạm thuộc dạng lao động có mối quan hệ người - người. Điều này làm cho lao động sư phạm mang tính sáng tạo cao, sáng tạo ra những con người sáng tạo. Vì vậy, giáo dục không thể có những "đơn thuốc cho sẵn".

Mặt khác, lao động sư phạm là một dạng lao động sản xuất đặc thù, lao động sản xuất phi vật chất. Về mặt hiệu quả, giáo dục đứng hàng thứ 2 sau hoạt động khoa học.

Người giáo viên cần thấy rõ những đặc điểm của lao động sư phạm để có thể tổ chức, điều khiển quá trình lao động sư phạm một cách khoa học nhằm đạt kết quả tối ưu.

Các cơ quan quản lí giáo dục cần thấy rõ những đặc điểm của lao động sư phạm để trên cơ sở đó có chế độ và chính sách thích hợp để đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng tốt đội ngũ giáo viên, tạo điều kiện thuận lợi cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục trẻ.

1.4.4. Những yêu cầu đối với nhân cách của người giáo viên

Trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, người giáo viên sử dụng công cụ chủ yếu là toàn bộ nhân cách của mình để tác động đến học sinh. Để việc sử dụng công cụ có hiệu quả, người giáo viên phải rèn luyện toàn bộ nhân cách của mình.

1.4.4.1. Phẩm chất đạo đức của người giáo viên

- Có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có niềm tin cách mạng trong mối liên hệ chặt chẽ với lý tưởng nghề nghiệp, niềm tin nghề nghiệp. Thực tiễn giáo dục đã chỉ rõ rằng với sự giác ngộ cách mạng, niềm tin nghề nghiệp, niềm tin cách mạng đội ngũ giáo viên đã góp phần quan trọng của sự nghiệp cách mạng, đã ngăn chặn và hạn chế được nhiều biểu hiện tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của người thầy.

- Có tình cảm trong sáng, cao thượng: Lòng yêu thương trẻ, yêu nghề, hứng thú và có nhu cầu làm việc với thế hệ trẻ; Yêu thương đùm bọc mọi học sinh; Vui sướng với những tiến bộ của học sinh; Lo lắng có trách nhiệm trước những lệch lạc hoặc chậm tiến của học sinh.

Tình cảm đó sẽ tạo nên sức mạnh, sẽ nhen nhóm và bùng lên ngọn lửa nhiệt tình, họ sẽ có thái độ ân cần, trìu mến, chân thành với học hành luôn luôn nỗ lực chăm lo cho chúng trở nên con người mới, có ích cho xã hội.

- Có hàng loạt những phẩm chất khác giúp họ có bản lĩnh vững vàng, có nghệ thuật khéo léo trước học sinh. Đó là tính kiên trì, nhẫn nại, thái độ tự kiềm chế và chủ động trong đối xử với học sinh. Nếp sống giản dị, khiêm tốn, lịch sự...

1.4.4.2. Năng lực sư phạm của người giáo viên

Có hệ thống tri thức sâu rộng đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp: tri thức văn hóa chung, tri thức khoa học chuyên môn; tri thức khoa học giáo dục; tri thức công cụ giúp hoàn thiện nhân cách (tin học, ngoại ngữ, phương pháp nghiên cứu khoa học)

Có hệ thống kỹ năng sư phạm bao gồm 2 nhóm:

- Hệ thống kỹ năng nền tảng bao gồm:

+ Nhóm kỹ năng thiết kế (Xây dựng kế hoạch).

+ Nhóm kỹ năng tổ chức, triển khai hoạt động.

+ Nhóm kỹ năng giao tiếp, ứng xử

+ Nhóm kỹ năng nhận thức.

- Hệ thống kỹ năng chuyên biệt bao gồm:

+ Nhóm kỹ năng dạy học.

+ Nhóm kỹ năng giáo dục.

+ Nhóm kỹ năng nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học giáo dục.

+ Nhóm kỹ năng hoạt động xã hội.

+ Nhóm kỹ năng tự học.

Ví dụ: Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ nói, kĩ năng trình bày bảng, kĩ năng đặt câu hỏi cho học sinh…; kĩ năng tìm hiểu, nghiên cứu đối tượng giáo dục, kĩ năng thiết lập mối quan hệ thuận lợi với học sinh…

Hệ thống những tri thức và kĩ năng tổ hợp lại tạo thành năng lực sư phạm của người giáo viên.

1.4.4.3. Về sức khỏe

Lao động sư phạm của người lao động giáo viên là lao động trí tuệ căng thẳng và nặng nhọc. Vì vậy đòi hỏi người thầy giáo phải có sức khỏe. Sức khỏe của người giáo viên bao gồm: Sức khỏe về thể chất và sức khỏe về tinh thần.

1.4.5. Người giáo viên và việc không ngừng hoàn thiện nhân cách

1.4.5.1. Nhân cách người thầy giáo được hình thành liên tục bao gồm các giai đoạn

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách người giáo viên được diễn ra trong các giai đoạn sau:

- Giai đoạn hướng nghiệp khi học sinh ở nhà trường phổ thông.
- Giai đoạn học ở nhà trường đại học.
- Giai đoạn lao động trong thực tiễn giáo dục.

1.4.5.2. Để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp, nhất là trong điều kiện của sự bùng nổ thông tin, điều kiện gia tốc của sự phát triển ở trẻ em, người giáo viên khi bước vào nghề vẫn phải luôn tự hoàn thiện nhân cách giáo viên bằng nhiều hình thức.

- Học thêm để nâng cao trình độ, đạt và vượt trình độ chuẩn.
- Tự học, tự bồi dưỡng.
- Nghiên cứu khoa học.
- Học hỏi ở đồng nghiệp.

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1

1. Giáo dục ra đời và phát triển bắt nguồn từ đâu và do đâu?

2. Tính lịch sử - xã hội, tính giai cấp và tính kế thừa của giáo dục thể hiện như thế nào? Từ các tính chất đó chúng ta cần lưu ý gì khi làm công tác giáo dục ?

3. quá trình sư phạm tổng thể là gì? Nó có những quá trình bộ phận nào ? Chức năng trội của từng quá trình là gì?

4. Phân tích các yếu tố cấu thành của quá trình sư phạm.

5. Nêu tên các phương pháp nghiên cứu giáo dục học.

6. Trình bày khái niệm nhân cách, sự hình thành và phát triển của nhân cách dưới góc độ giáo dục học.

7. Trình bày vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách. Để giáo dục phát huy được vai trò chủ đạo, thì cần phải đảm bảo những điều kiện cơ bản gì?

8. Phân tích vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội.

9. Tại sao trong hoạt động giáo dục (hoặc mọi quá trình giáo dục) bao giờ cũng phải bắt đầu từ việc xác định đúng đắn mục tiêu của hoạt động giáo dục?

10. Phân tích mục tiêu tổng quát của nền giáo dục nước ta.

11. Hãy nêu nội dung nguyên lý giáo dục của nước ta hiện nay. Theo anh chị cần có những biện pháp gì để thực hiện nguyên lý giáo dục trong điều kiện hiện nay của nước ta.

12. Trình bày ý nghĩa, tác dụng của các con đường giáo dục. Để thực hiện con đường giáo dục đó có hiệu quả cần lưu ý điều gì?

13. Nêu vị trí, vai trò của người giáo viên trong xã hội và trong nhà trường.

14. Hãy phân tích những đặc điểm của lao động sư phạm. Từ đó rút ra được những bài học sư phạm cần thiết?

15. Hãy phân tích những yêu cầu đối với nhân cách giáo viên.

16. Anh (chị) đã và sẽ làm gì để đáp ứng những yêu cầu đối với nhân cách giáo viên?

CHƯƠNG 2
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC TRUNG HỌC

2.1. Khái quát về quá trình dạy học

2.1.1. Dạy học là gì?

Quá trình dạy học là một quá trình trong đó, dưới sự lãnh đạo, tổ chức, điều khiển của người giáo viên, người học tự giác, tích cực, chủ động, biết tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức - học tập của mình để thực hiện các nhiệm vụ dạy học nhằm hình thành và phát triển nhân cách.

- Quá trình dạy học là một bộ phận của quá trình sư phạm tổng thể

- Chức năng chủ yếu của quá trình dạy học là hình thành tri thức khoa học, kỹ năng vận dụng tri thức, phát triển trí tuệ, giáo dục thế giới quan.

2.1.2. Mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò

Giai đoạn	Dạy (thầy)	Học (trò)
Chuẩn bị/Trước khi lên lớp	- Chuẩn bị dài hạn: xây dựng kế hoạch dạy học cho 1 học kỳ/cả năm - Chuẩn bị ngắn hạn: + Thiết kế giáo án: Nghiên cứu tài liệu giáo khoa Xác định mục tiêu Xác định nội dung Xác định phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức Xác định phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá	Tiếp nhận nhiệm vụ, kế hoạch do giáo viên đề ra: + Chủ động tích cực thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên đề ra. + Chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình.
Thực hiện/trong khi lên lớp	- Tổ chức hoạt động dạy của mình và hoạt động học của học sinh: + Kích thích thái độ + Tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới, hình thành kỹ năng kỹ	- Thực hiện hành động và các thao tác nhận thức nhằm giải quyết nhiệm vụ của giáo viên đề ra: + Tổ chức, điều khiển hoạt động học tập của mình dưới sự tổ chức, hướng dẫn

	xảo và hình thành phẩm chất đạo đức, nhân cách. + Tổ chức đánh giá kết quả học tập của học sinh và tổ chức, điều khiển học sinh tự đánh giá kết quả học tập của học sinh. - Tổ chức nhận xét,đánh giá việc bài học.	của giáo viên. + Tự tổ chức, điều khiển hoạt động học tập của bản thân. + Tự đánh giá kết quả học tập của bản thân. > Phân tích kết quả học tập để điều chỉnh và sửa chữa.
Sau khi lên lớp/ Phân tích kết quả một bước (giai đoạn, quá trình) dạy học nhất định	- Phân tích kết quả của một bài học - Điều chỉnh kế hoạch và việc tổ chức thực hiện kế hoạch	- Học sinh đánh giá và điều chỉnh hoạt động học tập của bản thân theo yêu cầu của giáo viên và yêu cầu của bản thân. - Thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ của giáo viên và bản thân đề ra.

Như vậy, dạy và học được thực hiện đồng thời một nội dung và hướng tới một mục đích. Giáo viên có vai trò chủ đạo: hướng dẫn, tổ chức, quản lý, điều khiển, điều chỉnh, cổ vũ cho hoạt động học và người học. Học sinh với vai trò chủ động: tích cực, tự giác, động lập, sáng tạo, tự tổ chức, tự điều chỉnh nhằm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.1.3. Các thành tố của quá trình dạy học

Theo quan điểm hiện đại, quá trình dạy học là một hệ thống cấu trúc hoàn chỉnh bao gồm nhiều nhân tố và những nhân tố đó có quan hệ biện chứng với nhau. Và chính những mối quan hệ này phản ánh tính qui luật của quá trình dạy học.

2.1.3.1. Mục đích dạy học

Mục đích dạy học là sự phản ánh một cách tập trung nhất những yêu cầu của xã hội đối với quá trình dạy học. Trên cơ sở xây dựng mục đích dạy học mới xác định được nhiệm vụ dạy học.

Nói một cách khác, mục đích dạy học qui định những yêu cầu về tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, yêu cầu về phát triển trí tuệ và giáo dục cho học sinh. Do đó mục đích dạy học giữ vị trí quan trọng hàng đầu và nó có chức năng định hướng hoạt động của giáo viên và học sinh, đồng thời nó định hướng cho các nhân tố khác của quá trình dạy học, định hướng cho sự phát triển nói chung của quá trình dạy học.

2.1.3.2. Nội dung dạy học

Nội dung dạy học là một nhân tố cơ bản của quá trình dạy học, nó qui định hệ thống những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mà học sinh cần phải nắm vững, và qui định nội dung hoạt

động của giáo viên và học sinh.

- Tạo nên nội dung hoạt động cơ bản của quá trình dạy học: Nội dung giảng dạy của giáo viên và nội dung hoạt động của học sinh.

2.1.3.3. Các phương pháp và phương tiện dạy học

Phương pháp và phương tiện dạy học là hệ thống những cách thức, phương tiện hoạt động phối hợp của người dạy và người học nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học. Có chức năng quan trọng là xây dựng phương thức hoạt dộng dạy và hoạt động học.

2.1.3.4. Giáo viên với hoạt động dạy và học sinh với hoạt động học

Đây là 2 nhân tố đặc trưng cơ bản của quá trình dạy học

Giáo viên với hoạt động dạy có chức năng tổ chức điều khiển, lãnh đạo hoạt động học tập của học sinh, đảm bảo cho học sin h thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao những yêu cầu đã được qui định phù hợp với mục đích giáo dục và đào tạo.

- Học sinh với hoạt động học giữ vai trò tích cực chủ động, quyết định chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học (vừa là khách thể vừa là chủ thể của quá trình dạy học).

2.1.3.5. Kết quả dạy học

Phản ánh kết quả hoạt động chung của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học.

Chú ý:

- Tất cả các nhân tố cấu trúc của hệ thống quá trình dạy học tồn tại trong mối quan hệ qua lại thống nhất với nhau.

- Toàn bộ hệ thống này lại có mối quan hệ qua lại và thống nhất với các môi trường của nó (Môi trường chính trị - xã hội và môi trường Khoa học kĩ thuật). Các môi trường một mặt đòi hỏi hoàn thiện quá trình dạy học để phục vụ cho chúng, mặt khác chúng tạo điều kiện cho việc hoàn thiện quá trình dạy học.

2.1.4. Ý nghĩa của quá trình dạy học

- Dạy học là con đường thuận lợi nhất giúp học sinh trong khoảng thời gian ngắn nhất có thể nắm vững một khối lượng tri thức với chất lượng cần thiết, vì:

Quá trình dạy học được tiến hành một cách có tổ chức, có kế hoạch với nội dung dạy học phong phú, hình thức tổ chức dạy học đa dạng, với sự lãnh đạo, điều khiển linh hoạt của người thầy giáo.

Hoạt động nhận thức của học sinh được thực hiện trong điều kiện rất thuận lợi. Học sinh dễ dàng và nhanh chóng nắm được hệ thống những chân lý khoa học mà các nhà khoa học phải trải qua hàng thế kỷ mới phát hiện ra và tổng kết được.

- Dạy học là con đường quan trọng bậc nhất giúp học sinh phát triển một cách có hệ thống năng lực hoạt động trí tuệ nói chung và năng lực tư duy sáng tạo.

Trong qua trình dạy học có sự gia công sư phạm cần thiết nên học sinh nắm nhanh chóng và có hiệu quả hệ thống tri thức khoa học cần thiết. Chính hệ thống những tri thức này

được nắm vững trên cơ sở học sinh tiến hành các thao tác hoạt động trí tuệ, đặc biệt là thao tác tư duy. Mặt khác, các thao tác hoạt động trí tuệ, thông qua đó lại được phát triển và hoàn thiện thêm một bước.

- Dạy học là một trong những con đường chủ yếu góp phần giáo dục cho học sinh thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và những phẩm chất đạo đức của con người mới.

Bởi vì nhờ dạy học, học sinh có thể nhanh chóng nắm vững có hiệu quả hệ thống những tri thức khoa học cần thiết. Chính những tri thức khoa học này giúp học sinh dần dần nắm được bản chất của thế giới quan, của tự nhiên, của xã hội, của tư duy, rút ra những quy luật vận động và phát triển của chúng và tập vận dụng những tri thức đã học vào việc cải tạo tự nhiên, xã hội và bản thân. Những tri thức đó giúp học sinh có quan điểm, có suy nghĩ và đặc biệt là có những hành động đúng đắn, trong mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội và đối với bản thân.

Với ý nghĩa trên, chúng ta có thể coi dạy học là hoạt động đặc trưng nhất, chủ yếu nhất của nhà trường để hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh, để góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài.

2.1.5. Nhiệm vụ dạy học

Để thực hiện mục đích giáo dục, trên cơ sở tính đến đặc điểm của quá trình dạy học và đặc điểm hoạt động nhận thức của học sinh, quá trình dạy học có 3 nhiệm vụ chủ yếu:

1. Tổ chức, điều khiển học sinh nắm vững hệ thống tri thức phổ thông, cơ bản, hiện đại, phù hợp với thực tiễn của đất nước về tự nhiên, xã hội – nhân văn, đồng thời rèn luyện cho học sinh hệ thống kỹ năng, kỹ xảo tương ứng.

2. Tổ chức, điều khiển học sinh hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất trí tuệ, đặc biệt là năng lực tư duy sáng tạo.

3. Tổ chức, điều khiển học sinh hình thành thế giới quan khoa học, những phẩm chất đạo đức cần thiết

Mối quan hệ giữa các nhiệm vụ dạy học:

- Nhiệm vụ 1 là cơ sở để thực hiện nhiệm vụ 2 và 3

- Nhiệm vụ 2 vừa là kết quả của nhiệm vụ 1 vừa đồng thời là điều kiện để thực hiện nhiệm vụ 1 ở trình độ cao hơn.

- Nhiệm vụ 3 vừa là kết quả tổng hợp của 2 nhiệm vụ trên, vừa là yếu tố chỉ đạo, kích thích việc nắm tri thức và phát triển năng lực hoạt động trí tuệ ở một mức cao hơn.

2.1.6. Bản chất của quá trình dạy học

Một là, giáo viên tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh và học sinh tự tổ chức hoạt động nhận thức của bản thân.

Hai là, quá trình nhận thức của học sinh là một quá trình độc đáo có những điểm giống và khác với nhận thức của nhà khoa học.

Những nét giống nhau và khác nhau giữa quá trình nhận thức của học sinh với nhận thức của nhà khoa học:

+ Giống nhau: Đều là quá trình phản ánh thế giới khách quan vào ý thức của con người. Phản ánh này mang tính khách quan về nội dung và chủ quan về hình thức; đều tuân theo quy luật nhận thức chung của loài người; đều huy động các thao tác tư duy ở mức độ cao nhất; đều làm cho vốn hiểu biết của chủ thể phong phú thêm, hoàn thiện thêm.

+ Khác nhau:

TT	Mặt khác biệt	Nhận thức của nhà khoa học, của loài người	Nhận thức của học sinh trong quá trình dạy học
1	Con đường	Mò mẫm, thử sai	Được nhà khoa học và loài người tìm ra.
2	Thời gian	Dài, tri thức ít, khó khăn	Ngắn, khối lượng tri thức lớn, thuận lợi
3	Khối lượng	Chiếm lĩnh toàn bộ tri thức của một ngành khoa học	Lĩnh hội những tri thức cơ bản đã được gia công sư phạm
4	Các khâu	Không cần củng cố, vận dụng, kiểm tra, đánh giá	Phải qua củng cố, vận dụng, kiểm tra, đánh giá việc nắm tri thức
5	Kết quả	Tìm ra cái mới cho loài người	Mới cho cá nhân học sinh
6	Tính giáo dục	Không có tính giáo dục	Có tính giáo dục

2.1.7. Động lực và logic của quá trình dạy học

2.1.7.1. Động lực của quá trình dạy học

- Khái niệm: Động lực của quá trình dạy học là việc phát hiện và giải quyết có hiệu quả các mâu thuẫn diễn ra trong quá trình dạy học (bao gồm cả mâu thuẫn bên trong và bên ngoài)

Quá trình dạy học cũng vận động và phát triển nhờ không ngừng giải quyết các mâu thuẫn bên trong và bên ngoài.

- Các loại mâu thuẫn trong quá trình dạy học:

+ Mâu thuẫn bên trong:

Mâu thuẫn giữa các thành tố của quá trình dạy học: mâu thuẫn giữa mục đích và nội dung, mâu thuẫn giữa nội dung và phương pháp, mâu thuẫn giữa hoạt động dạy và hoạt động học…

Mâu thuẫn giữa các yếu tố trong từng thành tố: Mâu thuẫn giữa nội dung cũ với nội dung mới, giữa phương pháp cũ với phương pháp mới, trong nhân tố thầy có mâu thuẫn giữa

trình độ chuyên môn cao với trình độ nghiệp vụ sư phạm còn non yếu, trong nhân tố trò có mâu thuẫn giữa tư duy cụ thể thì phát triển với tư duy trừu tượng thì kém phát triển.

Những mâu thuẫn bên trong của quá trình dạy học nếu được giải quyết tốt sẽ tạo nên động lực của quá trình dạy học.

+ Mâu thuẫn bên ngoài: là mâu thuẫn diễn ra giữa các thành tố trong quá trình dạy học với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, văn hóa, xã hội, …

- Mâu thuẫn cơ bản và động lực chủ yếu của quá trình dạy học:

Trong hàng loạt các mâu thuẫn nói trên, có một mâu thuẫn cơ bản mà việc giải quyết mâu thuẫn cơ bản đó sẽ tạo nên động lực chủ yếu của quá trình dạy học. Muốn xác định đâu là mâu thuẫn cơ bản của quá trình dạy học, cần dựa vào một số dấu hiệu sau:

+ Mâu thuẫn đó tồn tại từ đầu đến cuối quá trình dạy học.

+ Việc giải quyết các mâu thuẫn khác đều phải nhằm phục vụ cho việc giải quyết nó.

+ Việc giải quyết mâu thuẫn đó có liên quan trực tiếp và sâu sắc đến nhân tố học sinh và hoạt động học.

Căn cứ vào những dấu hiệu trên thì mâu thuẫn cơ bản của quá trình dạy học là: ***"Mâu thuẫn giữa một bên là yêu cầu học tập mới do tiến trình dạy học đề ra với một bên là trình độ phát triển trí tuệ hiện có của học sinh".***

- Điều kiện để mâu thuẫn trở thành động lực:

+ Mâu thuẫn phải được người học ý thức đầy đủ và sâu sắc:

Học sinh phải nhận thức rõ những yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

Đánh giá đúng trình độ hiện có của bản thân, cảm thấy có khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.

Mong muốn vượt qua những khó khăn đó để thực hiện nhiệm vụ.

+ Mâu thuẫn phải vừa sức: Yêu cầu, nhiệm vụ học tập đặt ra cho học sinh phải cao hơn trình độ hiện có của học sinh, đòi hỏi học sinh phải có một sự nỗ lực, cố gắng nhất định cả về trí tuệ và sức lực mới có thể giải quyết được.

+ Mâu thuẫn đó phải do tiến trình dạy học dẫn đến: Mâu thuẫn này nảy sinh một cách tất yếu trên con đường vận động phát triển đi lên của quá trình dạy học nói chung, của quá trình nhận thức của học sinh nói riêng.

2.1.7.2. Logic của quá trình dạy học

Logic của quá trình dạy học là trình tự vận động hợp quy luật của quá trình dạy học, đảm bảo cho học sinh đi từ trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển năng lực hoạt động trí tuệ tương ứng với bắt đầu nghiên cứu môn học hay một đề mục nào đó, đến trình độ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, phát triển năng lực trí tuệ tương ứng với lúc kết thúc môn học hay một đề mục nào đó.

Lôgic của quá trình dạy học phải được xây dựng vừa phù hợp với lôgic nhận thức của học sinh, vừa phù hợp với lôgic môn học.

1. Kích thích thái độ học tập tích cực của học sinh

- Tác dụng: Kích thích tính tích cực nhận thức của học sinh, nhằm làm cho học sinh hứng thú, thu hút sự chú ý của học sinh vào bài học…

- Biện pháp: Nên sử dụng thời gian ổn định lớp để tranh thủ nhanh chóng tạo ra bầu không khí sôi nổi chan hòa đúng mức với học sinh, khéo léo đưa học sinh vào các tình huống có vấn đề.

Vì vậy, giáo viên cần phải liên tục nêu lên những câu hỏi và những tình huống có vấn đề để liên tục dẫn dắt học sinh chú ý liên tục. Các câu hỏi cần sử dụng khi chuyển giảng từ ý này sang ý khác.

2. Tổ chức lĩnh hội tri thức mới

- Tác dụng: Để hình thành tri thức mới cho học sinh nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

Quá trình lĩnh hội tri thức của học sinh nói chung cũng tuân theo quy luật nhận thức chung của loài người. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.

- Biện pháp: Giáo viên phải sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học khác nhau để thực hiện các nhiệm vụ dạy học đề ra.

3. Tổ chức, điều khiển học sinh củng cố tri thức

- Tác dụng: Nhằm củng cố, hệ thống hóa tri thức để khi cần có thể tái hiện lại một cách nhanh chóng, đầy đủ và chính xác.

- Biện pháp: Hướng dẫn học sinh ghi nhớ có chủ định, hướng dẫn các em ôn tập một cách thường xuyên, liên tục và tích cực.

4. Tổ chức, điều khiển học sinh rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo

- Tác dụng: Nhằm hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận dụng tri thức vào các tình huống học tập và cuộc sống, tránh tình trạng chỉ nắm tri thức suông hoặc thực hành thiếu cơ sở lý thuyết.

- Biện pháp: Tổ chức luyện tập từ đơn giản đến phức tạp, từ mức độ thấp đến mức độ cao, luyện tập một cách có hệ thống, trong đó chú ý uốn nắn các động tác sai lệch. Đồng thời, trong quá trình đó phải biết liên hệ với những tình huống, với những tri thức thường xảy ra ở thực tế xung quanh, có năng lực di chuyển kỹ năng, kỹ xảo từ những tình huống quen thuộc sang các tình huống mới.

5. Kiểm tra, đánh giá quá trình lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo

- Tác dụng: Nhằm thu được tín hiệu ngược kết quả học tập của học sinh, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.- Đối với nhà trường, thông

qua kết quả học tập của học sinh mà đánh giá, điều chỉnh lại việc tổ chức hoạt động sư phạm trong nhà trường nhằm đạt kết quả cao hơn.

- Biện pháp: Nhà trường và giáo viên phải biết tổ chức thực hiện nhiều loại hình kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

6. Phân tích kết quả một bước (giai đoạn, quá trình) dạy học nhất định

- Tác dụng: Giúp thầy và trò thu lượm và khẳng định kết quả đã đạt được, phát hiện những nhiệm vụ chưa hoàn thành và nguyên nhân của chúng, trên cơ sở đó tìm biện pháp khắc phục.

- Biện pháp: Sau mỗi một bước (một giai đoạn, quá trình) cần phải có sự đánh giá, phân tích những kết quả đã đạt được, những nhiệm vụ chưa hoàn thành, tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp khắc phục.

*** Mối liên hệ giữa các khâu:**

Các khâu của quá trình dạy học hợp lại thành một thể hoàn chỉnh tương ứng với một bước vận động của quá trình đó. Bước (giai đoạn, chu trình) có tính tương đối vì nó có thể tương ứng với sự hoàn thành những nhiệm vụ dạy học nhất định của một môn, một phần, một chương, hay một đề mục của môn này. Như vậy, quá trình dạy học vận động theo từng bước, liên tục và ở mức độ ngày càng cao.

Trong phạm vi một bước, các khâu có thể lặp đi, lặp lại và xen kẻ nhau, thâm nhập vào nhau. Do đó, tuyệt đối không máy móc thực hiện các khâu (trừ khâu cuối) theo đúng trình tự trên. Bên cạnh đó, tùy theo yêu cầu của tiết học, của hoạt động học tập cụ thể, không nhất thiết phải thực hiện đầy đủ tất cả các khâu của quá trình dạy học.

2.2. Nguyên tắc dạy học

2.2.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học

Chúng ta biết rằng, quá trình dạy học tồn tại với tư cách là một hệ thống toàn vẹn, luôn luôn vận động và phát triển. Trong đó, các nhân tố cấu trúc có mối quan hệ mật thiết với nhau, chúng tác động lẫn nhau, thúc đẩy lẫn nhau.

Cũng như bất kỳ một quá trình nào của thế giới khách quan, quá trình dạy học với tư cách là một hệ thống toàn vẹn, luôn luôn vận động và phát triển. Vấn đề đặt ra là, con người không khoanh tay chờ đợi kết quả mà nó đem lại, hay nói cách khác, không thụ động đứng nhìn sự vận động và phát triển của nó. Trái lại, là một chủ thể sáng tạo, con người phải tổ chức điều khiển được quá trình dạy học, buộc nó phải vận động và phát triển theo phương hướng đã định, mang lại kết quả tối ưu, đáp ứng được nhu cầu của xã hội đối với sự nghiệp giáo dục nói chung, đối với hoạt động dạy học nói riêng àm thực chất là đối với hoạt động nhận thức độc đáo của học sinh.

Song có một điều hết sức quan trọng là, việc tổ chức, điều khiển quá trình dạy học không phải là việc có tính chất tự phát, mà là việc được thực hiện dưới ánh sáng chỉ đạo của những luận điểm cơ bản nhất định. Đó là các nguyên tắc dạy học.

Vậy các nguyên tắc dạy học cần được quan niệm như thế nào? Các nguyên tắc dạy học với tư cách là các luận điểm cơ bản, có tác dụng chỉ đạo toàn bộ tiến trình dạy học. Thật vậy, như đã bàn ở các bài học trước, quá trình dạy học là một quá trình, trong đó dưới tác dụng chủ đạo của thầy, học sinh tự giác, tích cực tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức, nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học. Ở đây, chúng ta thấy rằng, trong quá trình dạy học, có hoạt động thống nhất giữa thầy và trò với những cương vị khác nhau, chức năng khác nhau. Chính các nguyên tắc dạy học đều chỉ đạo cả hoạt động dạy của thầy và cả hoạt động học của trò một cách hợp quy luật. Nói cách khác, chúng chỉ đạo việc lựa chọn và vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, nghĩa là chỉ đạo toàn bộ tiến trình dạy học phù hợp với mục đích dạy học và thực hiện được tốt nhất các nhiệm vụ dạy học.

Tất nhiên việc vận dụng các nguyên tắc dạy học có mang lại hiệu quả như trên hay không, điều đó còn phụ thuộc vào trình độ vận dụng của thầy và trò, nhất là của thầy; đồng thời cũng còn phụ thuộc vào nhiều điều kiện khách quan (như nhà trường có đầy đủ các phương tiện dạy học tối cần thiết không, có đủ sách giáo khoa cho học sinh hay không…).

Từ những điều đã trình bày ở trên, chúng ta có thể đi đến kết luận: Nguyên tắc dạy học là những luận điểm cơ bản có tính quy luật của lý luận dạy học, có tác dụng chỉ đạo toàn bộ tiến trình dạy học phù hợp với mục đích dạy học nhằm thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ dạy học đã đề ra.

2.2.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học

Nhiệm vụ của dạy học là cung cấp cho học sinh các kiến thức về tự nhiên, xã hội, con người. Nguyên tắc dạy học là một hệ thống được tổ chức theo một chương trình, một kế hoạch cụ thể. Hệ thống nguyên tắc dạy học được sắp xếp như sau:

2.2.2.1. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục trong dạy học

a. Yêu cầu của nguyên tắc

- Nguyên tắc này đòi hỏi trong quá trình dạy học phải trang bị cho học sinh những tri thức khoa học chân chính, chính xác, phản ánh những thành tựu hiện đại của khoa học, công nghệ và văn hóa...

- Tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc với các phương pháp học tập, phương pháp nhận thức, thói quen suy nghĩ, làm việc một cách khoa học.

- Thông qua đó, dần dần hình thành ở học sinh cơ sở thế giới quan, những tình cảm trong sáng, phẩm chất tốt đẹp.

Như vậy, nguyên tắc này đòi hỏi thông qua con đường dạy chữ để dạy người.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Khi soạn bài, khi truyền thụ kiến thức phải được chọn lọc, tinh giản, sắp xếp có hệ thống chặt chẽ; không bóp méo sự thật hoặc xuyên tạc, thêm bớt sự thật…

- Phải làm cho học sinh hiểu thêm về truyền thống dân tộc, về điều kiện tự nhiên – xã hội và con người Việt Nam.

- Phải hướng dẫn học sinh biết suy nghĩ và phê phán những quan điểm không đúng, những quan điểm bóp méo sự thật, những luận điệu xuyên tạc, giả dối mị dân…

- Tổ chức dạy học một cách khoa học, có kế hoạch, có nề nếp.

- Giáo viên gương mẫu về mọi mặt.

- Thống nhất quá trình dạy học và quá trình giáo dục, thông qua dạy chữ để dạy người.

2.2.2.2. Đảm bảo sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Trong dạy học phải làm cho học sinh nắm vững tri thức lý thuyết và tác dụng của nó đối với thực tiễn, đồng thời hình thành ở học sinh các kỹ năng vận dụng chúng vào cải tạo thực tiễn.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Phải có đồ dùng dạy học trực quan khác nhau; phải biết kết hợp khéo léo giữa việc trình bày các đồ dùng trực quan đó với lời nói mạch lạc, hấp dẫn, chính xác.

- Cần phải chọn lọc và khai thác nội dung dạy học chứa đựng những yếu tố của cuộc sống gần gũi với học sinh. Cần coi trọng việc khai thác vốn sống, vốn kinh nghiệm đã có của học sinh.

- Giáo viên cần tiếp cận và xử lý thông tin từ thực tiễn chính xác, kịp thời để truyền đạt cho học sinh trong quá trình dạy học.

2.2.2.3. Đảm bảo sự thống nhất giữa cụ thể và trừu tượng

a. Yêu cầu của nguyên tắc

- Trong quá trình dạy học cần tạo cơ hội cho học sinh tiếp xúc trực tiếp với sự vật hiện tượng. Nắm được cả cái riêng và cái chung. Chú ý đến tính trực quan sinh động, đến biểu tượng trong quá trình dạy học.

- Nguyên tắc này khẳng định rằng trong việc dạy học, tùy theo nội dung và trình độ của học sinh, có thể:

+ Trước hết để học sinh tiếp xúc với vật thể thật hay vật thay thế để từ đó nắm được vấn đề khái quát hơn (khái niệm, quy luật, lý thuyết khái quát…).

+ Để học sinh nắm những khái niệm, quy luật trước, sau đó xem xét những sự vật hiện tượng cụ thể.

+ Đảm bảo mối liên hệ giữa tư duy cụ thể và tư duy trừu tượng.

Điều quan trọng là đảm bảo rằng dù thực hiện như thế nào, học sinh vẫn phải nắm được cả cái chung, cái trừu tượng lẫn cái cụ thể.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Cần làm cho học sinh thấy được sự cần thiết đặc biệt của tri thức lý thuyết.

- Sử dụng phối hợp nhiều loại phương tiện trực quan khác nhau với tư cách là các phương tiện nhận thức và các nguồn nhận thức.

- Kết hợp việc trình bày các phương tiện trực quan với lời nói, nghĩa là kết hợp 2 hệ thống tín hiệu với nhau.

- Rèn luyện cho học sinh óc quan sát và năng lực rút ra những kết luận có tính khái quát.

- Tổ chức, điều khiển học sinh trong những trường hợp nhất định, nắm những cái trừu tượng, khái quát rồi từ đó đi đến những cái cụ thể riêng biệt

- Cho học sinh làm các bài tập nhận thức đòi hỏi phải thiết lập được mối quan hệ giữa cụ thể hóa và trừu tượng hóa, giữa tư duy cụ thể và tư duy trừu tượng.

2.2.2.4. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và tính mềm dẻo của tư duy

a. Yêu cầu của nguyên tắc

- Những tri thức mà học sinh nắm được phải đảm bảo tính vững chắc: Nhớ lâu, nhanh, chính xác.

- Trên cơ sở đó rèn luyện thành thạo kỹ năng, kỹ xảo.

- Vận dụng tri thức, và kỹ năng, kỹ xảo một cách linh hoạt trong những tình huống khác nhau của cuộc sống.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

Để đảm bảo được sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức và tính mềm dẻo của tư duy, phải hình thành cho người học năng lực:

- Biết lựa chọn những tri thức cơ bản cần ghi nhớ lâu dài và vững chắc

- Biết sử dụng nhiều loại hình ghi nhớ một cách khoa học

- Phải tập luyện một cách có hệ thống những tri thức nghề nghiệp đã nắm được vào các tình huống học tập cũng như những tình huống nghề nghiệp khác nhau.

- Phải ôn tập tích cực, có hệ thống, có kế hoạch, với nhiều hình thức khác nhau, luôn luôn mở rộng, đào sâu tri thức đã lĩnh hội được.

- Khi giảng bài, giáo viên phải làm nổi bật những nội dung cơ bản của từng mục, từng chương.

2.2.2.5. Dạy học phải đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và tính vừa sức riêng của học sinh

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Nguyên tắc này đòi hỏi việc dạy học phải lựa chọn các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với trình độ học sinh cả lớp, đồng thời phù hợp với trình độ phát triển trí tuệ của từng học sinh, từng loại đối tượng, đảm bảo cho mọi học sinh có thể phát triển ở mức tối đa khả năng của mình.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Trước và trong giảng dạy, phải nắm vững đặc điểm đối tượng, đặc biệt là năng lực nhận thức, năng lực thực hành, động cơ, hứng thú, lý tưởng nghề nghiệp… của họ, bằng nhiều biện pháp, nhất là tăng cường theo dõi, kiểm tra, đánh giá.

- Trong dạy học, phải đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ gần đến xa, từ việc nắm tri thức đến việc hình thành kỹ năng, kỹ xảo.

- Ở trên lớp phải bao quát được toàn bộ học sinh, kịp thời điều chỉnh hoạt động của mình và xử lý tốt các tình huống xảy ra.

- Cần phải cá biệt hóa việc dạy học, nghĩa là phân ra các loại học sinh khá giỏi, trung bình, yếu kém tương đối chính xác để trên cơ sở đó mà xây dựng hệ thống các câu hỏi, bài tập cho phù hợp, đồng thời có biện pháp để giúp đỡ riêng.

2.2.2.6. Dạy học phải đảm bảo giữa vai trò chủ đạo của người dạy và vai trò tự giác tích cực, độc lập của người học

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Trong quá trình dạy học người giáo viên phải phát huy được vai trò tích cực, tự giác, độc lập của người học trên cơ sở giữ vững vai trò chủ đạo của mình.

- Tính tự giác thể hiện ở việc ý thức đầy đủ mục đích, nhiệm vụ học tập để chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, vận dụng tri thức vào hoạt động thực tiễn và có thể tự kiểm tra, đánh giá, tự điều chỉnh quá trình học tập.

- Tính tích cực của học sinh thể hiện mức độ nỗ lực cao trong học tập, biết tập trung chú ý, chịu khó suy nghĩ khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Tính độc lập của người học được biểu hiện cụ thể bằng khả năng tự phát hiện vấn đề và tự giải quyết được vấn đề trên cơ sở có sự hướng dẫn, điều khiển của giáo viên.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Khi dạy học phải quan tâm đúng mức đến ý thức, thái độ học tập của học sinh.

- Cần sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, phương pháp đàm thoại, thảo luận, xêmina… để phát huy tính tích cực tư duy của học sinh.

- Bồi dưỡng cho học sinh óc tò mò, hoài nghi khoa học.

2.2.2.7. Dạy học phải thống nhất giữa cá nhân và tập thể

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Nguyên tắc này đòi hỏi việc dạy học phải tổ chức lãnh đạo sự hỗ trợ lẫn nhau giữa tập thể và cá nhân nhằm đạt được mục đích chung.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Tập thể phải làm cho mọi cá nhân ý thức về mục đích, yêu cầu, nội dung học tập. Từ đó, xây dựng động cơ học tập đúng đắn.

- Tổ chức hoạt động tự học chung dưới nhiều hình thức: học nhóm, thảo luận, viết báo, bạn khá giúp đỡ nhau…

- Đẩy mạnh việc tự học của cá nhân: học có kế hoạch, có phương pháp..

- GV đóng vai trò chủ đạo trong việc chỉ đạo phong trào học tập của học sinh.

*** Mối quan hệ giữa các nguyên tắc dạy học**:

- Các nguyên tắc dạy học hợp thành một hệ thống, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, thâm nhập vào nhau. Sự vận động tổng hợp và đồng bộ các nguyên tắc dạy học tạo nên hiệu quả của quá trình dạy học.

- Trong hệ thống các nguyên tắc dạy học, nguyên tắc 1 và 6 có vị trí quan trọng đặc biệt.

2.3. Nội dung dạy học

2.3.1. Khái niệm nội dung dạy học

Kho tàng tri thức của loài người từ bao đời để lại vô cùng phong phú, đa dạng mà người học không thể nào lĩnh hội hết được. Cần phải lựa chọn những gì cơ bản nhất, quan trọng nhất, phù hợp nhất để truyền lại cho đời sau. Đó chính là nội dung dạy học. Nội dung dạy học được xây dựng phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh ở từng độ tuổi, từng cấp học.

Nội dung dạy học là hệ thống những kiến thức khoa học, hệ thống kỹ năng, kỹ xảo, thái độ mà người học phải lĩnh hội nhằm hình thành và phát triển nhân cách.

Bao gồm 4 thành phần cơ bản:

- Hệ thống tri thức về tự nhiên, xã hội, tư duy

- Hệ thống kỹ năng, kỹ xảo tương ứng với hoạt động trí óc và lao động chân tay

- Hệ thống những kinh nghiệm hoạt động sáng tạo

- Những chuẩn mực về thái độ đối với tự nhiên, xã hội, con người.

Các thành phần của nội dung dạy học có mối quan hệ hữu cơ với nhau góp phần giáo dục phát triển toàn diện nhân cách học sinh.

2.3.2. Các nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng nội dung dạy học

- Nội dung dạy học phải đảm bảo tính giáo dục tư tưởng chính trị và đạo đức nghề nghiệp.

- Nội dung dạy học phải phù hợp với mục đích, mục tiêu đào tạo của từng loại trường, loại nghề và bậc học.

- Phải gắn nội dung đào tạo với thực tế sản xuất và đời sống xã hội.

- Phải đảm bảo học đi đôi với hành.

- Phải đảm bảo toàn diện, cân đối hài hòa giữa các mặt giáo dục (trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe, lao động…).

- Phải đảm bảo sự thống nhất chung trong cả nước, đồng thời tính đến đặc điểm của từng vùng lãnh thổ, từng địa phương và thích ứng với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

- Nội dung khoa học phải đảm bảo tính khoa học, tính thiết thực và phù hợp với trình độ người học.

- Việc xây dựng, bố trí thực hiện xây dựng chương trình dạy học phải đảm bảo tính khoa học và tính khả thi.

Lưu ý: Các nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học có liên quan mật thiết với nhau, thâm nhập vào nhau, vì thế trong quá trình biên soạn và thiết kế nội dung dạy học cần có quan điểm tiếp cận phức hợp.

2.3.3. Nội dung dạy học ở trường trung học

Nội dung dạy học phản ánh trong kế hoạch dạy học, chương trình và các tài liệu dạy học có liên quan.

Nội dung dạy học ở trường trung học được xây dựng thành một bộ chương trình gồm nhiều môn học, nội dung môn học, nội dung môn học được thể hiện ở sách giáo khoa. Việc thực hiện chương trình dạy học được quy định theo kế hoạch cụ thể cho từng tuần, tháng, học kỳ và cả năm.

- Kế hoạch giáo dục: là văn kiện do Nhà nước ban hành, trong đó quy định các môn học, trình tự dạy học các môn, số giờ dành cho mỗi môn và việc tổ chức năm học (số tuần học trên lớp, lao động và hoạt động xã hội, số tuần nghỉ, chế độ học tập hàng ngày).

Theo chương trình giáo dục phổ thông mới, hệ thống môn học và hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là các môn học lựa chọn) và các môn học tự chọn. Thời gian thực học trong một năm học tương đương 35 tuần. Các cơ sở giáo dục có thể tổ chức dạy học 1 buổi/ngày hoặc 2 buổi/ngày. Cơ sở giáo dục tổ chức dạy học 1 buổi/ngày và 2 buổi/ngày đều phải thực hiện nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất đối với tất cả cơ sở giáo dục trong cả nước.

a. Đối với cấp trung học cơ sở (Giai đoạn giáo dục cơ bản):

Nội dung giáo dục:

Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

Thời lượng giáo dục:

Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút. Khuyến khích các trường trung học cơ sở đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bảng kế hoạch giáo dục cấp Trung học cơ sở theo chương trình mới-thực hiện từ năm học 2020-2021.

Cấp Trung học cơ sở

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Môn học bắt buộc				
Ngữ văn	140	140	140	140
Toán	140	140	140	140
Ngoại ngữ 1	105	105	105	105
Giáo dục công dân	35	35	35	35
Lịch sử và Địa lí	105	105	105	105
Khoa học tự nhiên	140	140	140	140
Công nghệ	35	35	52	52
Tin học	35	35	35	35
Giáo dục thể chất	70	70	70	70
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	70	70	70
Hoạt động giáo dục bắt buộc				
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105	105
Nội dung giáo dục của địa phương	35	35	35	35
Môn học tự chọn				
Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105	105
Ngoại ngữ 2	105	105	105	105
Tổng số tiết học/năm học *(không kể các môn học tự chọn)*	**1015**	**1015**	**1032**	**1032**
Số tiết học trung bình/tuần *(không kể các môn học tự chọn)*	**29**	**29**	**29,5**	**29,5**

b. Đối với cấp trung học phổ thông (Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp)

Nội dung giáo dục:

Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

Các môn học lựa chọn gồm 3 nhóm môn:

– Nhóm môn khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

– Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hoá học, Sinh học.

– Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật).

Học sinh chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học trên, mỗi nhóm chọn ít nhất 1 môn học.

Các chuyên đề học tập: Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật có một số chuyên đề

học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Các trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

Các môn học tự chọn: Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

Thời lượng giáo dục:

Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút. Khuyến khích các trường trung học phổ thông đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng kế hoạch giáo dục cấp Trung học phổ thông theo chương trình mới-thực hiện từ năm học 2020-2021.

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Ngoại ngữ 1	105
	Giáo dục thể chất	70
	Giáo dục quốc phòng và an ninh	35
Môn học lựa chọn		
Nhóm môn khoa học xã hội	Lịch sử	70
	Địa lí	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70
Nhóm môn khoa học tự nhiên	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Âm nhạc	70
	Mĩ thuật	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)		105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105
Nội dung giáo dục của địa phương		35
Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
Tổng số tiết học/năm học *(không kể các môn học tự chọn)*		**1015**
Số tiết học trung bình/tuần *(không kể các môn học tự chọn)*		**29**

- Kế hoạch dạy học của nhà trường: Là kế hoạch dạy học năm học được nhà trường xây dựng trên cơ sở kế hoạch giáo dục do Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Kế hoạch bài học (giáo án): Kế hoạch bài học thể hiện đầy đủ các mục tiêu dạy học, những hoạt động chính kết hợp chặt chẽ giữa dạy và học, giữa dạy học và giáo dục, tiến độ thực hiện phù hợp, khả thi.

Mẫu giáo án tham khảo:

TÊN BÀI: .....

I. Mục tiêu của chủ đề

1. Kiến thức, kỹ năng và thái độ

.....
.....
.....

2. Đinh hướng phát triển năng lực

Năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực quan sát, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực tính toán, năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống ...

.....
.....
.....

3. Phương pháp kỹ thuật dạy học

.....
.....
.....

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

.....
.....
.....

III. Chuỗi các hoạt động học

A. Hoạt động khởi động

.....
.....
.....

B. Hoạt động hình thành kiến thức

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới		
Hoạt động 2:		
Hoạt động 3:		
Hoạt động 4: Áp dụng		

C. Hoạt động luyện tập

.....
.....
.....
D. Hoạt động vận dụng
.....
.....
.....
E. Hoạt động tìm tòi mở rộng
.....
.....
.....

Nguồn tài liệu tham khảo	....
TỔ TRƯỞNG BỘ MÔN	*Đà Nẵng, ngày.....tháng .....năm.....* **GIÁO VIÊN**

- Sách giáo khoa và tài liệu dạy học khác:

+ Sách giáo khoa phản ánh một cách đầy đủ, chi tiết, có hệ thống nội dung dạy học phù hợp với logic của môn học.

+ Các tài liệu dạy học khác như: sách hướng dẫn giảng dạy, sách tham khảo, sách hướng dẫn thực hành, sách tra cứu, bản đồ, từ điển…

Theo chương trình mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương thực hiện một chương trình giáo dục, nhiều bộ sách giáo khoa. Việc lựa chọn sách giáo khoa nào do Ủy ban nhân tỉnh quyết định.

Tóm lại, nội dung dạy học với tư cách là một thành tố của quá trình dạy học; vận động và phát triển có ảnh hưởng của môi trường khoa học – công nghệ và kinh tế - xã hội. Vì vậy, vấn đề chọn lựa, đổi mới và hoàn thiện nội dung dạy học theo hướng hiện đại hóa va gắn liền với thực tiễn cuộc sống, thực tiễn giáo dục của nhà trường là vấn đề cấp thiết trong lý luận dạy học hiện nay.

2.3.4. Những công việc cụ thể của giáo viên khi lựa chọn nội dung cho một bài học

- Tìm hiểu tài liệu giáo khoa để xác định tư tưởng chủ đạo của bài học
- Phân chia tài liệu thành từng đơn vị kiến thức (kỹ năng), hiểu thấu đáo từng đơn vị đó.
- Xây dựng cấu trúc nội dung.
- Bổ sung vào từng phần nội dung những thông tin hiện đại, những thông tin thực tiễn

- Thể hiện lên văn bản

2.4. Phương pháp dạy học

Sự thành công của việc dạy học phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trước hết phải nói tới việc xác định đúng đắn mục tiêu và nội dung dạy học. Tiếp sau đó là vai trò có tính chất quyết định của biện pháp đạt tới mục tiêu, nghĩa là phương pháp dạy học.

Sự thành công của việc dạy học phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trước hết phải nói tới việc xác định đúng đắn mục tiêu và nội dung dạy học. Tiếp sau đó là vai trò có tính chất quyết định của biện pháp đạt tới mục tiêu, nghĩa là phương pháp dạy học.

2.4.1. Khái niệm phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học được hiểu là tổ hợp các cách thức, con đường hoạt động chung giữa giáo viên và học sinh, trong những điều kiện dạy học xác định nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học, đạt được mục tiêu dạy học.

Phương pháp dạy học có ba bình diện:

– Bình diện vĩ mô là *quan điểm về dạy học*. Ví dụ: Dạy học hướng vào người học, dạy học phát huy tính tích cực của học sinh,…

Quan điểm dạy học là những định hướng tổng thể cho các hành động phương pháp, trong đó có sự kết hợp giữa các nguyên tắc dạy học, những cơ sở lí thuyết của lí luận dạy học, những điều kiện dạy học và tổ chức cũng như những định hướng về vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học. Quan điểm dạy học là những định hướng mang tính chiến lược, cương lĩnh, là mô hình lí thuyết của phương pháp dạy học.

– Bình diện trung gian là *phương pháp dạy học cụ thể*. Ví dụ: phương pháp đóng vai, thảo luận, nghiên cứu trường hợp điển hình, xử lí tình huống, trò chơi, …

Ở bình diện này khái niệm phương pháp dạy học được hiểu với nghĩa hẹp, là những hình thức, cách thức hành động của giáo viên và học sinh nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học xác định, phù hợp với những nội dung và điều kiện dạy học cụ thể.

Phương pháp dạy học cụ thể quy định những mô hình hành động của giáo viên và học sinh.

– Bình diện vi mô là *Kĩ thuật dạy học* . Ví dụ: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật giao nhiệm vụ, kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật các mảnh ghép, kĩ thuật hỏi chuyên gia, kĩ thuật hoàn tất một nhiệm vụ,…

Kĩ thuật dạy học là những biện pháp, cách thức hành động của giáo viên trong các tình huống hành động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển quá trình dạy học.

Các Kĩ thuật dạy học chưa phải là các phương pháp dạy học độc lập mà là những thành phần của phương pháp dạy học. Ví dụ, trong phương pháp thảo luận nhóm có các kĩ thuật dạy học như: kĩ thuật chia nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật phòng tranh, kĩ thuật các mảnh ghép, …

Tóm lại, Quan điểm dạy học là khái niệm rộng, định hướng cho việc lựa chọn các phương pháp dạy học cụ thể. Các phương pháp dạy họcà khái niệm hẹp hơn, đưa ra mô hình hành động. Kỹ thuật dạy học là khái niệm nhỏ nhất, thực hiện các tình huống hành động.

Lưu ý:

- Mỗi quan điểm dạy học có những phương pháp dạy học cụ thể phù hợp với nó; mỗi phương pháp dạy học cụ thể có các kĩ thuật dạy học đặc thù. Tuy nhiên, có những phương pháp dạy học cụ thể phù hợp với nhiều quan điểm dạy học, cũng như có những kĩ thuật dạy học được sử dụng trong nhiều phương pháp dạy học khác nhau (Ví dụ: kĩ thuật đặt câu hỏi được dùng cho cả phương pháp đàm thoại và phương pháp thảo luận).

– Việc phân biệt giữa phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học chỉ mang tính tương đối, nhiều khi không rõ ràng. Ví dụ, động não (*Brainstorming)* có trường hợp được coi là phương pháp, có trường hợp lại được coi là một kĩ thuật dạy học.

– Có những phương pháp dạy học chung cho nhiều môn học, nhưng có những phương pháp dạy học đặc thù của từng môn học hoặc nhóm môn học.

– Có thể có nhiều tên gọi khác nhau cho một phương pháp dạy học hoặc kĩ thuật dạy học. Ví dụ: *Brainstorming* có người gọi là *động não*, có người gọi là *công não* hoặc *tấn công não*,…

2.4.2. Hệ thống các phương pháp dạy học

2.4.2.1. Các phương pháp dạy học truyền thống

A. NHÓM PHƯƠNG PHÁP BẰNG LỜI NÓI VÀ CHỮ VIẾT				
TÊN PP	**ĐỊNH NGHĨA**	**PHÂN LOẠI**	**ƯU NHƯỢC ĐIỂM**	**YÊU CẦU**
Thuyết trình	Là phương pháp GV dùng lời nói để trình bày, giải thích nội dung bài học một cách chi tiết, dễ hiểu.	**- Giảng thuật:** giáo viên dùng lời nói để mô tả, tường thuật, kể lại, nêu đặc điểm của sự vật, hiện tượng. **- Giảng giải:** giáo viên dùng các luận cứ, dẫn chứng, sự kiện, số liệu để giải thích, phân tích,	*** Ưu điểm:** - Giúp HS nắm tri thức một cách có hệ thống - Phát triển tư duy trừu tượng cho HS - GV chủ động và tiết kiệm thời gian - Giảng cho nhiều HS - Tác động mạnh mẽ đến tình cảm của HS *** Nhược điểm:** - Khó thu được thông	- Nội dung cần chọn lọc, tránh lan man, tùy tiện. - Khi trình bày nên giới thiệu trước các vấn đề cần giải quyết, có trọng tâm. - Ngôn ngữ rõ ràng, chính xác, dễ hiểu, gợi cảm. - Nên hướng dẫn cho HS ghi chép, kết hợp với nghe và suy nghĩ

A. NHÓM PHƯƠNG PHÁP BẰNG LỜI NÓI VÀ CHỮ VIẾT				
TÊN PP	**ĐỊNH NGHĨA**	**PHÂN LOẠI**	**ƯU NHƯỢC ĐIỂM**	**YÊU CẦU**
		chứng minh, so sánh, phân loại… làm sáng tỏ vấn đề **- Diễn giảng:** giáo viên sử dụng lời nói để trình bày tài liêu học tập cho người học một cách có hệ thống	tin ngược. - Không phát huy được tính tích cực của học sinh - Dễ gây nhàm chán, mệt mỏi	- Kết hợp với các phương pháp khác
Vấn đáp	Là phương pháp giáo viên tổ chức học tập thông qua các câu hỏi để HS trả lời nhằm làm sáng tỏ những vấn đề mới	**- Vấn đáp mở đầu:** Được sử dụng khi bắt đầu một phần (chương, mục) mới. **- Vấn đáp thông báo tài liệu mới**: Được sử dụng trong quá trình chuyển tải nội dung học tập. **- Vấn đáp ôn tập:** Được tiến hành ngay khi học xong một chương, một chủ đề. - Vấn đáp kiểm tra: Được sử dụng để kiểm	*** Ưu điểm:** + Phát huy tính tích cực độc lập của người học + Bồi dưỡng khả năng diễn đạt ngôn ngữ nói + Tạo ra không khí học tập sôi nổi trong học tập + Thu được thông tin ngược của HS *** Nhược điểm:** - Tốn thời gian - Khó điều khiển tiến trình học tập - Phụ thuộc vào nghệ thuật đặt câu hỏi và năng lực của giáo viên	- Xây dựng hệ thống câu hỏi chính có câu hỏi phụ - Câu hỏi phải có rõ ràng, dễ hiểu, vừa sức với học sinh - Chú ý khai thác những vốn kinh nghiệm của học sinh - Sau khi học sinh trả lời cần có sự nhận xét - Cần phải phối hợp với các phương pháp dạy học khác

A. NHÓM PHƯƠNG PHÁP BẰNG LỜI NÓI VÀ CHỮ VIẾT				
TÊN PP	**ĐỊNH NGHĨA**	**PHÂN LOẠI**	**ƯU NHƯỢC ĐIỂM**	**YÊU CẦU**
		tra hiểu biết của HS		
Sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập khác	Giáo viên tổ chức cho học sinh tự lực nghiên cứu sau khi nêu đề tài, giải thích rõ mục đích cần đạt tới.	- Sử dụng sách giáo khoa trên lớp - Sử dụng sách giáo khoa ở nhà	*** Ưu điểm:** - Mở rộng, đào sâu được vôn hiểu biết - Rèn luyện kỹ năng sử dụng sách và bồi dưỡng hứng thú đọc sách - Rèn luyện được ngữ pháp, sự phán xét. *** Nhược điểm:** - Khó kiểm soát được việc học tập của học sinh - Dễ gây nhàm chán	- Tích cực tư duy trong khi đọc giúp cho việc lĩnh hội tri thức có hiệu quả cao - Biết sử lý những thông tin thu được để lập dàn ý, viết tóm tắt, viết thu hoạch, làm bài tập - Biết sử dụng câu hỏi để tự kiểm tra

B. NHÓM PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRỰC QUAN				
TÊN PP	**ĐỊNH NGHĨA**	**PHÂN LOẠI**	**ƯU NHƯỢC ĐIỂM**	**YÊU CẦU**

Quan sát	Giáo viên tổ chức cho học sinh tri giác các sự vật hiện tượng của tự nhiên hay xã hội để chứng minh hay khẳng định một luận điểm khoa học nào đó	- Quan sát trực tiếp và gián tiếp - Quan sát khía cạnh và toàn diện - Quan sát giai đoạn và quá trình	*** Ưu điểm:** - Huy động được nhiều giác quan. - Phát triển tư duy trực quan, hình tượng, trí nhớ. *** Nhược điểm:** - Dễ làm cho học sinh phân tán sự chú ý. - Giáo viên mất nhiều thời gian chuẩn bị	- Xịnh rõ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ quan sát. - Hướng dẫn cách quan sát - Ghi chép kết quả quan sát được - Chuẩn bị kỹ các tài liệu và phương tiện kỹ thuật
Trình bày trực quan	Giáo viên sử dụng các phương tiện trực quan, các số liệu, tài liệu khoa học hay thực tế để minh họa làm rõ nội dung bài học	- **Minh họa:** Trình bày phương tiện trực quan để minh họa bản đồ, bản mẫu, tranh ảnh, chân dung. - **Trình bày:** gắn liền với trình bày thí nghiệm, thiết bị kỹ thuật, chiếu phim...	*** Ưu điểm:** - Tạo ra hứng thú học tập - Phát triển óc quan sát, năng lực tìm kiếm - Dễ nhớ và bền vững *** Nhược điểm:** - Mất thời gian chuẩn bị phương tiện - Nếu lạm dụng dẫn đến hạn chế khả năng tư duy trừu tượng của học sinh.	- Lựa chọn cẩn thận các loại phương tiện trực quan cho phù hợp với mục đích, nội dung học tập - Trình bày theo trình tự nhất định - Trình bày phương tiện trực quan dễ thấy, rõ ràng, thẩm mỹ. - Hướng dẫn học sinh quan sát, phát hiện vấn đề. - Kết hợp lời nói hướng dẫn - Kết hợp với các phương pháp khác

C. NHÓM CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THỰC HÀNH				
TÊN PP	**ĐỊNH NGHĨA**	**PHÂN LOẠI**	**ƯU NHƯỢC ĐIỂM**	**YÊU CẦU**

Thực hành thí nghiệm	Giáo viên trực tiếp tổ chức cho học sinh trực tiếp tiến hành các thí nghiệm trên lớp trong phòng thí nghiệm hoặc hoặc thực nghiệm ngoài vườn trường.	- Thí nghiệm có tính chất minh họa. - Thí nghiệm có tính chất giải thích - Thí nghiệm có tính chất nghiên cứu	*** Ưu điểm:** - Tạo được hứng thú Hình thành kỹ năng thực hành - Hình thành ý thức tìm tòi, óc quan sát, lòng yêu thích khoa học - Kiểm tra lại được lý thuyết *** Nhược điểm:** - Tốn thời gian và giới hạn số lượng học sinh. - Chuẩn bị công phu và tốn kém	+ Phải đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh. + Kết quả rõ ràng và phù hợp với lý thuyết và phải khách quan. + Bố trí các trang thiết bị phải hợp lý, đảm bảo thuận lợi + Mức độ của nội dung thí nghiệm phải vừa sức với học sinh. + Nội dung thí nghiệm phải phù hợp với nội dung lý thuyết đã học
Luyện tập	Giáo viên tổ chức cho học sinh vận dụng lý thuyết đã học để làm các bài tập, giải quyết các tình huống tương ứng trong thực tế cuộc sống bằng cách lặp đi lặp lại những hành động nhất định	- Luyện tập hình thành kỹ năng, kỹ xảo - Luyện tập củng cố, ôn tập	*** Ưu điểm:** - Giúp học sinh củng cố tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo. - Phát triển năng lực trí tuệ, năng lực hoạt động độc lập - Rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại *** Nhược điểm:** - Chuẩn bị công phu hệ thống bài tập luyện tập - Mất thời gian để kiểm tra, theo dõi, giám sát	- Khi luyện tập phải nhằm mục đích, yêu cầu nhất định. - Phải nắm vững lý thuyết rồi mới luyện tập. - Luyện tập lúc đầu đơn giản, có làm mẫu, có chỉ dẫn, sau tăng dần tính phức tạp của hành động và tính tự lực của học sinh. - Luyện tập phải vừa sức - Luyện tập phải thường xuyên, kiên trì - Phải theo dõi, kiểm tra…
Ôn tập	Giáo viên tổ chức cho học sinh	- Ôn tập theo bài. - Ôn tập	*** Ưu điểm:** - Học sinh nắm chắc kiến thức - Giáo viên có điều kiện	- Cần có kế hoạch, hệ thống và kịp thời với nhiều hình thức khác

	khái quát hóa, hệ thống hóa, cũng cố lại những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo đã học.	theo chương - Ôn tập theo phần có tính chất tổng kết theo đề tài.	điều chỉnh, sửa chữa lại những sai lầm, lệch lạc của học sinh và đảm bảo cho cả lớp tiến bộ đồng đều. *** Nhược điểm:** - Mất nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị và tiến hành	nhau: ôn rải và ôn xen kẻ; ôn cái cơ bản, cần có đối chiếu so sánh, phát huy tính tự giác, tích cực, độc lập. - Học sinh phải biết lập sơ đồ, bảng hệ thống hóa tri thức hệ thống câu hỏi.

D. NHÓM PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRI THỨC THỨC, KỸ NĂNG, KỸ XẢO TRONG DẠY HỌC				
TÊN PP	**ĐỊNH NGHĨA**	**PHÂN LOẠI**	**ƯU NHƯỢC ĐIỂM**	**YÊU CẦU**
Kiểm tra miệng	Giáo viên tổ chức cho học sinh thể hiện lại bằng ngôn ngữ nói về một nội dung đã học		*** Ưu điểm:** + Phát triển ngôn ngữ nói + Thu được thông tin ngược của học sinh nhanh chóng + Học sinh biết ngay kết quả *** Nhược điểm:** - Tốn thời gian - Phụ thuộc vào khả năng đặt câu hỏi của giáo viên. - Dễ cảm tính	- Xây dựng hệ thống câu hỏi chính có câu hỏi phụ - Câu hỏi phải rõ ràng, dễ hiểu, vừa sức với học sinh. - Khách quan, trung thực - Sau khi học sinh trả lời cần có sự nhận xét
Kiểm tra viết	Giáo viên tổ chức cho học sinh thể hiện lại bằng ngôn ngữ viết về một nội dung đã học.		*** Ưu điểm:** - Kiểm tra đồng thời tất cả học sinh trong một thời gian nhất định - Rèn luyện ngôn ngữ viết cho học sinh. - Đảm bảo khách quan *** Nhược điểm:**	- Đề bài phải dể hiểu, chính xác, vừa sức, phù hợp thời gian làm bài. - Tránh những câu hỏi hỏi đánh lừa, gây hiểu lầm, rập khuôn, gài bẩy. - Coi thi nghiêm túc - Thu bài đúng thời gian quy định, đáp án phải

			- Thiếu sự tiếp xúc sinh động giữa giáo viên và học sinh. - Phải chuẩn bị đề thi và đáp án công phu, nhiều thời gian - Không đánh giá được kỹ năng, kỹ xảo	chính xác, rõ ràng. + Chấm bài theo đáp án
Kiểm tra thực hành	Giáo viên tổ chức cho học sinh thể hiện lại bằng thao tác thực hành về một nội dung đã học		*** Ưu điểm:** - Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo - Cho kết quả nhanh chóng *** Nhược điểm:** - Kiểm tra được số lượng ít - Phải chuẩn bị điều kiện, phương tiện	- Cần phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, phương tiện để kiểm tra - Khách quan, trung thực, chính xác. - Kết quả phải được công khai

2.4.2.2. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực

Phương pháp dạy học tích cực là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp và kĩ thuật dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

Dưới đây là một số phương pháp dạy học và và kĩ thuật dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực học tập của học sinh (thường gọi tắt là phương pháp dạy học ,và kĩ thuật dạy học tích cực) có thể sử dụng để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học trong quá trình dạy học các môn học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm

a. Các phương pháp dạy học tích cực

a1. Phương pháp sắm vai

*** Khái niệm:** Sắm vai là phương pháp sử dụng kịch làm trải nghiệm cho bài học.

Sắm vai được sử dụng nhiều để thay đổi thái độ của học sinh đối với một vấn đề hay để rèn luyện kỹ năng.

*** Ưu điểm:**

- Dễ sử dụng

- Đạt hiệu quả cao trong việc tạo ra ấn tượng, cảm xúc

- Vấn đề được đưa ra dưới dạng câu chuyện logic giúp dễ nhớ và nhớ lâu.

*** Nhược điểm:**

- Đòi hỏi giáo viên phải cùng học sinh xây dựng câu chuyện phù hợp với mục đích học tập & khả năng kể chuyện tốt

*** Tiến trình sử dụng phương pháp**

- Diễn kịch

- Phân tích (gồm 4 nhóm câu hỏi: Nhớ lại, phân tích, đánh giá, áp dụng) sau khi diễn kịch và rút ra bài học

- Áp dụng

*** Ví dụ:**

Tên bài học: Chăm sóc tình cảm cho người nhiễm HIV.

Chuẩn bị kịch bản:

- Nội dung kịch: Nỗi khổ của người nhiễm HIV bị mọi người xung quanh xa lánh.

+ Nhân vật: Sơn (nhân vật chính-nhiễm HIV), Liên, bà hàng xóm…

+ Bối cảnh

+ Diễn biến (chú ý cao trào)

` - Phân tích: Phỏng vấn vai diễn. Đặt câu hỏi phân tích: câu hỏi để nhớ lại nhân vật; câu hỏi phân tích suy nghĩ và cảm xúc của các nhân vật, người xem; câu hỏi rút ra bài học; câu hỏi xác định hành động…

- Kết thúc bài học.

a2. Phương pháp nghiên cứu tình huống

*** Khái niệm:** Dạy học theo tình huống là một quan điểm dạy học, trong đó việc dạy học được tổ chức theo những chủ đề phức hợp gắn với các tình huống thực của cuộc sống và nghề nghiệp.

*** Ưu điểm:**

- Có thể đưa ra được những tình huống phức tạp mà các phương pháp khác khó có thể làm được.

- Giúp rèn khả năng suy nghĩ logic, kết nối các chi tiết thành hệ thống.

- Lưu lại được thông tin, giúp học sinh tiếp tục tham khảo trong khi thảo luận để trả lời câu hỏi.

*** Nhược điểm:** Đòi hỏi kỹ năng viết của giáo viên và kỹ năng đọc của học sinh.

*** Tiến trình bài học sử dụng phương pháp nghiên cứu tình huống:**

Khi tình huống (được cài đặt sẵn trong sách giáo khoa hoặc do sự gia công sư phạm của thầy cô mà có) được biến thành sự kích thích trí tuệ nơi học sinh, thì quá trình làm việc của học sinh dưới sự dẫn dắt của giáo viên sẽ thực hiện theo ba bước:

a. Tự đào xới tình huống, để phát hiện vấn đề.

b. Tự phân tích tình huống, để lý giải và chứng minh vấn đề.

c. Tự tổng hợp dữ liệu, để kết luận vấn đề.

*** Ví dụ:** Giáo viên đưa ra tình huống sau đây:

Một thợ lắp đặt nắp cống hình vuông tại một địa điểm trên đường lộ. Do nắp cống nặng nề và do vội vàng sơ ý khi đặt xuống, anh ta để nắp cống nghiêng theo đường chéo của miệng cống, nên nắp cống bị lọt xuống cống! Tình huống đó khiến người thiết kế miệng cống và nắp cống phải có cách cải tiến như thế nào cho khỏi xảy ra sự cố khi thi công?

Học sinh sẽ lần lượt xem xét và xử lý theo ba bước nói trên:

a. Đào xới tình huống: đường chéo miệng cống là một khoảng hở dài hơn cạnh của nắp cống vuông. Đó là lý do nắp cống dễ bị lọt.

b. Phân tích tình huống: nếu không sơ ý, người thợ đặt cạnh của nắp cống song song với cạnh của miệng cống sẽ không gặp sự cố như đã xảy ra, vì độ dài của cạnh nắp bao giờ cũng lớn hơn độ dài của miệng cống. Tình hình sẽ ra sao nếu thiết kế miệng cống và nắp cống không theo hình vuông hay một hình bốn cạnh khác, hoặc chỉ ba cạnh thôi?

c. Tổng hợp dữ liệu: mọi kiểu hình bốn cạnh (thoi, vuông...) hoặc hình tam giác đều bất lợi cho sự di dời hoặc lắp đặt (dễ gây sự cố, vì thế nào cũng có độ lệch giữa các kích cỡ, nhất là đường chéo). ***Do vậy, chỉ có nắp cống và miệng cống hình tròn là tốt nhất***! Khi đó, người thợ cứ thoải mái xoay chiều nào cũng được, không sợ lọt; khi cần vận chuyển lại rất dễ, chỉ việc dựng đứng và lăn nó đi, không cần khiêng

a3.Phương pháp vẽ tranh

*** Khái niệm:** Phương pháp vẽ tranh là sử dụng tranh vẽ nhằm thay đổi thái độ, cách nhìn nhận về một vấn đề.

*** Ưu điểm:**

- Giúp bài học sinh động, phong phú
- Giúp học viên dễ dàng hiểu các vấn đề phức tạp
- Giúp học viên hiểu vấn đề sâu và ghi nhớ tốt hơn
- Thúc đẩy sự tham gia của những học viên "trầm"; hạn chế sự áp đặt của những người nói nhiều

*** Nhược điểm:**

- Cần có thời gian để học sinh tưởng tượng, sắp xếp hình ảnh thành bức tranh, sau đó vẽ và trình bày
- GV cần có khả năng đặt câu hỏi làm rõ khi có những tranh thể hiện ý tưởng chung chung/không đúng trọng tâm của bài học.

*** Tiến trình bài học sử dụng phương pháp vẽ tranh:**

- Tạo cảm hứng vẽ tranh

- Phân tích tranh về hiện trạng

- Vẽ tranh về tương lai mong muốn

- Phân tích tranh về tương lai mong muốn

- Phân tích những điểm khác biệt cần phát triển

*** Ví dụ:** Bài học về bình đẳng giới

- Tạo cảm hứng vẽ tranh: chúng ta sẽ tìm hiểu khái niệm vài vai trò của bình đẳng giới bằng phương pháp vẽ tranh….

- Vẽ tranh về hiện trạng bất bình đẳng giới- Phân tích (nhóm thuyết minh)

- Vẽ tranh về tương lai mong muốn của sự bình đẳng giới- Phân tích

- Phân tích những điểm khác biệt

- Đưa ra khái niệm, vai trò

- Lập kế hoạch hành động/áp dụng

Hình 1. Tranh về hiện trạng bất bình đẳng giới

a4. Phương pháp nhóm nhỏ

*** Khái niệm:** là cách làm việc chia nhỏ những người tham dự tập huấn hay hội thảo ra thành nhiều nhóm nhỏ hơn để thực hiện những bài tập hoặc nhiệm vụ cụ thể.

Thông thường nhóm có từ ba đến tám người

*** Ưu điểm:**

- Khuyến khích sự tham gia phát biểu của mọi thành viên, tạo cơ hội cho người rụt rè

- Được sử dụng khi vấn đề cần được bàn luận kỹ lưỡng, sử dụng nhiều kiến thức và kinh nghiệm để đánh giá, kết luận về một vấn đề, hay sáng tạo ý tưởng mới.

*** Nhược điểm:**

Ít tác dụng khi bài tập chỉ yêu cầu "liệt kê" những thông tin sẵn có.

*** Tiến trình bài học sử dụng phương pháp nhóm nhỏ:**

- Chia nhóm và giao nhiệm vụ.

- Điều hành nhóm nhỏ làm việc: sử dụng các kỹ thuật: khăn phủ bàn, các mảnh ghép, quả cầu tuyết, hội thảo, hội chợ, sơ đồi tư duy…

- Điều hành báo cáo kết quả làm việc nhóm.

- Phân tích, tổng kết và rút ra bài học.

a5. Phương pháp dạy học theo hợp đồng

*** Khái niệm:** Là phương pháp tổ chức hoạt động học tập, trong đó HS làm việc theo một gói các nhiệm vụ trong một khoảng thời gian nhất định.

*** Đặc trưng:**

- Học sinh được giao 1 hợp đồng trọn gói bao gồm các nhiệm vụ khác nhau: các nhiệm vụ bắt buộc và nhiệm vụ tự chọn .

- Hợp đồng được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định (không nhất thiết chỉ thực hiện trong tiết học).

- Học sinh chủ động xác định thời gian và thứ tự thực hiện các nhiệm vụ.

*** Ưu điểm của học theo hợp đồng:**

- Cho phép phân hoá nhịp độ và trình độ của học sinh.

- Tăng cường tính độc lập của học sinh.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ học tập có kế hoạch.

- Cơ hội cho hướng dẫn cá nhân.

- Hoạt động phong phú hơn.

- Lựa chọn đa dạng hơn.

- Tránh chờ đợi.

*** Quy trình các bước dạy học theo hợp đồng:**

Bước 1. Chuẩn bị:

- Lựa chọn nội dung bài học phù hợp.

- Xây dựng hợp đồng:

+ Biên soạn văn bản hợp đồng.

+ Thiết kế các nhiệm vụ/hoạt động bao gồm cả phương tiện, tài liệu (tư liệu nguồn, bản hướng dẫn theo mức độ hỗ trợ, đáp án,…).

Bước 2. Tổ chức hoạt động dạy học:

- Giới thiệu bài học, giới thiệu hợp đồng.

- Tổ chức cho học sinh đăng kí và thực hiện hợp đồng.

- Tổ chức trao đổi/chia sẻ kết quả học tập.

*** Tiêu chí Học theo Hợp đồng:**

- Tính phù hợp:

+ Các nhiệm vụ và cách tổ chức hoạt động học tập phải phù hợp với nội dung bài học và phải thực sự là phương tiện để đạt mục tiêu, tạo ra giá trị mới chứ không chỉ là hình thức.

+ Các nhiệm vụ giàu ý nghĩa, thiết thực, mang tính kích thích, thúc đẩy đối với học sinh.

- Sự tham gia:

+ Nhiệm vụ và cách tổ chức dạy học mang lại hoạt động trí tuệ ở mức độ cao. Học sinh tham gia vào hoạt động một cách chủ động, tích cực.

+ Biết áp dụng kiến thức vào thực tế.

- Tương tác và sự đa dạng:

Tương tác:

+ Học sinh có cơ hội được học tập với nhau và học tập lẫn nhau.

+ Tương tác giữa giáo viên và học sinh, học sinh với học sinh được thúc đẩy đúng mức.

+ Tạo cơ hội cho học sinh áp dụng những kinh nghiệm đã có.

Đa dạng:

Đa dạng hoá về:

+ Nội dung, nhiệm vụ học tập

+ Mức độ độc lập trong học tập

+ Hình thức học tập cá nhân/nhóm

+ Mức độ thực hiện

Đa dạng các nhiệm vụ:

+ Bắt buộc – tự chọn (yêu cầu phải có trong hợp đồng)

+ Đóng – mở

+ Dựa trên các hoạt động học tập / vui chơi / trải nghiệm …

+ Độc lập – có hướng dẫn

+ Cá nhân – hợp tác

*** Lưu ý khi tổ chức Học theo hợp đồng :**

- Nội dung bài học phải phù hợp với đặc trưng của Học theo hợp đồng. (Nên áp dụng trong giờ thực hành, ôn tập/luyện tập, …)

- Nhiệm vụ bắt buộc phải căn cứ vào chuẩn kiến thức kĩ năng. Nhiệm vụ tự chọn nhằm củng cố, mở rộng, nâng cao kiến thức/kĩ năng liên quan đến nội dung bài học.

- Thiết kế phiếu hỗ trợ có các mức độ khác nhau (hỗ trợ ít, hỗ trợ nhiều) đáp ứng sự phân hoá về trình độ nhận thức của học sinh.

- Cần có thời gian nhất định để giáo viên và học sinh làm quen với phương pháp dạy và học này.

*** Ví dụ hợp đồng học tập mẫu tham khảo:** (xem phần phụ lục)

b. Các kỹ thuật dạy học tích cực mang tính hợp tác

Các lí do áp dụng kĩ thuật dạy học mang tính hợp tác:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.
- Tăng cường hiệu quả học tập.
- Tăng cường trách nhiệm cá nhân.
- Yêu cầu áp dụng nhiều năng lực khác nhau.
- Tăng cường sự hợp tác, giao tiếp, chia sẻ kinh nghiệm.

Một số kĩ thuật dạy học mang tính hợp tác:

b1. Kĩ thuật "khăn phủ bàn"

*** Khái niệm kỹ thuật "khăn phủ bàn":**

Là kỹ thuật tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm nhằm kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh, phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với học sinh.

*** Cách tiến hành kĩ thuật "khăn phủ bàn":**

- Hoạt động theo nhóm (4 người /nhóm)
- Mỗi người ngồi vào vị trí như hình vẽ minh họa
- Tập trung vào câu hỏi (hoặc chủ đề,…)
- Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về một chủ đề...).
- Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút
- Khi mọi người đều đã xong, chia sẻ và thảo luận các câu trả lời
- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn phủ bàn.

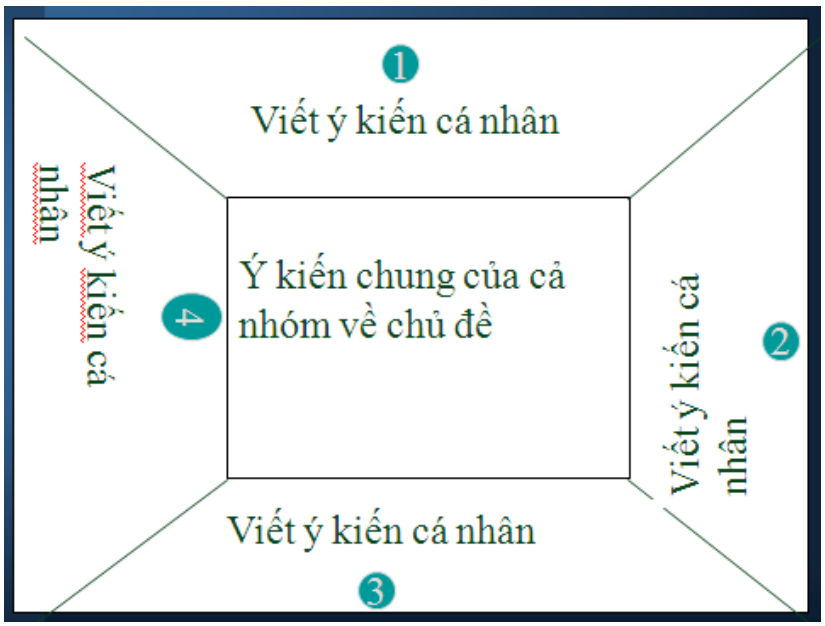

b2. Kĩ thuật "Các mảnh ghép"

*** Khái niệm kỹ thuật "các mảnh ghép":**

Là kĩ thuật tổ chức hoạt động học tập hợp tác kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực của học sinh: Nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác (Không chỉ nhận thức hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 1 mà còn phải truyền đạt kết quả và hoàn thành nhiệm vụ ở Vòng 2).

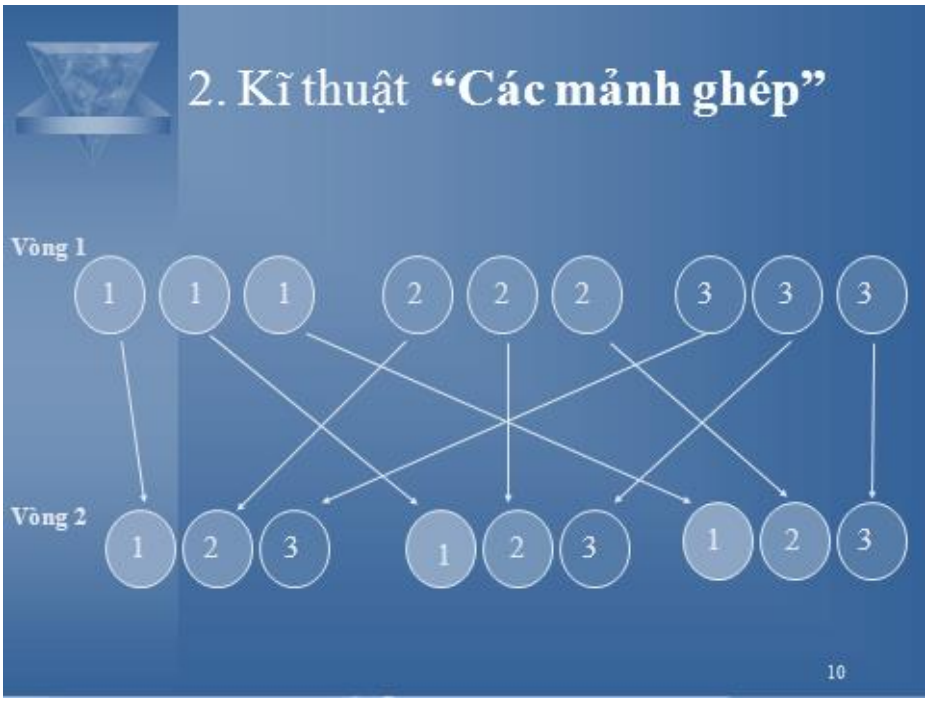

*** Cách tiến hành kĩ thuật "Các mảnh ghép":**

VÒNG 1: (1 điểm)

- Hoạt động theo nhóm 3 hoặc 4 người, …

- Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ (Ví dụ: nhóm 1: nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B, nhóm 3: nhiệm vụ C, …)

- Đảm bảo mỗi thành viên trong nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao

- Mỗi thành viên đều trình bày được kết quả câu trả lời của nhóm

VÒNG 2: (1 điểm)

- Hình thành nhóm 3 hoặc 4 người mới (1 người từ nhóm 1, 1 người từ nhóm 2 và 1 người từ nhóm 3 …)

- Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau

- Sau khi chia sẻ thông tin vòng 1, nhiệm vụ mới sẽ được giao cho nhóm vừa thành lập để giải quyết

- Các nhóm mới trình bày, chia sẻ kết quả nhiệm vụ ở vòng 2

*** Thiết kế nhiệm vụ "Các Mảnh ghép":**

- Lựa chọn nội dung/chủ đề phù hợp

- Xác định một nhiệm vụ phức hợp để giải quyết ở vòng 2 dựa trên kết quả các nhiệm vụ khác nhau đã được thực hiện ở vòng 1.

- Xác định những yếu tố cần thiết để giải quyết nhiệm vụ phức hợp (kiến thức, kĩ năng, thông tin, chiến lược).

- Xác định các nhiệm vụ mang tính chuẩn bị (thực hiện ở vòng 1). Xác định các yếu tố hỗ trợ cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 2.

Thành viên & nhiệm vụ các thành viên trong nhóm

Vai trò	**Nhiệm vụ**
Trưởng nhóm	*Phân công nhiệm vụ*
Hậu cần	*Chuẩn bị đồ dùng tài liệu cần thiết*
Thư kí	*Ghi chép kết quả*
Phản biện	*Đặt các câu hỏi phản biện*
Liên lạc với nhóm khác	*Liên hệ với các nhóm khác*
Liên lạc với giáo viên	*Liên lạc với giáo viên để xin trợ giúp*

Ví dụ:

Chủ đề: Câu tiếng Việt

* Vòng 1:

Nhiệm vụ 1: Thế nào là câu đơn? Nêu và phân tích ví dụ minh họa

Nhiệm vụ 2: Thế nào là câu ghép? Nêu và phân tích ví dụ minh họa

Nhiệm vụ 3: Thế nào là câu phức? Nêu và phân tích ví dụ minh họa

* Vòng 2:

Câu đơn, câu phức và câu ghép khác nhau ở điểm nào? Phân tích ví dụ minh hoạ.

b3. Sơ đồ SWL

Là kĩ thuật dạy học nhằm tạo điều kiện cho người học nêu được những điều đã biết liên quan đến chủ đề, những điều muốn biết về chủ đề *trước khi học* và những điều đã học được *sau khi học.*

Dựa trên sơ đồ KWL, người học tự đánh giá được sự tiến bộ của mình trong việc học, đồng thời giáo viên biết được kết quả học tập của người học, từ đó điều chỉnh việc dạy học cho hiệu quả.

K(Điều đã biết)	W (Điều muốn biết)	L(Điều học được)
Người học điền những điều đã biết về chủ đề / bài học trước khi học	Người học điền những điều muốn biết về chủ đề / bài học	Sau khi học xong chủ đề/bài học, người học điền những điều đã học được

b4. Sơ đồ tư duy

*** Khái niệm sơ đồ tư duy:**

Là kĩ thuật dạy học nhằm tổ chức và phát triển tư duy, giúp người học chuyển tải thông tin vào bộ não rồi đưa thông tin ra ngoài bộ não một cách dễ dàng, đồng thời là phương tiện ghi chép sáng tạo và hiệu quả: Mở rộng, đào sâu và kết nối các ý tưởng; bao quát được các ý tưởng trên một phạm vi sâu rộng.

*** Cách tiến hành**

- Từ một chủ đề lớn, tìm ra các chủ đề nhỏ liên quan.
- Từ mỗi chủ đề nhỏ lại tìm ra những yếu tố/nội dung liên quan.

Sự phân nhánh cứ tiếp tục và các yếu tố/nội dung luôn được kết nối với nhau. Sự liên kết này sẽ tạo ra một "bức tranh tổng thể" mô tả về chủ đề lớn một cách đầy đủ và rõ ràng.

b5. Kỹ thuật hội thảo

*** Khái niệm:** Kỹ thuật hội thảo là giáo viên đưa ra một câu hỏi/vấn đề cần thảo luận, mỗi học sinh đưa ra một ý kiến, giáo viên cùng học sinh nhóm các ý kiến và đặt tên cho nhóm các ý kiến… sau đó đánh giá các nhóm ý kiến và quyết định bước tiếp theo.

*** Ưu điểm:**

- Kích thích học sinh nảy sinh nhiều ý kiến, ý tưởng trong thời gian ngắn. Phù hợp trong các cuộc họp, hội thảo giải quyết vấn đề, ra quyết định, lập kế hoạch.

- Tạo cơ hội tham gia ở mức cao nhất.

*** Nhược điểm:** Khó kiểm soát thời gian

*** Tiến trình:**

- Giới thiệu vấn đề, chủ đề bàn luận

- Lấy ý kiến

- Nhóm thông tin/ ý kiến

- Đặt tên cho nhóm thông tin/ý kiến

- Đánh giá nhóm ý kiến và quyết định bước tiếp theo.

*** Lưu ý:**

- Câu hỏi (chủ đề) cần rõ, đi vào trọng tâm

- Dự tính thời gian (khó kiểm soát)

- Các ý kiến cần được nêu đầy đủ, được làm rõ

- Có thể nảy sinh tranh luận/bất đồng giữa các luồng ý kiến

2.4.3. Lựa chọn và phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học

2.4.3.1. Tại sao phải lựa chọn, phối hợp các phương pháp dạy học

- Mỗi phương pháp dạy học đều có những ưu và nhược điểm nhất định

- Phương pháp dạy học chịu sự chi phối trực tiếp của nội dung dạy học, mỗi bài học lại cần có phương pháp phù hợp

- Khả năng nắm vững và nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học của mỗi giáo viên không giống nhau

- Đặc điểm của lớp học, của học sinh, điều kiện thực tế về phương tiện, kỹ thuật dạy học cũng chi phối việc lựa chọn và vận dụng các phương pháp dạy học.

- Không có một phương pháp dạy học nào là vạn năng đối với mọi giáo viên và đối với mọi môn học. Vì vậy, giáo viên phải biết lựa chọn và phối hợp các phương pháp dạy học sao cho có thể phát huy được ở mức tối đa các mặt mạnh và khắc phục những hạn chế của từng phương pháp dạy học.

2.4.3.2. Cơ sở để lựa chọn và vận dụng phối hợp các phương pháp

- Căn cứ vào đặc điểm nhận thức của người học

- Căn cứ vào đặc trưng của môn học, nội dung bài học

- Căn cứ và điều kiện, phương tiện kỹ thuật dạy học

- Căn cứ vào năng lực, trình độ nghiệp vụ sư phạm của người giáo viên.

2.4.3.3. Những công việc cụ thể của người giáo viên khi lựa chọn phương pháp dạy học cho một bài học

- Xây dựng cấu trúc nội dung cho bài học

- Phân tích ưu nhược điểm của các phương pháp dạy học

- Lựa chọn phương pháp cho từng phần nội dung, bằng cách trả lời các câu hỏi đặt ra như sau:

+ Có thể dạy học phần này bằng phương pháp làm việc độc lập của học sinh được không?

+ Có thể dạy học phần này bằng phương pháp thực hành được không?

+ Có thể dạy học phần này bằng phương pháp trực quan được không?

+ Sau đó xác định phương pháp chủ yếu của bài, phối hợp sử dụng nhiều phương pháp

---

Mẫu dạy học hợp đồng

THIẾT KẾ BÀI GIẢNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO KỸ THUẬT DẠY HỌC HỢP ĐỒNG

1. Đặt vấn đề

Dạy học theo hợp đồng là phương pháp tổ chức hoạt động học tập, trong đó học sinh làm việc theo *một gói các nhiệm vụ* trong một khoảng thời gian nhất định. Học sinh được giao 1 hợp đồng trọn gói bao gồm các nhiệm vụ khác nhau: bắt buộc và nhiệm vụ tự chọn; hợp đồng được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định; sinh viên chủ động xác định thời gian và thứ tự thực hiện các nhiệm vụ. Học theo hợp đồng có thể tổ chức hai hình thức: Hợp đồng cá nhân và hợp đồng nhóm. Trong học theo hợp đồng các nhiệm vụ cần có đáp án và các phiếu hỗ trợ theo các mức độ. Đáp án và phiếu hỗ trợ chỉ cho phép người học nhận khi đã hoàn thành gói hợp đồng theo kí kết để đối chiếu, so sánh, trao đổi và đánh giá kết quả nhiệm vụ. [1]

Dạy học hợp đồng được thực hiện qua hai bước: **Bước chuẩn bị**: Lựa chọn nội dung bài học phù hợp; xây dựng hợp đồng. **Bước tổ chức hoạt động dạy học:** Giới thiệu bài học, giới thiệu hợp đồng, tổ chức cho học sinh kí và thực hiện hợp đồng, tổ chức trao đổi/chia sẻ kết quả học tập.

Ưu điểm của dạy học theo hợp đồng là cho phép phân hoá trình độ của sinh viên; tăng cường tính độc lập; nâng cao ý thức trách nhiệm; hoạt động phong phú hơn… Điều này sẽ khuyến khích được năng lực và hứng thú học tập, đảm bảo cho người học phát huy được năng lực.

2. Nội dung

THIẾT KẾ KẾ BÀI GIẢNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO KỸ THUẬT DẠY HỌC HỢP ĐỒNG

<u>TÊN BÀI HỌC</u>: QUAN HỆ THIẾU NIÊN VỚI BẠN BÈ VÀ GIA ĐÌNH (2 tiết) [2]

(Thuộc Bài 2: TÂM LÝ HỌC TUỔI THIẾU NIÊN)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Hiểu được tầm quan trọng và ảnh hưởng của tình bạn; xác định được các mối quan hệ trong gia đình và ảnh hưởng của nó đối với nhận thức và hành vi của vị thành niên.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng từ chối; biết cách đề nghị sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

3. Thái độ: Có thái độ tự chủ bản thân và hướng dẫn thiếu niên rèn luyện tự chủ; biết tôn trọng tình bạn; biết tôn trọng những ý kiến đóng góp của cha mẹ.

II. CHUẨN BỊ

1. Phương tiện, thiết bị:

Giáo viên: Các hợp đồng, các hình ảnh, tư liệu bài giảng, các tình huống, mẫu sản phẩm và mẫu báo cáo. Học sinh: Tài liệu đọc, kịch bản đóng vai; Giấy A4, A0, băng keo dính.

2. Phương pháp: Học theo hợp đồng**,** thảo luận nhóm**,** đóng vai**, s**ơ đồ hóa.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN KIẾN THỨC CŨ VÀ GIỚI THIỆU VỀ BÀI MỚI

Nội dung	Hoạt động của giáo viên	HĐ của HS	Phương tiện
Giới thiệu bài 3 phút	**Câu hỏi để ôn kiến thức đã học:** 1. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý tuổi thiếu niên? 2. Nguyên nhân nào là chủ yếu dẫn đến những khủng hoảng tâm lý lứa tuổi thiếu niên?	HS nghe và trả lời các câu hỏi của GV.	- Máy vi tính. - Máy chiếu.
5 phút	**Câu hỏi vào bài mới:** 1. Có những mối quan hệ nào của thiếu niên cần nghiên cứu? 2. Khi xảy ra những mâu thuẫn trong quan hệ của thiếu niên với bạn bè, cần giải quyết như thế nào? 3. Khi cha mẹ có cách cư xử chưa đúng (áp đặt, ra lệnh), cần phải thể hiện cách ứng xử sao cho phù hợp?	SV ghi lại câu hỏi.	- Máy vi tính. - Máy chiếu.

HOẠT ĐỘNG 2: NGHIÊN CỨU, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Nội dung	Hoạt động của giáo viên	HĐ của HS	Phương tiện

1. Ký hợp đồng 5 phút	**Giao hợp đồng cho từng học sinh** - Hợp đồng gồm 3 gói NV bắt buộc và 2 NV tự chọn: **NV 1:** Tìm hiểu các MQH của thiếu niên **NV 2:** Tình bạn ở lứa tuổi thiếu niên. **NV 3:** Quan hệ của thiếu niên với cha mẹ. **NV 4:** Vẽ sơ đồ thể hiện mức độ gắn bó của các MQH giữa bản thân với bạn bè và gia đình; giữa các cá nhân **NV 5:** Xây dựng một đề cương truyền thông cho cha mẹ để cải thiện mối quan hệ với con cái ở tuổi thiếu niên	- Từng cá nhân nhận hợp đồng. - Quan sát, ghi nhận ND từng NV - Lựachọn nhiệm vụ và ký hợp đồng.	- Máy vi tính - Máy chiếu - Hợp đồng (in sẵn) - Có các phiếu hỗ trợ.

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Nội dung	Hoạt động của giáo viên viên	HĐ của HS	Phương tiện
2. Thực hiện hợp đồng	- Trợ giúp cho cá nhân hoặc nhóm HS gặp khó khăn khi có yêu cầu.	Thực hiện NV	Phiếu NV, hỗ trợ, giấy, bút…

Hợp đồng : TÌNH BẠN VÀ QUAN HỆ VỚI GIA ĐÌNH

Thời gian : 75 phút. Họ và tên.....

Nhiệm Vụ	Nội dung	*Lựa chọn*	*Nhóm*	🕑	✓	Đáp án			👍	👎	Tự đánh giá
						🗝	✍	🗘			
1	Tìm hiểu các mối quan hệ của thiếu niên và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển nhân cách.	✪	👥	15’			✍	🗘			☺ 😐 ☹
2	Thiếu niên và bạn bè	✪	🧍	30’			✍	🗘			☺ 😐 ☹
3	Thiếu niên với gia đình	✪	👥	30’			✍	🗘			☺ 😐 ☹
4	Vẽ sơ đồ biểu thị các mối quan hệ của bản thân với những cá nhân trong ga đình và bạn bè.	🏃	🧍	01 tuần			✍	🗘			☺ 😐 ☹
5	Xây dựng đề cương bài truyền thông cho cha mẹ về tình bạn của con ở lứa tuổi thiếu niên.	🏃	👥	01 tuần			✍	🗘			☺ 😐 ☹

Tôi cam kết thực hiện theo đúng hợp đồng này

Học sinh — Giáo viên

(Ký, ghi họ tên) — *(Ký, ghi họ tên)*

✓Đã hoàn thành — 👎 **Gặp khó khăn**

☺ Rất thoải mái — 👍 Tiến triển tốt

😐 Bình thường — ✪ Nhiệm vụ bắt buộc

☹ Không hài lòng — 🏃 **Nhiệm vụ tự chọn**

👥 Hợp đồng nhóm — 🧍 Hợp đồng nhóm đôi

🕑 Thời gian tối đa — 🗝 Đáp án

✍ Giáo viên chỉnh sửa — 🗘 **Chia sẻ với bạn**

ⓘ Hướng dẫn của GV — 🧍 **HĐ cá nhân**

HOẠT ĐỘNG 4: THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Phương tiện
3. Khai thác và chính xác hóa kiến thức (20 phút)	- Dành ít phút cho HS tham quan sản phẩm. - Khai thác các sản phẩm có được từ hợp đồng.	- Trưng bày các sản phẩm. - Tham quam sản phẩm nhóm bạn - Ghi nhận, đối chiếu với kết quả - Phản hồi tích cực.	- Máy vi tính - Máy chiếu - Hợp đồng (in sẵn)

NHIỆM VỤ 1: NGHIÊN CỨU CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA THIẾU NIÊN (15 phút)

1. Mục tiêu: HS nhận biết được các mối quan hệ và ảnh hưởng của nó đó đối với bản thân

2. Yêu cầu: Vẽ các vòng tròn đồng tâm với các yêu cầu sau:

+ Vòng tròn trung tâm là chính bạn.

+ Các vòng tròn xung quanh từ trong ra ngoài thể hiện mức độ quan trọng của các MQH từ nhiều đến ít.

NHIỆM VỤ 2: QUAN HỆ VỚI BẠN BÈ (30 phút)

1. Mục tiêu: Đề cao giá trị của tình bạn và ảnh hưởng của bạn bè đối với bản thân.

2. Phương pháp thực hiện:

BT 2.1. Đọc tình huống 2: *Trung và Nam là hai người bạn thân. Nhà Trung nghèo, bố Trung mất sớm, mẹ bị bệnh nặng và Trung còn một đứa em đang đi học. Trung đang rất cần tiền để chữa bệnh cho mẹ. Biết được hoàn cảnh của Trung như vậy nên Nam đã rủ Trung lên biên giới vận chuyển thuốc lá lậu.*

Các nhóm tiến hành sắm vai theo yêu cầu sau:

Nhóm 1: Cử một bạn đóng vai Trung, các bạn còn lại hỗ trợ Trung kĩ năng từ chối.

Nhóm 2: Cử một bạn đóng vai Nam, các bạn còn lại hỗ trợ Nam kĩ năng thuyết phục.

Nhóm 3,4: Quan sát, ghi chép.

BT 2.2. Giáo viên cùng cả lớp thảo luận một số câu hỏi sau:

- Em sẽ làm gì khi bị bạn rủ làm một việc không tốt?
- Có ai có cách xử sự khác Trung không?
- Nên từ chối như thế nào để vẫn giữ được tình bạn và giúp bạn từ bỏ ý định không đúng?

BT 2.3. Học sinh kể về một số mẩu chuyện về sự ảnh hưởng tích cực của bạn bè.

PHIẾU HỖ TRỢ NHIỆM VỤ 2

Bài tập 2.2: Để thương lượng thành công, bạn hãy:

- Hãy nói rõ với bạn điều mình muốn (hoặc không muốn).
- Nếu bạn ấy vẫn cố thuyết phục, hãy giải thích các lý do khiến mình quyết định như vậy.
- Hãy nói rằng bạn hiểu cảm xúc của bạn khi bị từ chối, để họ thấy mình hiểu và quan tâm đến suy nghĩ của họ, nhưng không thay đổi ý kiến của mình.
- Tìm một cách giải quyết khác mà hai bên cùng chấp nhận được (nếu có).
- Nếu bạn ấy vẫn cố thuyết phục, hãy kiên quyết với quyết định của mình và ngừng thương lượng.
- Bài đọc hỗ trợ (trong folder hỗ trợ nhiệm vụ 2)

NHIỆM VỤ 3 (30 phút)

1. Mục tiêu: Biết được ảnh hưởng của gia đình đối với bản thân.

Cách giải quyết các mâu thuẫn với cha mẹ.

2. Phương pháp thực hiện:

+ *Bước 1*: GV đưa ra tình huống: Lan và Huệ là đôi bạn thân. Lan có bạn trai. Gần đây kết quả học tập của Lan sút kém. Có lần Lan nói với Huệ là Lan đã có quan hệ tình dục với bạn trai của mình. Huệ muốn giúp đỡ bạn. Mẹ Huệ biết chuyện và không muốn Huệ chơi với Lan nữa. Bà nói: "Chơi với Lan chỉ làm cho đầu óc con ngu tối mà thôi!".

+ *Bước 2*: Thảo luận giải quyết tình huống: Huệ nên thuyết phục mẹ như thế nào để mẹ hiểu, thông cảm và đồng tình, hỗ trợ Huệ tiếp tục chơi và giúp đỡ Lan.

+ *Bước 3*: Thảo luận mở rộng vấn đề theo những câu hỏi sau:

- Mỗi khi gặp rắc rối trong chuyện tình cảm bạn có thường tâm sự với bố mẹ không?
- Gặp tình huống như trên theo bạn bố mẹ làm vậy là đúng hay sai?
- Bạn sẽ làm gì để bố mẹ có thể tin tưởng mình?
- Bạn mong muốn điều gì ở bố mẹ trong những tình huống như vậy?
- Vì sao cha mẹ và con cái hay bất đồng quan điểm? Làm thế nào để giải quyết vấn đề đó?
- Cha mẹ và con cái nên ứng xử với nhau như thế nào?

PHIẾU HỖ TRỢ NHIỆM VỤ 3

NHIỆM VỤ 4 (tự chọn)

Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mức độ gắn bó của các mối quan hệ giữa bản thân với bạn bè và gia đình; và mối quan hệ giữa các cá nhân trong sơ đồ.

PHIẾU HỖ TRỢ NHIỆM VỤ 4

* Hướng dẫn cách vẽ sơ đồ:

- Viết ra tên các cá nhân trong mối quan hệ gia đình và bạn bè
- Vẽ các vòng tròn tương ứng với mỗi cá nhân
- Vẽ các đường biểu thị MQH giữa bản thân với các cá nhân và MQH giữa các cá nhân đó.

- Đánh dấu mức độ gắn bó của các MQH bằng các dấu gạch đè lên đường biểu thi quan hệ

* Quy ước: + Mức độ thân thiết: (///) + Mức độ thân thiết vừa phải: (//)

+ Mức độ không thân thiết: (/) + Mức độ mâu thuẫn: không có vạch

NHIỆM VỤ 5 (tự chọn)

Xây dựng đề cương bài truyền thông cho cha mẹ về tình bạn của con ở lứa tuổi thiếu niên.

PHIẾU HỖ TRỢ NHIỆM VỤ 5

- Đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi thiếu niên.
- Vai trò của giao tiếp với bạn cùng tuổi đối với sự phát triển nhân cách ở lứa tuổi thiếu niên.
- Những thái độ thường gặp của cha mẹ về tình bạn của thiếu niên.
- Những sai lầm thường mắc của thiếu niên và của cha mẹ về tình bạn của thiếu niên.
- Những cách giải quyết hiệu quả trong mối quan hệ của cha mẹ với thiếu niên về tình bạn.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ (NHIỆM VỤ 2)

Tên bài :.....Môn/học:.....Phần.....Lớp.....Họ tên:.....

Tiêu chí đánh giá	Điểm	Điểm đ/giá	Nhận xét
Nói rõ với bạn điều mình muốn (hoặc không muốn)	4		
Giải thích được các lý do để đưa ra quyết định	4		
Thể hiện sự đồng cảm khi đưa ra quyết định	4		
Tìm được cách giải quyết mà hai bên chấp nhận	4		
Giữ quyết định hoặc ngừng thương lượng nếu cố thuyết phục mình	4		
Tổng cộng	**20**		

Đánh giá: ☐ Tốt (18-20 điểm) ☐ Khá (15-17,5 điểm) ☐ TB (10.5-14.5 điểm) ☐ Yếu (<10 điểm)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ (NHIỆM VỤ 3)

Tên bài :.....Môn/học:.....Phần.....Lớp.....Họ tên:.....

Tiêu chí đánh giá	Điểm	Điểm đ/giá	Nhận xét
Duy trì phương thức giao tiếp cởi mở với cha mẹ	4		
Có kế hoạch giao tiếp với cha mẹ	4		
Biết cách thể hiện suy nghĩ và mong muốn của bản thân mà không vô lễ với cha mẹ	4		
Thực hiện các nguyên tắc giao tiếp với cha mẹ	4		
Biết tìm sự hỗ trợ	4		
Tổng cộng	**20**		

Đánh giá: ☐ Tốt (18-20 điểm) ☐ Khá (15-17,5 điểm) ☐ TB (10.5-14.5 điểm) ☐ Yếu (<10 điểm)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI TRUYỀN THÔNG (NHIỆM VỤ 5)

Tên bài :.....Môn/học:.....Phần.....Lớp.....Họ tên:.....

Tiêu chí đánh giá	Điểm	Điểm đ/giá	Nhận xét
1. Hiểu biết về đối tượng	**4**		
Đảm bảo tính đa dạng của đối tượng			
2. Mục tiêu	**3**		
Có khả năng thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của phụ huynh			

3. Nội dung	**8**		
3.1. Đảm bảo tính khoa học, tính giáo dục	5		
3.2. Đảm bảo tính cập nhật, đa dạng phong phú	3		
4. Hình thức	**5**		
4.1. Hình thức diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu	2		
4.2. Tính hấp dẫn	3		
Tổng cộng	**20**		

Đánh giá: ☐ Tốt (18-20 điểm) ☐ Khá (15-17,5 điểm) ☐ TB (10.5-14.5 điểm) ☐ Yếu (<10 điểm)

3. Kết luận

Áp dụng kỹ thuật dạy học hợp đồng góp phần quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy học Tâm lý học, sẽ tích cực hóa được hoạt động nhận thức của người học, giúp họ chuyển từ cách học bị động sang chủ động, đáp ứng được các yêu cầu của đào tạo theo học chế tín chỉ. Kỹ thuật này đòi hỏi giảng viên có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ , nắm vững kỹ thuật sử dụng và nhiều tâm huyết trong đổi mới phương pháp dạy học.

2.5. Hình thức tổ chức dạy học

Để thực hiện các nhiệm vụ dạy học, hoạt động dạy học được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau tuỳ thuộc vào mục đích, nội dung, các điều kiện khách quan và chủ quan. Trong lịch sử phát triển của sự nghiệp giáo dục trên thế giới, các hình thức tổ chức dạy học đã không ngừng thay đổi theo với sự phát triển của khoa học, của nền kinh tế xã hội, nó phần nào giúp ta nhận ra đặc trưng của sự nghiệp giáo dục một quốc gia, một dân tộc.

2.5.1. Khái niệm hình thức tổ chức dạy học

Để thực hiện các nhiệm vụ dạy học, hoạt động dạy học được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau tuỳ thuộc vào mục đích, nội dung, các điều kiện khách quan và chủ quan.

Hình thức tổ chức dạy học là những cách thức tổ chức hoạt động dạy và học thống nhất giữa giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học, được tiến hành theo một thời gian và địa điểm nhất định, sử dụng những phương pháp và phương tiện dạy học cụ thể nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học.

2.5.2. Các hình thức tổ chức dạy học

2.5.2.1. Cơ sở phân loại hình thức tổ chức dạy học

Hình thức tổ chức dạy học rất đa dạng, chúng phân biệt với nhau bởi các yếu tố:

- Số lượng học sinh tham gia vào việc học tập
- Thời gian tiến hành việc học tập
- Không gian tiến hành việc học tập

- Đặc điểm và tính chất hoạt động của giáo viên và học sinh: mối quan hệ giữa dạy học có tính tập thể hay tính cá nhân; mức độ tích cực tự lực hoạt động nhận thức của học sinh; sự chỉ đạo của giáo viên đối với hoạt động học tập..

Cách thức tổ chức hoạt động học tập

Theo các dấu hiệu trên, ta có những hình thức tổ chức dạy học khác nhau:

- Xét theo số lượng học sinh tham gia: có hình thức dạy học cá nhân, học tập thể.

- Xét theo thời gian tiến hành việc học tập: có học chính khóa, học ngoại khóa

- Xét theo không gian tiến hành việc học tập: học trên lớp, học ngoài lớp

- Xét theo tính chất của hoạt động: học bài mới, bài ôn tập, bài luyện tập, kiểm tra.

- Xét theo cách thức tổ chức việc học tập: ngoại trú, bán trú, nội trú.

Như vậy, các hình thức dạy học rất đa dạng, phong phú. Mỗi hình thức có đặc điểm riêng, có ưu điểm, nhược điểm và chúng có thể bổ sung, khắc phục lẫn nhau.

Việc lựa chọn hình thức nào phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, trong đó quan trọng nhất là trình độ sư phạm của giáo viên.

Chọn đúng hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục đích, nội dung bài học góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

2.5.2.2. Các hình thức tổ chức dạy học

a. Hình thức dạy học lên lớp (bài – lớp) (tập thể)

a1. Khái niệm

Là hình thức tổ chức dạy học trong đó thời gian học tập được quy định một cách chính xác, diễn ra ở một địa điểm riêng biệt, giáo viên chỉ đạo hoạt động nhận thức của học sinh có tính chất tập thể ổn định, thành phần học sinh không đổi, chú ý đến cả lớp đồng thời chú ý đến đặc điểm từng cá nhân, sử dụng các phương pháp, phương tiện dạy học khác nhau nhằm giúp học sinh nắm vững tài liệu học tập trực tiếp từ giáo viên, phát triển năng lực nhận thức va giáo dục học sinh.

Hình thức này do nhà giáo dục vĩ đại người Tiệp Khắc Comenxki đề xướng vào thế kỷ 17, từ đó đến nay nó được củng cố, hoàn thiện dần và trở thành hình thức dạy học cơ bản nhất trong các loại nhà trường.

a2. Đặc trưng của hình thức dạy học lên lớp

- Lớp học có thành phần không đổi trong mọi giai đoạn của quá trình dạy học

- Học sinh có cùng độ tuổi, có trình độ nhận thức tương đương nhau

- Giáo viên chỉ đạo hoạt động nhận thức của cả lớp đồng thời chú ý đến đặc điểm từng cá nhân.

- Hoạt động dạy học được tiến hành theo tiết

- Các tiết học được sắp xếp theo thời khóa biểu

- Nội dung mỗi môn học lại được phân chia thành từng bài, mang đến cho quá trình dạy học tính kế hoạch và tính hệ thống.

a3. Ưu nhược điểm của hình thức dạy học lên lớp

** Ưu điểm:*

- Tạo điều kiện đào tạo hàng loạt học sinh đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh và yêu cầu của đất nước về dân trí và nhân lực.

- Đảm bảo cho học sinh lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo một cách có kế hoạch, có hệ thống

- Đảm bảo sự thống nhất trong phạm vi toàn quốc về kế hoạch và nội dung dạy học.

- Tạo điều kiện cho việc bồi dưỡng tinh thần tập thể và các phẩm chất đạo đức khác cho học sinh.

** Nhược điểm:*

- Không đủ thời gian để học sinh nắm vững ngay tri thức cũng như rèn luyện những kỹ năng, kỹ xảo tại lớp.

- Không có điều kiện để giáo viên chú ý đầy đủ đến các đặc điểm nhận thức riêng của từng học sinh.

- Không có điều kiện để học sinh thỏa mãn nhu cầu nhận thức những tri thức vượt ra khỏi chương trình.

a4. Các dạng tổ chức hoạt động trong giờ học lên lớp

Tiết lên lớp trong nhà trường trung học hiện nay bao gồm 3 dạng tổ chức làm việc cơ bản: *dạy học chung toàn lớp, dạy học theo nhóm và dạy học cá nhân.*

- *Hình thức dạy học chung toàn lớp* là hình thức hoạt động mà toàn thể học sinh trong lớp cùng thực hiện một công việc. Dạng hoạt động tập thể này được đặc trưng bởi hai yêu cầu: có những mục đích thống nhất và sự vận động tới đích bằng những phương pháp và nhịp độ chung cho cả lớp.

- *Hình thức dạy học theo nhóm* là hình thức tổ chức học tập có sự phân hóa. Ngay trong cùng thời gian, từng nhóm học sinh thực hiện các nhiệm vụ khác nhau theo một đề tài như nhau hoặc khác nhau. Hình thức làm việc theo nhóm là hình thức tổ chức làm việc trung gian giữa tập thể và cá nhân.

- *Hình thức làm việc cá nhân* trong giờ lên lớp tạo điều kiện cho từng học sinh thực hiện nhiệm vụ do giáo viên giao một cách độc lập, theo sáng kiến cá nhân. Nó rèn luyện tính độc lập công tác, ý thức phấn đấu vươn lên trong công việc. Giáo viên có điều kiện giúp đỡ học sinh yếu kém.

a5. Các loại bài học và cấu trúc của nó

Các loại bài học:

Hiện nay trong nhà trường có một số bài học sau:

- Bài lĩnh hội tri thức mới

- Bài rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo

- Bài củng cố, hoàn thiện tri thức, kỹ năng, kỹ xảo

- Bài kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo

- Bài hỗn hợp

Cấu trúc của các loại bài học:

❖ *Cấu trúc của bài lĩnh hội tri thức mới:*

+ Mục đích của loại bài này là tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới.

+ Cấu trúc của bài học:

- Tổ chức lớp: Nắm số học sinh có mặt, vắng mặt, ổn định trật tự, chuẩn bị làm việc

- Tích cực hóa tri thức làm chỗ dựa cho việc nắm tri thức mới

- Thông báo đề tài, mục đích và nhiệm vụ của bài học

- Giảng bài mới: Đây là khâu trung tâm của bài học. Nó chiếm khoảng thời gian nhiều nhất, thu hút trí lực của thầy và trò nhiều nhất. Thực chất của khâu này là giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học để tổ chức điều khiển học sinh nắm tri thức mới.

- Củng cố tri thức mới

- Tổng kết bài học

- Ra bài về nhà

❖ *Cấu trúc của bài rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo:*

+ Mục đích: Tổ chức, điều khiển học sinh luyện tập kỹ năng, kỹ xảo (cả lao động trí óc và lao động chân tay)

+ Cấu trúc của bài học:

- Tổ chức lớp

- Thông báo đề bài, mục đích, nhiệm vụ của bài học (cần rèn luyện những kỹ năng nào, yêu cầu rèn luyện đến mức độ nào?)

- Tích cực hóa những tri thức và những kinh nghiệm thực hành cần thiết cho việc luyện tập

- Giới thiệu lý thuyết luyện tập kỹ năng, kỹ xảo (có thể kết hợp với đàm thoại và làm mẫu nếu cần đến).

- Tổ chức, điều khiển học sinh tự mình luyện tập, theo dõi, giúp đỡ học sinh khắc phục khó khăn, uốn nắn sai sót.

- Tổng kết bài học: Nhận xét, đánh giá kết quả luyện tập cũng như tinh thần, thái độ luyện tập của học sinh.

- Ra bài về nhà: Thường là tự luyện tập để rèn luyện kỹ năng

❖ *Cấu trúc của bài củng cố, hoàn thiện tri thức, kỹ năng, kỹ xảo:*

+ Mục đích: Tổ chức, điều khiển học sinh ôn tập sau khi học xong một chương, một phần hay toàn bộ chương trình.

+ Cấu trúc:

- Tổ chức lớp.
- Thông báo đề bài, mục đích, nhiệm vụ của tiết học.
- Tổ chức, điều khiển học sinh khái quát hoá, hệ thống hoá những điều đã học.
- Tổng kết bài học.
- Ra bài về nhà (nếu có)

❖ *Bài kiểm tra, đánh giá tri thức, kỹ năng, kỹ xảo:*

+ Mục đích của loại bài này là kiểm tra, đánh giá kết quả nắm tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của học sinh

+ Cấu trúc của bài học:

- Tổ chức lớp
- Thông báo đề bài, mục đích và nhiệm vụ bài học
- Tổ chức, điều khiển học sinh độc lập hoàn thành nội dung kiểm tra theo thời gian quy định
- Thu bài (nếu kiểm tra viết) hoặc sản phẩm thực hành
- Tổng kết bài học

❖ *Bài hỗn hợp:*

+ Mục đích: loại bài này có nhiều mục đích. Chẳng hạn, lĩnh hội tri thức mới, kiểm tra tri thức, khái quát hoá, hệ thống hoá tri thức…

+ Cấu trúc: Cấu trúc của bài có những yếu tố lấy từ bài học khác. Thông thường do thời gian có hạn của một tiết học nên bài hỗn hợp chỉ nhằm vài ba mục đích nào đó.

Sau đây là ví dụ về cấu trúc bài hỗn hợp:

- Tổ chức lớp.
- Kiểm tra bài ở nhà và những tri thức đã học.
- Thông báo đề bài, mục đích nhiệm vụ của bài học.
- Giảng bài mới và tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới.
- Củng cố tri thức mới.
- Tổng kết bài.
- Ra bài về nhà (nếu có)

b. Hình thức dạy học cá nhân

b1. Đặc trưng

+ Có thể nhận học sinh vào bất kỳ lúc nào trong năm

+ Có thể nhận học sinh ở lứa tuổi và trình độ khác nhau vào học

+ Dạy học mỗi học sinh với bài học khác nhau (mỗi học sinh thầy áp dụng nội dung và phương pháp dạy học khác nhau).

b2. Ưu nhược điểm của hình thức dạy học cá nhân

*** Ưu điểm:**

+ Do có sự tiếp xúc trực tiếp giữa giáo viên và học sinh nên tính tích cực của các em được thúc đẩy.

+ Có điều kiện để thu được thông tin ngược để giáo viên và học sinh điều chỉnh hoạt động dạy và học.

+ Tạo điều kiện cho học sinh học với nội dung vừa sức, với nhịp độ thích hợp.

*** Nhược điểm:**

+ Không có tính tổ chức, kế hoạch

+ Lãng phí sức lực của giáo viên

+ Không có điều kiện đề học sinh học hỏi lẫn nhau

+ Số lượng học sinh được đào tạo quá ít, có tính chất "nhỏ giọt".

- Là hình thức dạy học có sự kết hợp tính tập thể và tính cá nhân, trong đó học sinh trong nhóm dưới sự chỉ đạo của giáo viên trao đổi những ý tưởng, nguồn kiến thức với nhau, giúp đỡ hợp tác với nhau trong việc hình thành tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

- Từng thành viên trong nhóm không chỉ có trách nhiệm với việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của các bạn trong nhóm.

c. Hình thức học tập theo nhóm

Hình thức học tập theo nhóm có 2 dạng: thống nhất và phân hóa.

Việc thành lập nhóm học tập: tùy thuộc vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung dạy học, đối tượng học sinh… giáo viên có thể chia nhóm ngẫu nhiên hay có chủ định. Mỗi nhóm có từ 4 đến 7 người, có nhóm trưởng và thư ký.

c1. Ý nghĩa

- Tạo nên môi trường học tập mà trong đó có sự hợp tác, trao đổi, giữa các thành viên trong nhóm với nhau.

- Tạo nên không khí cởi mở, cảm thông, tự do trao đổi những vấn đề học tập trong không khí hòa hợp cộng đồng và thi đua cùng tiến bộ.

- Hình thành tinh thần trách nhiệm đối với tập thể cho từng thành viên của nhóm, nhờ vậy mà tránh được sự lười biếng, sao nhãng nhiệm vụ được giao, tránh sự ghen tỵ.

- Hình thành thói quen làm việc tự giác không cần kiểm soát.

- Giúp hình thành kỹ năng tổ chức, giao tiếp, thói quen tự đánh giá.

- Giúp hình thành tính tích cực nhận thức và khả năng thích ứng nhanh với nhịp điệu cùng nhau.

c2. Tiến hành học tập với hình thức học tập theo nhóm

- Giáo viên đề ra nhiệm vụ cho các nhóm học sinh trước cả lớp.

- Từng nhóm được sắp xếp ngồi từng cụm với nhau để dễ dàng trao đổi ý kiến và giáo viên dễ quan sát, động viên hoặc gợi ý nếu cần trong quá trình hoạt động nhóm.

- Các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ và thông báo kết quả cho nhau sau đó đại diện nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

- Các nhóm thảo luận với nhau để đi đến kết luận.

- Vai trò của người giáo viên trong thảo luận nhóm: người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, cổ động, bình luận…

d. Hình thức tự học ở nhà

d1. Đặc trưng ở nhà của học sinh

- Học tập ở nhà là sự tiếp nối một cách logic hình thức lên lớp. Ở đây, học sinh phải tự lực hoàn thành các bài tập do giáo viên đề ra sau các giờ lên lớp.

- Học sinh bằng nổ lực cá nhân hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo kế hoạch, không có mặt trực tiếp của giáo viên, cách học là hoàn toàn độc lập theo phương pháp tự nghiên cứu.

d2. Ý nghĩa

Với những nội dung như trên, học tập ở nhà có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của quá trình dạy học.

- Giúp học sinh ôn tập, củng cố, đào sâu, mở rộng, khái quát hoá, hệ thống hoá tri thức, làm cho vốn hiểu biết được hoàn thiện.

- Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo vận dụng tri thức của mình vào các tình huống.

- Chuẩn bị lĩnh hội tri thức mới bằng cách đọc trước bài trong sách giáo khoa, làm thí nghiệm...theo chỉ dẫn của giáo viên.

- Nó góp phần hình thành ở học sinh năng lực tự học, năng lực độc lập công tác. Nó còn cho phép thực hiện sự cá biệt hoá trong dạy học, giúp lấp những lỗ hổng trong tri thức của những học sinh kém và phát triển năng lực sáng tạo cho những học sinh giỏi.

- Rèn luyện cho học sinh tính tự lực, tinh thần trách nhiệm, tính tổ chức kỷ luật trong học tập, tinh thần phát huy cao độ nỗ lực khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ đã đề ra trong một thời gian quy định, từ đó dần dần góp phần trau dồi văn hoá lao động trí óc (tính tổ chức, tính kế hoạch trong học tập).

Vì vậy, người giáo viên chẳng những phải cố gắng giảng dạy tốt trên lớp mà còn có trách nhiệm hướng dẫn cho học sinh học tập ở nhà có kết quả.

d3. Yêu cầu

- Giúp học sinh thấy được vai trò của tự học để hình thành và phát triển nhu cầu tự học.

- Phối hợp tốt giữa gia đình, nhà trường và xã hội để tạo điều kiện tốt cho tự học.

- Giáo viên biết tạo tình huống học tập có vấn đề hấp dẫn nhằm kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú giải quyết ở nhà của học sinh và hướng dẫn chu đáo cho các em.

- Ra bài về nhà đa dạng, đảm bảo tính vừa sức chung và vừa sức riêng.

- Bồi dưỡng cho học sinh phương pháp tự học.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc tự học của học sinh.

e. Hình thức hoạt động ngoại khóa

a1. Khái niệm

Hình thức hoạt động ngoại khóa (hoạt động ngoài lớp) chỉ các hoạt động kết hợp với học tập vui chơi ở phạm vi ngoài phòng học của lớp, có mục đích gắn việc học tập ở nhà trường với cuộc sống xã hội, tạo điều kiện cho học sinh được hòa nhập vào thực tế rộng lớn bên ngoài nhà trường.

a2. Đặc trưng

- *Về tính chất,* hoạt động ngoại khóa là hoạt động vui chơi trong học tập nên nó rất hứng thú, hấp dẫn.

- *Về nhiệm vụ*, hoạt động ngoại khóa có 2 nhiệm vụ: nâng cao năng lực vận dụng tri thức và kỹ năng của môn học vào cuộc sống và đưa học sinh vào cuộc sống xã hội, vào cuộc sống tập thể.

- *Về hình thức*, hoạt động ngoại khóa mở rộng môi trường hoạt động, tạo điều kiện đưa học sinh vào cuộc sống, tạo điều kiện gắn kiến thức với thực tế cuộc sống.

- *Về nội dung*, hoạt động ngoại khoá rất đa dạng, phong phú gồm các mặt văn hoá, khoa học, nghệ thuật, thể dục thể thao, kỹ thuật...

- *Về hình thức*, hình thức sinh hoạt ngoại khoá rất đa dạng: Nghiên cứu sưu tầm, tổ chức thực nghiệm khoa học, tham quan, câu lạc bộ khoa học, hội các nhà khoa học trẻ tuổi, dạ hội khoa học hay nghệ thuật...

a3. Ý nghĩa

Nó tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh hoạt động theo hứng thú, sở thích của mình nhờ đó:

- Giúp học sinh củng cố, mở rộng, khơi sâu thêm tri thức về một số lĩnh vực nhất định gắn liền lý luận với thực tế, phát huy tác dụng của học tập đối với đời sống.

- Bồi dưỡng được nhanh chóng năng lực riêng của từng học sinh.

- Tạo thêm hứng thú học tập, góp phần hướng nghiệp cho học sinh.

- Không chỉ dạy chữ mà còn dạy người, dạy làm người. Các hoạt động ngoại khóa dạy cho các em biết sống vui tươi, lành mạnh, có kỷ luật, trật tự, biết yêu thương và quan tâm đến người khác, biết tôn trọng tập thể, biết gắn bó với cuộc sống.

a4. Yêu cầu

- Phải tôn trọng tinh thần tự nguyện tham gia, tính độc lập sáng tạo của học sinh nhưng lại phải có tổ chức, có hướng dẫn chu đáo.

- Nội dung hoạt động phải gắn với chương trình học và hình thức hoạt động phải đa dạng, phong phú.

- Có sự tham gia chỉ đạo của giáo viên, tập thể sư phạm và sự hỗ trợ của các cá nhân, các cơ quan văn hoá, khoa học, nghệ thuật, đặc biệt là hội cha mẹ học sinh.

a5. Một vài hình thức hoạt động ngoại khóa ở trung học

- Tham quan
- Đọc sách báo
- Làm báo tường
- Tổ chức trình diễn văn nghệ
- Tổ chức hoạt động thể dục, thể thao
- Tổ chức các cuộc thi game show...

f. Hình thức phụ đạo và bỗi dưỡng

f1. Khái niệm

Phụ đạo là hình thức giúp đỡ học sinh yếu nhằm hoàn chỉnh chương trình với tính chất bắt buộc.

Bồi dưỡng học sinh khá giỏi nhằm mở rộng chương trình với tính chất tự nguyện…

f2. Yêu cầu

- Tìm ra nguyên nhân học yếu để có phương pháp giúp đỡ thích hợp.

- Phải chú ý đến đặc điểm cá nhân, phải kiên trì không nôn nóng, tránh xúc phạm đến nhân cách học sinh.

- Đề ra yêu cầu vừa sức, kết hợp với động viên, khích lệ để họ tự tin.

- Phải lấp chỗ hổng kiến thức cần thiết và giúp học sinh có phương pháp tự hoàn thiện mình.

- Bồi dưỡng học sinh giỏi: Giáo viên cần bồi dưỡng cho các em phương pháp tư duy khoa học, đưa ra những vấn đề các em tự giải quyết. Qua đó các em đào sâu, mở rộng tri thức phát triển năng khiếu.

2.6. Đánh giá kết quả giáo dục ở trung học

2.6.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá trong giáo dục

2.6.1.1. Khái niệm kiểm tra

Trong giáo dục, kiểm tra là thu thập những dữ liệu, những thông tin làm cơ sở cho đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của người học.

2.6.1.2. Khái niệm đánh giá

Đánh giá (Evaluation) trong giáo dục là thuật ngữ chỉ việc rút ra những kết luận, phán đoán về mức độ mục tiêu đạt được ở người học, hoặc đưa ra những quyết định về giáo dục trên cơ sở những thông tin đã thu nhập được một cách hệ thống trong quá trình kiểm tra

Như vậy, xét tương quan giữa kiểm tra và đánh giá trong quá trình kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục, chúng ta thấy *kiểm tra là cách thức, là công cụ thực hiện, còn đánh giá là kết quả, là mục đích*. Do vậy, trên thực tế, *đánh giá* thường được dùng như một hình thức gọi tắt của thuật ngữ *kiểm tra đánh giá.* Và nhiều khi từ "đánh giá" được dùng thay thế để chỉ hoạt động kiểm tra. Tuy nhiên không có trường hợp dùng từ "kiểm tra" để chỉ hoạt động "đánh giá".

2.6.2. Ý nghĩa của kiểm tra, đánh giá

- Đối với học sinh:

Cung cấp cho học sinh những thông tin ngược để điều chỉnh hoạt động của mình.

Đánh giá khuyến khích học sinh có ý thức trong rèn luyện, bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, ý chí vươn lên trong học tập, rèn luyện.

Đánh giá cung cấp cho học sinh những số liệu về năng lực nhận thức của bản thân từ đó có thể đi đến những quyết định đúng đắn.

- Đối với giáo viên:

Cung cấp những thông tin liên quan đến học sinh nhằm giúp họ điều chỉnh hoạt động của mình cho tốt hơn.

Đánh giá giúp cho giáo viên xem xét những mục tiêu đề ra cho học sinh đã phù hợp chưa, xem xét phương pháp giảng dạy, giáo dục có cần cải tiến hay không.

Đánh giá giúp cho mỗi giáo viên tự đánh giá trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của mình, từ đó không ngừng nâng cao hoàn thiện mình.

- Đối với các cấp quản lý:

Cung cấp thông tin để chỉ đạo kịp thời các hoạt động ở một đơn vị giáo dục, giúp cho việc điều chỉnh thường xuyên các hoạt động giáo dục, đảm bảo cho hoạt động có hiệu quả.

Cung cấp cơ sở để đi đến những quyết định như quyết định về vấn đề phân loại, sắp xếp, lựa chọn, đào tạo và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngủ quản lí, đội ngủ giáo viên.

Cung cấp những cơ sở để các cấp quản lí đưa ra những quyết định đối với người học như quyết định học tiếp hạy cần phải học lại, đào tạo lại, quyết định phân loại, sắp xếp, lựa chọn cho một mục đích nào đó.

- Đối với phụ huynh và xã hội:

Kiểm tra đánh giá giúp cho phụ huynh và xã hội có những thông tin về tình hình chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường, của con em nhân dân. Từ đó có những giúp đỡ cần thiết đối với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

2.6.3. Mục tiêu đánh giá

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.6.4. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học và chuyên đề học tập lựa chọn và môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

2.6.5. Hình thức và phương pháp đánh giá

2.6.5.1. Hình thức đánh giá

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì ở cơ sở giáo dục, các kì đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương và các kì đánh giá quốc tế. Cùng với kết quả các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn, kết quả các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của học sinh trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

Việc đánh giá thường xuyên do giáo viên phụ trách môn học tổ chức, kết hợp đánh giá của giáo viên, của cha mẹ học sinh, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác.

Việc đánh giá định kì do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình.

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

2.6.5.2. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

a. Phương pháp kiểm tra miệng

Kiểm tra miệng là kiểm tra vấn đáp, tiếp thu và trình bày diễn giải bằng lời, là hình thức kiểm tra thường xuyên, nó được thực hiện qua các khâu ôn tập, cũng cố bài cũ, tiếp thu bài mới, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Kiểm tra miệng được sử dụng trước, trong và sau khi học bài mới; Thi cuối học kỳ; Thi cuối năm học.

Ưu điểm:

- Giáo viên thu được tín hiệu ngược nhanh chóng từ học sinh có những trình độ khác nhau.

- Thúc đẩy cho học sinh học tập thường xuyên, có hệ thống, liên tục.

- Giúp học sinh rèn luyện kĩ năng biểu đạt bằng ngôn ngữ một cách nhanh, gọn, chính xác, rõ ràng.

Nhược điểm:

Nếu sử dụng không khéo léo sẽ có những nhược điểm sau**:**

- Câu hỏi đặt ra nếu không kích thích được tính tư duy thì sẽ không thu hút được sự quan tâm của học sinh.

- Mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến kế hoạch lên lớp.

Các yêu cầu khi kiểm tra miệng:

- Tạo điều kiện cho tất cả học sinh trả lời đầy đủ câu hỏi đề ra

- Dung lượng kiến thức trong mỗi câu hỏi vừa phải, sát trình độ học sinh, học sinh có thể trả lời ngắn gọn trong vài phút.

- Sau khi nêu câu hỏi cho cả lớp, cần có thời gian ngắn để học sinh chuẩn bị, sau đó mới chỉ định học sinh trả lời câu hỏi.

- Cần kiên trì nghe học sinh trình bày.

- Khi cần thiết, phải biết gợi ý, không làm cho các em sợ hãi lúng túng.

- Phải có nhận xét ưu khuyết điểm trong câu trả lời của học sinh về hình thức trình bày, nội dung, tinh thần thái độ .

- Phải công bố điểm công khai.

- Phải ghi điểm vào sổ điểm của lớp và sổ điểm cá nhân của mình

b. Phương pháp kiểm tra viết

Phương pháp kiểm tra viết là cách thức học sinh làm những bài kiểm tra viết trong những khoảng thời gian khác nhau tùy theo yêu cầu của môn học.

Kiểm tra viết là một trong những hình thức kiểm tra, đánh giá phổ biến ở các trường nói chung và trường trung học nói riêng.

Kiểm tra viết gồm viết tự luận và trắc nghiệm.

Kiểm tra viết được sử dụng: Sau khi học xong một phần, một chương hoặc nhiều chương, sau khi kết thúc học kỳ hoặc năm học.

Ưu điểm:

- Trong một thời gian ngắn kiểm tra được toàn bộ học sinh trong lớp, do đó đánh giá được trình độ chung của học sinh trong lớp và từng học sinh, để kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy. Đồng thời giúp học sinh có đủ thời gian suy nghĩ để trả lời.

- Có thể kiểm tra từ một vấn đề nhỏ đến một vấn đề lớn có tính chất tổng hợp.

- Giúp học sinh phát triển năng lực diễn đạt bằng ngôn ngữ viết.

- Trắc nghiệm khách quan chấm bài nhanh, chính xác nên độ tin cậy cao.

- Bao quát được chương trình nên tránh được học vẹt, học tủ.

Nhược điểm:

- Hạn chế của phương pháp này là khó đảm bảo tính chính xác nếu không được tổ chức kiểm tra một cách nghiêm túc, khó có điều kiện để đánh giá kĩ năng thực hành, thí nghiệm, cách sử dụng công nghệ thông tin…

- Trắc nghiệm khách quan đòi hỏi giáo viên tốn nhiều thời gian để biên soạn ngân hàng câu hỏi, khó trắc nghiệm được quá trình diễn biến tư duy của học sinh…

Các yêu cầu khi kiểm tra viết:

- Ra đề bài phải rõ ràng, chính xác, hiểu thống nhất ở tất cả học sinh, sát trình độ của các em, phù hợp thời gian làm bài, phát huy trí thông minh của các em.

- Giáo dục cho các em tinh thần tự giác, nghiêm túc trong khi làm bài, tránh tình trạng nhìn bài nhau, nhắc bạn, sử dụng tài liệu trong khi làm bài.

- Tạo điều kiện cho học sinh làm bài cẩn thận, đầy đủ, không làm cho các em mất tập trung tư tưởng, phân tán chú ý.

- Thu bài đúng giờ quy định.

- Đáp án chấm phải chính xác, rõ ràng, mọi người hiểu như nhau thang điểm từng câu, từng ý phù hợp với nội dung phải trả lời.

- Chấm bài cẩn thận, có lời nhận xét chính xác, gon, rõ.

- Trả bài đúng hạn.

c. Kiểm tra thực hành

Phương pháp kiểm tra thực hành là cách thức học sinh làm những bài kiểm tra có tính chất thực hành như: đo đạc, làm thí nghiệm, chế tạo các mô hình, thiết bị kĩ thuật… ở trên lớp, trong phòng thí nghiệm, xưởng trường trường và ngoài thiên nhiên.

Phương pháp kiểm tra thực hành dùng để kiểm tra kĩ năng, kĩ xảo thực hành, không đơn thuần kiểm tra kĩ năng biết thực hiện một cái gì đó mà còn kiểm tra kĩ năng vận dụng kiến thức vật lí vào cuộc sống.

Ưu điểm:

- Phương pháp kiểm tra thực hành là phương pháp hữu hiệu để dánh giá kĩ năng, kĩ xảo về thí nghiệm và vận dụng kiến thức vật lí vào cuộc sống.

- Học sinh biết ngay kết quả.

Nhược điểm:

Tuy nhiên, khi áp dụng hạn chế của phương pháp này là thiếu cơ sở vật chất, thiết bị thí nghiệm và nguồn nhân lực (GV) tham gia kiểm tra đánh giá học sinh.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp thực hành:

Khi tiến hành kiểm tra thực hành, cần phải chú ý các điểm sau:

- Theo dõi trình tự, độ chính xác, trình độ thành thạo của các thao tác

- Kết hợp kiểm tra lý thuyết - cơ sở lý luận của các thao tác thực hành.

d. Học sinh tự kiểm tra, đánh giá

Tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập là biện pháp trong đó chính bản thân học sinh tự tiến hành việc kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của bản thân.

Ưu điểm:

- Giúp học sinh hình thành kỹ năng, kỹ xảo từ đó nhận biết rõ ưu khuyết điểm của bản thân nhất là phương pháp học tập để tìm cách khắc phục.

- Góp phần củng cố vững chắc các kiến thức đã lĩnh hội của học sinh.

- Khi tự kiểm tra, đánh giá học sinh sẽ tự khẳng định được mình, tự mình đề xuất được biện pháp thỏa đáng để điều khiển và thúc đẩy hoạt động học tập của bản thân vận động đi lên.

Nhược điểm:

- Học sinh thực hiện không thường xuyên, liên tục.

- Nhiều học sinh chưa có kỹ năng tự tiến hành kiểm tra, đánh giá kết qủa học tập của bản thân nên độ tin cậy của kết quả chưa cao.

Yêu cầu khi sử dụng:

- Cần được thực hiện thường xuyên, liên tục sau mỗi bài học, chương, phần.

- Xác định rõ những nội dung cơ bản, chủ yếu cần phải đánh giá.

- Trước khi học sinh tự kiểm tra, đánh giá, giáo viên cần hướng dẫn học sinh nắm các tiêu chí, hoặc yêu cầu cần quan sát một cách cụ thể và có giới hạn.

- Hình thành những mẫu phiếu để giúp học sinh dễ dàng thể hiện các nhận xét tự đánh giá.

2.6.6. Yêu cầu đối với đánh giá kết quả giáo dục của học sinh

2.6.6.1. Đảm bảo tính khách quan

Đảm bảo tính khách quan đòi hỏi trong khi kiểm tra đánh giá phải bảo đảm cho kết quả thu thập được ít chịu ảnh hưởng từ những yếu tố khác với mục tiêu và nội dung cần đánh giá.

Để đảm bảo tính khách quan cần thực hiện các yêu cầu sau:

- Kết hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau nhằm hạn chế tối đa các nhược điểm của một loại đánh giá.

- Bảo đảm môi trường, cơ sở vật chất không ảnh hưởng đến việc thực hiện các bài tập đánh giá của học sinh.

- Kiểm soát các yếu tố khác ngoài khả năng thực hiện bài tập đánh giá của học sinh có thể ảnh hưởng đến kết quả làm bài tập hay thực hiện hoạt động của các em. Các yếu tố khác đó có thể là trạng thái sức khỏe, tâm lý lúc làm bài hay thực hiện hoạt động; ngôn ngữ diễn đạt trong bài kiểm tra; độ dài của bài kiểm tra; sự quen thuộc với bài kiểm tra – nghĩa là một bài kiểm tra mà trước đây học sinh đã được làm hoặc đã được ôn tập, được chuẩn bị kỹ trước khi kiểm tra, hoặc một dạng bài mà học sinh đã làm đi làm lại nhiều lần.

- Ra đề thi, kiểm tra phải phù hợp với trình độ học sinh, tránh ra đề quá khó, quá dễ...

- Nội dung thi, kiểm tra phải phù hợp với yêu cầu chung của chương trình đề ra, không thể theo ý chủ quan của giáo viên hay người ra đề.

- Tổ chức thi, kiểm tra phải nghiêm minh, đúng quy chế (bí mật người ra đề, bí mật đề thi; coi thi, kiểm tra nghiêm túc để tránh những hiện tượng tiêu cực có thể xảy ra).

- Xây dựng chuẩn đánh giá đúng đắn, rõ ràng, toàn diện.

- Tổ chức chấm bài nghiêm minh, giám khảo phải có tinh thần trách nhiệm cao, tránh thiên kiến.

2.6.6.2. Đảm bảo tính toàn diện

Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện đòi hỏi:

- Nội dung kiểm tra hay đánh giá cần bao quát được toàn bộ các nội dung trọng tâm của phần học, phần chương trình hay bài học mà ta muốn đánh giá.

- Đa dạng hóa các công cụ đánh giá

- Mục tiêu đánh giá cần bao quát các lĩnh vực đánh giá kết quả học tập: kiến thức, kỹ năng, qui trình, bao gồm hết các mức độ đánh giá mà B.S. Bloom đề ra: nhận biết, hiểu, vận dụng.

- Các bài tập hoặc hoạt động đánh giá không chỉ đo lường khả năng nhớ lại các kiến thức đã được học mà còn đo được khả năng vận dụng, phân tích tổng hợp và đánh giá; không chỉ đánh giá kiến thức, kỹ năng môn học mà còn đánh giá các phẩm chất và kỹ năng xã hội.

2.6.6.3. Đảm bảo tính hệ thống

Yêu cầu này đòi hỏi:

+ Xác định các mục tiêu, tiêu chí đánh giá phải được ưu tiên hơn so với thiết kế công cụ và tiến trình đánh giá. Chỉ thực hiện đánh giá khi đã xác định mục đích và nội dung đánh giá, vì giá trị của các kết quả đạt được không chỉ phụ thuộc vào mặt kỹ thuật của việc thiết kế và

sử dụng các công cụ đánh giá, mà trước hết là vào việc xác định rõ cần phải đánh giá cái gì và tại sao.

- Chuẩn đánh giá phải phù hợp với mục tiêu và chương trình trong từng giai đoạn cụ thể.

- Chuẩn đánh giá phải phù hợp với mọi học sinh (con đường đạt chuẩn của từng đối tượng có thể có những đặc điểm khác nhau).

- Chuẩn đánh giá phải phù hợp với điều kiện dạy học cụ thể của số đông các trường bình thường.

+ Kỹ thuật đánh giá phải được lựa chọn dựa trên mục đích đánh giá

Nhiều khi, một kỹ thuật đánh giá nào đó (ví dụ: bài trắc nghiệm tự luận) được lựa chọn chỉ vì nó thuận tiện, dễ sử dụng, hoặc quen thuộc với nhiều người. Tất cả những điều này đều quan trọng, nhưng điều quan trọng nhất trong việc lựa chọn một kỹ thuật đánh giá phù hợp là vấn đề kỹ thuật ấy có đánh giá được một cách hiệu quả nhất những gì mà ta cần đánh giá hay không. Bởi vì, một công cụ hay kỹ thuật đánh giá chỉ thích hợp nhất cho một vài mục đích cụ thể.

+ Đánh giá phải nâng cao những phán đoán về giá trị của người học, về việc học. Tiến trình đi từ việc thu thập tư liệu, thông tin đến việc đưa ra những kết luận về việc học của học sinh cần phải được tường minh.

+ Mục tiêu và phương pháp đánh giá phải tương thích với mục tiêu và phương pháp giảng dạy. Chẳng hạn, để người học có thể thành công trong các bài kiểm tra hay các hoạt động đánh giá đòi hỏi người học phải biết áp dụng kiến thức hoặc biết tự xây dựng các giải pháp riêng cho mình khi giải quyết vấn đề, thì trong lúc học, người học phải được khuyến khích, được tạo điều kiện tìm tòi, xây dựng và phát hiện ý nghĩa của các khái niệm, của các kiến thức.

+ Kết hợp đánh giá thường xuyên/quá trình với đánh giá tổng kết.

+ Độ khó của bài tập hay hoạt động đánh giá phải ngày càng nâng cao theo sự phát triển cấp lớp.

2.6.6.4. Đảm bảo tính phát triển

Xét ở góc độ bản chất nhân bản của giáo dục thì giáo dục chính là quá trình giúp những cá nhân trong xã hội phát triển những tiềm năng của mình để trở thành người hữu dụng.

Trong dạy học và giáo dục, để giúp cho việc đánh giá có tác dụng phát triển các phẩm chất, năng lực của người học một cách bền vững, cần thực hiện các yêu cầu sau:

+ Công cụ đánh giá phải tạo điều kiện cho học sinh khai thác vận dụng kiến thức, kỹ năng liên môn, xuyên môn.

+ Phương pháp và công cụ đánh giá phải góp phần kích thích lối dạy phát huy tính tự lực, chủ động và sáng tạo của học sinh trong học tập, lối dạy chú trọng thực hành, rèn luyện và phát triển kỹ năng.

+ Thông qua đánh giá phải hướng dẫn việc duy trì sự phấn đấu và tiến bộ của người học cũng như góp phần phát triển động cơ học tập đúng đắn cho người học.

+ Qua những phán đoán nhận xét về việc học của học sinh, giáo viên nhất thiết phải cho học sinh nhận ra chiều hướng phát triển trong tương lai của bản thân, nhận ra những tiềm năng của mình, nhờ vậy góp phần phát triển lòng tự tin, tự trọng và ý hướng phấn đấu trong học tập, rèn luyện cho học sinh.

2.6.6.5. Đảm bảo tính công khai

Đánh giá phải là một tiến trình công khai. Học sinh cần được biết các tiêu chuẩn và yêu cầu đánh giá của các nhiệm vụ hay bài tập bài thi mà họ sẽ thực hiện. Các yêu cầu, tiêu chuẩn đánh giá này có thể được thông báo miệng hoặc được thông báo chính thức qua những văn bản hướng dẫn làm bài. Họ cũng cần biết cách tiến hành các nhiệm vụ ấy sao cho đạt được tốt các tiêu chuẩn và yêu cầu đã định. Việc công khai các yêu cầu hoặc tiêu chí đánh giá các hoạt động hoặc bài tập tạo điều kiện cho người học nhận ra rõ ràng hướng phấn đấu để đạt thành công trong khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. Nó cũng giúp cho các hoạt động kiểm tra - đánh giá trong nhà trường thực hiện khác quan và công bằng hơn.

2.6.6.6. Đảm bảo tính công bằng

Đánh giá phải góp phần nâng cao tính công bằng trong giáo dục và dạy học. Tất cả học sinh đều xứng đáng được làm việc đều đặn trên các nhiệm vụ hay bài tập có tính thách thức để giúp mỗi em có thể tích cực vận dụng phát triển kiến thức, và kỹ năng đã học.

Để những bài kiểm tra được công bằng, thay vì chỉ đạo điều kiện cho một số học sinh có khả năng làm được bài thì qua bài kiểm tra, giáo viên nên tạo những cơ hội cho mọi học sinh chứng tỏ khả năng áp dụng những kiến thức, kỹ năng mà các em đã học vào đời sống hàng ngày và giải quyết vấn đề.

Đối với những bài kiểm tra nhằm thu thập những thông tin chính xác để đánh giá xếp loại học sinh giáo viên cần phải bảo đảm rằng hình thức bài kiểm tra là quen thuộc với mọi học sinh. Ví dụ hình thức kiểm tra bằng cách lựa chọn hoặc điền vào chỗ trống chỉ nên sử dụng khi mọi học sinh đã biết cách làm các dạng bài đó như thế nào. Mặt khác, ngôn ngữ sử dụng trong bài kiểm tra đơn giản rõ ràng, phù hợp với trình độ của học sinh, nếu có hình ảnh, hoặc sơ đồ , bảng biểu thì chúng cần phải được thể hiện sáng rõ, và bài kiểm tra không nên chứa những hàm ý đánh đố học sinh. Những yêu cầu này nhằm tạo điều kiện bảo đảm cho kết quả kiểm tra thu nhận được thể hiện đúng mục tiêu cần đánh giá chứ không phải thể hiện khả năng học sinh có vượt qua được những trở ngại do cách trình bày của bài kiểm tra tạo ra.

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG

1. Hãy trình bày khái niệm quá trình dạy học

2. Phân tích sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy và hoạt động học.

3. Hãy trình bày các nhiệm vụ của quá trình dạy học và mối quan hệ giữa các nhiệm vụ dạy học.

4. Phân tích bản chất của quá trình dạy học

5. Hãy trình bày mâu thuẫn cơ bản của quá trình giáo dục

6. Hãy nêu tên và tác dụng các khâu cơ bản của quá trình dạy học

7. Trình bày khái niệm nguyên tắc dạy học. Tại sao phải học tập các nguyên tắc dạy học.

8. Phân tích yêu cầu và biện pháp thực hiện các nguyên tắc dạy học. Hãy nêu ý kiến đánh giá về việc thực hiện nguyên tắc này ở nhà trường phổ thông nước ta hiện nay.

9. Nêu khái niệm nội dung dạy học. Trình bày các thành phần của nội dung dạy học

10. Trình bày được những công việc cụ thể của giáo viên khi lựa chọn nội dung cho một bài học.

11. Nêu khái niệm và cách phân loại phương pháp dạy học

12. Phân tích ưu, nhược điểm của các phương pháp dạy học.

13. Hãy nêu những công việc cụ thể của giáo viên trong việc lựa chọn phương pháp dạy học cho một bài học.

14. Trình bày khái niệm hình thức tổ chức dạy học

15. Phân tích các đặc trưng và ưu nhược điểm của hình thức dạy học bài lớp. Tại sao hình thức lên lớp là hình thức dạy học chủ yếu nhưng không phải là hình thức duy nhất trong dạy học hiện nay?

16. Phân tích các đặc trưng và ưu nhược điểm của hình thức dạy học cá nhân.

17. Hãy phân biệt các khái niệm: kiểm tra - đánh giá trong giáo dục.

18. Phân tích ý nghĩa và các chức năng của kiểm tra đánh giá giáo dục

19. Nêu các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục của học sinh.

20. Trình bày các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục của học sinh. Ưu và nhược điểm của từng phương pháp.

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC TRUNG HỌC

Quá trình giáo dục là một phận của quá trình sư phạm, có chức năng trội là hình thành và phát triển những phẩm chất nhân cách cho học sinh. Để tổ chức việc hình thành và phát triển nhân cách có hiệu quả cần phải hiểu khái niệm và các yếu tố của quá trình giáo dục; bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục; các mâu thuẫn, động lực của quá trình và logic của quá trình giáo dục và những nét đặc trưng của quá trình tự giáo dục và giáo dục lại.

3.1. Khái quát chung về quá trình giáo dục

3.1.1. Khái niệm, cấu trúc của quá trình giáo dục

3.1.1.1. Khái niệm quá trình giáo dục

- Quá trình giáo dục là hoạt động chung thống nhất giữa nhà giáo dục và người được giáo dục nhằm hình thành ở người được giáo dục những quan điểm, niềm tin, động cơ, thái độ, kỹ năng, kỹ xảo và thói quen ứng xử trong các quan hệ xã hội.

- Quá trình giáo dục là một bộ phận của quá trình sư phạm tổng thể.

- Chức năng chủ yếu của quá trình giáo dục: Hình thành và phát triển những phẩm chất nhân cách cho người được giáo dục (các phẩm chất đạo đức, thẩm mỹ, thể chất, lao động).

3.1.1.2. Các thành tố cơ bản của quá trình giáo dục

- Mục đích, nhiệm vụ giáo dục:

Mục đích: Giáo dục đào tạo những con người (thế hệ trẻ) thành những người công dân, người lao động có đủ năng lực và phẩm chất, có khả năng hoà nhập và thích ứng, năng động, sáng tạo với cuộc sống đang đổi mới toàn diện và sâu sắc theo định hướng XHCN.

Nhiệm vụ :

1. Tổ chức hình thành và phát triển ở người được giáo dục ý thức cá nhân về các chuẩn mực xã hội.

2. Tổ chức hình thành và phát triển ở người được giáo dục xúc cảm, tình cảm tích cực về chuẩn mực.

3. Tổ chức hình thành và phát triển ở người được giáo dục hệ thống hành vi phù hợp với các chuẩn mực xã hội đã được qui định.

- Nội dung giáo dục: Là hệ thống những chuẩn mực xã hội đã được qui định cần giáo dục cho người được giáo dục.

- Phương pháp, phương tiện giáo dục: Là những cách thức, phương tiện hoạt động thống nhất của nhà giáo dục và người được giáo dục, nhằm giúp cho người được giáo dục chuyển hoá được những chuẩn mực xã hội thành hành vi và thói quen tương ứng.

- Nhà giáo dục: Là chủ thể của quá trình giáo dục có chức năng tổ chức, điều khiển quá trình hình thành nhân cách người được giáo dục.

- Người được giáo dục: Là đối tượng giáo dục, đồng thời là chủ thể hoạt động tự giáo dục: tiếp nhận các tác động giáo dục một cách có chọn lọc, họ có khả năng biến những tác động bên ngoài thành những tác động bên trong của bản thân.

- Kết quả giáo dục: Phản ánh kết quả vận động và phát triển của quá trình giáo dục nói chung, song có thể nói rằng, nó phản ánh tập trung kết quả vận động và phát triển của bản thân người được giáo dục.

3.1.2. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo học

3.1.2.1. Bản chất của quá trình giáo dục

Bản chất của quá trình giáo dục thể hiện ở 2 khía cạnh:

Một là, bản chất của quá trình giáo dục là tổ chức cuộc sống cho trẻ:

+ Thực chất của quá trình giáo dục là chuyển hóa những yêu cầu của những chuẩn mực xã hội thành ý thức, tình cảm và thói quen hành vi tương ứng.

+ Để làm được việc trên quá trình giáo dục phải thực hiện các công việc:

Làm cho học sinh hiểu được nội dung các chuẩn mực, ý nghĩa xã hội của việc thực hiện đúng đắn các chuẩn mực đó, hình thành xúc cảm tích cực niềm tin đối với chuẩn mực.

Giúp học sinh tích quỹ được kinh nghiệm thực tiễn tích cực, có nhu cầu và thói quen hành động đúng trong các quan hệ đó.

Xây dựng cho họ ý chí và năng lực xóa bỏ tàn dư của những quan hệ cũ, chối bỏ, chống lại quan hệ xấu.

Hai là, bản chất của quá trình giáo dục còn là sự thống nhất giữa hoạt động của nhà giáo dục với hoạt động tự giáo dục của người được giáo dục: Sự kết hợp vai trò chủ đạo của giáo viên và vai trò chủ thể của học sinh trong quá trình giáo dục đã tạo nên tính thống nhất biện chứng của hoạt động giáo dục. Sự thống nhất này thực chất cũng là quá trình hoạt động và giao lưu của các thành viên tham gia quá trình giáo dục, trong đó tính tích cực, chủ động của học sinh là rất quan trọng.

3.1.2.1. Đặc điểm của quá trình giáo dục

a. Quá trình giáo dục diễn ra với những tác động phức hợp

Quá trình giáo dục là quá trình chịu ảnh hưởng, tác động của rất nhiều yếu tố chủ quan, khách quan, bên trong và bên ngoài.

Các điều kiện khách quan: Các sự kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, tâm lí, tập quán, các hoạt động giaos dục của nhà trường, gia đình, các phương tiện đại chúng… có tác động mạnh mẽ tới sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh.

Các điều kiện chủ quan: các đặc điểm sinh học, tâm lí của người được giáo dục

Những tác động đó có thể thống nhất với nhau và tăng cường lẫn nhau, cũng có thể mâu thuẫn với nhau, dẫn đến kquả là vô hiệu hoá hay suy yếu ảnh hưởng của nhau.

Vì vậy, để đạt được hiệu quả trong quá trình giáo dục nhà gdục phải biết điều chỉnh, phối hợp được tất cả các tác động giáo dục theo chiều hướng tích cực

b. Quá trình giáo dục là quá trình lâu dài và liên tục

Quá trình giáo dục đòi hỏi một thời gian lâu dài mới có được kết quả vì quá trình giáo dục nhằm hình thành ở đối tượng giáo dục nhận thức đúng, niềm tin, tình cảm, động cơ, hệ thống hành vi thói quen phù hợp với các yêu cầu, chuẩn mực của xã hội. Những yếu tố này chỉ có được sau khi người học đã trải qua một thời kì nhận thức, thể nghiệm, luyện tập và đấu tranh với chính bản thân trong cuộc sống.

Quá trình giáo dục cũng phải diễn ra liên tục vì nhờ đó mới có thể củng cố được những hành vi và thói quen tốt đã được hình thành.

Do quá trình giáo dục diễn ra lâu dài nên các nhà sư phạm phải kiên trì, nhẫn nại, tránh nôn nóng… trong giáo dục.

c. Quá trình giáo dục mang tính cá biệt

Mỗi đối tượng giáo dục đều có những đặc điểm nhân cách riêng, hoàn cảnh riêng khác nhau.

Mặt khác, giáo dục luôn diễn ra theo từng tình huống giáo dục riêng biệt, trong thời gian, địa điểm với những hoàn cảnh, điều kiện cụ thể khác nhau.

Vì vậy, phải quan tâm tới từng đặc điểm riêng của đối tượng giáo dục và hoàn cảnh tồn tại của đối tượng giáo dục, từ đó vận dụng những quy luật quy tắc, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

d. Quá trình giáo dục thống nhất với tự giáo dục

Nhà giáo dục là chủ thể giáo dục, tác động có tính định hướng đến người được giáo dục. Người được giáo dục vừa là đối tượng giáo dục vừa là chủ thể tự giáo dục. Hoạt động của nhà giáo dục chỉ có hiệu quả khi kích thích và thống nhất được với hoạt động tự giáo dục của người được giáo dục. Hoạt động của người được giáo dục chỉ có hiệu quả khi khai thác được sự định hướng và hỗ trợ hoạt động của nhà giáo dục.

Vì vậy, hoạt động của nhà giáo dục phải kích thích được và thống nhất được hoạt động tự giáo dục của người được giáo dục. Hoạt động tự giáo dục của người được giáo dục phải khai thác được sự định hướng và hỗ trợ của hoạt động giáo dục của nhà giáo dục.

e. Quá trình gdục có mối quan hệ biện chứng với quá trình dạy học

Dạy học là con đường, hoạt động cơ bản để giáo dục học sinh, thông qua dạy chữ mà dạy người, đồng thời kết quả của giáo dục lại tác động tích cực đến dạy học.

Vì vậy, cần phải thống nhất hai quá trình này, tránh tình trạng tách rời, biệt lập hai quá trình này.

3.1.3. Động lực và lôgic của quá trình giáo dục

3.1.3.1. Động lực của quá trình giáo dục

- Động lực của quá trình giáo dục chính là việc phát hiện và giải quyết có hiệu quả các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình giáo dục.

- Các loại mâu thuẫn của quá trình giáo dục:

+ Mâu thuẫn bên trong: Mâu thuẫn giữa các nhân tố của quá trình giáo dục với nhau; hoặc mâu thuẫn giữa các yếu tố trong từng nhân tố.

+ Mâu thuẫn bên ngoài: Mâu thuẫn giữa các nhân tố thuộc quá trình giáo dục với các nhân tố của môi trường kinh tế - xã hội.

- Dấu hiệu xác định mâu thuẫn cơ bản của quá trình giáo dục:

+ Mâu thuẫn đó tồn tại từ đầu đến cuối quá trình giáo dục.

+ Việc giải quyết các mâu thuẫn khác đều phải nhằm phục vụ cho việc giải quyết nó.

+ Việc giải quyết mâu thuẫn đó có liên quan trực tiếp và sâu sắc đến nhân tố người được giáo dục.

- Nêu mâu thuẫn cơ bản của quá trình giáo dục: mâu thuẫn giữa mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu mà nhà giáo dục đề ra ngày càng cao với khả năng, trình độ phát triển về nhân cách, trình độ được giáo dục của học sinh hiện có còn hạn chế.

- Điều kiện để mâu thuẫn trở thành động lực: Trong quá trình giáo dục không phải cứ có mâu thuẫn là có động lực. Mâu thuẫn muốn trở thành động lực phải có 3 điều kiện:

+ Mâu thuẫn phải được người được giáo dục nhận thức đầy đủ và có nhu cầu giải quyết nó. Học sinh biết được các yêu cầu của cuộc sống và ý thức được trình độ được giáo dục của bản thân, từ đó có nhu cầu vươn tới cái đẹp, biến yêu cầu thành nhu cầu của bản thân.

+ Mâu thuẫn phải vừa sức với người được giáo dục.

+ Mâu thuẫn nảy sinh trong tiến trình giáo dục, xuất hiện do sự phát triển của quá trình giáo dục.

- Xác định các công việc của giáo viên phải làm để xây dựng động lực chủ yếu của quá trình giáo dục:

+ Tìm hiểu để xác định đúng trình độ được giáo dục hiện có của học sinh.

+ Thiết kế kế hoạch giáo dục dựa trên trình độ của học sinh đảm bảo yêu cầu học sinh tự giác thực hiện các nhiệm vụ như chính bản thân học sinh đề ra.

+ Sử dụng các phương pháp để thực hiện nhiệm vụ giáo dục đảm bảo cho học sinh phát triển.

+ Tổ chức đánh giá và tự đánh giá để học sinh xác định được những nhiệm vụ tiếp theo của quá trình giáo dục.

3.1.3.2. Lôgic của quá trình giáo dục

- Logic của quá trình giáo dục là trình tự thực hiện hợp lí các khâu của nó nhằm hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục đã được qui định.

- Có 3 khâu:

Một là, tổ chức, điều khiển học sinh nắm vững những tri thức về các chuẩn mực xã hội đã được qui định

Giúp học sinh tìm hiểu, làm sáng tỏ nội dung của các chuẩn mực, bao gồm cả khái niệm tương ứng, biểu hiện của chuẩn mực.

Ý nghĩa xã hội và cá nhân của các chuẩn mực.

Cách thực hiện chuẩn mực.

Khi học sinh có hiểu biết chính xác, đầy đủ các vấn đề trên sẽ là cơ sở để làm xuất hiện thái độ đồng tình, chấp nhận, biết phân biệt và chọn lựa phù hợp, biết nhận xét bản thân và những người xung quanh; đồng thời có thể tạo ra những xúc cảm và động cơ thực hiện các chuẩn mực một cách tích cực, tự giác.

Hai là, tổ chức, điều khiển học sinh hình thành niềm tin và tình cảm tích cực đối với các chuẩn mực xã hội đã được qui định

Qua quá trình giáo dục, học sinh sẽ được hình thành tình cảm tích cực đối với các chuẩn mực

Ba là, tổ chức, điều khiển học sinh rèn luyện hành vi, thói quen phù hợp với các chuẩn mực xã hội đã được qui định

Các hành vi mà người được giáo dục rèn luyện cần thoả mãn những tiêu chí sau:

- Nội dung của các chuẩn mực được thể hiện trong hành vi (nói cách khác là hành vi phải phù hợp với các chuẩn mực xã hội đã được qui định).

- Sự thể hiện hành vi có tính phổ biến.

- Sự thể hiện hành vi có tính bền vững, ổn định.

- Hành vi có động cơ đúng đắn (có ý nghĩa cá nhân và ý nghĩa xã hội).

Các tiêu chí này hợp thành một thể thống nhất, không thể thiếu bất cứ một tiêu chí nào.

Muốn rèn luyện cho người được giáo dục các hành vi và thói quen phù hợp cần:

+ Tổ chức cho học sinh tham gia mọi hình thức hoạt động với những tình huống đa dạng, ngày càng phức tạp.

+ Bồi dưỡng cho họ ý thức và năng lực tự kiểm tra, tự đánh giá thường xuyên.

Các khâu trên có quan hệ mật thiết với nhau, song không cứng nhắc phải có đủ ba khâu trong một tình huống cụ thể.

3.1.4. Tự giáo dục và giáo dục lại

3.1.4.1. Quá trình tự giáo dục

Quá trình tự giáo dục là một hoạt động có mục đích, có ý thức của cá nhân hướng vào việc xây dựng, hoàn thiện những phẩm chất nhân cách của mình theo đúng chuẩn mực xã hội. Vậy:

- Tự giáo dục có cơ sở là tự đánh giá, như vậy trình độ phát triển của tự đánh giá là điều kiện quan trọng của tự giáo dục.

- Tự giáo dục vừa tồn tại với tư cách như là bộ phận của giáo dục (theo nghĩa hẹp), vừa là kết quả của giáo dục.

3.1.4.2. Giáo dục lại

Giáo dục lại được hiểu là hoạt động có much đích, có chủ định của nhà giáo dục nhằm tác động đến nhận thức và hành vi chưa đúng của đối tượng giáo dục, giúp họ có những nhận thức và hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Giáo dục lại cũng được thực hiện trong nhà trường nên nó được coi là một bộ phận của quá trình giáo dục.

3.2. Nguyên tắc giáo dục

Cũng như quá trình dạy học, quá trình giáo dục là một quá trình phát triển có quy luật. Tổ chức quá trình giáo dục là một hoạt động có tính khoa học và tính nghệ thuật cao. Vì vậy, để thực hiện được các mục tiêu giáo dục thì cần phải tuân theo những nguyên tắc nhất định.

Để thực hiện được các mục tiêu giáo dục thì một trong những vấn đề quan trọng là phải xác định đúng đắn một hệ thống nguyên tắc giáo dục chỉ đạo việc xác định nhiệm vụ giáo dục, lựa chọn nội dung giáo dục, phối hợp các phương pháp giáo dục cũng như các hình thức tổ chức giáo dục trong nhà trường.

3.2.1. Khái niệm nguyên tắc giáo dục

Nguyên tắc giáo dục là những luận điểm cơ bản có tính qui luật của lí luận giáo dục có tác dụng chỉ đạo việc lựa chọn và vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục nhằm thực hiện những nhiệm vụ giáo dục để đạt được mục đích giáo dục đã đề ra.

Nguyên tắc giáo dục có tác dụng là cơ sở cho việc lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục; định hướng cho các hoạt động giáo dục và giải quyết các tình huống giáo dục; đảm bảo cho quá trình giáo dục đạt được kết quả phù hợp với mục đích giáo dục và có hiệu quả cao.

3.2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục

3.2.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích của giáo dục

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Tất cả các biện pháp giáo dục đều hướng vào việc thực hiện mục đích giáo dục là giáo dục thế hệ trẻ thành những người công dân, những người lao động, giàu lòng nhân ái, năng động, sáng tạo, biết sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật; tự chủ, năng động, sáng tạo.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Hình thành cho học sinh thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn lí tưởng xây dựng nước.

- Biết học tập và tiếp thu có chọn lọc các giá trị truyền thống và hiện đại, tinh hoa văn hóa của dân tộc và của nhân loại; Ý thức và năng lực giải quyết mối quan hệ giữa những giá trị dân tộc và nhân loại, truyền thống và hiện đại.

- Giúp học sinh phân biệt được cái đúng cái sai, cái thiện cái ác, kiên quyết đấu tranh xóa bỏ cái xấu, cái ác; bản lĩnh, khả năng tự chống lại những giá trị đi ngược lại với chuẩn mực xã hội.

- Thường xuyên tổ chức cho học sinh tham gia vào các hoạt động và giao lưu phong phú phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và năng lực của họ.

- Trong giáo dục, cần tránh thái độ áp đặt thô bạo, cứng nhắc, trái với bản chất của quá trình giáo dục.

3.2.2.2. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục gắn với đời sống, với lao động

a. Yêu cầu của nguyên tắc

- Phải gắn chặt công tác giáo dục với cuộc sống với lao động nhằm góp phần đào tạo những người lao động hòa nhập được với cuộc sống.

- Mặt khác, quá trình giáo dục phải coi thực tiễn cuộc sống là môi trường, phương tiện để phát triển nhân cách.

b. Biện pháp thực hiện nguyên tắc

- Làm cho học sinh quan tâm đến những sự kiện lớn trong đời sống, chính trị, kinh tế, quốc phòng, văn hóa- xã hội của đất nước.

- Tổ chức các hoạt động nhằm giúp học sinh có những hiểu biết về cuộc sống, về lao động của nhân dân

- Lôi cuốn học sinh tham gia vào các hoạt động lao động, các phong trào kinh tế, văn hóa- xã hội… góp phần thực hiện những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

- Phê phán và khắc phục việc tách rời quá trình giáo dục với cuộc sống, với lao động.

3.2.2.3. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục trong tập thể và bằng tập thể

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Nguyên tắc này đòi hỏi nhà giáo dục phải coi trọng việc xây dựng và giáo dục tập thể học sinh, đặc biệt là các tổ chức chính trị của họ (Đoàn, Đội…), coi đó là môi trường quan trọng và là phương tiện giáo dục mạnh mẽ để hình thành nhân cách cho học sinh cũng như phát huy sở trường, năng khiếu của mỗi cá nhân.

b. Biện pháp thực hiện

- Xây dựng các mối quan hệ, giao lưu đúng đắn trong tập thể.

- Tổ chức các hoạt động chung của tập thể, đặc biệt là các hoạt động vui chơi, hoạt động xã hội, để lôi cuốn học sinh vào tập thể, cùng tham gia công việc chung một cách tự giác với ý thức làm chủ.

- Xây dựng tập thể lành mạnh, xây dựng dư luận và truyền thống tập thể

- Coi trọng đúng mức lợi ích cá nhân trong sự thống nhất với lợi ích chung.

- Khắc phục hiện tượng tập thể giả, tập thể hình thức, thiếu tổ chức, không có tác dụng tích cực về mặt giáo dục.

3.2.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tôn trọng nhân cách học sinh kết hợp với yêu cầu hợp lý đối với họ

- Tôn trọng nhân cách học sinh là đánh giá đúng ưu nhược điểm của họ, đối xử với họ một cách dân chủ, bình đẳng, lắng nghe ý kiến của họ, chân thành tiếp thu những ý kiến đúng đắn của họ. Tôn trọng nhân cách học sinh còn là luôn luôn đề cao phẩm giá, lòng tự trọng của học sinh, tin tưởng vào tài năng, chí hướng phát triển tốt đẹp của học sinh, tỏ lòng tín nhiệm hợp lí, tạo những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của học sinh.

- Yêu cầu hợp lí là biết đòi hỏi học sinh có những cố gắng hơn, tích cực hơn; biết đề ra những tiêu chuẩn, những mục tiêu phấn đấu hợp lý, vừa sức, ngày càng được nâng cao để thúc đẩy họ không ngừng vươn lên. Mặt khác, cần có thái độ nghiêm khắc, đúng mức đối với những thiếu sót, sai lầm của họ, song không vì thế mà có thái độ gay gắt, mệnh lệnh hay mỉa mai, nhạo báng học sinh; nên có thái độ đúng mực, tế nhị, có lý, có tình, nghiêm mà không khắt khe, dân chủ mà không xuề xòa.

a. Yêu cầu của nguyên tắc

- Nhà giáo dục cần tôn trọng nhân cách học sinh, coi họ là chủ thể tự giáo dục một cách tích cực, độc lập, tin tưởng và lạc quan đối với họ.

- Nhà giáo dục cần đưa ra những yêu cầu hợp lí đối với học sinh.

- Càng tôn trọng học sinh, càng đưa ra những yêu cầu hợp lí đối với họ. Ngược lại, càng đưa ra những yêu cầu hợp lí đối với học sinh, càng thể hiện sự tôn trọng họ.

b. Biện pháp thực hiện

- Nhà giáo dục cần đánh giá đúng năng lực của họ, so với cái mà họ có, đòi hỏi họ cao hơn một chút so với khả năng hiện thực của họ.

- Đề ra những yêu cầu ngày càng cao đối với học sinh.

- Luôn tìm tòi và phát hiện kịp thời những ý nghĩ và hành động tích cực mới xuất hiện, những mầm mống tốt đẹp vừa mới biểu hiện trong nhân cách học sinh để ra sức chăm sóc, vun xới.

- Biết dựa vào những mặt tốt, mặt tích cực trong nhân cách học sinh để khắc phục cái tiêu cực, yếu kém trong họ.

- Luôn tỏ ra nghiêm khắc nhưng chân thành, tin tưởng, thiện chí.

- Kịp thời khen ngợi cũng như trách phạt những ưu nhược điểm, giúp họ tiến bộ.

- Tránh thô bạo, thiếu tôn trọng nhân cách học sinh, định kiến, bi quan, thiếu tin tưởng vào khả năng phát triển, hoàn thiện nhân cách HS hoặc quá nuông chiều, buông thả học sinh.

3.2.2.5. Nguyên tắc đảm bảo kết hợp sự tổ chức, lãnh đạo sư phạm của nhà giáo dục đối với sự phát huy tính chủ động, độc lập, sáng tạo của học sinh

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Nhà giáo dục đóng vai trò chủ đạo: tổ chức, điều khiển hoạt động tự giáo dục của học sinh. Phát huy tính tự giác, tự nguyện, tính năng động, sáng tạo của tập thể cũng như của cá nhân học sinh.

b. Biện pháp thực hiện

- Nhà giáo dục phải có trình độ sư phạm vững vàng, hiểu học sinh sâu sắc để lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp.

- Nhà giáo dục phải giúp đỡ, định hướng cho học sinh biết và có khả năng tự vận động đi lên dưới tác động chủ đạo của nhà giáo dục.

- Nhà giáo dục phải tổ chức hoạt động đa dạng, phong phú, lôi cuốn, hấp dẫn học sinh tham gia.

- Nhà giáo dục cần tôn trọng sáng kiến của học sinh nhưng không buông lỏng vai trò chủ đạo của mình.

- Thường xuyên theo dõi, quan sát, kiểm tra, đánh giá để kịp thời điều chỉnh.

- Nhà giáo dục phải khuyến khích, động viên, cũng như trách phạt học sinh.

3.2.2.6. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, tính kế tiếp của giáo dục

a. Yêu cầu của nguyên tắc

- Quá trình giáo dục phải được xem như là một hệ thống, các yếu tố qui định, tác động lẫn nhau và được lựa chọn một cách có ý thức nhằm hình thành ở học sinh một hệ thống những phẩm chất toàn vẹn của nhân cách.

- Quá trình giáo dục phải diễn ra theo hướng: giai đoạn đi trước đặt nền móng, tiền đề cho những giai đoạn sau. Những giai đoạn sau phải kế thừa và phát triển những kết quả của giai đoạn trước.

- Quá trình giáo dục phải được tổ chức sao cho những phẩm chất nhân cách của học sinh hình thành và phát triển không bị gián đoạn.

b. Biện pháp thực hiện

- Nội dung giáo dục và những tác động giáo dục phải có tính hệ thống.

- Kế thừa có chọn lọc những kết quả giáo dục, những kinh nghiệm giáo dục đã có trong thực tiễn giáo dục.

- Tiến hành công tác giáo dục một cách liên tục trong không gian, thời gian, không ngắt quãng, gián đoạn.

3.2.2.7. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Nhà trường, gia đình, xã hội phải được thống nhất với nhau để tạo nên môi trường giáo dục hoàn chỉnh, tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đồng bộ đến sự hình thành và phát triển nhân cách của học sinh. Trong đó:

- Giáo dục nhà trường đóng vai trò chủ đạo.

- Định hướng cho toàn bộ quá trình hình thành nhân cách của thế hệ trẻ.

- Khai thác có chọn lọc những tác động tích cực, đồng thời ngăn chặn, hạn chế những tác động tiêu cực của gia đình, xã hội.

+ Giáo dục gia đình: giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

- Mở đầu và đặt nền móng, cơ sở cho quá trình hình thành và phát triển nhân cách.

- Phát huy tác dụng của mối quan hệ ruột thịt, gắn bó nhằm hỗ trợ cho quá trình giáo dục ở nhà trường.

+ Giáo dục xã hội: giữ vai trò quan trọng, hỗ trợ cho giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình bằng nhiều hình thức đa dạng trong cuộc sống.

b. Biện pháp thực hiện

- Nhà trường, gia đình, xã hội cùng phối hợp để giáo dục trẻ em ở mọi nơi, mọi lúc, để cùng thống nhất các ảnh hưởng giáo dục, nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình giáo dục.

- Nhà trường phải phát huy vai trò chủ đạo của mình chủ động kết hợp với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục thế hệ trẻ.

- Tổ chức tiến hành phổ biến tri thức khoa học giáo dục cho cha mẹ học sinh, cho cán bộ và nhân dân địa phương.

- Gia đình, xã hội cần nhận thức đúng và chủ động kết hợp với nhà trường, theo định hướng giáo dục chung của nhà trường và tạo điều kiện thuận lợi, hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực cho giáo dục nhà trường.

3.2.2.8. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và tính cá biệt trong quá trình giáo dục

a. Yêu cầu của nguyên tắc

Nhà giáo dục lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phải tính đến:

- Đặc điểm, diễn biến của các quá trình tâm lí (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành vi) của các lứa tuổi học sinh.

- Bên cạnh đó phải chú ý đến những đặc điểm tâm sinh lí riêng của từng cá nhân học sinh, những hoàn cảnh sống, lao động, học tập, của từng em (nhu cầu, hứng thú, động cơ, nguyện vọng, vốn kinh nghiệm của cá nhân).

b. Biện pháp thực hiện

- Mỗi giáo viên cần nghiên cứu, tìm hiểu và nắm vững các đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và đặc điểm cá biệt của học sinh trong lớp mình, từ đó lựa chọn nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức giáo dục cho phù hợp.

- Phối hợp một cách hợp lí giữa tính vừa sức chung - vừa sức riêng, giữa đại trà và cá biệt.

- Đối với bất kỳ sai lệch, sai phạm nào ở học sinh, điều quan trọng là phải tìm ra nguyên nhân và tìm biện pháp uốn nắn phù hợp.

Tóm lại, các nguyên tắc giáo dục có quan hệ chặt chẽ, tương hỗ với nhau, kết hợp cùng nhau để hoàn thành nhiệm vụ giáo dục đã đề ra.

3.3. Nội dung giáo dục

Nội dung giáo dục là một nhân tố cấu trúc của quá trình giáo dục nó chịu sự định hướng, chi phối của mục đích giáo dục và có quan hệ mật thiết với các nhân tố khác của quá trình giáo dục.

Để thực hiện mục tiêu giáo dục là hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh, nhà trường cần thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện nhằm phát triển nhân cách học sinh, bao gồm: đức, trí, thể, mỹ và lao động. Năm mặt giáo dục này kết hợp chặt chẽ với nhau, tương hỗ, hòa quyện với nhau, để góp phần giáo dục học sinh trở thành con người mới toàn diện.

3.3.1. Khái niệm nội dung giáo dục

Nội dung giáo dục là hệ thống những tri thức, thái độ và hành vi có liên quan đến những chuẩn mực xã hội cần được giáo dục cho người được giáo dục.

3.3.2. Các nội dung giáo dục cần giáo dục cho học sinh

3.3.2.1. Giáo dục đạo đức

a. Nhiệm vụ

- Xây dựng ý thức đạo đức

- Bồi dưỡng tình cảm, niềm tin đạo đức

- Rèn luyện hành vi và thói quen đạo đức

b. Nội dung

- Thái độ đối với xã hội: Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa: yêu quê hương, đất nước; thống nhất tình yêu tổ quốc với lòng trung thành với chủ nghĩa xã hội; sẵn sàng bảo vệ tổ quốc; tự hào về thành tựu văn hóa – xã hội của đất nước; quý trọng quá khứ vẻ vang và truyền thống tốt đẹp của dân tộc; làm tốt nghĩa vụ của người công dân đối với tổ quốc;…

Tinh thần quốc tế vô sản: tinh thần hữu nghị và hợp tác anh em với nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa; tinh thần đoàn kết và ủng hộ chính nghĩa; tinh thần hiểu biết và quý trọng những giá trị truyền thống văn hóa của các dân tộc khác.

- Thái độ đối với lao động: chăm chỉ, cần cù, tích cực, say mê trong học tập và lao động; tôn trọng người lao động, quý trọng sản phẩm lao động, tiết kiệm tiền của và thời gian; kỷ luật trong lao động; giúp đỡ bạn bè trong học tập và công tác.

- Thái độ đối với người khác: Lòng nhân ái, tình yêu thương sâu sắc đối với nhân dân lao động: Yêu quý và kính trọng ông bà, cha mẹ, họ hang, thầy cô giáo, bạn bè…; thái độ

quan tâm và thong cảm với những người xung quanh; sẵn sàng giúp đỡ người khác…; tinh thần tập thể

- Thái độ đối với bản thân: cần, kiệm, liêm, chính, kỷ luật, tự trọng, kiên trì, dũng cảm…

c. Con đường thực hiện

- Các con đường giáo dục chủ yếu:

+ Con đường thứ nhất là dạy học các môn học, nhất là môn đạo đức nhằm giúp cho học sinh hình thành ý thức đạo đức và định hướng cho hành vi đạo đức

+ Con đường thứ 2 là các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm giúp cho các em rèn luyện hành vi và thói quen đạo đức.

3.2.2.2. Những phẩm chất của hoạt động trí tuệ

a. Nhiệm vụ

- Trang bị tri thức phổ thông toàn diện, vững chắc về tự nhiên, xã hội, tư duy, kỹ thuật, nghệ thuật

- Bồi dưỡng phương pháp nhận thức sáng tạo

- Phát triển nhu cầu, hứng thú nhận thức để tạo động cơ học tập đúng đắn

b. Nội dung

- Hệ thống tri thức khoa học về các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, con người.

- Hệ thống kỹ năng vận dụng tri thức

- Những phẩm chất của hoạt động trí tuệ: khả năng phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề, khả năng vận dụng.

- Thói quen, nhu cầu tự học suốt đời

c. Con đường thực hiện

- Dạy học: Dạy học các môn học

- Tổ chức hoạt động: Các cuộc thi

3.3.2.3. Giáo dục thể dục

a. Nhiệm vụ

- Phát triển đúng đắn về thể chất và củng có sức khẻo: có cơ thể phát triển bình thường, có sức khỏe và năng lực làm việc tốt.

- Những kĩ năng, kĩ xảo vận động hợp lí, thói quen vệ sinh cá nhân và xã hội.

- Phát triển các phẩm chất vận động cơ bản sức mạnh, sức nhanh, sức bền, sự khéo léo.

- Hoàn thiện các kỹ năng, kỹ xảo vận động: đi, đứng, chạy, nhảy, ném, phóng, bơi lội, thể dục dụng cụ, nhào lộn…

- Hình thành hứng thú và nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao.

- Những hiểu biết phổ thông về quốc phòng, kĩ năng quân sự thường thức, ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

b. Nội dung

- Một số hoạt động thể dục: thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, thể dục dụng cụ.

- Một số hoạt động thể thao: một số môn thể thao

- Giáo dục quốc phòng: Giáo dục ý thức cảnh giác, tinh thần sẵn sàng chiến đấu; một số kỹ năng quân sự phổ thông: lăn, lê, bò, trườn, sử dụng một số vũ khí chiến đấu.

c. Con đường thực hiện

Thể dục được tiến hành thông qua hoạt động thể dục thể thao trên lớp, ngoài lớp, trong trường, ngoài trường, cũng như toàn bộ sinh hoạt của học sinh.

3.3.2.4. Giáo dục thẩm mỹ

a. Nhiệm vụ

- Phát triển tình cảm thẩm mỹ: có được những xúc cảm, tình cảm nhạy bén trước cái đẹp và cái xấu, cái cao thượng và cái thấp hèn, cái bi và cái hài.

- Xây dựng cho học sinh nhãn quan thẩm mỹ: có được những tri thức, quan niệm về những giá trị thẩm mỹ, năng lực phán đoán, đánh giá thẩm mỹ.

- Phát triển nhu cầu và năng lực tham gia vào việc sáng tạo ra cái đẹp trong nghệ thuật và trong đời sống.

b. Nội dung

Giáo dục thẩm mỹ liên quan đến các nội dung thẩm mỹ trong tự nhiên, nghệ thuật, đời sống, trong lao động:

- Cái đẹp và cái xấu

- Cái cao cả và cái thấp hèn

- Cái bi và cái hài

- Cái anh hùng và cái đê tiện

c. Con đường thực hiện

- Con đường dạy học các môn học, trong đó chủ yếu là môn văn học, mỹ thuật, âm nhạc

- Con đường tổ chức đời sống cho học sinh: văng nghệ, thời trang….

3.3. 2.5. Giáo dục lao động và hướng nghiệp

a. Nhiệm vụ

- Giáo dục thái độ đối với lao động: yêu qúi lao động, có nhu cầu lao động, kính trọng người lao động, qúi trọng sản phẩm lao động; Có ý chí và phẩm chất cần thiết để tham gia lao động như tính tổ chức, tính kiên trì, tinh thần trách nhiệm…

- Giáo dục những tri thức, kỹ năng lao động, những kỹ năng và thói quen lao động có văn hóa

- Có hiểu biết đúng đắn về các ngành nghề chủ yếu, có khả năng chọn nghề một cách khoa học.

b. Nội dung

- Giáo dục lao động:

+ Những nội dung về lao động tự phục vụ: lao động ở gia đình: quét nhà, làm vườn, vệ sinh nhà cửa, quần áo, chân trâu, cắt cỏ…; lao động ở trường: trực nhật, sửa chữa trường sở, đồ dung học tập…

+ Những nội dung về lao động công ích: nhằm phục vụ những người cần được xã hội quan tâm: gia đình thương binh, liệt sỹ, người tàn tật, ngươì già neo đơn, người có hoàn cảnh đặc biệt.

+ Những nội dung về lao động sản xuất: sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội: trồng cây, làm đồ thủ công, tham gia một số khâu trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

+ Những nội dung về lao động học tập: đây là loại lao động đòi hỏi sự căng thẳng về trí tuệ, hao phí sức lực, phải vượt khó…

- Hướng nghiệp:

+ Những nội dung về thái độ lao động.

+ Những nội dung về một số nghề phổ biến

+ Những nội dung về tìm hiểu năng khiếu, khuynh hướng nghề nghiệp của từng học sinh.

c. Con đường thực hiện

- Con đường dạy và học môn kỹ thuật và các môn khác

- Con đường tổ chức hoạt động: các hoạt động lao động sản xuất, hướng nghiệp, và giao lưu của học sinh...

3.4. Phương pháp giáo dục

Các phương pháp giáo dục là thành tố quan trọng của quá trình giáo dục nhằm thực hiện tốt những mục đích và nhiệm vụ giáo dục nhân cách học sinh, nhằm làm cho học sinh nắm vững và thực hiện đúng đắn những chuẩn mực chính trị, đạo đức, pháp quyền, thẩm mỹ… của xã hội trong ứng xử, và nhằm giúp họ tích lũy được những kinh nghiệm quý báu của xã hội trong hoạt động và trong giao tiếp. Phương pháp giáo dục là những công cụ tác động trực tiếp đến nhân cách người được giáo dục. Do đó, những người làm công tác giáo dục cần phải hiểu rõ bản chất cũng như chức năng của các phương pháp giáo dục trong nhà trường và nắm vững những yêu cầu về mặt sư phạm cần phải tuân theo khi sử dụng các phương pháp đó, để có thể tác động một cách đúng đắn và tinh tế đến sự phát triển nhân cách người học theo những nguyên tắc giáo dục.

3.4.1. Khái niệm phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục là tổ hợp các cách thức hoạt động của nhà giáo dục và người được giáo dục trong sự thống nhất với nhau nhằm hoàn thành những nhiệm vụ giáo dục, phù hợp với mục đích giáo dục đã đề ra.

- Là một nhân tố cấu trúc của quá trình giáo dục, có mối quan hệ biện chứng với các nhân tố khác.

- Nhờ các phương pháp giáo dục mà diễn ra sự tác động qua lại tích cực giữa nhà giáo dục và người được giáo dục, làm cho người được giáo dục sẽ tự giác vận động và phát triển theo định hướng giáo dục đã xác định, hình thành được ý thức, tình cảm tích cực đối với các chuẩn mực xã hội. Trên cơ sở đó mà hình thành được những hành vi và thói quen phù hợp.

3.4.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục

Hệ thống các phương pháp giáo dục rất phong phú và rất khó để có thể xác định được một cơ sở lôgic thống nhất để phân loại các phương pháp giáo dục. Người ta thường chia phương pháp giáo dục thành 3 nhóm:

3.4.2.1. Nhóm phương pháp hình thành ý thức cá nhân

- Ý thức cá nhân là một thể thống nhất giữa tri thức và niềm tin cá nhân về các chuẩn mực xã hội đã được qui định.

- Cơ sở xuất phát: Dựa trên nguyên tắc thống nhất giữa ý thức và hoạt động, hoạt độngbên trong kết hợp chặt chẽ với hoạt động bên ngoài trong sự hình thành nhân cách.

- Mục đích: Giúp cho người được ý thức đúng đắn về các chuẩn mực của xã hội, hìnhthành ở họ khái niệm, đánh giá, phán đoán,…làm cơ sở cho những quan điểm, niềm tincủa nhân cách.

- Cách thức: Tác động trực tiếp đến nhận thức và tình cảm của học sinh thông qua việc phân tích, so sánh, dẫn chứng, kết luận, khiến cho người được giáo dục hiểu, đồng tình, chấp nhận, biết nhận xét, phân biệt, có tình cảm tích cực và mong muốn thể hiện trong cuộc sống.

- Chức năng cơ bản của nhóm phương pháp này là làm cho học sinh hiểu được các chuẩn mực xã hội, ý nghĩa của các chuẩn mực đó và biến chúng thành niềm tin.

- Vì vậy, muốn sử dụng phương pháp này được tốt cần phải lưu ý:

+ Các chủ đề đưa ra phải đảm bảo tính hệ thống, tính logic và tính giáo dục.

+ Lựa chọn những dẫn chứng, sự kiện sinh động, hấp dẫn, phù hợp với kinh nghiệm, vốn hiểu biết của học sinh nhằm làm tăng them sức thuyết phục của lời nối.

+ Thái độ của nhà giáo dục phải tự tin, chân thành và thiện chí.

+ Không được biến các phương pháp này thành các phương pháp thuyết giáo, mà phải làm cho học sinh biết tự mình phân tích và tổng kết những kinh nghiệm ứng xử của bản thân cũng như của bạn, biết tự nhận thức, tự đánh giá và biết bảo vệ những quan điểm, niềm tin, nguyên tắc mà mình đã xây dựng.

- Nhóm này bao gồm các phương pháp chủ yếu như: đàm thoại, giảng giải, nêu gương…

a. Đàm thoại

- Khái niệm: Phương pháp đàm thoại là phương pháp giáo dục giáo viên và học sinh trao đổi trò chuyện với nhau về một chuẩn mực xã hội nào đó bằng một hệ thống câu hỏi do nhà giáo dục chuẩn bị trước nhằm mục đích giáo dục học sinh.

- Tác dụng: Giúp cho người được giáo dục khắc sâu, hệ thống hóa những vấn đề có liênquan đến chuẩn mực xã hội, hình thành và phát triển niềm tin đối với chuẩn mực; từ đó củng cố ý thức cá nhân.

- Hình thức: Phương pháp đàm thoại có 2 hình thức là: đàm thọai giữa giáo viên với tập thể học sinh và đàm thoại giữa giáo viên với một học sinh.

- Nhiệm vụ: Nhiệm vụ cơ bản của đàm thoại là lôi cuốn học sinh vào việc phân tích, đánh giá các sự kiện, các hành vi, các hiện tượng trong đời sống xã hội, để trên cơ sở đó hình thành cho các em những thái độ đúng đắn đối với hiện thực xung quanh, đối với những bổn phận công dân, bổn phận chính trị, đạo đức của họ.

- Các phương pháp đàm thoại:

+ Gợi mở: Nhằm dẫn dắt người được giáo dục đi đến các chân lí có liên quan đến các chuẩn mực xã hội.

+ Củng cố và hệ thống hoá: Tạo điều kiện mở rộng, đào sâu, hệ thống hoá những điều đã được giáo dục tạo cơ hội cho người được giáo dục: Giải thích, đánh giá những sự kiện, hiện tượng nhằm rút ra những kết luận. Khắc sâu, phát triển, hệ thống hoá những vấn đề có liên quan đến các chuẩn mực xã hội nhằm củng cố ý thức cá nhân. Hình thành và phát triển được niềm tin đối với các chuẩn mực xã hội.

- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp đàm thoại:

Để đàm thoại đạt được kết quả mong muốn, nhà giáo dục cần chú ý:

+ Chuẩn bị đàm thoại: Phải xác định chủ đề, mục tiêu, nội dung đàm thoại, xây dựng hệ thống câu hỏi phù hợp.

+ Thông báo trước cho người được giáo dục chuẩn bị.

+ Tổ chức đàm thoại trong không khí thoải mái, bình đẳng.

+ Kết thúc đàm thoại: Phải kích thích cho người được giáo dục tự rút ra những kết luận. Sau đó giáo viên mới tổng kết chung.

b. Kể chuyện

- Khái niệm: kể chuyện là phương pháp giáo viên dùng lời nói với điệu bộ, nét mặt để thuật lại một cách sinh động một câu chuyện có ý nghĩa giáo dục.

- Tác dụng: Tạo cơ hội cho người được giáo dục hình thành và phát triển những xúc cảm tích cực và niềm tin đúng đắn; học tập được những gương tốt và tránh được những gương phản diện nêu trong chuyện kể với óc phê phán, nhận xét đánh giá.

- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp kể chuyện: Để kể chuyện có hiệu quả giáo dục cao, cần chú ý:

+ Lựa chọn nội dung truyện kể (theo mục tiêu giáo dục, nội dung phù hợp).

+ Kể chuyện: phải sử dụng lời nói, điệu bộ, nét mặt phù hợp; Sử dụng tranh ảnh minh hoạ hấp dẫn, gây ấn tượng; Nêu bật được những chi tiết, tình huống cơ bản; Theo dõi nét mặt, thái độ của người nghe để kịp thời điều chỉnh cách kể chuyện.

+ Sau khi kể chuyện: cần nêu một số câu hỏi hoặc vấn đề để người nghe dựa vào truyện kể mà trao đổi ý kiến, rút ra những kết luận giáo dục bổ ích.

c. Giảng giải

- Khái niệm: Giảng giải là phương pháp nhà giáo dục dùng lời nói để giải thích, chứng minh một chuẩn mực đạo đức xã hội, nhằm giúp cho học sinh hiểu được ý nghĩa, nội dung và quy tắc thực hiện các quy tắc này. Nhờ vậy học sinh có cơ hội nắm được một cách tự giác và có hệ thống chuẩn mực, hình thành niềm tin đối với chúng tránh tình trạng nắm các chuẩn mực một cách mù quáng, máy móc, không đầy đủ, đi đến chỗ có hành vi sai lầm hoặc không tự giác.

- Tác dụng: làm cho người giáo dục nắm được bản chất, cơ sở khóa học, quy luật,.. của các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa, đạo đức,…

- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp giảng giải:

+ Chuẩn bị nội dung diễn giải về chuẩn mực nào đó cho đầy đủ, chính xác, đáp ứng được những câu hỏi: Tại sao? Bao gồm những vấn đề gì? Qui tắc thực hiện chuẩn mực đó như thế nào?

+ Khi giảng giải cần chú ý về lời nói rõ ràng, mạch lạc; lập luận chính xác, lô gic, dễ hiểu; sử dung phương tiện trực quan hỗ trợ; liên hệ với thực tế, với bản thân.

d. Tranh luận

- Khái niệm: Là phương pháp hình thành cho học sinh những phán đoán, đánh giá và niềm tin dựa trên sự va chạm các ý kiến, các quan điểm khác nhau, nhờ đó nâng cao được tính khái quát, tính vững vàng, tính mềm dẻo của các tri thức thu được.

- Tác dụng: Tranh luận giúp cho học sinh những cơ hội phân tích các khái niệm về các lý do bảo vệ các quan điểm, niềm tin và thuyết phục những người khác tin vào những quan điểm đó. Trong khi tranh luận, học sinh không chỉ phát biểu những quan điểm của mình, mà còn phải phát hiện những điểm mạnh và điểm yếu trong những phán đoán của đối phương, tìm và chọn các luận chứng để bác bỏ các sai lầm và khẳng định những chân lí.

- Tranh luận không yêu cầu phải đi đến những giải pháp cuối cùng, những kết luận dứt khoát. Tranh luận đòi hỏi những người tham gia phải có dũng cảm dám từ bỏ những quan điểm không đúng và chấp nhận những quan điểm đúng đắn.

- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp tranh luận:

+ Những vấn đề đưa ra tranh luận phải có ý nghĩa thiết yếu đối với cuộc sống của học sinh, thực sự làm cho họ băn khoăn suy nghĩ, xúc động và do đó thúc đẩy họ tham gia ý kiến.

+ Cần chuẩn bị chu đáo cho cuộc tranh luận. Trong khi học sinh tranh luận, giáo viên không nên can thiệp một cách thô bạo, không nên vội vã phê phán những quan điểm sai lầm của học sinh, không quyết đoán bắt học sinh chấp nhận những quan điểm của mình. Giáo viên phải biết tế nhị, chờ đợi, nhiệt tình và chân thành, trầm tĩnh, biết hài hước nhưng không xúc phạm đến học sinh, không làm cho họ mất hào hứng tham gia tranh luận, hoặc không dám tự do phát biểu ý kiến của mình.

e. Nêu gương

- Khái niệm: Phương pháp nêu gương là nhà giáo dục sử dụng các điển hình tiên tiến làm phương tiện tác động đến tâm tư tình cảm của học sinh làm cho các em thán phục và noi theo.

- Nêu gương có thể nêu gương tốt và cũng có thể nêu gương xấu, song nhà giáo dục phân tích, đánh giá trên cơ sở đó giúp học sinh biết học tập những gương tốt và tránh những hành vi không phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

- Cơ sở khoa học của phương pháp nêu gương là đặc tính tâm lý bắt chước của con người.

+ Hoạt động bắt chước của trẻ thường:

Từ bắt chước các mẫu mực gần gũi đến bắt chước các mẫu mực xa.

Từ chỗ bắt chước một cách vô ý thức đến chỗ bắt chước một cách chủ động.

Từ chỗ sao chép toàn bộ hình tượng hành vi ứng xử đến chỗ chỉ mượn một số nét riêng rẽ.

Từ chỗ bắt chước trong trò chơi đến chỗ bắt chước trong cuộc sống.

Từ chỗ bắt chước vẻ bề ngoài (dáng điệu, cử chỉ) đến bắt chước những phẩm chất bên trong của nhân cách.

+ Tính chất bắt chước tuỳ theo lứa tuổi, sự mở rộng kinh nghiệm và trình độ phát triển về trí tuệ và đạo đức của họ.

+ Có thể phân biệt ba giai đoạn của cơ chế bắt chước: Ở giai đoạn đầu hành động cụ thể của người khác làm nảy sinh ở học sinh hình ảnh chủ quan về hành động đó và lòng ham muốn hành động như thế. Ở giai đoạn thứ hai, mối liên hệ tấm gương cần bắt chước với những hành động kế tiếp mới được thiết lập. Ở giai đoạn ba, các hành động bắt chước và các hành động độc lập mới tổng hợp lại được nhờ ảnh hưởng tích cực của các tình huống nảy sinh trong cuộc sống và các tình huống giáo dục tạo ra.

Những tấm gương mà học sinh thường bắt chước là những tấm gương thường ở xung quanh họ, ở nhà, ở trường. Đó là những tấm gương của những người thân trong gia đình, bạn bè, đặc biệt là của giáo viên, những nhân vật tích cực trong lịch sử, trong văn học, những anh hùng chiến đấu, trong sản xuất, những danh nhân văn hoá và khoa học.

- Nêu gương có các hình thức sau:

+ Nêu gương người tốt việc tốt.

+ Nêu gương thông qua truyền thống của tập thể.

+ Tham quan các điển hình tiên tiến.

+ Sự gương mẫu của nhà giáo dục.

- Tác dụng của phương pháp này là:

+ Phát triển được năng lực phê phán, đánh giá những hành vi của người khác, từ đó rút ra những kết luận.

+ Biết học tập, làm theo gương tốt, biết tránh những hành vi xấu.

+ Hình thành được niềm tin về các chuẩn mực xã hội và mong muốn có những hành vi phù hợp.

- Để phát huy tác dụng của phương pháp nêu gương cần:

+ Căn cứ vào mục tiêu, nội dung giáo dục, vào đặc điểm tâm sinh lí của học sinh mà lựa chọn những tấm gương phù hợp

+ Cho học sinh liên hệ thực tế, nêu lên những tấm gương cần noi theo, những gương xấu cần phê phán.

+ Tự xây dựng bản thân mình thành một tấm gương sáng trước người được giáo dục.

Như vậy các phương pháp giáo dục trên giúp người được giáo dục có những tri thức cần thiết về các chuẩn mực xã hội, từ đó dần dần hình thành được niềm tin về các chuẩn mực xã hội, các giá trị xã hội này. Kết quả cuối cùng là những tri thức và niềm tin về các chuẩn mực xã hội, các giá trị xã hội sẽ thống nhất với nhau tạo nên ý thức cá nhân, làm cơ sở cho sự định hướng rèn luyện hành vi và thói quen tương ứng.

3.4.2.2. Nhóm phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm ứng xử cho học sinh

Nhóm phương pháp này nhằm mục đích giúp người được giáo dục có cơ hội chuyển hoá ý thức thành hành vi và lặp đi lặp lại hành vi để có tthói quen cần thiết.

Có các phương pháp cụ thể sau:

a. Giao công việc

- Khái niệm: Là phương pháp lôi cuốn người được giáo dục vào hoạt động đa dạng với những công việc nhất định, với nghĩa vụ xã hội nhất định.

- Tác dụng: Học sinh có cơ hội vận dụng những tri thức đã học sinh của công việc cụ thể, với những yêu cầu nhất định. Nhờ đó hình thành được hành vi ứng xử phù hợp, tích lũy được kinh nghiệm ứng xử.

- Khi giao việc cho học sinh cần chú ý:

+ Đưa ra những yêu cầu cụ thể, giúp họ có thể định hướng đúng đắn cho toàn bộ chuỗi hoạt động của họ nhằm thực hiện công việc được giao.

+ Làm cho người được giáo dục ý thức đầy đủ ý nghĩa của công việc mình phải hoàn thành, từ đó kích thích họ tự giác, tích cực hoạt động.

+ Phải tính đến hứng thú, năng khiếu của người được giáo dục nhằm phát huy được thế mạnh của họ trong hoạt động.

+ Theo dõi và giúp đỡ để người được giáo dục hoàn thành mọi yêu cầu của công việc được giao.

+ Kiểm tra, đánh giá công khai kết quả hoàn thành công việc của cá nhân, tập thể.

b. Tập luyện

- Khái niệm: Phương pháp luyện tập là phương pháp tổ chức cho người được giáo dục thực hiện một cách đều đặn và có kế hoạch các hành động nhất định, nhằm biến những hành động đó thành kỹ năng, kỹ xảo, thành thói quen.

Thói quen ứng xử cần và có thể trở thành thuộc tính của nhân cách. Thói quen gắn liền với nhu cầu.

- Để thực hiện phương pháp luyện tập có hiệu quả, cần chú ý:

+ Cho người được giáo dục nắm được qui tắc hành vi, hình dung rõ hành vi cần được thực hiện như thế nào để có thể tự định hướng cho việc thực hiện hành vi qua luyện tập.

+ Có thể làm mẫu cho người được giáo dục về hành vi cần rèn luyện.

+ Tạo cơ hội khuyến khích người được giáo dục luyện tập thường xuyên.

+ Tiến hành kiểm tra, uốn nắn thường xuyên, đồng thời khuyến khích họ tự kiểm tra, uốn nắn hành vi của mình.

c. Rèn luyện

- Khái niệm: Là phương pháp tổ chức cho người được giáo dục thể nghiệm ý thức, tình cảm của mình về các chuẩn mực xã hội trong các tình huống đa dạng của cuộc sống qua đó hình thành và củng cố được những hành vi phù hợp với các chuẩn mực xã hội đã được qui định.

- Tác dụng:

+ Tạo cơ hội cho người được giáo dục thâm nhập vào những tình huống đa dạng từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó.

+ Tạo cơ hội cho người được giáo dục biến kết quả tập luyện (hành vi) thành thói quen bền vững.

- Trong quá trình giáo dục có thể tạo cơ hội cho người được giáo dục rèn luyện trong các tình huống: Đời sống tập thể; Hoạt động học tập, lao động; Sinh hoạt hàng ngày ở nhà, ở trường, xã hội; Các hoạt động xã hội nói chung, hoạt động từ thiện...

- Để tạo điều kiện cho người được giáo dục rèn luyện tốt cần:

+ Tận dụng những tình huống tự nhiên, tạo ra những tình huống thích hợp.

+ Kết hợp chặt chẽ với tự kiểm tra

+ Tổ chức rèn luyện liên tục, có hệ thống.

+ Kết hợp tổ chức rèn luyện với tự tổ chức rèn luyện.

3.4.2.3. Nhóm phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử của học sinh

Trong thực tiễn, người được giáo dục tham gia các hoạt động giáo dục đa dạng, rèn luyện những hành vi ứng xử..., sẽ xuất hiện những trường hợp sau:

+ Người được giáo dục tự giác tham gia các hoạt động có những hành vi ứng xử phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

+ Người được giáo dục thiếu hoặc không tự giác tham gia các hoạt động, thậm chí còn có hành vi ngược với những chuẩn mực xã hội. Đó là những hành vi lệch chuẩn, không được xã hội thừa nhận.

Vì vậy, cần vận dụng nhóm phương pháp này.

- Chức năng của nhóm phương pháp này là khuyến khích hành vi tốt, điều chỉnh hành vi không phù hợp.

Trong nhóm phương pháp này ta chú ý đến các phương pháp cụ thể sau:

a. Khen thưởng

- Khái niệm: Là phương pháp biểu thị sự đánh giá tích cực đối với hành vi ứng xử của người được giáo dục, do đó tạo cho người được khen tình cảm hài lòng, thỏa mãn, tự tin, nghị lực để tiếp tục thực hiện và hoàn thiện những hành vi đó.

- Tác dụng: Làm cho người được khen tình cảm hài lòng, phấn khởi, có thêm nghị lực, tự tin tiếp tục thực hiện và hòan thiện công việc đó.

- Khen thưởng chỉ có ý nghĩa khi thực hiện tốt các yêu cầu sư phạm: khách quan công bằng, đúng lúc, đúng chỗ và được dư luận tập thể học sinh ủng hộ.

- Khen thưởng được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, tuỳ theo tính chất, mức độ, phạm vi ảnh hưởng của những hành vi tích cực và sự nỗ lực của người được giáo dục. Các hình thức đó là:

+ Tỏ thái độ đồng tình, ủng hộ những hành vi tốt một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

+ Tỏ lời khen những hành vi tốt.

+ Biểu dương

+ Tặng giấy khen

+ Tặng bằng khen...

Cần chú ý:

+ Khen trong những trường hợp cụ thể, điều kiện cụ thể.

+ Đối tượng khen có thể là cá nhân hay tập thể.

+ Phạm vi thông báo hình thức khen thưởng có thể rộng, hẹp tuỳ theo từng trường hợp cụ thể.

- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp khen thưởng:

+ Đảm bảo khen thưởng trên cơ sở những hành vi thực tế của người được giáo dục. Những hành vi đó phải đảm bảo các tiêu chí: Phù hợp với các chuẩn mực xã hội; Có động cơ đúng đắn; Có tính phổ biến; Có tính ổn định thường xuyên.

+ Đảm bảo tính khách quan. Cần xem xét đánh giá đúng hành vi thực tế, tránh khen thưởng sai lệch hoặc quá cao, hoặc quá thấp.

+ Đảm bảo khen thưởng công bằng, không thành kiến, thiên vị.

+ Khen thưởng kịp thời, đúng lúc, đúng chỗ, vào thời điểm thích hợp.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa khen thường thường xuyên với khen thưởng cả quá trình.

+ Đảm bảo gây được dư luận tập thể đồng tình với việc khen thưởng.

b. Trách phạt

- Khái niệm: Là phương pháp biểu thị sự không đồng tình, sự phản đối, sự phê phán những hành vi sai trái của người được giáo dục so với các chuẩn mực xã hội, do đó tạo ra ở người bị phạt sự hối hận, từ đó điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội, đồng thời nhắc nhở những người khác không tái phạm.

- Các hình thức trách phạt: Nhắc nhở; chê trách; phê bình; cảnh cáo; buộc thôi học....

Các hình thức này phản ánh những mức độ khác nhau từ thấp đến cao. Khi vận dụng vào những trường hợp cụ thể cần dựa vào:

+ Loại hình hành vi sai lệch (trong học tập, ứng xử, lao động ...)

+ Tính chất của hành vi sai lệch (nghiêm trọng hay không? Thường xuyên hay không? Vô tình hay cố ý?).

+ Phạm vi và mức độ tác hại do hành vi sai lệch gây ra.

- Khi tiến hành trách phạt cần chú ý các yêu cầu sau:

1. Đảm bảo trách phạt khách quan.

2. Đảm bảo trách phạt công bằng.

3. Đảm bảo cho người bị phạt thấy rõ sai lầm của mình và chấp nhận những hình thức, mức độ trách phạt đối với mình. Làm cho người bị phạt thấy rõ lí do bị phạt, ân hận về lỗi lầm của mình, chấp nhận tính hợp lí của hình thức, mức độ trách phạt.

4. Đảm bảo tôn trọng nhân phẩm người bị trách phạt.

+ Không làm nhục, không xâm phạm thân xác người bị phạt, không dùng trách phạt để trả thù cá nhân.

+ Giúp cho người bị trách phạt có hướng sửa chữa sai lầm một cách tích cực và tự tin.

+ Tỏ lòng tin tưởng ở sự tiến bộ của người bị trách phạt.

5. Đảm bảo tính cá biệt trong trách phạt

6. Đảm bảo hình thành được dư luận tập thể khi tiến hành trách phạt, tạo thêm sức mạnh hỗ trợ người bị phạt quyết tâm nhanh chóng sửa chữa sai lầm.

c. Kỷ luật không nước mắt

Kỷ luật vẫn thường bị liên tưởng với trừng phạt. Một số nền văn hóa ủng hộ đòn roi, nhưng cũng nhiều quốc gia phản đối trừng phạt thể chất. Đòn roi được xem là có thể dẫn đến những thay đổi tiêu cực, khiến trẻ cảm thấy xấu hổ và mất lòng tin. Trong khi đó kỷ luật lành mạnh và công bằng giúp trẻ trưởng thành cả về cảm xúc và nhận thức.

Kỷ luật không nước mắt là một phương pháp dạy trẻ mà không cần dùng đến bạo lực hoặc những lời la mắng nặng lời. Đây là phương pháp bao gồm các quy tắc rõ ràng về thưởng, phạt, nghệ thuật khen hoặc chê, cùng những quy tắc ứng xử giữa cha mẹ và con cái, thầy cô và học sinh…

Đây là một phương pháp giáo dục con cái bao gồm việc không bạo lực về thể xác cũng như tinh thần của trẻ. Tuy nhiên, không có nghĩa là cha mẹ hay thầy cô phải chiều chuộng trẻ mà là rèn luyện các tính cách của trẻ trong giới hạn và sự kiên trì bền bỉ.

Trái với hình thức trừng phạt (ghi nhận hành vi tiêu cực) là biện pháp củng cố hành vi tích cực, dùng lời khen để động viên mỗi khi trẻ làm điều tốt. Phương pháp này nhẹ nhàng hơn, hiệu quả hơn, giúp khuyến khích các hành vi tốt trong tương lai. Hãy ghi nhận những việc làm tốt của trẻ và động viên con kịp thời. Tất nhiên, đôi khi trừng phạt vẫn là cần thiết, nhưng nếu sử dụng quá mức biện pháp này có thể khiến trẻ cảm thấy lo lắng, bất lực hay bực bội.

Trong cơ thể con người có một loại hoocmon có tên là cortisol, được tiết ra mỗi lần trẻ sợ hãi, thiếu tự tin nếu cha mẹ thường xuyên ép buộc trẻ làm theo ý muốn của mình. Đây là loại hooc môn khiến trẻ phát triển chậm, não thường kém thông minh hơn so với những đứa trẻ khác.

Các cách dạy trẻ kỷ luật không nước mắt:

- Phạt trẻ một cách khoa học: Mỗi lần trẻ phạm lỗi, nhà giáo dục cần phải bình tĩnh, không được đánh mắng trẻ, vì điều này sẽ khiến trẻ có những suy nghĩ tiêu cực. Điều nhà giáo dục cần làm là phải phân tích, giải thích để trẻ nhận ra đúng, sai, từ đó điều chỉnh hành vi mà không cần nhận sự trừng phạt.

- Cách ly trẻ tạm thời: Trong trường hợp trẻ đã nhận được lời cảnh cáo khi phạm lỗi mà vẫn không sửa lỗi, nhà giáo dục hãy đưa trẻ đến một nơi khác vài phút. Sau đó, hãy đưa trẻ quay lại vị trí ban đầu, đồng thời giải thích cho con hiểu về việc làm sai trái của mình.

- Lắng nghe trẻ: Một trong những phương pháp kỷ luật không nước mắt mà nhà giáo dục cần phải lưu ý chính là lắng nghe trẻ. Hãy dành thời gian lắng nghe những chia sẻ về cảm giác của trẻ và không nên để những chuyện tiêu cực làm gián đoạn đến khoảng thời gian quan trọng này. Sau khi lắng nghe, nhà giáo dục cần đưa ra lời khuyên hữu ích cho những chia sẻ của trẻ.

- Nghệ thuật khen, chê đúng lúc: Đừng tiết kiệm lời khen, hãy dành cho trẻ thật nhiều lời khen khi các em làm được việc tốt. Đồng thời, nhà giáo dục có thể kèm theo lời khen là những cái ôm và dùng những lời nói tán thưởng thực tế để giúp trẻ tiếp tục làm những việc tốt.

Tuy nhiên, nhà giáo dục không nên đánh giá trẻ cao hơn so với bạn bè vì điều này sẽ khiến con nghĩ mình giỏi, tự cao tự đại và coi thường người khác. Ngoài ra, cũng không nên dạy trẻ theo cách so sánh trẻ nhà người ta để con không tự ái và tổn thương. Khi bị đem ra so sánh trẻ sẽ nghĩ mình kém cỏi, nản lòng và tự ti.

- Dạy trẻ tính tự giác: Nếu muốn dạy trẻ tính tự giác, nhà giáo dục cần phải sử dụng phương pháp phù hợp, để trẻ có thể hình dung một cách đơn giản nhất. Nhà giáo dục nên áp dụng những trò chơi vui vẻ lồng ghép vào các hoạt động thường ngày. Từ đó, trẻ có thể nhìn nhận và hành động một cách nghiêm túc. Ngoài ra, nhà giáo dục có thể nhờ bé làm các công việc nhà đơn giản, vừa làm vừa hướng dẫn trẻ. Bên cạnh đó, phụ huynh cần kiên nhẫn trong việc dạy trẻ. Những hành động này cần được diễn ra trong một khoảng thời gian nhất định và không nên thay đổi nhiều để trẻ hình thành thói quen tự giác.

- Dành thời gian cho trẻ tự suy xét: Mỗi khi con có cách cư xử không tốt, thay vì la mắng trẻ thì hãy cho các em một khoảng thời gian, để con tự suy nghĩ về hành vi của mình trong một nơi riêng tư, không bị phân tâm.

Trong trường hợp cả nhà giáo dục và trẻ đều đã tham gia vào cuộc cãi vã thì nhà giáo dục và trẻ cùng tự dành cho mình thời gian để suy nghĩ. Kỷ luật không nước mắt bằng cách

này sẽ giúp trẻ nhận ra rằng, ngay cả khi nhà giáo dục phạm lỗi thì cũng không nên bào chữa cho việc làm sai trái bằng những lý lẽ không thuyết phục.

Làm ngơ: Nếu như trẻ đang la hét hoặc mè nheo về một thứ gì đó, nhà giáo dục cần làm ngơ trước những đòi hỏi quá đáng của trẻ. Đồng thời, hãy nói với trẻ rằng, họ chỉ nghe trẻ nói chuyện khi các em đủ bình tĩnh.

Trong trường hợp trẻ vẫn chưa đủ khả năng ngôn ngữ để diễn tả những điều mình nghĩ, nhà giáo dục nên khuyến khích trẻ dùng ngôn ngữ cơ thể để truyền đạt điều mà bé muốn. Bên cạnh đó, nhà giáo dục cần đưa ra cho trẻ những lựa chọn như: điều trẻ muốn là xem phim hoạt hình hay trẻ muốn dùng nghịch điện thoại… Sau đó, hãy giải thích cho trẻ bằng cách hướng sự tập trung của trẻ vào một việc khác.

Đối với học sinh tuổi học trung sinh học từ 13-18 tuổi cần tăng cường trò chuyện, chia sẻ với các em. Luôn bên họ và sẵn sàng giúp đỡ khi họ cần. Cư xử công bằng nhưng kiên định. Không xem nhẹ hay trầm trọng hóa các vấn đề. Tránh "lên lớp" hoặc dự đoán về những điều tồi tệ.

Đưa ra thỏa thuận miệng với học sinh, kiểm tra sát sao việc tuân thủ các giao kèo cơ bản và đặt ra hệ quả logic. Ví dụ, nếu trẻ làm hỏng xe, hệ quả sẽ là con phải bỏ tiền ra sửa. Điều này dạy trẻ biết chịu trách nhiệm cho hành động của mình.

Nuôi dạy trẻ là một quá trình dài, đòi hỏi cha mẹ phải thật sự kiên nhẫn và có phương pháp giáo dục phù hợp để trẻ không có những phản ứng tiêu cực, đồng thời trở thành một đứa trẻ ngoan ngoãn, vâng lời cha mẹ, thầy cô.

*** Vấn đề lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục:**

- Cần phối hợp các phương pháp giáo dục để phát huy ưu điểm của các phương pháp giáo dục, khắc phục nhược điểm của từng phương pháp giáo dục, bởi lẽ phương pháp giáo dục nào cũng có những ưu điểm và những nhược điểm.

- Khi lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục cần căn cứ vào:

+ Mục tiêu giáo dục cụ thể.

+ Nội dung giáo dục cụ thể.

+ Đặc điểm của đối tượng giáo dục.

+ Những điều kiện thực tế.

3.5. Công tác chủ nhiệm trong nhà trường trung học

Giáo viên chủ nhiệm là một giáo viên trong số các giáo viên dạy văn hóa ở một lớp, có nhiều kinh nghiệm giáo dục học sinh, được hiệu trưởng giao trách nhiệm làm công tác chủ nhiệm lớp. Giáo viên chủ nhiệm như một người tổng chỉ huy trên mặt trận giáo dục tại lớp mình, quyết định không nhỏ đến chất lượng dạy và học.

Ở trường trung học, người giáo viên chủ nhiệm có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ. Không thể phủ nhận được vị trí, vai trò của họ

vì lứa tuổi học sinh phổ thông trung học là lứa tuổi đang rất cần có sự giúp đỡ và định hướng của người lớn. Nếu không có sự giúp đỡ của giáo viên chủ nhiệm thì với vốn kinh nghiệm sống ít ỏi, các em sẽ khó tránh khỏi những ảnh hưởng không lành mạnh từ phía xã hội. Đặc biệt trong tình hình xã hội có nhiều biến động hiện nay, vai trò của người giáo viên chủ nhiệm càng quan trọng.

3.5.1. Chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học

3.5.1.1. Chức năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp

a. Giáo viên chủ nhiệm là người quản lí giáo dục toàn diện học sinh một lớp

- Quản lí và giáo dục là hai mặt của một thể thống nhất, có liên quan mật thiết với nhau. Để giáo dục tốt phải quản lí tốt và quản lí tốt sẽ giúp cho giáo dục được tốt.

- Quản lí giáo dục không chỉ là nắm được những chỉ số của quản lí hành chính như tên, tuổi, số lượng, gia cảnh, trình độ học sinh về lực học và đạo đức... mà còn phải dự báo xu hướng phát triển nhân cách của học sinh trong lớp để có phương hướng tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp với điều kiện, khả năng của mỗi học sinh.

- Muốn thực hiện chức năng quản lí giáo dục toàn diện, đòi hỏi giáo viên chủ nhiệm phải có những tri thức cơ bản về tâm lí học, giáo dục học; phải có những kĩ năng sư phạm như: kĩ năng tiếp cận đối tượng học sinh, kĩ năng nghiên cứu tâm lí lứa tuổi, tâm lí xã hội, kĩ năng đánh giá, kĩ năng lập kế hoạch chủ nhiệm lớp và phải có nhạy cảm sư phạm để có dự đoán đúng, chính xác sự phát triển nhân cách của học sinh... Có như vậy mới giúp các em định hướng đúng và lường trước những khó khăn, thuận lợi, vạch ra những dự định để tự hoàn thiện về mọi mặt.

b. Giáo viên chủ nhiệm là cố vấn cho tập thể học sinh hoạt động tự quản nhằm phát huy tiềm năng tích cực của mọi học sinh.

Lứa tuổi học sinh trung học, đặc biệt là tuổi thanh thiếu niên có những đặc điểm nổi bật: Muốn khẳng định mình, giàu ước mơ, bước đầu có những kinh nghiệm sống, có khả năng tự quản tổ chức hoạt động tập thể... Tuy nhiên mong muốn lớn hơn khả năng. Muốn khẳng định nhưng chưa đủ độ chín về mọi mặt kinh nghiệm cũng như tri thức. Rất nhiệt tình, tự tin song có khi quá mức đến tự cao tự đại. Ngược lại dễ dao động, mất tự tin khi gặp những thất bại, nhất là những thất bại đầu tiên. Vì vậy việc định hướng giáo dục đối với học sinh phổ thông là cần thiết.

- Đây là chức năng đặc trưng của giáo viên chủ nhiệm mà các giáo viên bộ môn khác không làm chủ nhiệm lớp không thể có.

- Chức năng cố vấn về bản chất là sự điều chỉnh, định hướng và điều khiển quá trình tự giáo dục của từng học sinh và tập thể học sinh, phát huy vai trò chủ thể tích cực của học sinh trong quá trình giáo dục. Giáo viên chủ nhiệm không trực tiếp tham gia điều khiển công việc của lớp, không làm thay các em trong mọi hoạt động mà nhiệm vụ chủ yếu của giáo viên chủ nhiệm là bồi dưỡng năng lực tự quản cho học sinh của lớp, bằng cách tổ chức hợp lí đội ngũ

tự quản để nhiều học sinh được tham gia vào đội ngũ tự quản. Đội ngũ tự quản bao gồm: ban cán sự, ban chấp hành chi đoàn, cán sự bộ môn, tổ trưởng hoặc những em được phân công phụ trách từng mặt hoạt động của lớp như văn nghệ, thể dục, hoạt động ngoại khóa....

- Để thực hiện tốt vai trò cố vấn, giáo viên chủ nhiệm cần lưu ý:

+ Căn cứ vào đặc điểm, nhiệm vụ từng năm học và tính chất phát triển của tập thể học sinh. Việc lựa chọn đội ngũ tự quản nên căn cứ vào giai đoạn phát triển và 5 đặc điểm của tập thể học sinh. Ví dụ: Ở giai đoạn đầu (tập thể mới hình thành) rất cần có một lớp trưởng, bí thư chi đoàn có uy tín, biết quan tâm đến người khác, gương mẫu, biết cảm hóa các bạn... không nhất thiết phải là học sinh giỏi nhất lớp. Nhưng sang giai đoạn 2 và 3 thì rất cần có "thủ lĩnh" năng động, sáng tạo, luôn tìm tòi nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động để cuốn hút các bạn vào hoạt động.

+ Để phát huy vai trò cố vấn, giáo viên chủ nhiệm cần có năng lực dự báo chính xác khả năng của học sinh trong lớp giáo viên chủ nhiệm phải khêu gợi tiềm năng sáng tạo của các em trong việc đề xuất nội dung hoạt động, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với mục tiêu giáo dục.

c. Giáo viên chủ nhiệm là cầu nối giữa tập thể học sinh với các tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường, là người tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục

Giáo viên chủ nhiệm là cầu nối giữa tập thể học sinh với các tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường, là người tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục. Nói cách khác, giáo viên chủ nhiệm là người đại diện 2 phía, một mặt đại diện cho các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, một mặt đại diện cho tập thể học sinh.

Thể hiện ở chỗ:

- Giáo viên chủ nhiệm đại diện cho các nhà giáo dục truyền đạt đầy đủ những yêu cầu, kế hoạch giáo dục của nhà trường tới tập thể học sinh và từng học sinh với phương pháp thuyết phục, thái độ nghiêm túc để mỗi học sinh chấp nhận và thực hiện một cách tự nguyện, tự giác mục tiêu giáo dục.

- Là người đại diện cho quyền lợi chính đáng của học sinh trong lớp, bảo vệ học sinh về mọi mặt một cách hợp lí, phản ánh với hiệu trưởng, các giáo viên bộ môn, với gia đình, đoàn thể trong và ngoài nhà trường về nguyện vọng chính đáng của học sinh để có giải pháp giải quyết phù hợp, kịp thời, có tác dụng giáo dục.

Để thực hiện tốt chức năng cầu nối, tổ chức phối hợp các lực lượng, thống nhất tác động theo một chương trình hành động chung là một nhiệm vụ rất quan trọng của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên chủ nhiệm không chỉ nắm chắc tình hình học sinh trong lớp chủ nhiệm mà còn cần xác định được các nhân tố, các mối quan hệ, các điều kiện cần thiết trong và ngoài nhà trường để có thể tận dụng, phát huy mọi tiềm năng vào công tác chủ nhiệm lớp.

d. Giáo viên chủ nhiệm là nhân vật trung tâm của việc liên kết giữa gia đình – nhà trường và xã hội trong việc giáo dục học sinh

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh chịu sự tác động của nhiều nhân tố, trong đó có ảnh hưởng của gia đình, nhà trường và xã hội. Muốn quá trình giáo dục học sinh đạt hiệu quả cần có sự thống nhất giữa các tác động giáo dục, phải liên kết giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Thực tế liên kết giữa gia đình nhà trường và xã hội cho thấy nhà trường phải là hạt nhân của sự kết hợp, mà chức năng ấy của nhà trường thường giao cho giáo viên chủ nhiệm.

3.5.1.2. Nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp

a. Nắm vững mục tiêu giáo dục của cấp học, lớp học, chương trình giáo dục dạy học của nhà trường

Đây là nhiệm vụ trước mắt và cần thiết vì chỉ trên cơ sở nắm vững mục tiêu cấp học, nhiệm vụ năm học của Bộ quán triệt, chương trình giáo dục và dạy học của nhà trường thì mới xây dựng được kế hoạch hoạt động của lớp chủ nhiệm, có khả năng thực thi và đảm bảo hiệu quả giáo dục.

Ở mỗi trường đều có những văn bản sau:

+ Mục tiêu cấp học

+ Chỉ thị từng năm học- nhiệm vụ trọng tâm từng năm.

+ Chương trình giảng dạy các môn học.

+ Kế hoạch năm học của nhà trường.

+ Một số văn bản hướng dẫn các công tác liên quan đến vấn đề giáo dục, dạy học như: vấn đề thu học phí, miễn giảm đóng góp, chế độ chính sách..., qui chế kỉ luật, khen thưởng...

Giáo viên chủ nhiệm phải nắm vững các văn bản trên để quán triệt trong tổ chức giáo dục lớp chủ nhiệm. Thường khi bắt đầu năm học mới, hoặc người giáo viên bắt đầu đảm nhận nhiệm vụ làm chủ nhiệm lớp, người giáo viên phải đặt nhiệm vụ nghiên cứu để hiểu thật chắc.

b. Tìm hiểu để nắm vững cơ cấu tổ chức của nhà trường

Nhiệm vụ này được cụ thể hóa bằng các công việc sau đây:

+ Nắm vững tổ chức và phân công của Ban giám hiệu

+ Nắm vững cơ cấu tổ chức chi bộ, Đoàn, Đội, công đoàn nhà trường sau các đại hội hàng năm.

+ Nắm vững đội ngũ giáo viên, các tổ chuyên môn và số giáo viên dạy các môn học ở lớp chủ nhiệm. Việc quan trọng là hiểu từng giáo viên dạy ở lớp mình chủ nhiệm về hoàn cảnh, trình độ, năng lực, tính cách để thiết lập mối quan hệ phối hợp trong giáo dục. Nhiều giáo viên chủ nhiệm có kinh nghiệm thường mời tất cả giáo viên bộ môn tham gia đại hội lớp học sinh chủ nhiệm, sau đó thống nhất với đội ngũ này một số nguyên tắc, yêu cầu chung trong giáo dục.

+ Nắm vững đội ngũ giáo viên phụ trách các mặt hoạt động của nhà trường, nếu cần có thể liên hệ.

c. Nắm vững đặc điểm của từng học sinh trong lớp chủ nhiệm

Việc nhanh chóng hiểu từng em trong lớp là một nội dung và nhiệm vụ rất quan trọng của giáo viên chủ nhiệm. Để thực hiện nhiệm vụ này, giáo viên chủ nhiệm phải kết hợp nhiều phương pháp, phối hợp nhiều lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường. Trên cơ sở đó xây dựng một chương trình giáo dục, tổ chức hoạt động toàn diện các mặt nhằm phát triển trí tuệ, nhân cách của học sinh lớp chủ nhiệm trên nguyên tắc phát triển năng lực tự quản của các em.

Đây là nhiệm vụ trọng tâm của công tác chủ nhiệm nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh, triển khai chương trình, kế hoạch năm học của nhà trường.

d. Giáo viên chủ nhiệm phải là người tổ chức liên kết toàn xã hội để xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thống nhất tác động, thực hiện các mục tiêu, nội dung giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm

Đây là một nhiệm vụ rất đặc trưng của giáo viên chủ nhiệm lớp, thể hiện vai trò, chức năng tổ chức quản lí. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ này, giáo viên chủ nhiệm cần tranh thủ tối đa sự giúp đỡ của ban giám hiệu. Cần hợp pháp hoá mọi hoạt động của giáo viên chủ nhiệm với tư cách là người đại diện Hiệu trưởng. Vì vậy mọi hoạt động đối ngoại nên lấy giấy giới thiệu của nhà trường, hoặc có tham dự của ban giám hiệu.

3.5.2. Nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp

3.5.2.1. Công tác chủ nhiệm với tập thể học sinh

a. Tìm hiểu, phân loại học sinh lớp chủ nhiệm

Học sinh tồn tại với tư cách là đối tượng giáo dục đồng thời cũng là chủ thể giáo dục. Để giáo dục học sinh có kết quả tốt giáo viên phải hiểu các em một cách đúng đắn, đầy đủ và cụ thể, từ đó lựa chọn những tác động sư phạm thích hợp. Thực tiễn cho thấy nếu không hiểu rõ học sinh thì những tác động sư phạm được lựa chọn sẽ không phù hợp, do đó không cho kết quả mong muốn và thậm chí sẽ bị thất bại. Vì vậy giáo viên chủ nhiệm phải hiểu rõ từng học sinh một cách đầy dủ và chính xác về các mặt sau đây:

a1. Hoàn cảnh sống của từng học sinh

- Hoàn cảnh gia đình mà học sinh được sinh ra và lớn lên, tuổi tác, trình độ văn hoá nghề nghiệp của bố mẹ, sự quan tâm của bố mẹ tới phương pháp giáo dục con cái, sự quan tâm săn sóc lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, điều kiện sinh hoạt vật chất, tinh thần...của gia đình, quan hệ của gia đình đối với hàng xóm láng giềng, tình hình an ninh trật tự của địa phương, quan hệ bạn bè....

- Nó giúp giáo viên chủ nhiệm biết được những yếu tố tích cực, tiêu cực, những thuận lợi, khó khăn đang tác động đến h/s, đồng thời biết được phương pháp giáo dục của gia đình (tốt hay chưa tốt) để có thể tham mưu, tư vấn và phối hợp với gia đình, lựa chọn phương pháp tác đọng phù hợp.

a2. *Những đặc điểm về thể chất, sinh lí của từng học sinh*

Quan tâm tới sự phát triển về thể lực, sức khoẻ... Nhằm phát huy khả năng của các học sinh, đồng thời có điều kiện quan tâm, tạo sự thông cảm gần gũi, giúp đỡ lẫn nhau của các học sinh trong lớp.

a3. Những đặc điểm về tâm lí của học sinh

Khả năng nhận thức, tư duy ở mỗi em trong học tập, vui chơi, giao tiếp có khác nhau; tác phong, hứng thú hoạt động, sở thích, nhu cầu giao tiếp và tình cảm, tính cẩn thận, chín chắn trong học tập, sinh hoạt hay cẩu thả, bồng bột, tính nóng nảy hay hiền dịu của mỗi em không giống nhau. Vì vậy việc nắm vững đặc điểm tâm lí của học sinh giúp giáo viên chủ nhiệm lựa chọn, sử dụng phương pháp giáo dục cá biệt có kết qủa tốt.

a4. Nắm vững tính cách và những hành vi đạo đức của từng học sinh

Chăm học hay lười học, khiêm tốn hay ba hoa, trung thực hay giả dối, mạnh dạn hay nhút nhát, nhân hậu vị tha hay ích kỉ với bạn bè và mọi người, có tính tự lập hay ỷ lại, biết tự trọng, có ý thức xây dựng hay là vô tổ chức kỉ luật, biết kính trên nhường dưới, tôn trọng mọi người, tôn trọng pháp luật, tôn trọng bản thân hay sống buông thả, tuỳ tiện, vô văn hoá. Đặc biệt quan tâm đến thái độ, cách ứng xử của học sinh đối với các thành viên trong gia đình, đối với các thầy cô giáo và bạn bè...

Để tìm hiểu học sinh có nhiều cách tiến hành với nhiều biện pháp khác nhau như:

- Nghiên cứu lí lịch học sinh.
- Nghiên cứu hồ sơ học sinh.
- Trao đổi, trò chuyện với học sinh.
- Trao đổi với giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn của năm học trước.
- Trao đổi với các lực lượng giáo dục khác nếu cần.
- Thông qua việc tham gia hoạt động cùng học sinh.
- Trao đổi với phụ huynh học sinh.

Tìm hiểu học sinh là một việc làm liên tục, thường xuyên, vừa có tính cấp bách trong những khoảng thời gian nhất định, vừa có tính giai đoạn. Do vậy giáo viên chủ nhiệm cần có kế hoạch thường xuyên quan tâm đến sự thay đổi nhiều mặt của học sinh để giúp học sinh có định hướng đúng và điều chỉnh kịp thời.

b. Xây dựng và phát triển tập thể học sinh lớp chủ nhiệm

Muốn tổ chức tốt công tác giáo dục học sinh, giáo viên chủ nhiệm phải chăm lo tổ chức, xây dựng lớp thành một tập thể đoàn kết nhất trí, biết tự quản lí các công việc của tập thể lớp. Bởi tập thể lớp là môi trường, là phương tiện trực tiếp tác động tới sự phát triển nhân cách nói chung và tài năng nói riêng của học sinh.

Vì vậy giáo viên chủ nhiệm phải phối hợp với các lực lượng giáo dục, xây dựng học sinh lớp chủ nhiệm thành một tập thể tiên tiến, biết tổ chức, điều khiển, quản lí, đánh giá kết quả hoạt động của tập thể và của mối thành viên.

b1. Trước hết, giáo viên chủ nhiệm phải tổ chức "bộ máy tự quản" của lớp

Đội ngũ cán bộ tự quản, gồm có :

- Một lớp trưởng phụ trách chung.

- Các lớp phó: tuỳ theo tình hình cụ thể của lớp, mỗi lớp có thể cử từ 1- 3 lớp phó. Mỗi người phụ trách một, hai nội dung hoạt động của lớp như: học tập, lao động, văn nghệ, thể thao...

- Các cán sự bộ môn: ở trường trung học phổ thông có nhiều môn học , mỗi môn có một cán sự. Cũng có thể một cán sự phụ trách một số môn. Cán sự của mỗi môn học phải là người học giỏi, say sưa, có nhiều sáng tạo trong môn học đó, có trách nhiệm đối với việc tổ chức giúp các bạn học yêu thích môn này.

Ngoài cán sự môn học còn có cán sự một số hoạt động của lớp như: thủ quĩ, thư viện, văn nghệ, báo chí....

- Đội cờ đỏ của lớp gồm một đội trưởng và các đội viên (mỗi tổ có 1-2 đội viên).

- Học sinh của lớp được chia thành các tổ học tập, có trình độ mọi mặt tương đương nhau. Mỗi tổ cần có 1 tổ trưởng và tổ phó.

b2. Qui định rõ chức năng, nhiệm vụ cho từng loại cán bộ tự quản

- Nhiệm vụ của lớp trưởng: Tổ chức, theo dõi hoạt động tự quản của lớp.

- Nhiệm vụ của lớp phó phụ trách từng mặt

+ Lao động và cơ sở vật chất: Nhận nhiệm vụ, tổ chức phân công, điều khiển các buổi lao động vệ sinh của lớp, nhận xét đánh giá kết quả, phụ trách các cán sự chức năng có liên quan... Tuỳ theo từng công việc, lớp phó có thể tổ chức điều khiển trực tiếp hoặc thông qua các tổ, các cán sự liên quan. Hàng tháng, lớp phó tổng hợp kết quả và báo cáo cho lớp trưởng hoặc báo cáo kết quả đó trước lớp.

+ Văn thể: Điều khiển và theo dõi các hoạt động văn thể của lớp thông qua các ttổ và cán sự chức năng có liên quan; điều khiển các hoạt động văn hoá văn nghệ , thể thao của lớp. Nhận xét đánh giá kết quả, báo cáo trước lớp và cho lớp trưởng.

+ Học tập: Tổ chức, điều khiển các hoạt động tự quản học tập của lớp; tổ chức các câu lạc bộ học tập theo chủ đề; tổ chức thi tìm hiểu, giải đáp thắc mắc trong học tập, đề xuất với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn về kế hoạch, nội dung học tập ; tổ chức trao đổi kinh nghiệm học tập; phụ trách, điều khiển các tổ trưởng, các cán sự bộ môn hoạt động tự học, có kế hoạch giúp đỡ các bạn học kém; theo dõi, đánh giá kết quả học tập của lớp hàng tuần, tháng, báo cáo với giáo viên chủ nhiệm, trao đổi với đội ngũ tự quản để có thể nhận định đánh giá hoạt động chung của lớp.

- Nhiệm vụ của các tổ trưởng, tổ phó: Theo dõi và điều khiển các hoạt động của tổ, nắm được tình hình cụ thể về học tập, kỉ luật của từng tổ viên, tổng hợp hàng tuần, nhắc nhở, động viên các thành viên của tổ và báo cáo kết quả với ban cán sự lớp.

- Nhiệm vụ của đội cờ đỏ: Theo dõi kiểm tra, đánh giá, giữ gìn trật tự, kỉ luật, thực hiện nội qui của lớp, báo cáo kết quả hàng tuần, tháng cho lớp trưởng và trước lớp.

- Nhiệm vụ của các cán sự chức năng:

+ Cán sự môn học: Liên hệ với giáo viên bộ môn, đề đạt nguyện vọng của lớp, xin ý kiến của giáo viên bộ môn ... nhằm giúp lớp học có hiệu quả.

+ Cán sự vệ sinh: Kiểm tra đôn đốc vệ sinh cá nhân, lớp hàng ngày.

+ Cán sự tài chính: Thu, giữ quỹ lớp, quản lí chi tiêu, thu học phí...

+ Cán sự văn nghệ: Dạy bài hát mới cho lớp, quản ca, cùng với lớp phó văn thể chăm lo phong trào văn nghệ của lớp.

+ Cán sự thể thao: Đôn đốc thể dục giữa giờ, chăm lo phong trào thể thao của lớp.

+ Thư kí lớp: Bảo quản, ghi chép nhật kí, nghị quyết, biên bản họp lớp.

b3. Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ và ghi chép sổ công tác cho từng loại cán bộ.

Trên cơ sở các nhiệm vụ đã được phân công cụ thể, rõ ràng; giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn cho các em thực hiện tốt các nhiệm vụ đã được phân công; hướng dẫn các em biết cách sử dụng các loại sổ sách. Giúp các em biết xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của mình tương ứng với nhiệm vụ được giao.

- Sổ công tác của lớp trưởng: ghi nhận nhiệm vụ của lớp trưởng, kế hoạch phấn đấu của lớp (nội dung, chỉ tiêu, biện pháp) trong cả năm, từng học kì, từng tháng; ghi chép tình hình hàng tháng do lớp phó , tổ trưởng, cờ đỏ cung cấp.

- Sổ công tác của lớp phó: Ghi nhiệm vụ của lớp phó, dự kiến kế hoạch hàng tháng (tóm tắt); kết quả hoạt động hàng tuần, hàng tháng.

- Sổ công tác của tổ trưởng ghi tóm tắt nhiệm vụ của tổ trưởng; ghi danh sách và địa chỉ của tổ viên; kết quả học tập, kỉ luật trật tự, chấp hành nội qui và kết quả xếp loại đạo đức hàng tháng của tổ viên.

- Sổ công tác của cờ đỏ: ghi chép tình hình kỉ luật trật tự, chấp hành nội qui hàng ngày (ghi cụ thể việc tốt, xấu, thời gian, ai đã làm).

- Sổ nhật kí lớp và sổ ghi biên bản của lớp: Thư kí ghi những việc tốt, chưa tốt xảy ra trong các buổi học (vào nhật kí lớp) và ghi biên bản các cuộc họp lớp và các cuộc họp cán bộ lớp (vào sổ ghi biên bản).

b4. Giáo viên chủ nhiệm cần có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tự quản và các thành viên tích cực.

Giáo viên chủ nhiệm cần bồi dưỡng các em về nhận thức, nội dung, phương pháp công tác thông qua các hoạt động thực tiễn nhằm phát huy năng lực tự quản, tính sáng tạo của các em.

Tổ chức cho học sinh phân tích, đánh giá, khái quát hoá kinh nghiệm hoạt động; kiểm tra đánh giá hoạt động của họ, giúp họ khắc phục khó khăn, động viên kịp thời những cố gắng của họ, bảo vệ, xây dựng và phát triển uy tín của họ đối với tập thể.

Đội ngũ cán bộ lớp càng có năng lực tổ chức quản lí và gương mẫu mọi mặt với tập thể bao nhiêu thì hoạt động giáo dục của lớp, của giáo viên chủ nhiệm càng có hiệu quả bấy nhiêu. Bởi vậy việc lựa chọn, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ tự quản là hết sức quan trọng.

Để làm bộc lộ và phát huy năng lực của học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp còn phải quan tâm đến những thành viên tích cực trong lớp, tạo điều kiện để học sinh tham gia vào các hoạt động , có cơ hội bộc lộ khả năng, hình thành uy tín của mình trước tập thể. Đây cũng chính là cơ sở nguồn để giáo viên chủ nhiệm và lớp lựa chọn, luân chuyển đội ngũ cán bộ khi cần thiết.

c. Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện

Giáo viên chủ nhiệm phải tổ chức, quản lí, giáo dục học sinh trong tiết sinh hoạt lớp hàng tuần, buổi lao động hàng tháng, tham gia hoạt động chung của toàn trường. Giáo viên chủ nhiệm phải cố vấn cho đội ngũ tự quản của lớp tổ chức, điều khiển, quản lí các hoạt động này nhằm giáo dục đạo đức nhân cách cho học sinh. Việc chăm lo xây dựng bầu không khí đoàn kết nhất trí của tập thể lớp chủ nhiệm có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với việc giáo dục đạo đức học sinh. Đó là tiền đề thuận lợi để thực hiện các nội dung giáo dục khác, góp phần nâng cao kết quả học tập văn hoá, giáo dục lao động và hướng nghiệp, giáo dục thẩm mĩ, vui chơi giải trí và phòng chống các tệ nạn xã hội. Các hoạt động góp phần thực hiện nội dung giáo dục toàn diện là:

- Giáo dục đạo đức, pháp luật và nhân văn cho học sinh.
- Tổ chức các hoạt động học tập nhằm phát triển nhận thức, trí tuệ của học sinh.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục lao động và hướng nghiệp.
- Tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí.

d. Đánh giá kết quả giáo dục học sinh

- Là một trong những nội dung lớn và hết sức quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp. Bởi lẽ nó không chỉ phản ánh kết quả giáo dục học sinh mà còn phản ánh nội dung, phương pháp giáo dục của các lực lượng giáo dục nói chung, của giáo viên chủ nhiệm nói riêng. Đánh giá đúng sẽ là một động lực giúp học sinh nỗ lực rèn luyện tu dưỡng, phát huy những ưu điểm. Đánh giá đúng sẽ khích lệ động viên học sinh không ngừng rèn luyện phấn đấu vươn lên hoàn thiện mình.. Nói cách khác, sự đánh giá đúng sẽ mang lại hiệu quả giáo dụcvà ngược lại.

Đánh giá kết quả giáo dục học sinh cũng chính là giáo dục các em. Giáo viên chủ nhiệm cần tổ chức cho học sinh tham gia vào quá trình tự đánh giá và đánh giá kết quả rèn luyện của bản thân, của cả lớp. Việc tổ chức cho các em tham gia vào quá trình tự đánh giá và

đánh giá chính là giúp cho các em tự điều chỉnh thái độ, hành vi của mình, và rèn luyện cho các em năng lực tự hoàn thiện nhân cách.

Giáo viên chủ nhiệm cần đánh giá theo từng mặt giáo dục, rồi tổng hợp kết quả đánh giá để xem xét toàn diện người học sinh.

3.5.2.2. Công tác chủ nhiệm với các giáo viên bộ môn và bộ phận khác trong nhà trường

a. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với Ban giám hiệu và hội đồng giáo dục nhà trường

a1. Với ban giám hiệu nhà trường

Hoạt động của giáo viên chủ nhiệm lớp theo sự chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường về mục tiêu, nội dung và kế hoạch công tác. Giáo viên chủ nhiệm thường không làm việc trực tiếp với cả Ban giám hiệu, nhưng dưới sự chỉ đạo của hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm có quan hệ công tác với Ban giám hiệu thông qua một phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục dưới các hình thức như:

- Nhận kế hoạch và triển khai hoạt động

Kế hoạch và nội dung hoạt động của giáo viên chủ nhiệm được Ban giám hiệu thông báo trên bảng tin hoặc qua các cuộc họp với giáo viên chủ nhiệm theo định kì để thống nhất công tác. Giáo viên chủ nhiệm các lớp tiếp nhận các nội dung, yêu cầu chỉ đạo và triển khai hoạt động theo kế hoạch. Đồng thời giáo viên chủ nhiệm cần kịp thời phản ánh với Ban giám hiệu những thuận lợi, khó khăn hoặc những vấn đề bất cập trong nội dung, kế hoạch đó, giúp cho Ban giám hiệu nắm được và điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp.

- Trong quá trình triển khai công tác và tổ chức các hoạt động giáo dục, giáo viên chủ nhiệm cần định kì báo cáo với Ban giám hiệu để theo dõi, giúp đỡ.

- Trong quá trình giáo dục, những học sinh chưa ngoan trong lớp, giáo viên chủ nhiệm cần có định kì báo cáo với Ban giám hiệu về những khó khăn, các biện pháp đã thực hiện, kết quả đạt được để tranh thủ ý kiến chỉ đạo cũng như những tác động hỗ trợ, phối hợp cần thiết.

- Giáo viên chủ nhiệm có sáng kiến kinh nghiệm trong công tác giáo dục của mình có thể chủ động báo cáo với Ban giám hiệu và đề nghị được hội thảo, trao đổi trong nhóm chủ nhiệm, trong Hội đồng giáo dục nhà trường. Ban giám hiệu có trách nhiệm quan tâm giúp giáo viên chủ nhiệm khẳng định được kết quả công tác của mình, đồng thời khích lệ và phát huy những nhân tố tích cực trong công tác chủ nhiệm lớp của giáo viên chủ nhiệm.

- Ban giám hiệu thường xuyên tổ chức bồi dưỡng năng lực hoạt động sư phạm cho giáo viên chủ nhiệm lớp dưới các hình thức như: nghe nói chuyện, hội thảo chuyên đề, tập huấn công tác nghiên cứu khoa học cho giáo viên chủ nhiệm...

- Cuối học kì và cuối năm học, giáo viên chủ nhiệm đánh giá, xếp loại các mặt học tập, rèn luyện của học sinh và thông qua Ban giám hiệu. Những trường hợp đặc biệt cần phải báo cáo và xin ý kiến của Ban giám hiệu. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cần có quan điểm rõ ràng, khoa học và phải biết bảo vệ quan điểm của mình khi cần thiết.

a2. Với hội đồng giáo dục nhà trường

- Hội đồng giáo dục là một tập thể giáo dục thống nhất dưới sự lãnh đạo của Ban giám hiệu, đứng đầu là hiệu trưởng. Hội đồng giáo dục họp theo định kì hàng tháng, hàng quí để bàn bạc, giải quyết nhiều vấn đề quan trọng trong các lĩnh vực dạy học và giáo dục.

Quan hệ của giáo viên chủ nhiệm và hội đồng giáo dục nhà trường tuy không nhiều, không thường xuyên nhưng với tư cách là một thành viên của hội đồng giáo dục - người giáo viên chủ nhiệm cần có tiếng nói nhằm tranh thủ sự hỗ trợ tối đa, mang tính thống nhất và tổng hợp của các lực lượng giáo dục nhà trường. Cụ thể là:

- Phản ánh với Ban giám hiệu và hội đồng giáo dục về những bất cập trong chế đọ, chính sách, qui định của nhà trường đối với công tác giáo viên chủ nhiệm cũng nư những qui định, yêu cầu, những hoạt động giáo dục chưa phù hợp với học sinh nói chung và học sinh lớp mình nói riêng.

- Đề đạt với Ban giám hiệu và hội đồng giáo dục những nhu cầu, nguyện vọng của học sinh, của phụ huynh học sinh lớp mình phụ trách về các lĩnh vực dạy học, giáo dục và các quyền lợi chính đáng khác của học sinh.

- Hội đồng giáo dục cần tổ chức những hội nghị chuyên đề về công tác giáo dục của nhà trường - lấy đội ngũ giáo viên chủ nhiệm làm nòng cốt. Hội nghị chuyên đề theo định kì sẽ khai thác được những tiềm năng, những kinh nghiệm quí báu trong công tác giáo dục của người giáo viên chủ nhiệm. Từ đó sẽ giúp cho Ban giám hiệu có hướng chỉ đạo tốt hơn, hiệu quả hơn các hoạt động giáo dục.

b. Giáo viên chủ nhiệm với các giáo viên bộ môn

Sự phối hợp công tác của giáo viên chủ nhiệm với các giáo viên dạy bộ môn ở lớp mình phụ trách là sự phối hợp thường xuyên, gắn bó, thống nhất giữa dạy học và giáo dục. Để phát huy được tính hiệu quả cao nhất ở những người thầy giảng dạy trực tiếp, vai trò kết nối, thống nhất của giáo viên chủ nhiệm rất quan trọng. Sự phối hợp công tác giữa giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn một cách nhịp nhàng, đồng bộ sẽ vừa nâng cao được chất lượng giảng dạy vừa nâng cao được chất lượng giáo dục.

* Để nâng cao chất lượng học tập của học sinh, ta có thể vận dụng một số hình thức phối hợp sau đây:

- Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên trao đổi, thông báo cho giáo viên bộ môn về tình hình học tập của lớp, những đặc điểm đặc biệt của học sinh cũng như nhu cầu, nguyện vọng của các em; những đề nghị của lớp về môn dạy của thầy, cô giúp giáo viên kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

- Phản ánh với giáo viên bô môn những học sinh học yếu, kém và đề nghị giáo viên bộ môn tổ chức phụ đạo thêm giúp các em theo kịp trình độ bài giảng. Đồng thời cũng đề nghị giáo viên bộ môn phát hiện những học sinh giỏi, có năng khiếu và có kế hoạch bồi dưỡng giúp các em phát triển.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có liên quan đến những kiến thức đã học trên lớp như các cuộc thi ứng xử, sưu tầm, tìm hiểu, thi hỏi đáp, các hội vui học tập, các trò chơi trí tuệ, các cuộc tham quan di tích lịch sử, viện bảo tàng, danh lam, di sản văn hóa... Giáo viên chủ nhiệm mời giáo viên bộ môn tham gia (với vai trò thiết kế, giám khảo, thuyết minh...) giúp học sinh mở mang trí tuệ, củng cố, bổ sung thêm kiến thức đã học trên lớp.

- Khi cần thiết, giáo viên chủ nhiệm có thể dự giờ của giáo viên bộ môn để vừa nắm tình hình học tập của lớp, vừa có thể trao đổi ý kiến với giáo viên bộ môn một cách khách quan, đúng đắn, giúp giáo viên nâng cao hiệu quả giảng dạy.

* Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh ta có thể vận dụng một số hình thức sau:

- Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên trao đổi với giáo viên bộ môn về tình hình đạo đức, kỉ luật của học sinh để cùng thống nhất các yêu cầu và tác động giáo dục thích hợp.

- Giáo viên chủ nhiệm luôn giáo dục cho học sinh kính trọng và biết ơn các thầy cô bộ môn, biết quan tâm, chia sẻ với hoàn cảnh các thầy cô. Tổ chức học sinh thăm hỏi, giúp đỡ khi thầy cô đau ốm hoặc gặp khó khăn. Sự phối hợp gián tiếp này có tác dụng vừa động viên, vừa gắn bó tình cảm của các giáo viên với lớp trong quá trình dạy học - giáo dục.

- Khi cần thiết, mời giáo viên dự một số tiết sinh hoạt lớp, đặc biệt những tiết sơ kết, tổng kết. Giáo viên bộ môn dự sinh hoạt lớp để hiểu thêm về lớp, đồng thời lớp cũng được nghe ý kiến trao đổi góp ý của giáo viên bộ môn để có hướng phấn đấu tốt hơn.

- Giáo viên bộ môn góp phần đánh giá, xếp loại hạnh kiểm học sinh từng học kì. Đối với những trường hợp đặc biệt, giáo viên chủ nhiệm cần có sự bàn bạc, trao đổi với giáo viên bộ môn để thống nhất sự đánh giá một cách khách quan hơn tránh sự thiệt thòi cho học sinh.

3.5.2.3. Công tác chủ nhiệm với cha mẹ học sinh

- Giáo viên chủ nhiệm liên kết với gia đình học sinh

Gia đình là môi trường giáo dục - lực lượng giáo dục đầu tiên ảnh hưởng đến đứa trẻ và trước hết là ảnh hưởng của cha mẹ rất sâu sắc đối với chúng. Vì vậy, giáo dục gia đình trở thành một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp giáo dục trẻ em. Song gia đình vốn có những đặc điểm riêng của nó nên vấn đề đặt ra là nhà trường phải liên kết với gia đình như thế nào để đảm bảo được tính thống nhất toàn vẹn trong quá trình giáo dục. Chính giáo viên chủ nhiệm phải là người thay mặt nhà trường thực hiện sự liên kết này.

+ Mục đích:

Trước hết giáo viên chủ nhiệm phải giúp cha mẹ học sinh hiểu rõ chủ trương, kế hoạch giáo dục của nhà trường, mục tiêu, kế hoạch phấn đấu của lớp.

Trên cơ sở đó, giáo viên chủ nhiệm thống nhất với gia đình yêu cầu, nội dung, biện pháp, hình thức giáo dục. Giáo viên chủ nhiệm cũng có thể đề nghị gia đình tạo điều kiện cần thiết để học sinh học tập, rèn luyện ở nhà theo mục tiêu giáo dục của nhà trường.

+ Nội dung liên kết giữa giáo viên chủ nhiệm với gia đình.

Giáo viên chủ nhiệm:

- Giáo viên chủ nhiệm có kế hoạch định kì thông báo cho gia đình biết kết quả học tập và tu dưỡng của con em họ. Ngược lại gia đình cũng phải thông tin kịp thời với giáo viên chủ nhiệm về tinh thần học tập, sinh hoạt, ứng xử, diễn biến tư tưởng, hành vi của con em mình ở nhà, ở cộng đồng nơi ở...

- Giáo viên chủ nhiệm tư vấn cho các bậc cha mẹ về kiến thức tâm lí học, giáo dục học để cùng nhà trường giáo dục học sinh; tổ chức bồi dưỡng phương pháp giáo dục gia đình cho cha mẹ học sinh.

- Giáo viên chủ nhiệm thay mặt nhà trường yêu cầu cha mẹ học sinh cùng với nhà trường chăm lo xây dựng cơ sở vật chất để giáo dục các em.

Về phía gia đình:

- Cần chủ động liên hệ với nhà trường, với giáo viên bộ môn, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm lớp để nắm vững mục tiêu, nội dung giáo dục của nhà trường, nhiệm vụ học tập của con em để cùng thống nhất tác động giáo dục. Tránh tình trạng cha mẹ học sinh khoán trắng việc giáo dục con em cho nhà trường, cho giáo viên chủ nhiệm.

- Tham gia cùng với nhà trường, với giáo viên chủ nhiệm tổ chức các hoạt động giáo dục tư tưởng đạo đức, công dân, phòng chống tệ nạn xã hội, các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thẩm mĩ, hướng nghiệp, thể thao... dựa trên khả năng và điều kiện của từng gia đình.

- Thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm bằng nhiều hình thức về tinh thần học tập, rèn luyện, vui chơi của con em ở nhà, ở cộng đồng, nhất là những hiện tượng đặc biệt, những biến đổi tâm sinh lí ở các em.

- Giúp đỡ, động viên các thầy cô giáo lúc khó khăn hoạn nạn, thiết lập quan hệ tình cảm, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm giáo dục con em.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp phụ huynh do nhà trường hoặc do giáo viên chủ nhiệm triệu tập.

- Tham gia đánh giá kết quả rèn luyện và tinh thần học tập của con em ở nhà, góp phần cùng giáo viên chủ nhiệm và nhà trường đánh giá kết quả quá trình giáo dục con em.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho con em học tập, rèn luyện như: giờ giấc tự học ở nhà, góc học tập, mua sách vở, đồ dùng học tập, kiểm tra quá trình tự học của con em.

3.5.2.4. Công tác giáo viên chủ nhiệm với chính quyền, đoàn thể xã hội, các cơ quan chức năng, tổ chức kinh tế ở địa phương

Liên kết với chính quyền địa phương và các tổ chức, đoàn thể xã hội ... Thực chất đây là sự liên kết giữa giáo dục nhà trường và xã hội nhằm phát huy sức mạnh của mọi nguồn lực, thực hiện xã hội hóa giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm.

Các nội dung cơ bản của sự phối hợp cần hướng vào:

- Góp phần xây dựng, bảo vệ trật tự, an ninh địa phương.

- Tổ chức việc học tập vui chơi, rèn luyện... nhằm hình thành nhân cách cho học sinh;

- Xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, cải thiện đời sống cho giáo viên, tạo điều kiện cho các hoạt động giáo dục học sinh của lớp.

Để liên kết giáo dục có hiệu quả, giáo viên chủ nhiệm cần lựa chọn, xây dựng một đội ngũ cộng tác viên gồm các nhà hoạt động chính trị xã hội, các đoàn thể, cha mẹ học sinh. Tập hợp, phối hợp, phát huy được sức mạnh trong quá trình giáo dục học sinh.

3.5.2.5. Công tác chủ nhiệm với tư vấn tâm lý cho học sinh

a. Đời sống tâm lý của học sinh trung học

Học sinh trung học là lứa tuổi ở giai đoạn tuổi thiếu niên (11 – 15 tuổi) và đầu thanh niên (15 – 18 tuổi). Đây là lứa tuổi có đời sống tâm lý rất phong phú nhưng rất phức tạp. Cảm nhận về "tính người lớn" của chính bản thân mình là một trong những nét tâm lý đặc trưng xuất hiện ở lứa tuổi này. Tuy nhiên, ở lứa tuổi này xuất hiện mâu thuẫn giữa ý muốn chủ quan và hiện thực khách quan: muốn trở thành người lớn song vẫn ý thức được rằng mình chưa đủ khả năng. Mâu thuẫn này đã tạo ra những thay đổi lớn trong lĩnh vực tình cảm của lứa tuổi thanh thiếu niên.

Mặt khác, lứa tuổi học sinh trung học đứng trước một thách thức khách quan của cuộc sống đó là phải chuẩn bị lựa chọn cho mình một hướng đi sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Lứa tuổi này nảy sinh những khó khăn về tâm lý, tình cảm bức xúc của lứa tuổi, vướng mắc trong học tập, hướng nghiệp và các vấn đề về sức khỏe tâm thần học đường… cần được người lớn quan tâm, chia sẻ.

b. Một số khái niệm liên quan

❖ Tư vấn học đường

Tư vấn cho học sinh là phương pháp tác động mang tính định hướng giáo dục tới những học sinh đang có những khó khăn tâm lý, tình cảm, những bức xúc của lứa tuổi cần được giải đáp, những vướng mắc trong học tập, sinh hoạt, trong hướng nghiệp, trong tìm kiếm việc làm cần được người am hiểu và có trách nhiệm trợ giúp, tham vấn giải quyết để chọn được cách xử lý đúng, góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp học sinh thực hiện được nguyện vọng của mình.

* Khái niệm tư vấn, cố vấn và tư vấn học đường:

- Tư vấn, cố vấn là từ chỉ một hoạt động chuyên môn hoặc chỉ một nghề nghiệp chuyên giúp người khác có thể ra quyết định và giải quyết vấn đề, nâng cao năng lực sống cá nhân bằng phương pháp nghiệp vụ chuyên môn.

- Tư vấn học đường: Có nhiều cách tư vấn như:

+ Đưa ra những lời khuyên, lời gợi ý hoặc cung cấp các thông tin hỗ trợ để người cần giúp đỡ có thể tự giải quyết được các vấn đề của họ.

+ Tổ chức các hoạt động chuyên nghiệp giúp người đang gặp khó khăn được trải nghiệm, giúp họ ngộ ra, tự nhận thức ra…để thay đổi bản thân.

- Các hình thức tư vấn học đường thường được sử dụng:

Một là, tư vấn tâm lý: Là quá trình nhà tư vấn vận dụng những tri thức, phương pháp và kỹ thuật tâm lý học nhằm trợ giúp đối tượng được tư vấn nhận ra chính mình, từ đó tự thay đổi hành vi, thái độ, tự tái lập lại thế cân bằng tâm lý của bản thân ở trình độ cao hơn.

Hai là, tư vấn giáo dục: Là quá trình tư vấn mà nhà tư vấn sử dụng các phương pháp giáo dục nhằm can thiệp, phòng ngừa, hỗ trợ học sinh trong quá trình phát triển.

* Tham vấn và tham vấn học đường:

- Tham vấn là kỹ năng hành động, là năng lực của nhà chuyên môn trợ giúp một cách có mục đích đối với người đang gặp những khó khăn tâm lý: thông qua sự chia sẻ, khích lệ, thấu cảm…giúp họ hiểu và chấp nhận thực tế, khơi dậy nội lực bản thân để tự lực giải quyết vấn đề của mình.

- Tham vấn trong công tác chủ nhiệm chính là kỹ năng trợ giúp về mặt tâm lý của giáo viên chủ nhiệm đối với học sinh có khó khăn về tâm lý, nhằm giúp các em tự nhận thức và đối mặt với vấn đề của mình, có thể vượt qua được những khó khăn đó.

- Có nhiều hình thức tham vấn thường gặp như: Tham vấn tâm lý, tham vấn học tập, tham vấn hướng nghiệp…

Như vậy, giữa tư vấn và tham vấn đều có sự giống nhau, đó là quá trình trợ giúp người khác. Song, có khác nhau về mức độ kết quả và cả cách thức hỗ trợ, khác nhau về phạm vi thực hiện.

Tham vấn là một quá trình, một kỹ năng cơ bản trong tư vấn. Tư vấn cho học sinh trong nhà trường có tính định hướng giáo dục rõ ràng; tham vấn dựa vào khả năng vốn có của học sinh, khơi dậy nội lực, tìm cách hỗ trợ để học sinh tự giải quyết vấn đề của mình.

c. Mục đích, nội dung và nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho học sinh *(căn cứ theo thông tư 31/2017/TT-BGDĐT về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông)*

❖ **Mục đích chung của công tác tư vấn tâm lý cho học sinh:**

1. Phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp (khi cần thiết) đối với học sinh đang gặp phải khó khăn về tâm lý trong học tập và cuộc sống để tìm hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

2. Hỗ trợ học sinh rèn luyện kỹ năng sống; tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

❖ **Nội dung của công tác tư vấn tâm lý cho học sinh:**

1. Tư vấn tâm lý lứa tuổi, giới tính, hôn nhân, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi.

2. Tư vấn, giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng, chống bạo lực, xâm hại và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

3. Tư vấn tăng cường khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong mối quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác.

4. Tư vấn kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả và định hướng nghề nghiệp (tùy theo cấp học).

5. Tham vấn tâm lý đối với học sinh gặp khó khăn cần hỗ trợ, can thiệp, giải quyết kịp thời. Giới thiệu, hỗ trợ đưa học sinh đến các cơ sở, chuyên gia điều trị tâm lý đối với các trường hợp học sinh bị rối loạn tâm lý nằm ngoài khả năng tư vấn của nhà trường.

❖ **Nội dung tư vấn tâm lý cho học sinh theo cấp bậc học:**

Căn cứ vào đặc trưng của các hoạt động chủ đạo ở học sinh các cấp học, sự phát triển tâm lý và các khủng hoảng lứa tuổi, có thể phân các nội dung theo cấp bậc học như sau:

1. Bậc trung học cơ sở: Đặc trưng học sinh ở cấp bậc học này là vấn đề học tập và các mối quan hệ thân mật (tình bạn, tình yêu), vấn đề dậy thì và những biến chuyển tâm lý về cái tôi trong mối quan hệ với người khác; do vậy các nội dung trọng tâm cần thiết như: tham vấn phụ huynh về các vấn đề khó khăn trong mối quan hệ với học sinh trung học cơ sở; tham vấn học sinh trung học cơ sở về khó khăn học tập; tham vấn sức khỏe sinh sản, tình dục; tham vấn về xây dựng và thiết lập các mối quan hệ bạn bè, mối quan hệ gia đình; tham vấn về khám phá bản thân và quản lý bản thân; tham vấn về sự thích ứng với những thay đổi, những biến cố cuộc sống;

2. Bậc trung học phổ thông: Đặc trưng ở cấp bậc học này là vấn đề học tập và hướng nghiệp, các mối quan hệ với bản thân, gia đình, bạn bè, thầy cô và nhà trường, các quan điểm sống… Do vậy, vấn đề tham vấn tập trung: tham vấn phụ huynh về mối quan hệ với con trong việc định hướng nghề nghiệp, học tập; tham vấn về khó khăn học tập cho học sinh trung học phổ thông; tham vấn về việc thiết lập các mối quan hệ bạn bè, mối quan hệ thân mật, mối quan hệ gia đình cho học sinh; tham vấn hướng nghiệp; tham vấn về khám phá bản thân và quản lý bản thân; tham vấn về sự thích ứng với những thay đổi, những biến cố trong cuộc sống.

❖ **Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp trong công tác tư vấn tâm lý:**

Trong phạm vi công tác chủ nhiệm lớp nhiệm vụ tư vấn được xác định cụ thể như sau:

- Tham vấn cho những học sinh có khó khăn về tâm lý hoặc tham vấn nhóm.

- Quan sát phát hiện những biểu hiện của học sinh có nguy cơ rối nhiễu tâm lý, hoặc những hiện tượng tâm lý bất thường trong đời sống học đường.

- Tư vấn, hỗ trợ, tìm kiếm các nguồn lực trợ giúp cho học sinh trong và ngoài nhà trường.

- Tư vấn giáo dục cho cha mẹ học sinh, các thầy cô giáo, bạn bè hoặc những người có tác động không thuận lợi đến sự phát triển của trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động tập thể, vui chơi, hoạt động giáo dục trong phạm vi lớp mình nhằm xây dựng môi trường tâm lý lớp học thuận lợi cho sự phát triển của các học sinh trong lớp.

d. Đối tượng tư vấn trong công tác giáo viên chủ nhiệm

Gồm hai đối tượng :

- Học sinh có nhu cầu tư vấn: Cá nhân hoặc nhóm, lớp.

- Những đối tượng có liên quan và đang có tác động tiêu cực đến học sinh có nhu cầu tư vấn tâm lý, hoặc đang có vấn đề đối với học sinh đó.

e. Các nguyên tắc cơ bản đối với giáo viên làm công tác tham vấn học đường

Các nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho công tác tư vấn như sau:

- Người làm công tác tư vấn phải có đạo đức nghề nghiệp
- Mối quan hệ giữa người làm tư vấn với thân chủ là quan trọng hơn hết
- Thân chủ là chuyên gia về cuộc đời của họ
- Giải pháp của thân chủ chứ không phải do nhà tư vấn học đường nghĩ ra
- Cung cấp thông tin chứ không cho lời khuyên
- Đạt được mục tiêu tư vấn

Các nguyên tắc cơ bản đối với giáo viên làm công tác tư vấn học đường:

- Đảm bảo tính khách quan trong tư vấn:

+ Đảm bảo tính khách quan là nguyên tắc của bất kì một hoạt động chuyên môn, hoạt động nghiên cứu nào. Tư vấn là một hoạt động chuyên môn, là việc ứng dụng kết quả nghiên cứu của một số chuyên ngành khoa học trong thực tiễn, đó là tâm lý học tư vấn, giáo dục học đường. Chính vì vậy đảm bảo tính khách quan là yêu cầu bắt buộc.

+ Việc đảm bảo tính khách quan trong tư vấn học đường còn thể hiện ở chỗ trong quá trình tư vấn, chỉ có một mục tiêu duy nhất, đó là hỗ trợ thân chủ tự nhận thức và tự giải quyết được những khó khăn của mình. Nhà tư vấn không có mục tiêu cá nhân nào trong khi tư vấn.

+ Trong tư vấn nhà tư vấn không được để các cảm xúc cá nhân chi phối quá trình tư vấn. Khi vào phòng tư vấn chỉ có vấn đề của thân chủ mà thôi. Nhà tư vấn không chia sẻ những câu chuyện riêng tư, những nỗi lo lắng, tâm trạng của mình cho học sinh. Chính vì vậy, áp lực trong công việc tư vấn khá nặng nề. Nhiều nhà tư vấn không kiểm soát tốt bản thân có thể lại bị rối nhiễu tâm lý, bệnh,... và đến lượt họ, họ lại trở thành thân chủ của một nhà tư vấn khác.

- Cần tránh các quan hệ nhiều tuyến với học sinh cần tư vấn:

+ Các mối quan hệ cần tránh trong tư vấn là:

+ Quan hệ xã hội: Nhà tư vấn là bạn bè với thân chủ.

+ Quan hệ đồng nghiệp: Nhà tư vấn với thân chủ là đồng nghiệp hoặc con đồng nghiệp.

+ Quan hệ gia đình, ruột thịt: Nhà tư vấn không tư vấn cho những người là gia đình, họ hàng ruột thịt của mình.

+ Quan hệ lãnh đạo: như cấp trên, cấp dưới.

+ Quan hệ tình cảm: Những quan hệ thân tình, yêu đương,...

+ Quan hệ công việc: như nhà tư vấn cùng thân chủ tham gia một công việc, hoạt động yêu thích.

- Tôn trọng các quyền và nhân phẩm của tất cả mọi người: Mỗi người đều có quyền được tôn trọng nhân cách như một con người độc lập. Tôn trọng là nhiệt tình tin tưởng người kia như một con người có giá trị bất kể địa vị, đạo đức, hành vi, tình cảm tích cực hay tiêu cực nơi người ấy, kính trọng người ấy vì nhân phẩm, vì cốt cách riêng biệt của họ. Tôn trọng là cho mọi người quyền là chính bản thân họ và có các quan điểm, ý nghĩ và những cảm giác riêng và tiếp cận các dịch vụ tư vấn không bị định kiến về con người, tính cách, tôn giáo hoặc lề thói.

- Tự chủ và tự quyết (chấp thuận và đồng ý): Mỗi người đều có quyền lựa chọn và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Nhà tư vấn luôn ý thức rằng mỗi thân chủ có hoàn cảnh riêng biệt, không lặp lại ở người khác. Quá trình khám phá những nguyên nhân tạo nên vấn đề của thân chủ phụ thuộc rất nhiều ở kinh nghiệm và sự hiểu biết vấn đề của thân chủ và duy nhất chỉ có thân chủ mới làm được việc này. Nhà tư vấn có thể có uy tín và giàu kinh nghiệm cũng không đủ khả năng giải quyết được vấn đề của thân chủ. Mặt khác, thân chủ cần được trao quyền tự quyết để đảm bảo sự trưởng thành và độc lập.

- Riêng tư và bảo mật: Mỗi cá nhân có quyền sở hữu những vấn đề thuộc về bản thân mình, vì vậy thông tin của thân chủ nói ra cho nhà tư vấn phải được đảm bảo giữ bí mật và thân chủ có quyền trông đợi một mối quan hệ tin tưởng giữa thân chủ và nhà tư vấn dựa trên các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Việc giữ bí mật cho thân chủ thể hiện sự tôn trọng tính riêng tư, sự bảo vệ và ủng hộ thân chủ. Sự bảo mật khuyến khích thân chủ tin tưởng vào mối quan hệ tư vấn, do đó sẽ chia sẻ nhiều hơn nan đề của mình.

- Công bằng và ngay thẳng: Ngay thẳng theo đúng nghĩa mà C. Rogers đề cập đến là sự hợp nhất trong bình diện ý thức (nhận thức), hành vi và cảm xúc. Khi nhà tư vấn ngay thẳng với bản thân mình thì đồng thời anh ta ngay thẳng với chính thân chủ của mình. Và, sự ngay thẳng của thân chủ chỉ có được khi nhà tư vấn ngay thẳng với chính bản thân mình. Nhà tư vấn ngay thẳng với thân chủ không có nghĩa là phải nói toàn bộ sự thật của vấn đề khi thân chủ hỏi. Mặt khác, nhà tư vấn chỉ có thể khuyến khích thân chủ nói ra sự thật khi không quá tỏ thái độ phán xét trước những gì thân chủ thổ lộ.

- Khả năng chuyên môn và trách nhiệm: Chuyên môn của nhà tư vấn học đường bao gồm năng lực tư vấn, uy tín nghề nghiệp, khẳng định vị trí nghề nghiệp của bản thân, bảo vệ được khách hàng…; Trách nhiệm của nhà tư vấn đối với trường học, gia đình, cộng đồng nghề nghiệp và xã hội bao gồm: Thúc đẩy các môi trường trường học, gia đình và cộng động lành mạnh; Tôn trọng luật pháp và mối quan hệ giữa luật pháp và đạo đức; Duy trì niềm tin

công chúng bằng sự tự giám sát và giám sát đồng đẳng; Đóng góp cho nghề nghiệp bằng việc giám sát, dạy và hướng dẫn; Đóng góp cho nền tảng kiến thức của tâm lý học đường.

3.5.2.6. Lập kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp

Kế hoạch công tác của giáo viên chủ nhiệm là chương trình hoạt động của giáo viên chủ nhiệm đối với việc chỉ đạo lớp chủ nhiệm, thực hiện các mục tiêu giáo dục học sinh, đối với một lớp. Hiệu quả giáo dục học sinh phụ thuộc phần lớn vào tính khoa học của kế hoạch giáo dục học sinh của giáo viên chủ nhiệm.

Kế hoạch chủ nhiệm bao gồm 2 phần:

1. Những điều kiện để xây dựng kế hoạch:

Để có kế hoạch sát với thực tế, cần tìm hiểu rõ về:

- Mục tiêu và nhiệm vụ năm học.

- Kế hoạch giáo dục chung của nhà trường

- Mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch công tác của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Hệ thống cộng tác viên để thực hiện các mặt giáo dục.

- Đặc điểm tình hình của lớp, những mặt mạnh và thuận lợi của lớp về mọi mặt, những mặt yếu và hạn chế của lớp.

- Đặc điểm của các gia đình học sinh...

2. Lập kế hoạch hoạt động

a. Cơ cấu tổ chức học sinh của lớp, đặc điểm tình hình

Danh sách đội ngũ tự quản, danh sách các tổ học sinh, các nhóm chuyên môn: đội văn nghệ, đội bóng, đội văn, toán... Các mặt mạnh, yếu của lớp …

b. Xác định mục tiêu phấn đấu chung của lớp

- Học tập: Chỉ tiêu cần đạt, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh kém...

- Văn thể: Mục tiêu, kế hoạch tập luyện...

- Xây dựng tập thể: mục tiêu, các hoạt động

- Các hoạt động giáo dục: mục tiêu, các hoạt động giáo dục

*c. Kế hoạch thực hiện. (*ghi theo tiến trình năm học)

Thời gian	Nội dung	Người phụ trách	Lực lượng tham gia	Cộng tác viên	Điều kiện thực hiện	Ghi chú
Tháng 9 1.Tuần 1 2.Tuần 3.						

3.5.3. Yêu cầu đối với người giáo viên chủ nhiệm

Giáo viên chủ nhiệm lớp là linh hồn của một lớp học, là người thay mặt hiệu trưởng tổ chức các hoạt động, xây dựng lớp thành một tập thể vững mạnh để giáo dục học sinh theo mục tiêu đã đề ra, do đó người giáo viên chủ lớp phải phải phấn đấu để đạt được các yêu cầu sau đây:

1. Có đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống, lao động và trong quan hệ với đồng nghiệp và học sinh. Giáo viên chủ nhiệm phải là tấm gương sáng về mọi phương diện cho học sinh noi theo.

2. Có năng lực chuyên môn tốt, đang giảng dạy có kết quả một môn học trong lớp, có điều kiện gần gũi theo dõi, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện một cách thường xuyên.

3. Nắm vững lí luận sư phạm, sử dụng các phương pháp giáo dục tập thể và giáo dục cá biệt, có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phù hợp với tâm lí lứa tuổi học sinh và với điều kiện thực tế của lớp, của nhà trường một cách linh hoạt.

4. Có khả năng tổ chức và có năng lực hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao… để có thể lôi cuốn học sinh cùng tham gia.

5. Có phương pháp hoạt động xã hội, biết động viên lôi cuốn các lực lượng giáo dục, biết tổ chức hoạt động tập thể để dẫn dắt học sinh học tập, tu dưỡng tốt vì cuộc sống tương lai.

Tóm lại, trong các trường trung học giáo viên chủ nhiệm lớp có vai trò đặc biệt quan trọng, là người quản lí, tổ chức, chỉ đạo và điều phối các hoạt động của một lớp học. Công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp bao gồm rất nhiều hoạt động, cần khai thác, phối hợp với các lực lượng để cùng giáo dục học sinh, thống nhất giữa các lực lượng giáo dục đó là nguyên tắc, đồng thời là con đường xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục theo mục tiêu chung. Thực tế đã khẳng định năng lực công tác, kinh nghiệm sư phạm và ý thức trách nhiệm của người giáo viên chủ nhiệm lớp quyết định chất lượng học tập và tu dưỡng của học sinh trong một lớp học.

3.6. Hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông

Giáo dục không những được thực hiện qua con đường dạy học mà còn qua các hoạt động giáo dục, trong đó có hoạt động trải nghiệm. Đây là các hoạt động giáo dục thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường phổ thông, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động của học sinh. Thông qua việc tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, học sinh được *trải* (kinh qua, tham gia), từ đó *nghiệm* (nhận thấy, rút ra) điều đúng, sai. Qua đó, hình thành, phát triển cho các em các giá trị sống, cũng như những năng lực cần thiết.

3.6.1. Khái quát về hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông

3.6.1.1. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông

Hoạt động trải nghiệm (cấp tiểu học) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông) là hoạt động giáo dục bắt buộc được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12.

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và các năng lực đặc thù cho học sinh; nội dung hoạt động được xây dựng dựa trên các mối quan hệ của cá nhân học sinh với bản thân, với xã hội, với tự nhiên và với nghề nghiệp.

Nội dung Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

– Giai đoạn giáo dục cơ bản:

Ở cấp tiểu học, nội dung Hoạt động trải nghiệm tập trung vào các hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện bản thân, hoạt động phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô và người thân trong gia đình. Các hoạt động xã hội và tìm hiểu một số nghề nghiệp gần gũi với học sinh cũng được tổ chức thực hiện với nội dung, hình thức phù hợp với lứa tuổi.

Ở cấp trung học cơ sở, nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung hơn vào các hoạt động xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp; đồng thời hoạt động hướng vào bản thân vẫn được tiếp tục triển khai để phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh.

– Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp:

Ngoài các hoạt động hướng đến cá nhân, xã hội, tự nhiên, nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp trung học phổ thông tập trung hơn vào hoạt động giáo dục hướng nghiệp nhằm phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, học sinh được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

3.6.1.2. Mục tiêu của hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông

a. Mục tiêu chung

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hình thành, phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; đồng thời góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể.

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, phát triển đời sống tâm hồn phong phú, biết rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên và tình người, có quan niệm sống và ứng xử đúng đắn, đồng thời bồi dưỡng cho học sinh tình yêu đối với quê hương, đất nước, ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc để góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam trong một thế giới hội nhập.

b. Mục tiêu cấp tiểu học

Hoạt động trải nghiệm hình thành cho học sinh thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của người học sinh ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề.

c. Mục tiêu cấp trung học cơ sở

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nền nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.

c. Mục tiêu cấp trung học phổ thông

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành ở cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở. Kết thúc giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, học sinh có khả năng thích ứng với các điều kiện sống, học tập và làm việc khác nhau; thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại; có khả năng tổ chức cuộc sống, công việc và quản lí bản thân; có khả năng phát triển hứng thú nghề nghiệp và ra quyết định lựa chọn được nghề nghiệp tương lai; xây dựng được kế hoạch rèn luyện đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và trở thành người công dân có ích.

3.6.1.3. Yêu cầu cần đạt trong chương trình giáo dục phổ thông

a. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu theo các mức độ phù hợp với mỗi cấp học đã được quy định trong Chương trình tổng thể.

b. Yêu cầu cần đạt về năng lực

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo được biểu hiện qua các năng lực đặc thù: năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp. Yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này được thể hiện trong bảng sau:

Năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
NĂNG LỰC THÍCH ỨNG VỚI CUỘC SỐNG			
Hiểu biết về bản thân và môi trường sống	– Nhận biết được sự thay đổi của cơ thể, cảm xúc, suy nghĩ của bản thân. – Hình thành được một số thói quen, nếp sống sinh hoạt và kĩ năng tự phục vụ. – Nhận ra được nhu cầu phù hợp và nhu cầu không phù hợp. – Phát hiện được vấn đề và tự tin trao đổi những suy nghĩ của mình. – Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ, năng lực, sở thích và hành động. – Nhận diện được một số nguy hiểm từ môi trường sống đối với bản thân.	– Xác định được những nét đặc trưng về hành vi và lời nói của bản thân. – Thể hiện được sở thích của mình theo hướng tích cực. - Thể hiện được chính kiến khi phản biện, bình luận về các hiện tượng xã hội và giải quyết mâu thuẫn. – Giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi cơ thể đến các trạng thái cảm xúc, hành vi của bản thân. - Tìm được giá trị, ý nghĩa của bản thân đối với gia đình và bạn bè. – Giải thích được tác động của sự đa dạng về thế giới, văn hoá, con người và môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống. – Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống con người.	– Xác định được phong cách của bản thân. – Thể hiện được hứng thú của bản thân và tinh thần lạc quan về cuộc sống. – Thể hiện được tư duy độc lập và giải quyết vấn đề của bản thân. – Đánh giá được điểm mạnh, yếu và khả năng thay đổi của bản thân. – Khẳng định được vai trò, vị thế của cá nhân trong gia đình, nhà trường và xã hội. - Giải thích được vì sao con người, sự vật, hiện tượng xung quanh luôn biến đổi và rút ra được bài học cho bản thân từ sự hiểu biết này. – Phân tích được ảnh hưởng của môi trường tự nhiên và xã hội đến sức khoẻ và trạng thái tâm lí của cá nhân và chỉ ra được sự tác động của con người đến môi trường tự nhiên, xã hội.
Kĩ năng	– Đề xuất được	– Vận dụng được kiến	– Điều chỉnh được

điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi	những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề. – Làm chủ được cảm xúc, thái độ và hành vi của mình và thể hiện sự tự tin trước đông người. – Tự lực trong việc thực hiện một số việc phù hợp với lứa tuổi. – Biết cách thoả mãn nhu cầu phù hợp và kiềm chế nhu cầu không phù hợp. – Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau. – Biết cách xử lí trong một số tình huống nguy hiểm.	thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong những tình huống khác nhau. - Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau. – Tự chuẩn bị kiến thức và kĩ năng cần thiết để đáp ứng với nhiệm vụ được giao. – Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau. - Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống. – Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội.	những hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân phù hợp với bối cảnh mới. - Thay đổi được cách suy nghĩ, biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ, hoàn cảnh mới. – Thể hiện được khả năng tự học trong những hoàn cảnh mới. – Thực hiện được các nhiệm vụ trong hoàn cảnh mới. - Thể hiện được sự tự tin trong giao tiếp, ứng xử và trong các mối quan hệ khác nhau. – Giải quyết được một số vấn đề về môi trường tự nhiên và xã hội phù hợp với khả năng của mình.
NĂNG LỰC THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG			
Kĩ năng lập kế hoạch	– Xác định được mục tiêu cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. – Tham gia xác định được nội dung và cách thức thực	– Xác định được mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm. – Dự kiến được nhân sự	– Xác định được mục tiêu, nội dung hoạt động, phương tiện và hình thức hoạt động phù hợp. – Dự kiến được nguồn lực cần thiết cho hoạt

Kĩ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động	hiện hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. – Dự kiến được thời gian thực hiện nhiệm vụ. – Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân. – Biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết. – Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm. - Thể hiện được sự chia sẻ và hỗ trợ bạn trong hoạt động. - Biết cách giải quyết mâu thuẫn nảy sinh trong hoạt động.	tham gia hoạt động và phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên. – Dự kiến được thời gian hoàn thành nhiệm vụ. – Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần để đạt được mục tiêu. - Thể hiện được sự hợp tác, giúp đỡ, hỗ trợ mọi người để cùng thực hiện nhiệm vụ. – Biết cách tự khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ. - Giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan hệ với người khác.	động: nhân sự, tài chính, điều kiện thực hiện khác. – Dự kiến được thời gian cho từng hoạt động và sắp xếp chúng trong một trật tự thực hiện hoạt động hợp lí. - Hoàn thành được các kế hoạch hoạt động theo thời gian đã xác định và linh hoạt điều chỉnh hoạt động khi cần. - Thể hiện được sự chủ động hợp tác, hỗ trợ mọi người trong hoạt động để đạt mục tiêu chung. - Lãnh đạo được bản thân và nhóm, tạo động lực và huy động sức mạnh nhóm hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch. Lựa chọn được hoạt động thay thế cho phù hợp hơn với đối tượng, điều kiện và hoàn cảnh. - Xử lí được tình huống, giải quyết vấn đề nảy sinh trong hoạt động một cách sáng tạo.

Kĩ năng đánh giá hoạt động	– Nêu được ý nghĩa của hoạt động đối với bản thân và tập thể. – Chỉ ra được sự tiến bộ của bản thân sau hoạt động. – Chỉ ra được những điểm cần rút kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động và sự tích cực hoạt động của cá nhân, nhóm.	– Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động. – Đánh giá được những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hoạt động. – Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động. – Rút ra được những kinh nghiệm học được khi tham gia các hoạt động.	– Đánh giá được những yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến quá trình tổ chức hoạt động và kết quả hoạt động. – Đánh giá được một cách khách quan, công bằng sự đóng góp của bản thân và người khác khi tham gia hoạt động. – Rút ra được bài học kinh nghiệm và đề xuất được phương án cải tiến.
NĂNG LỰC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
Hiểu biết về nghề nghiệp	– Nêu được nét đặc trưng và ý nghĩa của một số công việc, nghề nghiệp của người thân và nghề ở địa phương. – Chỉ ra được một số phẩm chất và năng lực cần có để làm một số nghề quen thuộc. – Mô tả được một số công cụ của nghề và cách sử dụng an toàn.	– Giới thiệu được các nghề/nhóm nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam, chỉ ra được vai trò kinh tế – xã hội của các nghề đó. – Phân tích được yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề mà bản thân quan tâm. – Trình bày được xu thế phát triển của nghề ở Việt Nam. Giới thiệu được các nhóm kiến thức cần học và các cơ sở đào tạo nghề liên quan đến định hướng nghề nghiệp. – Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và	– Giải thích được các điều kiện làm việc, công việc và vị trí việc làm của các nghề/nhóm nghề. – Phân tích được yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề. – Trình bày được nhu cầu xã hội đối với các nghề và sự phát triển của các nghề đó trong xã hội. – Giới thiệu được các thông tin về trường cao đẳng, đại học, các trường trung cấp học nghề và các cơ sở đào tạo nghề liên quan đến định hướng nghề nghiệp của bản thân. – Phân tích được vai trò

		cách đảm bảo sức khoẻ nghề nghiệp.	của các công cụ của các ngành nghề, cách sử dụng an toàn, những nguy cơ tai nạn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khoẻ nghề nghiệp.
Hiểu biết và rèn luyện phẩm chất, năng lực liên quan đến nghề nghiệp	– Thể hiện được sự quan tâm và sở thích đối với một số nghề quen thuộc với bản thân. - Hình thành được trách nhiệm trong công việc và sự tuân thủ các quy định. – Thực hiện và hoàn thành được các nhiệm vụ. – Biết sử dụng một số công cụ lao động trong gia đình một cách an toàn.	– Hình thành được hứng thú nghề nghiệp và biết cách nuôi dưỡng hứng thú, đam mê nghề nghiệp. - Chỉ ra được một số điểm mạnh và chưa mạnh về phẩm chất và năng lực của bản thân có liên quan đến nghề yêu thích. – Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động. – Biết giữ an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.	– Thể hiện được hứng thú đối với nghề hoặc lĩnh vực nghề nghiệp và thường xuyên thực hiện hoạt động trong lĩnh vực nghề nghiệp đó. – Xác định được những phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với yêu cầu của nhóm nghề và nghề định lựa chọn. – Rèn luyện được những phẩm chất, năng lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của nghề định lựa chọn và với nhiều nghề khác nhau. – Biết cách giữ an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.
Kĩ năng ra quyết định và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp		– Lựa chọn được hướng đi phù hợp cho bản thân khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản. – Lập được kế hoạch học tập và rèn luyện phù hợp với hướng đi đã chọn.	– Tổng hợp và phân tích được các thông tin chủ quan, khách quan liên quan đến nghề định lựa chọn. – Ra được quyết định lựa chọn nghề, trường đào tạo nghề, hướng học tập nghề nghiệp. – Lập được kế hoạch học tập và phát triển nghề nghiệp.

3.6.2. Nội dung giáo dục

3.6.2.1. Nội dung khái quát

Mạch nội dung hoạt động	Hoạt động	Nội dung hoạt động
Hoạt động hướng vào bản thân	Hoạt động khám phá bản thân	– Tìm hiểu hình ảnh và tính cách của bản thân.
		– Tìm hiểu khả năng của bản thân.
	Hoạt động rèn luyện bản thân	– Rèn luyện nền nếp, thói quen tự phục vụ và ý thức trách nhiệm trong cuộc sống.
		– Rèn luyện các kĩ năng thích ứng với cuộc sống.
Hoạt động hướng đến xã hội	Hoạt động chăm sóc gia đình	– Quan tâm, chăm sóc người thân và các quan hệ trong gia đình
		– Tham gia các công việc của gia đình.
	Hoạt động xây dựng nhà trường	– Xây dựng và phát triển quan hệ với bạn bè và thầy cô
		– Tham gia xây dựng và phát huy truyền thống của nhà trường và của tổ chức Đoàn, Đội.
	Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Xây dựng và phát triển quan hệ với mọi người.
		– Tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị, đạo đức, pháp luật.
Hoạt động hướng đến tự nhiên	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Khám phá vẻ đẹp, ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên.
		– Tham gia bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Tìm hiểu thực trạng môi trường.
		– Tham gia bảo vệ môi trường.
Hoạt động hướng nghiệp	Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp	– Tìm hiểu ý nghĩa, đặc điểm và yêu cầu của nghề.
		– Tìm hiểu yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp
		– Tìm hiểu thị trường lao động.

3.6.2.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 1

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Mô tả được hình thức bên ngoài của bản thân. – Thể hiện được một số biểu hiện cảm xúc và hành vi yêu thương phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp thông thường.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi. – Nêu được những hành động an toàn, không an toàn khi vui chơi và thực hiện được một số hành vi tự bảo vệ.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thực hiện được lời nói, việc làm thể hiện tình yêu thương với các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi. – Biết tham gia sắp xếp nhà cửa gọn gàng. – Biết cách sử dụng một số dụng cụ gia đình một cách an toàn.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Làm quen được với bạn mới, thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô. – Nhận biết được những việc nên làm vào giờ học, những việc nên làm vào giờ chơi và thực hiện được những việc đó. – Tham gia các hoạt động giáo dục của Sao Nhi đồng và của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Biết thiết lập các mối quan hệ với hàng xóm. – Tham gia một số hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống. – Biết bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.

LỚP 2

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận diện được hình ảnh thân thiện, luôn vui vẻ của bản thân. – Thể hiện được sự khéo léo, cẩn thận của bản thân thông qua sản phẩm tự làm.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Biết sắp xếp đồ dùng sinh hoạt cá nhân ngăn nắp, gọn gàng. – Thực hiện được một số công việc tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi. – Nhận biết được những tình huống có nguy cơ bị lạc, bị bắt cóc và thực hiện được những việc làm để phòng tránh bị lạc, bị bắt cóc. – Nhận biết đồng tiền được sử dụng trong trao đổi hàng hoá.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thực hiện được một số việc làm thể hiện sự quan tâm chăm sóc, lòng biết ơn đến các thành viên trong gia đình phù hợp với lứa tuổi. – Trao đổi được với người thân về một số hoạt động chung trong gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Nhận diện được những việc làm để thể hiện tình bạn và biết nói những lời phù hợp khi giao tiếp với bạn. – Biết tìm kiếm sự hỗ trợ từ thầy cô, bạn bè khi tự mình không giải quyết được vấn đề trong mối quan hệ với bạn. – Biết thể hiện lòng biết ơn với thầy cô. – Tham gia hoạt động lao động giữ gìn cảnh quan nhà trường. Tham gia hoạt động giáo dục của Sao Nhi Đồng, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Làm quen được với những người bạn hàng xóm, tạo được quan hệ gần gũi, thân thiện với bạn bè trong cộng đồng. – Biết thể hiện sự đồng cảm và chia sẻ với người gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống và trong hoạt động vì cộng đồng. – Tham gia vào một số hoạt động hướng đến cộng đồng do nhà trường tổ chức.

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan ở địa phương. – Biết cách chăm sóc, bảo vệ cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh môi trường xung quanh. – Thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để giữ gìn vệ sinh môi trường ở nhà trường.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Tìm hiểu được công việc của bố mẹ hoặc người thân. – Nêu được một số đức tính của bố, mẹ, người thân có liên quan đến nghề nghiệp của họ. – Biết cách sử dụng an toàn một số dụng cụ lao động quen thuộc

LỚP 3

Nội dung hoạt động	**Yêu cầu cần đạt**
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận ra được những nét riêng của bản thân. – Giới thiệu được các sở thích của bản thân và sản phẩm được làm theo sở thích.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Sắp xếp được thứ tự các hoạt động, công việc trong ngày của bản thân và bước đầu thực hiện được thời gian biểu đề ra. – Có thói quen giữ gìn nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. – Nhận thức được các nguy cơ nếu không thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm và thực hiện những việc làm đảm bảo an toàn trong ăn uống. – Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thể hiện được lòng biết ơn, sự quan tâm, chăm sóc đến bố mẹ, người thân bằng lời nói, thái độ và việc làm cụ thể. – Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình. – Tham gia vào các hoạt động trang trí nhà cửa.

	– Tìm hiểu được thu nhập của các thành viên trong gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Kể lại được điều ấn tượng nhất về thầy giáo, cô giáo và thể hiện tình cảm với thầy cô bằng sản phẩm tự làm. - Biết cách hoà giải bất đồng trong quan hệ bạn bè. – Thực hiện được ý tưởng về việc trang trí, lao động vệ sinh lớp học, có ý thức giữ an toàn trong khi trang trí lớp học. - Tham gia các hoạt động giáo dục, hoạt động lao động của Sao Nhi đồng, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Nhận diện được vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương - Tuyên truyền tới bạn bè, người thân về việc bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan ở địa phương. – Biết cách chăm sóc, bảo vệ cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường. – Tham gia tích cực vào các hoạt động phù hợp với lứa tuổi trong phòng, chống ô nhiễm môi trường.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Kể tên được một số đức tính cần có của người lao động trong nghề nghiệp mà mình yêu thích. – Nhận ra được một số đức tính của bản thân liên quan đến nghề yêu thích. – Biết giữ an toàn trong lao động.

LỚP 4

Nội dung hoạt động	**Yêu cầu cần đạt**
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân. – Nhận diện được khả năng điều chỉnh cảm xúc và suy nghĩ của bản thân trong một số tình huống đơn giản.

Hoạt động rèn luyện bản thân	– Thể hiện được nền nếp sinh hoạt, bước đầu hình thành thói quen tư duy khoa học. – Tự lực thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công, hướng dẫn. – Nhận biết được nguy cơ bị xâm hại và thực hiện được những hành động để phòng tránh bị xâm hại. – Lựa chọn được mặt hàng muốn mua phù hợp với khả năng tài chính của bản thân và gia đình.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Biết tạo sự gắn kết yêu thương giữa các thành viên trong gia đình bằng các cách khác nhau. – So sánh được giá của các mặt hàng phổ biến trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình và có ý thức tiết kiệm cho gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Thực hiện được những lời nói, việc làm để duy trì và phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô. – Nêu được một số vấn đề thường xảy ra trong quan hệ với bạn bè và đề xuất được cách giải quyết. – Lập và thực hiện được kế hoạch lao động trong nhà trường. – Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Thực hiện được hành vi có văn hoá nơi công cộng. – Đề xuất được một số hoạt động kết nối những người sống xung quanh. - Tham gia tích cực vào các hoạt động đền ơn đáp nghĩa và hoạt động giáo dục truyền thống ở địa phương.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Giới thiệu được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. – Thực hiện được một số việc làm cụ thể để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Giới thiệu được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. – Thực hiện được một số việc làm cụ thể để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	

Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Tìm hiểu được những thông tin cơ bản về nghề truyền thống ở địa phương. – Trải nghiệm một số công việc của nghề truyền thống ở địa phương và thể hiện được hứng thú với nghề truyền thống của địa phương. - Biết giữ an toàn trong lao động khi làm nghề truyền thống.

LỚP 5

Nội dung hoạt động	**Yêu cầu cần đạt**
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận diện sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ. – Nhận diện được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Rèn luyện được một số đức tính cần thiết để thích ứng với môi trường học tập mới. – Biết tự chủ và đảm bảo an toàn khi giao tiếp trên mạng. – Nhận biết được những nguyên nhân gây hoả hoạn để phòng chống và biết cách thoát hiểm khi gặp hoả hoạn. – Tham gia lập kế hoạch kinh doanh dựa trên hoạt động do trường tổ chức.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thể hiện được trách nhiệm, lòng biết ơn của mình với các thành viên trong gia đình bằng thái độ, lời nói, việc làm cụ thể. – Biết tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. – Biết lập sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Đề xuất được những cách làm cụ thể để nuôi dưỡng, giữ gìn tình bạn, tình thầy trò. – Giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ với bạn bè và thầy cô. – Tham gia tổ chức sự kiện về truyền thống tôn sư trọng đạo và các truyền thống khác của nhà trường. – Tham gia các hoạt động giáo dục của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Thiết lập được quan hệ thân thiện với những người sống xung quanh. – Tham gia tích cực các hoạt động xã hội, hoạt động lao động công ích và các lễ hội truyền thống ở địa phương. - Đánh giá được sự đóng góp và sự tiến bộ của các thành viên khi tham gia hoạt động xã hội.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Thể hiện được cảm xúc và niềm tự hào đối với cảnh quan thiên nhiên của địa phương và đất nước. – Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Tìm hiểu được thực trạng môi trường nơi sinh sống. – Tự nguyện tham gia và vận động được người thân cùng tham gia lao động công ích, giữ vệ sinh môi trường khu dân cư.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Tìm hiểu được những thông tin cơ bản về nghề mình mơ ước. – Tìm hiểu được về an toàn nghề nghiệp của nghề mơ ước. - Trình bày được ước mơ nghề nghiệp của bản thân.

LỚP 6

Nội dung hoạt động	**Yêu cầu cần đạt**
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận ra được sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân. – Phát hiện được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. – Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. – Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể. – Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế.

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể. – Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình. – Biết tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết gìn giữ tình bạn, tình thầy trò. – Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè. – Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường. – Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. – Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng. – Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú. - Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	- Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ con người. – Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu. – Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	

Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam. - Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống. – Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống. – Nhận biết được về an toàn sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống. – Nhận diện được giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau.

LỚP 7

Nội dung hoạt động	**Yêu cầu cần đạt**
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận diện được điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống. – Nhận ra được khả năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Thể hiện được thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ ở gia đình cũng như ở trường. – Biết cách vượt qua khó khăn trong một số tình huống cụ thể. – Rèn luyện được tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc. – Xác định được một số tình huống nguy hiểm và biết cách tự bảo vệ trong các tình huống đó. – Biết kiểm soát các khoản chi và biết tiết kiệm tiền.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Bước đầu có kĩ năng chăm sóc người thân khi bị mệt, ốm. – Thể hiện được sự lắng nghe tích cực khi tiếp nhận những ý kiến đóng góp và sự chia sẻ từ các thành viên trong gia đình. – Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch lao động tại gia đình. – Lập được kế hoạch chi tiêu cho một số sự kiện trong gia đình phù hợp với lứa tuổi.

Hoạt động xây dựng nhà trường	– Phát triển được mối quan hệ hoà đồng với bạn bè, thầy cô và hài lòng về các mối quan hệ này. – Hợp tác được với thầy cô, bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ chung và giải quyết được những vấn đề nảy sinh. – Giới thiệu được những nét nổi bật, tự hào về nhà trường. – Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Thể hiện được hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá khi tham gia các hoạt động trong cộng đồng. – Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, không đồng tình với những hành vi kì thị về giới tính, dân tộc, địa vị xã hội. – Tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo và vận động người thân, bạn bè tham gia. – Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của địa phương mình.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Thiết kế được một số sản phẩm thể hiện sự hiểu biết, cảm xúc của bản thân sau chuyến tham quan cảnh quan thiên nhiên. – Thực hiện được các hành vi, việc làm bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh tại những nơi đến tham quan.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Tìm hiểu được ảnh hưởng của hiệu ứng nhà kính đến sự sống trên Trái Đất. – Thực hiện được chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường thiên nhiên, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính bằng các hình thức khác nhau.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Xác định được một số nghề hiện có ở địa phương. – Nêu được công việc đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề ở địa phương. – Nêu được những phẩm chất và năng lực cần có của người làm các nghề ở địa phương. – Chỉ ra được một số phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với một số yêu cầu của một số ngành nghề ở địa phương.

	- Nhận diện được những nguy hiểm có thể xảy ra và cách giữ an toàn khi làm những nghề ở địa phương.

LỚP 8

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân. – Nhận diện được sự thay đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh theo hướng tích cực. – Nhận diện được khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân để bảo vệ quan điểm của mình trong một số tình huống.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Xác định được trách nhiệm với bản thân và với mọi người xung quanh. – Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động, thực hiện được các cam kết đề ra. – Nhận biết được những tình huống cần từ chối và thực hiện được kĩ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể. – Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị, quảng cáo đến quyết định chi tiêu cá nhân để có quyết định phù hợp. – Thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và quan hệ trên mạng xã hội.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng. – Tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết phục. – Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình – Thể hiện cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình. – Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân phù hợp với lứa tuổi
Hoạt động xây dựng nhà trường	– . Xây dựng được tình bạn và biết cách gìn giữ tình bạn. – Nhận diện được dấu hiệu bắt nạt học đường và có kĩ năng phòng, tránh bắt nạt học đường. – Thực hiện được các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường. – Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đoàn Thanh niên

	Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Biết tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề. – Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện. - Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương. – Tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Sưu tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm. – Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. – Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. - Nêu được những thách thức, phẩm chất và năng lực cần có của người làm nghề trong xã hội hiện đại.
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường. – Rèn luyện được sức khoẻ, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp. – Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại.
Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	– Định hướng được các nhóm môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. – Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp.

LỚP 9

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	- Nhận diện được điểm tích cực và điểm chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử của bản thân. – Khám phá được khả năng thích nghi của bản thân với sự thay đổi trong một số tình huống của cuộc sống.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Thực hiện có trách nhiệm các nhiệm vụ được giao. – Ứng phó được với những căng thẳng trong quá trình học tập và trước các áp lực của cuộc sống. – Biết cách tạo động lực cho bản thân để thực hiện hoạt động. – Xây dựng được ngân sách cá nhân hợp lí trong đó tính đến các khoản thu, chi, tiết kiệm, cho, tặng.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Tạo được bầu không khí vui vẻ, yêu thương trong gia đình, cùng các thành viên xây dựng gia đình hạnh phúc. – Biết giải quyết bất đồng trong quan hệ giữa bản thân với các thành viên trong gia đình hoặc giữa các thành viên. – Tổ chức, sắp xếp được các công việc trong gia đình một cách khoa học. – Đề xuất được một số biện pháp phát triển kinh tế gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Tôn trọng sự khác biệt và sống hài hoà với bạn bè, thầy cô. – Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động phòng chống bắt nạt học đường; tham gia thực hiện và đánh giá được hiệu quả của hoạt động này. – Xác định được mục tiêu và xây dựng được kế hoạch cho các buổi lao động công ích ở trường. – Làm được các sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường. – Tham gia các hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Biết cách xây dựng mạng lưới quan hệ cộng đồng. – Thực hiện được đề tài khảo sát về thực trạng giao tiếp của học sinh trên mạng xã hội.

	– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về những vấn đề học đường. - Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Thiết kế được sản phẩm thể hiện vẻ đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của đất nước. – Xây dựng và thực hiện được kế hoạch quảng bá về cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của đất nước.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Thực hiện được đề tài khảo sát về nguyên nhân ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí) tại địa bàn sinh sống. – Tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Kể tên được những nghề mà mình quan tâm. – Nêu được hoạt động đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động của những nghề mà mình quan tâm. - Nêu được những phẩm chất và năng lực cần có của người làm những nghề mà mình quan tâm. - Nhận diện được những nguy hiểm có thể có và cách giữ an toàn khi làm những nghề mà mình quan tâm.
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	– Đánh giá và rèn luyện phẩm chất và năng lực liên quan đến nghề mình quan tâm. – Thực hiện được kế hoạch phát triển bản thân để đạt được yêu cầu của định hướng nghề nghiệp. – Tự đánh giá được hiệu quả của việc rèn luyện phẩm chất và năng lực cần có của người lao động.
Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	– Tìm hiểu được hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề của trung ương và địa phương. – Tham vấn được ý kiến của người thân, thầy cô về con đường tiếp theo sau trung học cơ sở. – Ra quyết định lựa chọn con đường học tập, làm việc sau trung học cơ sở.

LỚP 10

Nội dung hoạt động	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Chỉ ra được những đặc điểm tính cách, quan điểm sống của bản thân và biết cách phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu. – Nhận diện được khả năng điều chỉnh tư duy theo hướng tích cực cho bản thân. – Thể hiện được sự chủ động của bản thân trong môi trường học tập, giao tiếp khác nhau.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Thực hiện tốt nội quy, quy định của trường, lớp, cộng đồng. – Có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao và hỗ trợ những người cùng tham gia. – Hình thành được tư duy phản biện khi đánh giá sự vật hiện tượng. – Thể hiện được sự tự chủ, lòng tự trọng, ý chí vượt khó để đạt được mục tiêu đề ra. – Xây dựng được kế hoạch tài chính cá nhân một cách hợp lí.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Ứng xử phù hợp với các tình huống giao tiếp khác nhau trong gia đình. – Thực hiện được trách nhiệm của bản thân với bố mẹ, người thân. – Thể hiện được trách nhiệm đối với các hoạt động lao động trong gia đình. – Đề xuất các biện pháp phát triển kinh tế và góp phần phát triển kinh tế cho gia đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Thể hiện sự tự tin trong các tình huống giao tiếp, ứng xử và biết cách thể hiện sự thân thiện với bạn bè, thầy cô. – Biết cách thu hút các bạn vào hoạt động chung. – Lập và thực hiện được kế hoạch giáo dục truyền thống nhà trường. – Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động giáo dục truyền thống nhà trường. – Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Thực hiện được các biện pháp mở rộng quan hệ và thu hút cộng đồng vào các hoạt động xã hội. – Lập và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền trong cộng đồng về văn hoá ứng xử nơi công cộng. – Tham gia một số hoạt động cộng đồng phù hợp và đánh giá được kết quả hoạt động phát triển cộng đồng.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền, kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. – Nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Phân tích, đánh giá được thực trạng môi trường tự nhiên tại địa phương; tác động của con người tới môi trường tự nhiên. – Thuyết trình được với các đối tượng khác nhau về ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường tự nhiên. – Đề xuất được và tham gia thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Xác định được những hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương và nêu được thông tin, yêu cầu cơ bản về các nhóm nghề này. – Biết cách tìm hiểu các thông tin về nhóm nghề mình quan tâm, yêu cầu về năng lực, phẩm chất theo nhóm nghề. – Tìm hiểu được những điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong từng lĩnh vực nghề nghiệp. - Phân tích được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động thông qua trải nghiệm một nghề cụ thể và yêu cầu của nhà tuyển dụng.
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	– Đánh giá được sự phù hợp của bản thân với nhóm nghề định lựa chọn. – Xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện bản thân theo định hướng nghề nghiệp. – Lựa chọn được cách rèn luyện phù hợp về phẩm chất và năng lực cần thiết cho nhóm nghề định lựa chọn.

Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	– Trình bày được một số thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo liên quan đến nghề định lựa chọn. – Tham vấn ý kiến thầy cô, gia đình, bạn bè về dự định lựa chọn nghề và định hướng học tập của bản thân. – Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn.

LỚP 11

Nội dung hoạt động	**Yêu cầu cần đạt**
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận diện được nét riêng và thể hiện được sự tự tin về đặc điểm riêng của bản thân. – Phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và biết điều chỉnh bản thân để thích ứng với sự thay đổi. – Nhận diện được hứng thú, sở trường của bản thân và có kế hoạch phát triển sở trường liên quan đến định hướng nghề nghiệp trong tương lai.
Hoạt động rèn luyện bản thân	– Thể hiện được sự nỗ lực hoàn thiện bản thân; biết thu hút các bạn cùng phấn đấu hoàn thiện. – Quản lí được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lí trong các tình huống giao tiếp khác nhau. – Thực hiện được kế hoạch tài chính cá nhân một cách hợp lí.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thể hiện được sự quan tâm chăm sóc thường xuyên những người thân trong gia đình. – Biết cách hoá giải những mâu thuẫn, xung đột xảy ra trong gia đình. – Thể hiện sự tự giác và trách nhiệm tham gia các hoạt động lao động khác nhau trong gia đình. – Thể hiện sự tự tin trong việc tổ chức sắp xếp hợp lí công việc gia đình. – Lập được kế hoạch chi tiêu phù hợp với thu nhập trong gia đình và thực hiện được mục tiêu tiết kiệm tài chính trong gia

	đình.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Biết cách phát triển mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè. – Làm chủ và kiểm soát được các mối quan hệ với bạn bè ở trường cũng như qua mạng xã hội. – Hợp tác được với bạn để cùng xây dựng và thực hiện các hoạt động xây dựng và phát triển nhà trường. – Đánh giá được hiệu quả của hoạt động phát huy truyền thống nhà trường. – Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Biết cách xây dựng và phát triển các mối quan hệ với mọi người trong cộng đồng. – Thể hiện được hành vi văn minh nơi công cộng và trách nhiệm của bản thân với cộng đồng. – Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động phát triển cộng đồng và đề xuất được giải pháp quản lí việc thực hiện hoạt động đó. – Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển cộng đồng. - Xây dựng và thực hiện được kế hoạch truyền thông trong cộng đồng về vấn đề văn hoá mạng xã hội.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Nhận ra ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản thân. – Chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, quảng bá hình ảnh cảnh quan thiên nhiên và kêu gọi mọi người cùng thực hiện. – Đánh giá được thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Nghiên cứu, khảo sát thực trạng môi trường tự nhiên ở địa phương, tác động của sự phát triển sản xuất kinh doanh đến môi trường và báo cáo kết quả khảo sát. – Đưa ra được các kiến nghị về bảo vệ môi trường từ số liệu khảo sát. – Tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp bảo vệ tài nguyên.

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Phân loại được các nhóm nghề cơ bản; chỉ ra được đặc trưng, yêu cầu của từng nhóm nghề. – Phân tích được yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực của người lao động. – Giải thích được ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp của người lao động. – Sưu tầm được tài liệu về xu hướng phát triển nghề trong xã hội và thị trường lao động.
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	– Đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với từng nhóm nghề và chỉ ra được phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp hoặc không phù hợp với nhóm nghề, nghề lựa chọn. – Đánh giá được khó khăn, thuận lợi trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện theo nhóm nghề lựa chọn. – Đề xuất được giải pháp học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp.
Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	– Trình bày được các thông tin cơ bản về các trường trung cấp, cao đẳng, đại học liên quan đến nhóm nghề, nghề mà bản thân định lựa chọn. – Tham vấn được ý kiến của thầy cô, gia đình, bạn bè về dự kiến ngành, nghề lựa chọn. – Xác định được những trường đào tạo nghề liên quan đến việc học tập hướng nghiệp của bản thân. – Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn.

LỚP 12

Nội dung hoạt động	**Yêu cầu cần đạt**
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG VÀO BẢN THÂN	
Hoạt động khám phá bản thân	– Nhận diện được sự trưởng thành của bản thân. – Nhận diện được phẩm chất ý chí và sự đam mê của bản thân. – Nhận diện được khả năng tư duy độc lập và khả năng thích ứng với sự thay đổi của bản thân.

Hoạt động rèn luyện bản thân	– Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống. – Thể hiện được bản lĩnh và của bản thân trong việc thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích. – Thực hiện được công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra. – Điều chỉnh được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau. – Lập và thực hiện được kế hoạch phát triển tài chính cho bản thân trong điều kiện phù hợp.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI	
Hoạt động chăm sóc gia đình	– Thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình. – Thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. – Thực hiện được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội. – Phân tích được chi phí sinh hoạt trong gia đình có thể bị ảnh hưởng bởi thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống.
Hoạt động xây dựng nhà trường	– Nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng được các quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè. – Thể hiện được lập trường quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về quan hệ bạn bè trên mạng xã hội. – Hợp tác được với mọi người trong hoạt động và biết giải quyết mâu thuẫn trong các quan hệ bạn bè. - Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể. – Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
Hoạt động xây dựng cộng đồng	– Thể hiện được sự chủ động và tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng. – Thực hiện được các hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình hữu nghị. – Thể hiện được sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các

	nền văn hoá khác nhau; thể hiện được thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá. – Xây dựng và triển khai được dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và quản lí dự án hiệu quả. – Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động xã hội.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN TỰ NHIÊN	
Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	– Đánh giá được thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương. – Đề xuất và thực hiện được các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. – Thực hiện được việc tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên.
Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	– Lập và thực hiện được kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương. – Thực hiện và tuyên truyền được đến người thân, cộng đồng các biện pháp bảo vệ thế giới động, thực vật. – Nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của cá nhân, tổ chức trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.
HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP	
Hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp	– Trình bày được xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. – Chỉ ra được những phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại – Tìm hiểu tính chuyên nghiệp trong công việc, đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp. – Phân tích được những thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.
Hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp	– Đánh giá được sự phù hợp của nghề với khả năng và sở thích của bản thân. – Xác định những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với ngành, nghề lựa chọn. – Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. – Tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình.

Hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp	– Phân tích và xử lí được các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. – Tham khảo được ý kiến của gia đình, thầy cô, chuyên gia làm cơ sở cho việc chọn hướng học tập nghề nghiệp phù hợp với bản thân. – Đưa ra được quyết định lựa chọn nghề, nhóm nghề hoặc lựa chọn được ngành học, trường học và chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường làm việc hoặc học tập tương lai. – Có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội.

3.6.3. Phương thức tổ chức, loại hình hoạt động và đánh giá kết quả giáo dục

3.6.3.1. Một số phương thức tổ chức chủ yếu

a. Phương thức Khám phá: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc, giúp học sinh khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh, bồi dưỡng những cảm xúc tích cực và tình yêu quê hương đất nước. Nhóm phương thức tổ chức này bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa và các phương thức tương tự khác.

b. Phương thức Thể nghiệm, tương tác: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi và các phương thức tương tự khác.

c. Phương thức Cống hiến: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền và các phương thức tương tự khác.

d. Phương thức Nghiên cứu: là cách tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhờ cảm hứng từ những trải nghiệm thực tế, qua đó đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học. Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật và các phương thức tương tự khác.

3.6.3.2. Loại hình hoạt động

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường; với bốn loại hình hoạt động chủ yếu là Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ; với sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học,

cán bộ tư vấn tâm lí học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, cán bộ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, cán bộ quản lí nhà trường, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

3.6.3.2. Đánh giá kết quả giáo dục

Đánh giá kết quả Hoạt động trải nghiệm của học sinh dựa trên những thông tin thu thập được qua quan sát học sinh trong quá trình hoạt động; qua nghiên cứu sản phẩm hoạt động của học sinh, đặc biệt là sản phẩm thực hành và ứng dụng; qua kết quả tự đánh giá của học sinh, đánh giá của nhóm học sinh và đánh giá của các lực lượng giáo dục khác, sau đó đối chiếu với mục tiêu mà chương trình Hoạt động trải nghiệm đã xác định. Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở quan trọng để giáo viên điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp, đặc biệt, đánh giá tạo ra động lực thúc đẩy sự nỗ lực rèn luyện, phấn đấu, tự hoàn thiện của mỗi học sinh. Cùng với kết quả học tập các môn học, kết quả đánh giá Hoạt động trải nghiệm được ghi vào hồ sơ học tập của học sinh (tương đương như một môn học).

CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG

1. Trình bày khái niệm quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp).

2. Nêu tên và nội dung các thành tố cơ bản của quá trình giáo dục.

3. Trình bày mâu thuẫn cơ bản của quá trình giáo dục

4. Nêu tên và tác dụng các khâu cơ bản của quá trình giáo dục

5. Phân tích bản chất của quá trình giáo dục. Việc nắm vững bản chất của quá trình giáo dục có ý nghĩa như thế nào đối với việc tổ chức quá trình giáo dục.

6. Phân tích các đặc điểm của quá trình giáo dục. Việc nắm vững các đặc điểm đó có ý nghĩa như thế nào đối với nhà giáo dục trong quá trình giáo dục học sinh

7. Nêu khái niệm nguyên tắc giáo dục và ý nghĩa của việc nắm vững nguyên tắc giáo dục trong quá trình giáo dục.

8. Phân tích các nguyên tắc giáo dục. Hãy nêu ý kiến đánh giá của anh (chị) về việc thực hiện nguyên tắc này trong nhà trường phổ thông nước ta hiện nay.

9. Nêu khái niệm và nêu các nhóm phương pháp giáo dục.

10. Phân tích tác dụng của phương pháp kể chuyện trong quá trình giáo dục. Theo anh (chị) làm thế nào để phương pháp kể chuyện phát huy được hiệu quả trong quá trình giáo dục?

11. Phân tích tác dụng của phương pháp giảng giải trong quá trình giáo dục. Theo anh (chị) làm thế nào để phương pháp giảng giải phát huy được hiệu quả trong quá trình giáo dục?

12. Phân tích tác dụng của phương pháp luyện tập trong quá trình giáo dục. Theo anh (chị) làm thế nào để phương pháp luyện tập phát huy được hiệu quả trong quá trình giáo dục?

13. Phân tích yêu cầu sư phạm khi sử dụng phương pháp giao việc và cho biết ý kiến đánh giá của anh (chị) về việc thực hiện phương pháp này trong quá trình giáo dục học sinh ở nhà trường phổ thông hiện nay.

14. Phân tích yêu cầu sư phạm khi sử dụng phương pháp khen thưởng và cho biết ý kiến đánh giá của anh (chị) về việc thực hiện phương pháp này trong quá trình giáo dục học sinh ở nhà trường phổ thông hiện nay.

15. Phân tích yêu cầu sư phạm khi sử dụng phương pháp trách phạt và cho biết ý kiến đánh giá của anh (chị) về việc thực hiện phương pháp này trong quá trình giáo dục học sinh ở nhà trường phổ thông hiện nay.

16. Nêu tên các chức năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

17. Nêu tên các nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông.

18. Phân tích nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm trong việc tìm hiểu học sinh. Hãy nêu ý kiến đánh giá về việc thực hiện nội dung này ở nhà trường phổ thông nước ta hiện nay.

19. Phân tích sự cần thiết, nội dung xây dựng và phát triển tập thể học sinh lớp chủ nhiệm. Hãy nêu ý kiến đánh giá về việc thực hiện nội dung này ở nhà trường phổ thông nước ta hiện nay.

20. Phân tích sự cần thiết và biện pháp xây dựng đội ngũ cốt cán của lớp chủ nhiệm.

21. Phân tích sự cần thiết và biện pháp xây dựng các yêu cầu đối với tập thể học sinh

22. Phân tích nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với cha mẹ học sinh. Hãy nêu ý kiến đánh giá về việc thực hiện nội dung này ở nhà trường trung học nước ta hiện nay.

23. Phân tích các nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với các giáo viên bộ môn. Hãy nêu ý kiến đánh giá về việc thực hiện nội dung này ở nhà trường trung học nước ta hiện nay.

24. Phân tích các nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với chính quyền, đoàn thể xã hội, các cơ quan chức năng, tổ chức kinh tế ở địa phương. Hãy nêu ý kiến đánh giá về việc thực hiện nội dung này ở nhà trường trung học nước ta hiện nay.

25. Nêu các nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho học sinh của người giáo viên chủ nhiệm

26. Trình bày các căn cứ để xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp.

27. Trình bày các đặc điểm cơ bản của hoạt động trải nghiệm trong chương trình phổ thông.

28. Nêu mục tiêu chung của hoạt động trải nghiệm trong chương trình phổ thông.

29. Nêu các yêu cầu về phẩm chất và năng lực cần đạt của học sinh khi tham gia các hoạt động trải nghiệm.

30. Trình bày được các hoạt động trải nghiệm chủ yếu ở trường phổ thông.

31. Kể ra các phương thức trải nghiệm và loại hình hoạt động chủ yếu ở phổ thông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông Chương trình tổng thể (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*), Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông: Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo),* Hà Nội.

[3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2019). Hướng dẫn dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới (*Tài liệu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục*), Hà Nội.

[4] Bộ giáo dục và Đào tạo (2011), Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020.

[6] Nguyễn Ngọc Bảo, Nguyễn Đình Chỉnh (1989). *Thực hành giáo dục học*. NXB Giáo dục, HN.

[7] Nguyễn Hữu Dũng (1995). *Nhà trường trung học và người giáo viên trung học*. Hà Nội.

[8] Đề cương bài giảng (2012). *Đề cương bài giảng Giáo dục học 1.* Khoa Tâm lý giáo dục – Trường ĐHSP – ĐHĐN *(tài liệu lưu hành nội bộ).*

[9] Đề cương bài giảng (2012). *Đề cương bài giảng Giáo dục học 2.* Khoa Tâm lý giáo dục – Trường ĐHSP – ĐHĐN *(tài liệu lưu hành nội bộ).*

[10] Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2004). Giáo dục học đại cương. NXB ĐHSP, Hà Nội.

[11] Nguyễn Sinh Huy (1996). *Giáo dục học.* NXB Giáo dục, Hà Nội.

[12] Nguyễn Văn Khôi (2014). Tìm hiểu triết lý giáo dục của một số nước trên thế giới. *Tạp chí Khoa học cảnh sát nhân dân*, số 6.

[13] Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987). *Giáo dục học - tập 1*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[14] Hà Thế Ngữ-Đặng Vũ Hoạt (1987). *Giáo dục học - tập2*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[15] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sp phạm, Hà Nội.

[16] Trần Thị Minh Ngọc (2016), Quan điểm về phát triển con người toàn diện ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5(102), 102-107.

[17] Hà Nhật Thăng (2000). *Phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học phổ thông*. NXB ĐHQG, Hà Nội.

[18] Thái Duy Tuyên (1992). *Giáo dục học hiện đại*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[19] Delors J (1996). Jacques Delors et all. L'Education: Un Trésor est caché Dedans (Rapport à l'UNESCO de la Commission internationale sur l'éducation pour le vingt et unième siècle). – Paris: UNESCO, p 287.

[20] Roi Raja (1994). *Giáo dục học cho thế kỷ XXI*. Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.